

# DANH Y DANH NGÔN TINH HOA



TRƯỜNG TÔN ĐỀ

Sưu tầm

Biên dịch: Lương Y NGUYỄN THIÊN QUYẾN

Thực hiện ebook: VATMFORUM

@ 2012

TRƯƠNG TỒN ĐỀ

*Sưu tầm*

# DANH Y DANH NGÔN TINH HOA

*Dịch từ nguyên bản tiếng Trung Quốc*

***“danh y danh ngôn hội tụ”***

*Trung Quốc Y dược khoa xuất bản xã - Bắc Kinh 1992*

Người dịch

*Lương y* **NGUYỄN THIÊN QUYẾN**

Thực hiện ebook

[VATMFORUM](http://VATMFORUM)

**NHÀ XUẤT BẢN MŨI CÀ MAU**

# Mục lục

<b>LỜI TỰA DÀNH CHO BẢN EBOOK.....</b>	<b>3</b>
<b>LỜI NÓI ĐẦU.....</b>	<b>4</b>
<b>PHẦN THỨ NHẤT .....</b>	<b>5</b>
<b>BIỆN CHỨNG .....</b>	<b>5</b>
I. CHẨN PHÁP.....	3
II. BIỆN CHỨNG TẠNG PHỦ .....	11
III. ÂM DƯƠNG.....	22
IV. BIỂU LÝ .....	27
V. HÀN NHIỆT.....	35
VI. HƯ THỰC.....	46
VII. BIỆN CHỨNG KHÍ HUYẾT .....	53
VIII. ĐÀM ẨM THỦY THẤP .....	67
IX. ĂN UỐNG MỆT NHỌC .....	73
<b>X. CÁC LOẠI BỆNH.....</b>	<b>77</b>
<b>PHẦN THỨ HAI.....</b>	<b>87</b>
<b>LUẬN TRỊ .....</b>	<b>87</b>
<b>I. ĐẠI PHÁP ĐIỀU TRỊ .....</b>	<b>88</b>
II. TẠNG PHỦ LUẬN TRỊ.....	100
III. ÂM DƯƠNG.....	112
IV. BIỂU LÝ LUẬN TRỊ .....	118
V. ÔN THANH.....	131
VI. CÔNG BỔ.....	142
VII. LUẬN TRỊ KHÍ HUYẾT .....	162
VIII. KHUÔN PHÉP DÙNG PHƯƠNG DƯỢC.....	172
IX. CHỨNG TRỊ TẬT BỆNH.....	189

## LỜI TỰA DÀNH CHO BẢN EBOOK

Bản ebook DANH NGÔN DANH Y TINH HOA được hoàn thiện dựa trên file Word do bạn Phan Tâm (bibisai) cung cấp cùng với việc đối chiếu với bản scan sưu tập được trên internet.

Để sử dụng theo hướng ebook, chúng tôi đã tự ý thay đổi định dạng, bố cục và đánh số trang... so với bản in. Việc in ấn bản ebook này cũng như dữ liệu trích xuất từ nó không được khuyến cáo.

Trong quá trình làm ebook, một số lỗi chính tả vẫn còn tồn tại. Chúng tôi rất tiếc vì điều này. Các bạn có thể đối chiếu với bản scan đi kèm.

*Xin cảm ơn bạn Phan Tâm đã cung cấp file Word với toàn bộ nội dung. Mọi chỉnh sửa khác ngoài nội dung, chúng tôi xin chịu trách nhiệm.*

*Đồng thời, xin cảm ơn những ai đã scan và chia sẻ cuốn DANH NGÔN DANH Y TINH HOA. Đây là đóng góp quan trọng giúp hoàn thành bản ebook này. Chúng tôi xin chỉnh sửa lại thành 1 file duy nhất để upload cùng.*

**Chúc các bạn hứng thú và thành công!**



Hà Nội 28/09/2012

## LỜI NÓI ĐẦU

*Trong quá trình học tập và lâm sàng, tham khảo hơn 140 tác phẩm kinh điển Trung y, tác giả chọn lọc được 429 câu danh ngôn của danh y nhiều đời, hội tụ những tinh hoa về lý luận và biện chứng luận trị.*

*Sách được tuyển lựa cẩn thận, các đề mục đều sát với lý luận thực tế lâm sàng, ngôn từ tinh tế, lưu truyền sâu rộng, có ưu điểm phát huy khá cao.*

*Vì vậy vô luận là thực tiễn lâm sàng hay nghiên cứu, đều mang tính chỉ đạo trọng yếu.*

*Sách lấy Biện chứng luận trị làm cương, chia hai phần Biện chứng và Luận trị. Trong mỗi phần, còn chia ra nhiều mục nhỏ, nội dung mang ý nghĩa thực dụng, mở rộng kiến thức y học cho người đọc.*

*Tác giả khai thác nhiều đề mục có tính triết lý, kiến giải độc đáo, khiến người nghiên cứu nâng cao trình độ lý luận. Để tiện cho lý giải, ở từng danh ngôn, còn được giải thích tóm tắt đánh giá phát huy mới, lưu ý những tồn tại, để vừa tìm ra những chỗ sâu sắc kỳ diệu, đồng thời còn chỉ ra xuất xứ, uốn nắn sai lầm, tiện lợi cho những người nghiên cứu kiểm chứng và chích dẫn, cung cấp cho người làm Trung y ở mọi trình độ và những người yêu thích Trung y tham khảo.*

PHẦN THỨ NHẤT  
**BIỆN CHỨNG**

# I. CHẨN PHÁP

## 1. Đạo làm thuốc, toàn ở xem xét bản thân.

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Thận tậ xôn - Dụng dược”*

Phương pháp làm người thầy thuốc hoàn toàn ở chỗ xem xét bệnh tật người bệnh như người thân của mình. Đây là lời nói khuyên răn đời sau khám bệnh nhất định phải tường tận tinh vi, hết mình vì thực tiễn, không được ăn nói sơ sài tùy tiện coi thường công việc. Tiên hiền từng nói: “Người thầy thuốc đối với bệnh nhân, phải nghiêm túc thể nghiệm coi như chính mình bị bệnh, sau dùng thuốc mới khỏi sai lầm”, có thể coi như tinh thần chủ yếu của danh ngôn.

## 2. Có ở bên trong tất sẽ thể hiện ra bên ngoài, quan sát bên ngoài có thể biết ở bên trong

**Thanh - Chu Chước Nguyên**

*“Ôn chứng chỉ qui - Vọng sắc luận”*

Câu này nêu cơ sở lý luận về phương pháp khám bệnh của Đông y từ bên ngoài mà suy đoán bệnh ở bên trong, từ phần biểu để xem xét bệnh ở phần lý. Con người là một chỉnh thể hữu cơ, có mối liên hệ giữa bên trong và bên ngoài. Sự biến hoá của nội tạng trong cơ thể hẳn phải biểu hiện ra bên ngoài. Đông y thông qua tứ chẩn vọng, văn, vấn, thiết, căn cứ vào hiện tượng phản ánh ra thể biểu, từ ngoài để suy đoán ở trong, từ biểu để suy đoán ở lý, từ đó mà nhận xét được nguyên nhân và cơ chế cũng như bộ vị phát bệnh, làm cơ sở để tiến hành điều trị.

## 3. Có thần thì tốt, mất thần thì chết.

*“Tổ Vấn - Di tinh biến khí luận”*

Câu này lấy có thần hay không có thần để phán đoán bệnh tình nặng hay nhẹ làm căn cứ để dự đoán bệnh tình diễn biến tốt hay xấu thật là chí lý.

Thần là thể hiện cho hoạt động của sinh mạng con người, hình với thần đầy đủ, hình là thể của thần, thần là dụng của hình. Thực tiễn chứng minh sự thịnh suy của thần là cái mốc trọng yếu để đánh giá sự mạnh khoẻ của cơ thể.

Có thần, tức là tinh khí đầy đủ và thần vượng, cho dù mắc bệnh cũng nói lên công năng của Tạng Phủ chưa suy, tiên lượng tốt. Trái lại, mất thần là tinh khí đã suy tổn, thần đã hao hụt, nói lên công năng của Tạng Phủ suy bại, bệnh đã đến mức này phần nhiều ở giai đoạn bệnh tình nghiêm trọng, tiên lượng xấu.

#### **4. Sắc là ngọn cờ của thần.. cái khéo ở sự xem sắc, toàn là ở sự xét thần.**

**Thanh - Dụ Gia Ngôn**

*“Y môn pháp luật - Vọng sắc luận”*

Sắc mặt phản ánh thần khí con người thông qua xem xét sắc mặt có thể thấy được trạng thái tinh thần của con người. Danh ngôn này nêu lên tính trọng yếu đối với việc nhìn sắc để xét đoán thần. Thần là chủ tể của toàn thân, là biểu hiện bên ngoài về hoạt động của mỗi sinh mạng nhất là mối liên quan chặt chẽ về sắc mặt của con người. Họ Dụ nói: “Thần vượng thì sắc vượng, thần suy sắc cũng suy, thần tiềm ẩn thì sắc tiềm ẩn, thần bộc lộ thì sắc bộc lộ”. Vì vậy, cái khéo ở sự xem sắc, toàn là ở sự xét thần, đó là ý nghĩa trọng yếu của việc xem sắc.

#### **5. Chất lưỡi để đoán thịnh suy của nguyên khí. Rêu lưỡi để xem xét sự nông sâu của chứng bệnh.**

**Thanh - Du Căn Sơ**

*“Trùng đính thông tục Thương hàn luận - Thương hàn mạch thiết”*

theo y án của Từ Vinh Trai

#### **6. Phân biệt chất lưỡi, có thể quyết đoán sự hư thực của ngũ tạng, Xem xét rêu lưỡi, có thể khảo sát sự nông sâu của lục âm.**

**Cận đại - Tào Bính Chương**

*“Biện thiết chỉ nam - Biện thiết tổng luận”*

Danh ngôn 5 và 6 ý nghĩa gần giống nhau, nói lên giá trị việc chẩn bệnh ở lưỡi, chia ra chất lưỡi và rêu lưỡi có ý nghĩa chẩn đoán khác nhau. Lưỡi là cái mầm của Tâm, huyết lạc rất phong phú, thông qua kinh lạc, kinh cân và năm Tạng sáu Phủ phát sinh những mối liên hệ trực tiếp hoặc gián tiếp. Vì vậy, tinh khí của tạng phủ đều tươi tốt lên lưỡi, mà bệnh biến tất nhiên cũng phản ánh lên lưỡi. Thông qua



xem xét chất lưỡi, có thể phản ánh sự thịnh suy của nguyên khí, hư thực của năm Tạng, tóm lại là phản ánh của chính khí.

Lưỡi còn là ngoại hậu của Tỳ, rêu lưỡi là do Vị khí hun bốc mà có, cho nên xem rêu lưỡi có thể biết Vị khí còn hay mất, để dự đoán nặng nhẹ của bệnh tà. Nói chung, xem sự dày, mỏng của rêu lưỡi, có thể đoán sự nông sâu của tà khí; sự khô, nhuận của rêu lưỡi có thể hiểu được sự mất, còn của tân dịch. Rêu lưỡi vừa hay nhớt có thể biết sự tiêu trưởng của thấp trọc ở Trường Vị. Xem rêu lưỡi toàn vẹn hay từng mảng, có thể chẩn đoán bộ vị của bệnh biến. Phối hợp cùng xem xét cả chất lưỡi và rêu lưỡi, có thể nhận thức được hai phương diện chính, tà. Chương Hư Cốc đời Thanh tác giả “*Y môn bổng át*” cũng nói: “Xem gốc lưỡi, có thể nghiệm được âm dương hư thực. Xem cấu rêu có thể biết được hàn nhiệt nông sâu của bệnh tà.

## **7. Chẩn bệnh không hỏi lúc bắt đầu... đã nắm lấy thốn khẩu, thì đúng bệnh sao được.**

*“Tố vấn – Chứng tứ thất luận”*

Nêu tính trọng yếu của Vấn chẩn. Vấn chẩn chiếm địa vị trọng yếu trong tứ chẩn, rất nhiều tình huống như bệnh sử, chứng trạng tự giác, tiền sử và lai lịch gia tộc v.v. chỉ có thông qua vấn chẩn mới hiểu kỹ được, nhất là có một số chứng trạng tự giác của một số tật bệnh mà thiếu thể chứng khách quan, vấn chẩn lại càng trọng yếu rõ rệt. Trương Cảnh Nhạc từng coi vấn chẩn là “Yếu lĩnh của chẩn bệnh, là nhiệm vụ hàng đầu của lâm sàng”, có thể thấy được coi trọng nhường nào. Thế mà có người lại không coi trọng vấn chẩn “vội vã nắm ngay thốn khẩu”, cái người chỉ đơn thuần dựa vào mạch tượng là vô trách nhiệm và cũng không thể chữa tốt được bệnh. Nguyên văn danh ngôn này còn nêu ra phạm vi của vấn chẩn, cụ thể như: “Khám bệnh không hỏi lúc bắt đầu, cũng như ăn uống vội mất sự điều độ, nằm ngồi quá mức, hoặc tổn thương nhiễm độc, không nói những điều ấy trước, vội vã nắm thốn khẩu, đúng bệnh sao được”.

## **8. Chưa khám bệnh hãy hỏi trước, đó là rất chuẩn**

**Nguyên - La Nguyên ích**

*“Vệ sinh bảo giám – Kinh di phục dược giới”*  
dẫn lời của Tôn Tư Mạo

Cũng nói lên tính trọng yếu của Vấn chẩn, nên xếp lên đầu các phép khám vọng, văn, thiết. Đông y hiện đại xác thực cũng đưa vấn đề vấn, vọng, văn, thiết

trong tứ chẩn; coi sự phối hợp tích cực giữa người bị bệnh với thầy thuốc, nhận rõ vấn đề nêu ra của thầy thuốc, không nên lấy sự chẩn mạch để đo lường trình độ của thầy thuốc. Tô Đông Pha đời Tống từng nói: “chỉ mong khỏi bệnh, đừng làm khó cho thầy thuốc” thật là câu nói chí lý.

**9. Một hỏi hàn nhiệt, hai hỏi hãn,  
Ba hỏi đầu mình, bốn hỏi tiện,  
Năm hỏi uống ăn, sáu hỏi hung,  
Bảy điếc, tám khát đều nên biện,  
Chín hỏi bệnh cũ, mười: nguyên nhân?  
Lại hỏi uống thuốc thăm diễn biến.  
Phụ nữ cần hỏi thêm kinh nguyệt.  
Nhanh - chậm - bế - băng đều phải biết  
Trẻ em cũng cần hỏi Thiên hoa,  
Ma chẩn từng phen cũng nói ra...**

**Thanh - Trần Tu Viên**

*“Y học thực tại Dịch - Vấn chứng thi”*

Đây là bài ca “Thập vấn” trứ danh, đến nay vẫn được áp dụng trong lâm sàng, chỉ đạo vấn chẩn rất hiệu quả. Người tổng kết “Thập vấn ca” đầu tiên là Trương Cảnh Nhạc đời Minh. Ông cho rằng “thập vấn là yếu lĩnh của chẩn trị, là nhiệm vụ hàng đầu của lâm sàng”. “Thập vấn ca” của Trần Tu Viên là dựa trên cơ sở bài ca của họ Trương mà sửa đổi hoàn chỉnh thêm, công của họ Trương không mất. Giáo sư Phương Dược Trung, nhà Trung y chuyên gia nổi tiếng đương đại lại đem Thập vấn ca sửa đổi như sau; “Một hỏi hàn nhiệt hai hỏi hãn, ba hỏi đầu thân bốn hỏi tiện. Năm hỏi uống ăn sáu hỏi nằm, bảy hỏi tinh thần tám hỏi biến. Chín hỏi kinh sản mười hỏi nhân, từng bước hỏi han không nhằm lẫn”... có thể tham khảo.

**10. Phụ nhân càng phải hỏi kinh kỳ. Ác lộ có hay không để nghiệm sản hậu.**

**Thanh - Du Căn Sơ**

*“Trùng đính thông tục Thương hàn luận - Thương hàn chẩn pháp”*  
dẫn lời nói của Trương Cảnh Nhạc

Câu này là yếu điểm trong vấn chẩn phụ khoa, đến nay vẫn được coi trọng trong lâm sàng. Phụ nữ lấy việc điều kinh là yêu cầu đầu tiên, hành kinh quý ở đúng

kỳ. Chu kỳ bình thường thì không dễ sinh bệnh. Người xưa từng nói Phụ nữ lấy điều kinh là vô bệnh". Nếu kinh nguyệt không bình thường, định kỳ, số lượng, màu sắc, chất lượng nếu nảy sinh biến đổi là mắc bệnh, cần phải điều trị. Bệnh sau khi đẻ, quan trọng đầu tiên là ác lộ có hay không, đó là đặc trưng để chẩn đoán khí huyết của sản phụ có bình thường hay không. Nếu khí huyết không điều, các mạch Xung Nhâm không bền có thể dẫn đến "ác lộ ra không dứt". Nếu khí trệ huyết ứ có thể dẫn đến "ác lộ không xuống" cuối cùng sẽ là cái nguồn ủ bệnh, đều phải lưu ý.

"Phụ nhân càng phải hỏi kinh kỳ" câu này cũng được Trần Tu Viên đề cập ở "Thập vấn ca".

### **11. Bệnh khí nặng - thì tiểu tiện phải rít. Bệnh khí nhẹ - thì tiểu tiện thông dần.**

**Thanh - Trình Hạnh Hiền**

*"Y thuật - Tiểu tiện"*

Câu này lấy tiểu tiện thông hay rít làm căn cứ suy đoán nặng, nhẹ của bệnh tình, thật là kinh nghiệm quý. Kinh nói: "Bàng quang là chức quan châu đô, nơi chứa tân dịch, khí hoá từ đấy mà ra", công năng chứa nước tiểu, bài tiết nước tiểu của Bàng quang phải nhờ vào khí hoá của Thận mới hoàn thành. Khi bệnh tình nghiêm trọng, công năng khí hoá của Thận không tốt, có thể dẫn đến tiểu tiện rít không thông. Khi xu thế bệnh tình chuyển biến tốt, khí hoá của Thận bình thường thì tiểu tiện cũng dần dần lưu thông dễ dàng, bệnh khí có thể theo đó mà ra. Danh ngôn này có ý nghĩa trọng yếu nhất là đối với chẩn đoán bệnh biến ở Hạ tiêu.

### **12. Mạch là cái gốc của sự thi trị**

**Thanh - Lý Dụng Tử**

*"Chứng trị vậng bổ - Đề cương môn"*

Câu này nêu tính trọng yếu về chẩn mạch để biện chứng luận trị tật bệnh. Kinh nói: "Thốn Khẩu là nơi đại hội của mạch" và: "Khí vị của năm Tạng sáu Phủ đều từ Vị mà ra, biến hoá thấy từ khí khẩu". Chứng minh tạng phủ khí huyết có quan hệ mật thiết với mạch tượng. Vì vậy, bệnh biến của Tạng Phủ khí huyết tất nhiên cũng phản ánh lên mạch tượng ở thốn khẩu. Thông qua thiết mạch có thể phán đoán tính chất và bộ vị của bệnh, từ đó mà làm chỗ dựa cho việc dùng thuốc chữa bệnh, nên mới nói là "gốc của việc thi trị". Đương nhiên, còn phải tham khảo vọng, vấn, vấn mới đầy đủ.

### **13.Đạo lý lấy mạch, yên tĩnh là quý.**

*“Tố vấn - Mạch yếu tinh vi luận”*

Quý ở đây cũng như quý báu, nói lên yêu cầu của việc xem mạch. Đạo lý của việc thiết mạch yêu cầu thầy thuốc bình tĩnh, dẹp bỏ những ý nghĩ phức tạp, thanh thản khoan thai suy nghĩ tỉ mỉ, mới có thể tìm được mạch tượng đúng đắn, rất bổ ích cho việc chẩn đoán. Rất kỵ sự nôn nóng hấp tấp, làm việc cẩu thả. Người xưa từng nói. “Khi xem mạch cần phải ung dung, tập trung suy nghĩ, điều hoà nhịp thở “mới có thể là đạo lý xem mạch chính xác.

### **14.Chẩn mạch nên biết Vị khí**

### **15.Muốn biết bệnh tiến thoái lành dữ ra sao, chỉ nên lấy Vị khí là chủ yếu.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Mạch thần chương - Vị khí giải”*

Hai danh ngôn trên, nêu tính trọng yếu khi xem mạch cần xem xét Vị khí. Vị khí có bình thường hay không là dấu hiệu trọng yếu về chính khí của cơ thể. Kinh nói: “Người ta lấy thủy cốc làm gốc, cho nên dứt thủy cốc thì chết. Mạch không có Vị khí cũng chết”. Khi chẩn mạch xét Vị khí có thể lường trước được bệnh tình nặng hay nhẹ, tiến hay thoái và tiên lượng cát hung. “Phép khám mạch, nếu hôm nay còn hoà hoãn, ngày mai căng gấp thì biết là tà khí càng tăng, tà càng tăng thì bệnh càng nặng. Bây giờ bệnh rất căng gấp, ngày mai dịu đi chút ít, biết là Vị khí trở lại dần, Vị khí đã đến thì bệnh nhẹ dần. Trong khoảnh khắc ấy, trước cấp sau hoãn, Vị khí đến. Trước hoãn sau cấp, Vị khí nó đi... Đây là phép xem xét tà khí với chính khí tiến hay lui”. Thật là kinh nghiệm đáng bàn.

### **16.Còn Vị khí thì sống, không Vị khí thì chết**

**Nguyễn - Ngụy Diệc Lâm**

*“Thế y đặc hiệu phương - Tập mạch thuyết”*

### **17.Phàm muốn xét bệnh, trước hết nên xét Vị khí. Phàm muốn chữa bệnh, trước hết nên chiếu cố Vị khí. Vị khí không tổn hại, mọi việc không đáng lo.**

## Minh - Trương Cảnh Nhạc

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tạp chứng mô - Tỳ Vị”*

Vị khí mang hai hàm nghĩa. Một là chỉ Vị Trường lấy công năng tiêu hoá làm chủ. Hai là chỉ mạch có Vị khí, mạch đến không Phù không Trầm không nhanh không chậm, ung dung hoà hoãn, nhịp nhàng đều đặn, đó là có vị khí. Hai danh ngôn này nêu ra Vị khí khi khám bệnh mang tính trọng yếu trong chữa bệnh. Kinh nói: “Năm Tạng sáu Phủ đều nắm thụ khí ở Vị”. Người ta lấy Vị khí làm gốc. Vô luận là công năng tiêu hoá của Vị Trường hay là Vị khí ở mạch, đều có quan hệ trực tiếp đến bệnh tình nặng nhẹ và tiên lượng chuyển qui, nó là chỉ tiêu trọng yếu trong việc khám xét bệnh chứng. Người xưa rất coi trọng điểm này, trong quá trình chữa bệnh luôn luôn chiếu cố. Bởi vì người ta sống là nhờ vào Vị khí, thuốc nhờ có Vị khí mới dẫn đi được; chữa bệnh không thể không chiếu cố Vị khí. Nếu vị khí đã suy, thì không thể lạm dụng thuốc đắng lạnh, hoặc dùng thuốc công phạt mãnh liệt làm tổn thương thêm Vị khí; cũng không nên chủ quan dùng các vị bổ nhót, càng làm trệ Vị khí.

**18.Đại khái chứng đã không đủ làm bằng, nên tham khảo cả mạch lý. Mạch lại không đủ làm bằng, nên xem xét bề chìm của mạch.**

Minh - Lý Trung Tử

*“Y tôn tất độc - Nghi tự chi chứng tu biện luận”*

Mạch chẩn dựa vào vận dụng ba loại thủ pháp sự nặng nhẹ của chỉ lực và sự di chuyển khác nhau để phán đoán Cử (như ấn nhẹ, đặt nông) và Án (lấy nặng, lấy chìm), Tầm (không nặng không nhẹ, lấy ở đoạn giữa). Danh ngôn này nói lên việc đặt nặng tay làm căn cứ để phân biệt hư thực chân giả của mạch tượng đáng tin cậy. Lý Trung Tử giải thích: “Nếu phát hiện ra chứng giả, đều là ở Biểu. Cho nên đặt tay nhẹ cũng là giả. Chứng đích thực thì mạch ẩn náu, đều là ở Lý. Cho nên đặt nặng tay mới có thể phân biệt được mạch”. Đương nhiên còn phải kết hợp với các phép biện chứng khác như họ Lý đã nói: “Mạch phân biệt đã rõ còn chưa dám chắc, còn phải xem xét phú bẩm rắn chắc hay bạc nhược, bệnh tật cũ hay mới, thầy thuốc có sai lầm gì không, cuối cùng mới sử dụng thuốc sắc thuốc viên, mới có thể là thập toàn”.

**19.Chứng có chân giả bằng vào mạch, Mạch có chân giả bằng vào lưỡi.**

Thanh - Du Chấn

*“Cổ kim y án án - Thương hàn”*

Câu này nêu quan điểm phải dựa vào khám lưỡi làm căn cứ phán đoán chân giả hư thực của chứng hậu là rất có lý. Chứng có chân giả bằng vào mạch thì như câu danh ngôn đã nói ở trên. Ngay như mạch tượng cũng có lúc khó phán đoán chân giả. Khám lưỡi thường có tác dụng mang tính chất quyết định - Bởi vì đầu lưỡi có những biến hoá rất nhạy, nó là cái thước đo phản ánh biến hoá ở bên trong có thể tin cậy tuyệt đối, và có rất ít giả tượng. Cho nên phản ảnh thịnh suy của chính khí và nông sâu của tà khí tương đương khách quan. “Đối với những tạp chứng nội hay ngoại dù không hình trạng chủ yếu, nhưng đều lộ rõ ở lưỡi, ở lĩnh vực nguy cấp nghi ngờ, thường gặp tình huống không phân được chứng, không án được mạnh, mà chỉ có thể lấy lưỡi làm bằng. Tác phẩm *“Lâm chứng nghiệm thiết pháp”* của Dương Văn Phong đời Thanh rất coi trọng luận điểm này.

**20. Khám bệnh để quyết sống chết, không coi ở chỗ nặng hay nhẹ mà coi ở chỗ tồn vong của nguyên khí, thì trăm điều không sai một.**

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Y học nguyên lưu luận - Nguyên khí tồn vong luận”*

Câu này nêu lên dựa vào khám xét nguyên khí thịnh hay suy để biện chứng luận trị, có tính trọng yếu trong việc tiên lượng bệnh. Họ Từ khái quát là “nguyên khí tồn vong luận” đủ thấy ông rất coi trọng nguyên khí. Nguyên khí thịnh hay suy có quan hệ đến mạnh yếu sống chết của con người, cho nên họ Từ cho việc giữ gìn nguyên khí là “một ý nghĩa chủ yếu để cứu người của y gia”. Nguyên khí tổn hại lớn thì bệnh dẫu nhẹ cũng chết. Còn phương pháp thăm khám nguyên khí họ Từ cho là chủ yếu quan sát thần khí của người bệnh. Nguyên khí đầy đủ thì thần khí mạnh. Nguyên khí hư thì thần khí suy. Đó là lời nói rất có ý nghĩa chỉ đạo trong công tác biện chứng thi trị.

## II. BIỆN CHỨNG TẠNG PHỦ

**21. Tâm là gốc của sự sống - nơi biến hoá của Thần, làm đẹp ở mặt, làm đầy đủ cho huyết mạch.**

**22. Phế là gốc của khí – nơi ở của phách, làm đẹp ra lông, đầy đủ ở lớp da.**

**23. Thận chủ về Chập (kín đáo) gốc của sự đóng kín, nơi ở của tinh, vẻ đẹp ở tóc, làm đầy đủ xương.**

**24. Can là gốc của bãi cực, nơi ở của hồn, vẻ tươi ở móng tay chân, làm đầy đủ ở gân.**

**25. Tỳ - Vị - Đại trường - Tiểu trường - Tam tiêu - Bàng quang là cái gốc của kho đụn, nơi ở của Doanh... vẻ tươi ở môi và bốn xung quanh, làm đầy đủ ở Cơ.**

*“Tố Vấn - Lục tiết tạng tượng luận”*

Nhóm kinh văn này khái quát công năng sinh lý chủ yếu của năm Tạng sáu Phủ và hiện tượng đặc trưng phản ánh ra ngoài thể biểu, đó là bộ phận trọng yếu về lý luận tạng tượng của y học cổ truyền. Trương Cảnh Nhạc nói: Tạng ở bên trong thể hiện hình ra bên ngoài cho nên gọi là tạng tượng. Nhóm kinh văn này giải thích như sau: “Tạng Tâm là căn bản của sinh mạng, là chủ thể của hoạt động tinh thần”, tinh khí của nó chủ yếu biểu hiện rõ rệt ở sắc mặt, làm đầy đủ huyết mạch.

Tạng Phế là căn bản của Khí, là nơi chứa phách, tinh khí chủ yếu của nó chủ yếu phản ánh ra bì mao.

Tạng Thận là chủ thể của tinh khí ẩn náu, là căn bản của sự cất giữ, tinh khí của ngũ tạng cất chứa ở đó, tinh khí của nó chủ yếu phản ánh lên tóc ở đầu, nuôi dưỡng đầy đủ xương tuỷ. Tạng Can là chủ thể của sự vận động là nơi sản sinh ra mật nhọc quá sức, là nơi chứa hồn. Tinh khí của nó biểu hiện rõ rệt ở các móng tay chân, làm đầy đủ nuôi dưỡng gân.

Các cơ quan Tỳ, Vị, Đại Tiểu trường, Tam tiêu, Bàng quang là căn bản sự cất giữ thuỷ cốc ở trong cơ thể, là nơi sản sinh ra doanh khí, cho nên gọi là “khí” (dụng cụ). Những cơ quan này có thể đem thuỷ cốc chia thành hai bộ phận tinh vi và cặn

bã, đưa tinh vi đến chân tay trăm khớp, đẩy căn bã ra ngoài cơ thể. Những tinh khí của các cơ quan tàng khí ấy chủ yếu phải tới môi miệng bốn xung quanh, nuôi dưỡng dồi dào cơ bắp toàn thân.

Căn cứ vào lý luận tạng tượng có thể hiểu được tình huống bệnh biến của Tạng Phủ, tạo nên cơ sở biến chứng và định tính của bệnh. Ví dụ như tạng Thận “vẻ tươi ở tóc”, “Đầy đủ ở xương” nói lên tóc và khớp xương trên sinh lý có quan hệ chặt chẽ với Thận, tất nhiên trên bệnh lý cũng có quan hệ. Từ hiện tượng bệnh biến ở tóc và ở xương có thể suy đoán được bệnh biến của tạng Thận, các tạng khí khác cũng suy diễn như thế.

Có thể thấy học thuyết Tạng tượng là cơ sở lý luận biện chứng luận trị, là nội dung cơ bản cho biến chứng Tạng Phủ.

## **26. Não là phủ của Nguyên thần**

**Minh - Lý Thời Chân**

*“Bản thảo cương mục - Tân di”*

Danh ngôn này là do Lý Thời Chân nêu ra - nói lên công năng của Não là chủ thần minh, cũng là chỉ đại não là chủ thể của ý thức tinh thần và tư duy hoạt động của con người, thật là cống hiến to lớn của họ Lý. Sách “*Nội kinh*” từng có quan điểm “Đầu là phủ tinh minh” nhưng chưa được coi trọng, người ta nắm ngay lý luận “*Tâm chủ thần minh*”, “*Tâm là chức quan quân chủ*” để chỉ đạo. Tiếp theo là sự phát triển của y học hiện đại, học thuyết “*Não là phủ nguyên thần*” được thừa nhận, và cũng được Đông y coi trọng trong lâm sàng.

Vương Thanh Nhậm đời Thanh chỉ rõ: “*Sự nhạy bén minh mẫn không ở Tâm mà ở Não*” (*Y lâm thác ngộ - Não tuy thuyết*). Ông nói: “*hai tai thông lên não, thu nhận nghe được là từ não*” và “*hai mắt như sợi dây nối dài tới não, cho nên nhìn được mọi vật là do não*”. “*Trẻ em không có tính ghi nhớ là vì não tuỷ chưa đầy. Tuổi cao không có tính ghi nhớ, là vì não tuỷ rỗng không dần dần*”. Những luận thuật ấy là những gạch đậm về “*não là phủ của nguyên thần*” cũng là chỗ dựa cho lý luận của học thuyết Bổ tuỷ ích não.

## **27. Thận chủ xương. Răng rụng thì Thận suy.**

**Can chủ cân, ngoại Thận không cương là Can suy.**

**Tỳ chủ nhục, lưỡi không biết mùi vị là Tỳ suy.**

**Tâm chủ mạch, móng tay chân không tươi là Tâm suy.**



**Phế chủ bì mao, nhiều vết nhăn hằn sâu là Phế suy.**

**Thanh - Trình Hạnh Hiên**

*“Y thuật - ngũ Tạng ngoại hình”*

Danh ngôn này nói lên mối quan hệ giữa năm Tạng với những khí quan ở thể biểu, từ bên trong để suy đoán bên ngoài, có thể dò biết được bệnh biến hư suy của năm Tạng. Một số nội dung với học thuyết Tạng tượng trong sách *“Nội kinh”* không nhất trí lắm, xem như lời nói của cá nhân, nhưng thực ra không phải là vô lý.

Họ Trình cho rằng “Răng là nơi tụ hợp của xương”, “Thận chủ về Răng” cho nên từ chỗ răng rụng có thể biết được chỗ suy của Thận khí. “ngoại Thận - bộ phận sinh dục của nam giới - là nơi tụ hợp của Gân”, “Gan chủ về cân” cho nên ngoại Thận không cương cứng (Dương suy) là do Can khí hư suy. Thuyết này với lý luận, “ngoại Thận là chủ của Thận” không nhất trí, nhưng tiền âm xác thực là nơi tụ hợp của tông cân, đường kinh mạch của tạng Can rõ ràng là tuần hành ở ngoại âm. Cho nên hai thuyết này có thể cùng tồn tại, nêu lên căn cứ lý luận bàn về tạng Can chữa chứng Dương suy.

“Lưỡi là nơi tụ hợp của thịt”, “Tỳ chủ về thịt” cho nên lưỡi không biết mùi vị, có thể biết là Tỳ suy yếu. Câu này với lý luận “lưỡi là mầm của Tâm” không nhất trí, nhưng xét về hình tượng của lưỡi, nói thịt là nơi tụ hợp” cũng có chỗ phù hợp. Và lại “lưỡi là ngoại hậu của Tỳ”, cho nên qua bệnh biến của lưỡi, có thể suy đoán được hư suy của tạng Tỳ, vô luận là từ lâm sàng hay lý luận đều có lý của nó.

“Móng tay chân là nơi tụ hợp của mạch”, “Tâm chủ mạch” cho nên móng tay chân không tươi là biểu hiện của Tâm huyết hư suy, thuyết này với lý luận “móng tay chân là bộ phận thừa của Gân” và “vẻ tươi của Can biểu hiện ở móng tay chân” cũng có thể tồn tại, bởi vì trên lâm sàng, xác thực móng tay chân không tươi là biểu hiện Tâm huyết bất túc.

“Vết nhăn là nơi tụ hợp của bì mao”, Phế chủ bì mao” cho nên “vết nhăn phần nhiều hằn sâu” nói lên Phế hư suy, đối với biểu hiện lâm sàng cần biết “đó là lẽ thường của tuổi già cái biến của tuổi trẻ”, có chỗ bổ sung cho học thuyết Tạng tượng trong sách *“Nội kinh”*.

**28. Răng là bộ phận thừa của Xương.**

**Tóc là bộ phận thừa của Huyết.**

**Móng tay chân là bộ phận thừa của Gân.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Loại kinh” lời chú giải trong sách “Tố vấn - Lục tiết tạng tượng luận”*

Ba câu này là chỉ thuộc tính sinh lý của răng, lông tóc và móng tay chân, từ đó mà suy tính bệnh biến của khớp xương, huyết dịch và gân, tiến lên một bước là cung cấp cho biện chứng sự thịnh suy tinh huyết của Can Thận.

Thận chủ xương sinh tuỷ, sự phát dục sinh trưởng của xương khớp phải nhờ vào sự đầy đủ tinh khí ở trong Thận. Răng là bộ phận nối tiếp của khớp xương, có cùng một nguồn gốc. Sự sinh trưởng của răng, sự lung lay và rụng của răng, đều có liên quan chặt chẽ đến thịnh suy của tinh khí trong Thận, cho nên thông qua tình huống của răng có thể suy đoán được tinh khí ở Thận thịnh hay suy.

Thẩm Kim Ngao đời Thanh viết trong *“Tạp bệnh nguyên lưu tê chúc”* có nói Răng là ngọn của Thận, là gốc của xương” cũng mang ý tứ tóm tắt như thế. Sinh trưởng của lông tóc phải nhờ vào tinh huyết. Thận chứa tinh. Tinh có thể hoá ra huyết, cho nên sự sinh trưởng hay rụng, mềm nhuận hay khô ròn của tóc đều có liên quan tới huyết dịch và Thận tinh, cho nên nói Tóc là phần thừa của huyết”.

*“Lục tiết tạng tượng luận - sách Tố Vấn”* viết: “Thận... vẽ tươi lên tóc”. Qua tình huống đầu tóc có thể xem xét được sự thịnh suy về tinh khí và huyết dịch của Thận, như thấy chứng tóc khô ròn trong lâm sàng, hoặc tóc rụng sớm bạc sớm nói lên tinh khí ở trong Thận bất túc hoặc huyết hư.

Móng tay chân là chỗ tiếp nối của gân. *“Ngũ tạng sinh thành thiên - sách Tố Vấn”* viết: “Hợp của Can là gân, vẽ tươi ở móng tay chân”. Qua tình huống móng tay chân có thể suy đoán được tình huống Can huyết ở tạng Can. Can huyết đầy đủ, móng tay chân được nuôi dưỡng mà mềm mại hồng nhuận, trái lại thì móng tay chân mỏng manh khô ròn nứt gãy. Lý luận “ba cái dư” của Trương Cảnh Nhạc làm đầy đủ cho kho báu về lý luận của Trung y.

## **29. Răng là phần thừa của Thận. Chân răng là đường Lạc của Vị.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Ôn nhiệt luận”*

Danh ngôn này nói lên mối liên hệ giữa răng, chân răng với mối liên lạc Thận và Vị đối với nguyên lý khám răng và chân răng trong Ôn bệnh.

Khám nghiệm răng trong Ôn bệnh do Diệp Thiên Sĩ sáng tạo đầu tiên, đối với việc lý giải cơ chế bệnh là tà nhiệt làm tổn thương Can Thận có giá trị chẩn đoán tương đương. Bởi vì chân răng và răng có quan hệ sinh lý nội tại giữa Thận và Vị.

Thận chủ xương, răng là phần thừa của xương, cho nên căn cứ vào sự khô nhuận của răng kết hợp với phân biệt màu sắc và cấu răng có hay không, có thể nhận biết được chất dịch của Thận có tổn thương hay không. Mạch lạc của Vị liên lạc ở chân răng hàm trên, mạch lạc của Đại trường liên lạc ở chân răng hàm dưới.. đều thuộc Dương Minh cho nên căn cứ vào chân răng sưng đau, có xuất huyết hay không, có thể xét đoán được tình huống nhiệt nung nấu ở kinh Dương minh Vị.

**30.Đầu là phủ tinh minh, đầu vẹo mắt trũng là tinh thần sắp bại hoại. Lưng là phủ của ngực, lưng gập vai rã là phủ sắp bị bại hoại. Thắt lưng là phủ của Thận, xoay chuyển không nổi là Thận sắp suy sụp. Gối là phủ của xương, phủ của tủy, không đứng lên được, đi lại chệnh choạng là xương sắp suy sụp.**

*“Tố vấn – Mạch yếu tinh vi luận”*

“Năm tạng là cái sức mạnh của thân thể”. Năm tạng là cái căn bản về sức khỏe của cơ thể.

Đầu là phủ tinh minh, nếu đầu vẹo mắt trũng là biểu hiện tinh thần sắp bị cướp đoạt

Lưng là phủ của ngực nếu lưng gập khúc vai rã ra là dấu hiệu hoạt động của Tâm Phế sắp bại hoại.

Thắt lưng là phủ của Thận, nếu xoay chuyển không dễ dàng, là biểu hiện tạng Thận sắp suy sụp.

Gối là phủ của Gân, nếu co duỗi khó đi lại lom khom cúi đầu là biểu hiện sự suy sụp của Gân.

Xương là phủ của tủy, nếu không đứng được lâu, đi lại thì lão đảo là biểu hiện xương bị suy sụp.

Danh ngôn này nêu quan hệ chặt chẽ giữa đầu, lưng, thắt lưng, xương với Não – Tâm – Phế - Thận – Gân – Tủy. vì vậy khi công năng của năm tạng mất bình thường có thể biểu hiện các trạng thái hành động trái thường của các cơ quan tương ứng như đầu, lưng , thắt lưng và gối, rất có ý nghĩa trọng yếu đối với chẩn đoán vị trí và tính chất bệnh.

**31.Các loại phong choáng váng đều thuộc Can.**

### **32.Các loại hàn co rút đều thuộc Thận**

### **33.Các loại khí phẫn uất đều thuộc Phế.**

### **34.Các loại thấp sưng thũng đều thuộc Tỳ.**

### **35.Các loại đau mụn ngứa đều thuộc Tâm.**

*“Tố Vấn - Chí chân yếu đại luận”*

Bệnh cơ 19 điều nổi tiếng trong sách *“Nội kinh”* là phương pháp căn cứ vào chứng hậu để tìm nguyên nhân. Đem một số chứng bệnh thường gặp trên lâm sàng, căn cứ vào sự phân loại quy nạp gây nên bệnh của ngũ tạng lục khí, từ đó hình thành phương pháp biện chứng cơ bản của Đông y, trên lâm sàng biện chứng có tác dụng chọn giải đơn chống phức tạp.

Danh ngôn này là một bộ phận qui thuộc vào ngũ tạng, có thể hiểu là: Các loại do Phong gây bệnh mà thấy đầu choáng mắt hoa, chân tay thân thể run rẩy đều thuộc tạng Can. Các loại Hàn chứng gân mạch co rút khớp xương co duỗi không lợi đều thuộc Thận. Các loại suyễn thở gấp gáp, vùng ngực bĩ tắc đều thuộc tạng Phế. Các bệnh thủy thấp ứ đọng dẫn đến các chứng phù thũng trướng đầy đều thuộc tạng Tỳ. Các loại đau nhức mụn nhọt ngứa gãi đều thuộc tạng Tâm. Cần nêu rõ đây chỉ là những bệnh cơ nêu thí dụ trong sách *“Nội kinh”* chứ không phải toàn bộ nội dung học thuyết bệnh cơ. Chúng ta nên lĩnh hội thực chất tinh thần, xem như là mẫu mực tìm hiểu bệnh cơ khi tiến hành phân tích chứng hậu.

### **36.Phế hư dễ khái. Tâm hư dễ kinh. Tỳ hư dễ tả. Thận hư dễ di. Can hư bất ninh**

**Thanh - Trương Bình Thành**

*“Thành phương tiện độc - Thu sát chi tễ”*

Khái quát những chủ chứng dễ xuất hiện khi ngũ tạng hư suy, có tác dụng giải đơn tránh phiền phức. Khái thấu là chứng trạng rất thường gặp khi công năng của Phế mất bình thường, nếu Phế khí âm bất túc thì khí mất quy luật giáng xuống, lại nghịch lên mà Khái. Kinh quý là chứng trạng chủ yếu của Tâm hư rất thường gặp, hoặc là âm huyết bất túc, huyết không dưỡng Tâm, Tâm không làm chủ được gây

nên, hoặc do dương khí hư tổn, vận chuyển huyết yếu ớt gắng sức lao động gây nên. Tiết tả là chứng chủ yếu do Tỳ mất vận chuyển bình thường, phần nhiều do Tỳ hư mất chức năng vận hoá, thủy cốc không tiêu hoá, trong đực không phân dồn cả xuống Đại tràng gây nên. Thận là cái gốc của sự bế tàng, Thận khí hư suy mất chức năng cố nhiếp, cửa tinh không bền thì di tinh. Bàng quang mất sự co thắt thì di niệu. Can là nơi chứa hồn, nếu Can huyết bất túc, hồn không chốn ở, dễ khiến kinh hãi hay mộng, nằm ngủ không yên, mộng du là những chứng trạng phần nhiều do thần hồn không yên.

**37.Ưu sầu lo nghĩ hại Tâm. Cơ thể lạnh, uống lạnh hại Phế. Cáu giận khí nghịch, dồn lên không hạ xuống thì hại Can. Ăn uống mệt nhọc hại Tỳ. Ngồi lâu nơi đất ẩm, gắng sức tắm rửa hại Thận.**

*“Nạn kinh - Nạn thứ 49”*

Giới thiệu những nguyên nhân thường gặp trực tiếp làm hại năm Tạng. “*Nạn kinh*” nói là: “chính kinh tự mắc bệnh”.

Lo nghĩ quá độ, khí uất không giải, vừa có thể tổn thương tâm thần lại vừa ngán ngàm hao âm huyết. Tâm mất sự nuôi dưỡng, đó là cại ý “làm hại Tâm”.

Phế chủ bì mao, thể trạng bị lạnh lại thêm uống lạnh thì có thể làm thương Phế.

Quá giận thì khí nghịch lên trên, Can dương dẫn ra đột ngột sẽ làm tổn thương Can. Ăn uống không điều độ, mệt nhọc quá độ thì tổn hại Tỳ. Ngồi lâu ở nơi ẩm ướt, gắng gượng làm việc ra mồ hôi sau đó lại ngâm người trong nước thì tổn hại tạng Thận. Người học có thể căn cứ mà tìm nguyên nhân xét nguyên nhân mà luận trị. “*Bách bệnh thủy sinh thiên - sách Linh khu*” cũng có những câu tương tự, có thể tham khảo: “lo nghĩ thương Tâm; trùng hàn thương Phế; cáu giận thương Can; say sưa nhập phòng, ra mồ hôi lại gặp gió thương Tỳ; dùng sức quá độ, nếu nhập phòng, ra mồ hôi lại đi tắm thì thương Thận”.

**38.Vị trí của Phế ở nơi rất cao, nhiễm tà thì Phế bị nhiễm trước**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Ấu khoa yếu lược - Phong ôn”*

Danh ngôn này nêu đặc tính sinh lý tạng Phế dễ bị ngoại tà xâm phạm. Phế ở vị trí Thượng tiêu, là hoa cái của ngũ tạng, cho nên nói vị trí Phế ở nơi rất cao”. Bên

ngoài Phế lại hợp với bì mao, khai khiếu ra mũi. Phàm ngoại tà xâm phạm, do mũi mà vào, đều thuộc cửa ngõ của Phế, đặc điểm quyết định trước tiên là tổn thương Phế, qua ứng nghiệm lâm sàng, phù hợp với thực tế.

### **39. Thể của Phế thuộc Kim, ví như cái chuông, chuông không gõ không kêu.**

**Thanh - Trình Chung Linh**

*“Y học tâm ngộ - Y môn pháp luật”*

Đây là thủ pháp hình tượng để tỉ dụ đặc điểm sinh lý của tạng Phế nói lên nguyên nhân cơ chế bệnh khái thấu. Phế thuộc kim giống như cái chuông to, tà khí nội ngoại xâm phạm Phế thì giống như gõ vào chuông, gây nên khái thấu. Tà khí lục âm phong - hàn - thử - thấp - táo - hỏa từ ngoài gõ vào thì kêu. Tình chí mệt nhọc, bị cái hỏa do ăn uống, xào rán từ bên trong công phá cũng kêu nói lên khái thấu là một loại phản ứng bệnh lý phát sinh để đuổi tà ở Phế kinh ra ngoài. Họ Trình chỉ rõ nguyên tắc điều trị khái thấu tức là “bỏ cái công cụ gõ ra tiếng kêu”, tiêu trừ cái nguyên nhân gây bệnh. Trần Tu Viên viết sách “*Y học tam tự kinh*” cũng có câu nói: “Phế như cái chuông, gõ thì kêu” ý tứ cũng tương tự.

### **40. Trăm bệnh sinh ra đều do Tỳ Vị suy.**

**Kim - Lý Đông Viên**

*“Tỳ Vị luận – Tỳ Vị thắng suy luận”*

Danh ngôn này nói lên Tỳ Vị hư suy là do tác dụng quá trình phát bệnh ở cơ thể con người, đời sau tóm tắt là “nội thương Tỳ Vị, trăm bệnh từ đó mà ra”, thể hiện quan điểm cơ bản học thuyết Tỳ Vị luận của họ Lý.

Lý Đông Viên là ty tổ của phái bổ Thổ, ông cho rằng Tỳ Vị là cái gốc của nguyên khí, nguyên khí là cái gốc của sức khỏe. Tỳ Vị tổn thương thì nguyên khí suy, nguyên khí suy thì tật bệnh sinh ra, đây là luận điểm chủ yếu Nội thương học thuyết của họ Lý.

Theo lý luận Đông y, Tỳ Vị là gốc của hậu thiên, là nguồn sinh hoá của khí huyết, năm Tạng sáu phủ của cơ thể, tứ chi trăm khớp đều phải nhờ Tỳ Vị cung cấp tinh vi dinh dưỡng mới có thể duy trì được công năng sinh lý bình thường. Nếu do những nhân tố ăn uống nhọc mệt dẫn đến Tỳ Vị suy yếu, nguồn sinh hoá bất túc, nguyên khí hao tổn lớn thì mọi bệnh sẽ nảy sinh.

#### **41. Vị mạnh Tỳ yếu thì tiêu cốc mà đại tiện nhão, Tỳ mạnh Vị yếu thì biết đói mà kém ăn.**

**Thanh - Lâm Bội Cầm**

*“Loại chứng trị tài - Âm thực chứng luận trị”*

Tỳ Vị tuy cùng chủ về tiêu hoá, nhưng công năng và bệnh biến cũng có chỗ khác nhau.

Danh ngôn này quy nạp những bệnh biến khác nhau mà có những chứng trạng khác nhau của Tỳ Vị, nêu ra việc điều trị không giống nhau.

Tỳ chủ vận hoá. Vị chủ thu nạp. Khi Vị khí thịnh mà Tỳ khí yếu thì Vị có thể tiêu hoá đồ ăn mà Tỳ mất đi sự kiện vận thì đại tiện nhão. Khi Tỳ khí thịnh mà Vị khí yếu thì Tỳ tuy vận hoá được mà biết đói mà Vị thì ăn vào khó khăn.

Bệnh biến Tỳ Vị có khác nhau, dùng thuốc tự nhiên cũng không giống nhau, học giả phải phân biệt cẩn thận.

#### **42. Can là tạng phong mộc, ưa điều đạt mà ghét ức uất**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Chất nghi lục - Luận Can vô bổ pháp”*

Danh ngôn này nêu đặc điểm sinh lý của tạng Can, Can là cương tạng, chủ động và chủ thăng, phát bệnh dễ động phong như các chứng nhiệt cực sinh phong, Can dương hoá phong và huyết hư sinh phong v.v..

Sách nói: “Các loại phong choáng váng đều thuộc Can” tức là căn cứ vào điểm này, nên mới nói: “Can là tạng phong mộc”. Can thuộc mộc, chủ sơ tiết. Trong ngũ hành, chỉ có mộc là có hiện tượng phơi phơi, cho nên “ưa điều đạt mà sợ ức uất”.

#### **43. Can là nguồn khởi bệnh, Vị là chỗ truyền bệnh**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Mộc thừa Thổ”*

Đây là chỉ cơ chế bệnh lý Can khí phạm Vị. Sách “Lâm chứng chỉ nam y án” rất coi trọng các chứng Can khí phạm Vị, Can Vị mất hoà. Thiết lập hẳn một môn “Mộc thừa thổ” vì cho đó là chứng hậu thường gặp trong lâm sàng. Can là chức quan Tướng quân, chủ về sơ tiết, ưa điều đạt mà ghét ức uất, Mỗi khi do tình tự không

thoải mái dẫn đến Can khí uất kết, Can dương thượng cang. Can với Tỳ Vị vốn là quan hệ tương khắc, Can bệnh thường dẫn đến phạm Vị khắc Tỳ, gây nên các chứng kém ăn, bụng sườn trướng đầy, ợ hơi nuốt chua v.v. Họ Diệp còn nói Can bệnh tất phạm Thổ đó là vũ cái thắng nó” ... Đó tức là ý nói Can là nguồn phát bệnh, Vị là chốn truyền bệnh”.

#### **44.Thổ hư mộc tất lung lay**

**Thanh - Vưu Tại Kinh**

*“Tĩnh Hương Lâu y án - Nội phong”*

Thổ là chỉ Tỳ. Mộc là chỉ Can. Lung lay là chỉ hoa mắt chóng mặt, chân tay mình mẩy run rẩy là các chứng trạng thuộc Nội phong. Đây là nêu lên một bệnh cơ Can phong hư động có thể làm chỗ dựa cho biện chứng.

Tỳ là nguồn sinh ra huyết. Can là tạng chứa huyết, hai tạng này quan hệ với nhau chặt chẽ.

Nếu Tỳ vận chuyển mạnh, có nguồn sinh huyết thì Can có cái mà chứa. Nếu Tỳ hư, nguồn sinh hoá thiếu thốn có thể dẫn đến Can huyết bất túc, huyết hư sinh phong nên có các chứng chóng mặt và run rẩy. Điều trị nên yên thổ dẹp phong, họ Vưu rất trọng dụng Quy Thược Lục quân tử thang.

#### **45.Cái hậu của Hạ tiêu, như cái gốc của địa thổ hoá sinh. Cái hậu của Trung tiêu, như cái lò bếp đun nấu thủy cốc. Cái hậu của Thượng tiêu như cái thế giới của Thái hư thần minh.**

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Tạp bệnh nguyên - Mệnh Môn”*

Danh ngôn này họ Từ giới thiệu cái “hỏa hậu” của Tam tiêu, tức là công năng khác nhau của dương khí. Họ Từ cho rằng: Mệnh môn là gốc của nguyên khí là mái nhà của Chân hỏa, “từ dưới mà thăng lên” sinh phát ra dương khí tam tiêu. Lời bàn về hậu của Hạ tiêu ở đây chỉ dương khí ở Hạ tiêu giống như thổ địa là cái nguồn của sinh hoá. Nêu ra “những sự thọ yếu sinh dục và tinh huyết dưỡng khiếp cho đến cơ sở chữa bệnh không cái gì là không từ đó mà ra”. Cái hậu của Trung tiêu là chỉ dương khí ở trong Vị giống như cái nồi nấu như vận hoá tinh vi của thủy cốc, hoá sinh ra khí huyết. Cái hậu của Thượng tiêu như Thái hư, là chỉ khí của Tâm dương, như ánh sáng chói lọi trên không, thần minh thông suốt.



“Ngũ quan ổn định thì muôn vật đều thịnh”. Đoạn danh ngôn này khái quát công năng sinh lý về dương khí của Tam tiêu, nhận thức và điều trị tật bệnh ở Tam tiêu rất có giá trị tham khảo.

#### **46. Tạng Phủ ( tiểu nhi ) non yếu, dễ hư thực, dễ hàn dễ nhiệt.**

**Tống - Tiền Ất**

*“Tiểu nhi dược chứng trực quyết - Tự”*

Nêu lên đặc điểm sinh lý, bệnh lý ở trẻ em, trở nên cơ sở lý luận trọng yếu của Đông y Nhi khoa học.

Tạng Phủ trẻ em, tuy hình thành mà chưa toàn vẹn, tuy toàn vẹn mà chưa khoẻ khoắn, thể trạng non yếu, hình khí chưa đầy đủ. Từ thể trạng cho đến công năng sinh lý đều chưa đạt mức hoàn thiện cho nên nói là “Tạng Phủ non yếu”. Từ chỗ hình khí chưa đầy đủ, cơ năng còn yếu, cho nên sức đề kháng với bệnh tật còn yếu, dễ phát bệnh, truyền biến nhanh, do đó mới nói dễ hư dễ thực, dễ hàn dễ nhiệt”. Có thể cung cấp tham khảo nhận thức về bệnh biến ở trẻ em.

### III. ÂM DƯƠNG

#### 47. Người giỏi khám bệnh, xem sắc án mạch, trước hết phân biệt Âm Dương.

*“Tố vấn – Âm dương ứng tượng đại luận”*

Âm Dương là tổng cương của Bát cương biện chứng có thể bao gồm cả sáu phương diện biểu lý, hàn nhiệt, hư thực, chiếm vị trí trọng yếu hàng đầu của Bát cương biện chứng. Người thầy thuốc Đông y ưu tú khi lâm sàng giỏi ở chỗ thông qua quan sát thần sắc, án mạch tượng, trước hết tìm ra khái niệm thuộc tính âm dương của bệnh, đối với biện chứng mười phần trọng yếu. Trương Cảnh Nhạc đời Minh từng nói: “Phàm khám bệnh điều trị, trước hết phải xét Âm Dương, đó là cương lĩnh của đạo làm thuốc. Âm dương không lầm lẫn, chữa bệnh không thể sai được. Đạo làm thuốc tuy phức tạp, chỉ một câu nói là đủ cả, tức là Âm Dương mà thôi”. Dương nhiên, cần phân biệt âm dương, còn phải kết hợp với vấn chẩn, văn chẩn v.v.. chứ không chỉ bằng cứ một điều “xét sắc án mạch”.

#### 48. Phàm khám bệnh điều trị, trước hết phải xét âm dương, đó là cương lĩnh của y đạo

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Truyền trung lục - Âm dương thiên”*

Danh ngôn này cũng giống với danh ngôn số 47 ở trên, đều nói lên địa vị trọng yếu phải phân biệt âm dương trong điều trị. Âm dương là tổng cương của bát cương biện chứng, trong chẩn đoán, có thể căn cứ vào chứng hậu biểu hiện trên lâm sàng, đem các tật bệnh xuất hiện chia làm hai phương diện âm dương, có thể bao quát được sáu phương diện biểu lý, hàn nhiệt, hư thực, có người gọi bát cương là “hai cương sáu yếu” đều là nói lên ý nghĩa trọng yếu của âm dương biện chứng trong thăm khám tật bệnh.

#### 49. Tĩnh là âm. Động là dương.

*“Tố Vấn - Âm dương biệt luận”*

#### 50. Nói nhiều là dương, nói bọt bọt là âm. Thích sáng là dương, ưa tối là âm.

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Tập bệnh nguyên - Âm dương”*

Hai danh ngôn 49 và 50 dùng phép so sánh để quy nạp đặc điểm chứng hậu hai loại Âm và Dương, cung cấp cho biện chứng tham khảo. Đối chiếu với học thuyết Âm Dương phạm trường hợp yên tĩnh ngưng lại ít nói, tối tăm đều thuộc Âm chứng. Trái lại phạm trường hợp vận động nói nhiều, sáng sủa đều thuộc Dương chứng... Những điều đó đều phù hợp với thực tế.

### **51. Dương hư thì ngoại hàn - Âm hư thì nội nhiệt. Dương thịnh thì ngoại nhiệt - Âm thịnh thì nội hàn.**

*“Tổ vấn – Điều kinh luận”*

Khái quát biểu hiện lâm sàng của Âm Dương thịnh suy, thật là lời nói kinh điển.

Chứng Dương hư ngoại hàn và Âm hư nội nhiệt, một là hư hàn, một là hư nhiệt. Về trên là do dương khí mất sự sưởi ấm, hàn từ trong sinh ra gây nên. Về dưới là do âm huyết bất túc, hoá tảo sinh nhiệt mà thành. Cả hai đều phần nhiều do nội thương gây nên.

Chứng dương thịnh ngoại nhiệt với âm thịnh nội hàn, một là thực nhiệt, một là thực hàn. Nói chung phần nhiều do cảm thụ ngoại tà gây nên. Về trên là tà nhiệt thịnh ở cơ biểu gây nên. Về sau là hàn tà tụ ở bên trong cơ thể phát sinh. Những điều này rất có giá trị chỉ đạo đối với Đông y.

### **52. Dương hư thì buổi tối khó chịu. Âm hư thì buổi sáng tranh giành**

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Tập bệnh nguyên - Âm dương”*

Câu này nói lên đặc điểm biểu hiện ở thời gian khác nhau của hai chứng Âm hư, Dương hư.

Ban ngày là Dương, buổi sáng là Dương bắt đầu. Ban đêm là Âm, buổi tối là Âm bắt đầu. Họ Từ giải thích “Dương hư thích được Dương giúp đỡ, thì sáng nhẹ tối nặng.. - Âm hư thích được Âm giúp đỡ, thì sáng nặng tối nhẹ”, lý lẽ thật rõ ràng. Trên lâm sàng, người mới mắc chứng bệnh Dương hư đúng là phần nhiều nặng về ban đêm; người mắc bệnh Âm hư phần nhiều nặng về buổi sáng. Rất có giá trị tham khảo trong biện chứng thi trị.

**53. Dương bệnh thì ban ngày tỉnh. Âm bệnh thì ban đêm yên.**

**54. Dương thịnh thì sáng nặng tối nhẹ. Âm thịnh thì sáng nhẹ tối nặng**

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Tạp bệnh nguyên - Âm dương”*

Hai điều 53 - 54 ý nghĩa gần giống nhau, đều nói lên đặc điểm chứng hậu biểu hiện Âm Dương thực chứng ở thời gian khác nhau.

“Âm thắng thì Dương bị bệnh. Dương thắng thì Âm bị bệnh” Họ Từ nói Dương bệnh và Âm bệnh để phân biệt là chỉ thực tà âm thịnh với dương thịnh. Ban ngày thuộc Dương, sáng sớm là bước đầu của Dương. Ban đêm thuộc Âm, chập tối là bước đầu của Âm. Âm thịnh mà gặp buổi sáng sớm, buổi sáng là lúc Dương vượng, đó là Âm gặp Dương giúp. Dương thịnh mà gặp chập tối, gần gũi với Âm vượng ban đêm, đó là Dương được Âm giúp, tự nhiên bệnh nhẹ. Trái lại Dương gặp Dương vượng, Âm được Âm cường, theo lý là bệnh nặng thêm.

**55. Dương thịnh thì phát Kính. Âm thịnh thì nằm co.**

**Cận đại Dương Tích Thuần**

*“Y học dung trung tham tây lục - Thiếu âm bệnh đề cương cập ý nghĩa”*

Danh ngôn này nói đặc điểm chứng hậu biểu hiện trạng thái âm dương tà thịnh ở cơ thể có thể tham khảo biện chứng. Tà nhiệt thiên thịnh hàn đốt Âm dịch, nhiệt cực sinh phong có thể dẫn đến chứng Kính như chân tay co giật, cổ gáy cứng đơ, uốn ván v.v. Đây tức là cái ý “Dương thịnh thì phát Kính”. Hàn chủ co rút, Âm thịnh thì Dương hư, có thể làm cho bệnh có tình trạng nằm co. Đây tức là cái ý “Âm thịnh thì nằm co”.

**56. Trăm bệnh buổi sáng nặng, gặp ban đêm thì yên, đó là Dương bệnh hữu dư, là khí bị bệnh mà huyết không bị bệnh. Trăm bệnh ban đêm nặng, gặp buổi sáng thì yên, đó là âm bệnh hữu dư, là huyết bị bệnh mà khí không bị bệnh.**

**Triều Tiên - Kim Lễ Mông**

*“Y phương loại tụ - Bách bệnh tại khí tại huyết”*

Danh ngôn này nói đặc điểm biểu hiện về thời gian khác nhau ở Âm bệnh và Dương bệnh, Ban ngày thuộc Dương, ban đêm thuộc Âm. Phàm bệnh Dương thịnh hữu dư, vì Dương gặp Dương vượng mà ban ngày bệnh tăng. Dương được Âm giúp thì ban đêm yên. Trái lại phàm bệnh Âm thịnh hữu dư. Âm gặp Âm mạnh mà ban đêm bệnh tăng. Âm được Dương giúp thì ban ngày yên. Khí với Dương là một thể, cho nên Dương bị bệnh thì Khí cũng bị bệnh. Huyết với Âm là một thể, cho nên Âm bị bệnh thì Huyết cũng bị bệnh.

**57. Mới bị bệnh, buổi sáng gấp gáp là dương tà thắng buổi tối gấp gáp là âm tà thắng. Bị bệnh đã lâu, ban ngày tĩnh là Dương hư, ban đêm tĩnh là Âm hư.**

**Thanh - Dương Húc Đông**

*“Dương thị đề cương - Âm dương tự luận”*

Danh ngôn này cũng nêu lên chứng hậu Âm Dương hư thực đặc điểm khác nhau về biểu hiện thời gian. Bệnh mới mắc phần nhiều là thực, dương tà thịnh lại ở ban ngày là thời gian Dương vượng, tự nhiên bệnh sẽ gấp gáp. Nếu Âm tà thịnh lại gặp về đêm tối là thời gian Âm vượng thì bệnh cũng gấp gáp. Bệnh đã lâu phần nhiều thuộc hư, nếu Dương hư lại gặp ban ngày có Dương khí giúp đỡ, bệnh thể nên yên tĩnh. Nếu là Âm hư lại gặp ban đêm có Âm khí giúp đỡ, bệnh thể cũng nên an tĩnh... Có thể tham khảo với danh ngôn số 56 ở trên.

**58. Bệnh thuộc Âm đến chậm đi cũng chậm. Bệnh thuộc Dương, đến nhanh đi cũng nhanh.**

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Tập bệnh nguyên - Âm Dương”*

Danh ngôn này khái quát hai loại tà khí thuộc Âm và Dương gây bệnh có đặc điểm khác nhau, rất có ý nghĩa chỉ đạo trong lâm sàng biện chứng điều trị.

Từ phía tà khí để bàn về Âm Dương, đại khái có thể nói tính tĩnh và khéo giữ gìn là Âm, tính động hay chuyển di là Dương. Ở lý là Âm, ở biểu là Dương. Hư là Âm, thực là Dương. Hàn là Âm, nhiệt là Dương. Căn cứ những đặc điểm trên, Âm tà gây bệnh tự nhiên phát sinh từ từ, điều trị thu hiệu quả cũng chậm. Dương tà gây bệnh phát sinh rất nhanh, điều trị thích đáng cũng thu hiệu quả rất chóng. Như vậy nhận thức và điều trị tậ bệnh hai loại Âm Dương là rất trọng yếu.

**59. Dương hư nặng, Âm cũng tất hư. Đáy nồi không có củi lửa, trông mong gì nấu nhừ được chất tinh vi. Khí hư nặng, huyết cũng tất hư, bánh xe không có cái tời, trông mong gì lấy nước để tưới tắm.**

**60. Âm hư nặng, Dương cũng tất hư. Ngọn đèn tàn, dầu cạn. Trông mong gì có ánh lửa rực rỡ. Huyết hư nặng, khí cũng tất hư, nước nông thuyền sát đáy, trông mong gì chỉ đẩy mà thuyền trôi**

**Thanh – Thạch Thị Nam**

*“Y nguyên – Táo thấp vi bách bệnh đề cương”*

Hai danh ngôn trên dùng thủ pháp hình tượng để thuyết minh lý lẽ Âm Dương hỗ căn, khí huyết cùng một nguồn, đúng là kiến thức mở mang lớn. Trong khoảng Âm với Dương là quan hệ giữa công năng và vật chất, chúng có tác dụng hỗ căn với nhau. Không có Dương thì Âm không sinh ra, khi Dương hư nặng thì như dưới đáy nồi không có củi lửa không sao làm nấu nhừ được chất tinh vi trong cơ thể, cho nên nói Âm cũng tất hư”. Trái lại không có Âm thì Dương không hoá được, nên cái lúc Âm hư, giống như cái đèn tàn lụi vì cạn dầu, không có gì để phát huy tác dụng chiếu sáng; cho nên nói dương cũng tất hư”.

Quan hệ giữa khí và huyết cũng giống như Âm Dương, nó cũng hỗ căn tác dụng lẫn nhau, cùng xuất phát từ một nguồn, không có khí thì huyết không sinh ra được, khi khí bị hư nặng, cũng như cái guồng nước thiếu cái tời, không thể kéo nước lên để tưới tắm, cho nên nói huyết cũng tất hư”. Trái lại, không có huyết thì khí không hoá được, khi huyết bị hư nặng, như nước sông đã nông, không làm sao đẩy thuyền lên phía trước, cho nên nói khí cũng tất hư”.

## IV. BIỂU LÝ

### 61. Có một phần ố hàn, tức là có một phần biểu chứng

Thanh - Du Căn Sơ

*“Trùng đính thông tục Thương hàn luận - Biểu lý hàn nhiệt”*

Hỏi sự hàn nhiệt của bệnh nhân là một nội dung trọng yếu của Vấn chẩn. Câu nói trên nêu lên yếu điểm để phân biệt Biểu chứng, ố hàn là bệnh nhân có cảm giác hàn lạnh do ngoại tà xâm phạm Biểu phạm, dương khí bị lấn át, cơ biểu mất sự ấm áp gây nên. Dương nhiên biểu chứng ố hàn phần nhiều kèm theo phát nhiệt, đối với lý hàn chứng chỉ hàn không nhiệt có chỗ khác nhau.

### 62. Rêu lưỡi có đính một phần trắng, thì bệnh cũng đính một phần thuộc Biểu

Thanh - Ngô Khôn An

*“Thương hàn chỉ trưởng - Sát thiết biện chứng pháp”*

Rêu lưỡi trắng chủ Thái dương biểu chứng, đó là phong hàn không giải, là chứng tà chưa vào lý, như vậy phù hợp với thực tế lâm sàng, Cần nêu rõ đó chỉ là phản ánh rêu lưỡi trắng của một chủ bệnh. Ngoài ra như chứng Thiếu dương bán biểu bán lý và chứng lý hư hàn nói chung cũng hiện ra rêu lưỡi trắng rõ rệt, lâm sàng nên kết hợp với các tình huống khác để chẩn đoán tậ bệnh.

### 63. Mạch Phù ở phía trước là bệnh ở Biểu, mạch Phù ở phía sau là bệnh ở Lý.

Đông Hán - Trương Trọng Cảnh

*“Kim quỹ yếu lược - Tạng phủ kinh mạch tiên hậu bệnh mạch chứng”*

Câu này ý nói mạch Phù xuất hiện ở bộ vị phía trước Quan chủ bệnh ở Biểu, xuất hiện ở bộ vị phía sau Quan chủ bệnh ở Lý. Lý do phía trước Quan thuộc Thốn bộ, thuộc Dương chủ Biểu, cho nên Thốn mạch Phù là bệnh ở Biểu, đó là hiện tượng chính khí chống trợ tà khí ở Biểu, mạch phần nhiều Phù mà có lực. Phía sau Quan thuộc Xích bộ, thuộc Âm chủ Lý, nói chung tình huống mạch ở Xích bộ nên Trầm, nếu Xích mạch xuất hiện hiện tượng Phù, đa số là Thận âm bất túc, hư dương biểu hiện Phù ra ngoài, vì thế chủ bệnh ở Lý mạch phần nhiều Phù mà vô lực. Trọng Cảnh lấy mạch Phù xuất hiện ở bộ vị khác nhau làm điểm chẩn đoán phân biệt biểu, lý chứng, nêu ra qui củ cho hậu học.

#### **64. Phong là đứng đầu trăm bệnh. Hàn là khí tàn hại.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Truyền trung lục - Biểu chứng thiên”*

Nói lên đặc điểm gây nên bệnh của hai loại ngoại tà phong và hàn. Phong đứng đầu lục âm. Các tà khí hàn - thấp - táo - nhiệt phần nhiều đều dựa vào phong mà xâm phạm cơ thể, như ngoại cảm phong hàn - phong thấp - phong nhiệt v.v... cho nên phong tà thường là vai trò dẫn đầu của ngoại tà gây nên bệnh. *“Cốt không luận - sách Tố Vấn”* nói Phong - là cái bắt đầu của trăm bệnh”. *“Phong luận - sách Tố Vấn”* cũng nói: “Phong - là cái đứng đầu trăm bệnh... đều là nêu đặc điểm ấy

“Hàn là khí tậ hại” là nói hàn làm thương người rất khốc liệt, tính nó ngưng trệ chủ về đau. Trúng phải hàn tà thường dẫn đến thân thể người ta bị bệnh đột ngột, hại người không nhỏ. Sách *“Y thuần dǎng nghĩa”* nói: “Hàn, là âm khí, tức là cái khí tức xái, hàn khí trúng người tai vạ rất lớn”... cũng là nêu lên một đặc điểm do Hàn tà gây bệnh.

#### **65. Ngoại nhân gây bệnh Phong chiếm phần nhiều. Nội nhân gây bệnh. Hỏa rất ác liệt.**

**Thanh - Phí Bá Hùng**

*“Y thuần dǎng nghĩa - Hỏa”*

Phong đứng đầu trăm bệnh - đứng đầu lục âm, là nhân tố gây bệnh chủ yếu để gây nên bệnh ngoại cảm. Các tà khí hàn - thấp - táo - nhiệt đều dựa vào phong mà xâm phạm con người, như ngoại cảm phong hàn - phong nhiệt - phong thấp v.v.. Thậm chí tiên hiền còn nói: “Phong là nguồn gốc của trăm bệnh”.

“Ngoại nhân gây bệnh, phong chiếm phần nhiều”, tức là nêu lên nhân tố gây bệnh chủ yếu của bệnh ngoại cảm, còn như “Nội nhân gây bệnh, hỏa rất ác liệt” là một câu nói lên tính chất nghiêm trọng do Hỏa gây bệnh, là câu nói thiết thực. Hỏa là dương tà, tính nó bốc lên, thường có thể quấy nhiễu thần minh ở trên, xuất hiện các chứng nặng như cuồng táo làm bừa, hôn mê nói sảng, cho nên nói các loại táo cuồng lung tung đều thuộc Hỏa” tức là ý đó. Hỏa tà còn dễ sinh phong động huyết tạo nên các chứng Can phong như chân tay co giật, cổ gáy cứng đơ, uốn ván cho đến các chứng bức huyết đi bừa như thổ, nục, tiện huyết... Ngoài ra hỏa nhiệt vào huyết còn có thể gây nên loét thịt thành mủ thành ung. Có thể thấy hỏa với các



bệnh tà khác tạo nên hậu quả tương tự “hỏa rất ác liệt”. Đan Khê từng nói: “Hỏa gây bệnh tác hại rất lớn, biến hoá rất nhanh, xu thế lan rộng cái chết rất tàn bạo”, có thể là dẫn chứng chắc chắn.

#### **66. Ngoại phong có từ ngoại cảm. Nội phong có từ nội thương.**

**Thanh - Hà Mộng Giao**

*“Y biến - Tạp chứng - Trúng phong”*

Câu nói nêu ra chứng Trúng phong có hai loại nguyên nhân bệnh nội và ngoại, quy nạp mười phần tinh vi. Chứng này trước đời Đường, Tống đa số nói là “ngoại phong” cho là do ngoại cảm phong tà gây ra, bỏ qua nhân tố nội thương.

Đến thời Kim Nguyên mới bàn về “nội phong”. Vương Lý là người đầu tiên sáng tạo ra thuyết Chân trúng, loại trúng, cho rằng Loại trúng không phải từ ngoại phong gây nên, tức ý nói nội phong ngày nay.

Trương Cảnh Nhạc chủ trương nội phong do “nội thương tích tổn gây nên” lý luận khá thực tế.

Tóm lại, do ngoại tà gây bệnh gọi là Ngoại phong, cũng gọi là Chân trúng. Không do ngoại tà mà phát bệnh gọi là Nội phong còn gọi là Loại trúng. Từ lâm sàng theo dõi, thì bệnh này chiếm đa số là Nội phong.

#### **67. Tổn thương do phong, phần trên bị trước. Tổn thương do thấp, phần dưới bị trước.**

*“Tổ vấn – Âm dương ứng tượng đại luận”*

Câu này qui nạp đặc điểm bộ vị gây bệnh của hai loại ngoại tà phong và thấp, trở thành câu nói kinh điển. Phong là dương tà, tính nó nổi lên trên, cho nên người mắc phải thường là bộ phận đầu mặt phía trên cơ thể, nên nói phía trên cao điên, chỉ có phong là có thể tới”. Thấp là âm tà, tính nó nặng đục, dễ dẫn xuống dưới, cho nên người mắc phải thì trước tiên là bộ phận dưới, chi dưới và chân bị bệnh.

Kinh nghiệm lâm sàng khá nhiều tật bệnh ở đầu mặt như đau đầu, phù thũng v.v... xác thực đa số do phong tà gây nên. Cũng như vậy, các bệnh ở chi dưới như phù thũng chứng Tý cũng phần nhiều do thấp tà gây nên. Đó là từ đặc điểm chủ yếu của hai loại ngoại tà phong và thấp quyết định.

**68. Phong thắng thì động. Nhiệt thắng thì thũng. Táo thắng thì khô. Hàn thắng thì phù (nổi). Thấp thắng thì nhu tiết, quá lắm thì thủy bế mu chân sưng.**

*“Tố vấn – Lục nguyên chính kỷ đại luận”*

Giới thiệu đặc điểm năm loại tà khí gây bệnh, rất có ý nghĩa xét chứng tìm nguyên nhân trong lâm sàng. Phong đứng đầu lụcâm, biến hoá đi khắp nơi, cho nên sau khi phạm vào cơ thể thường biểu hiện bệnh biến lung tung không cố định, nơi đau không cố định.

Nhiệt là dương tà, ẩn nấu ở cục bộ huyết phận có thể dẫn đến nhọt sưng, sắc đỏ mà đau, khác với loại thủy thũng. Táo khí thanh túc, tính khô ráo, cho nên bệnh biến đa số biểu hiện là da dẻ khô ráo, môi khô táo bón.

Hàn là âm tà, tính ngưng trệ, nhiễm phải thì dễ mất sự phân bố tân dịch, thủy thấp ứ đọng mà thành phù thũng.

Thấp là âm tà, tính dồn xuống, là nguyên nhân chủ yếu của chứng ỉa chảy. Thấp quá nặng có thể dẫn đến tiểu tiện không thông, thủy thũng.

Đương nhiên động, thũng, khô, phù, thấp, tả v.v.. nguyên nhân sinh ra chứng bệnh không giới hạn ở năm loại tà khí trên đây, nó mới chỉ là những loại thường gặp khá nhiều mà thôi.

**69. Thương hàn trúng phong, có Sài hồ chứng, chỉ thấy một chứng là dùng được, không cần đầy đủ.**

**Đông Hán - Trương Trọng Cảnh**

*“Biện Thiếu dương bệnh mạch chứng tính trị”*

Ở đây nêu ra việc phân biệt sử dụng Tiểu Sài hồ thang, thể hiện nguyên tắc chỉ đạo về luận trị chủ chứng của Trọng Cảnh.

Nói Sài hồ chứng” là chỉ Thiếu dương bệnh có bốn chủ chứng lớn: Vãng lai hàn nhiệt - ngực sườn đầy tức - lịm lịm không muốn ăn - tâm phiền hay nôn. Ngoài ra có khi còn chứng trạng thứ yếu khác như trong ngực phiền mà không nôn, không khát, không đau bụng v.v... ở đây nêu ra đặc trưng ứng dụng Tiểu Sài hồ thang. “Chỉ thấy một chứng là dùng được” có nghĩa là chỉ cần thấy một chủ chứng là ứng dụng được, chứ không cần thiết phải đầy đủ các chứng mới được dùng. Trên thực tế, tinh thần của câu nói này là nguyên tắc nắm vững chủ chứng mà có biện pháp điều trị, và có ý nghĩa phổ biến khi vận dụng đối với các kinh phương khác.

## **70. Thương phong nên xét tới kiêm chứng lục âm.**

**Thanh - Lâm Bội Cầm**

*“Loại chứng trị tài - Thương phong luận trị”*

Nói lên điểm cần chú ý khi chẩn đoán chứng ngoại cảm, là một kinh nghiệm bổ ích.

Nói chung, các chứng ngoại cảm đơn thuần như phong hàn, phong nhiệt, phong thấp phần nhiều khá nhẹ, chỉ cần kịp thời trị liệu, trừ bỏ ngoại tà, phần nhiều thu hiệu quả nhanh. Điểm cần chú ý là chứng ngoại cảm đa số có kiêm chứng, như phong hàn kiêm thấp, phong nhiệt kiêm đờm, có khi còn kiêm cả các loại thực tích, khí hư, huyết hư v.v.. Khi trị liệu nếu không đồng thời chiếu cố đến những kiêm chứng ấy thì khó mà chữa khỏi ngoại cảm.

## **71. Thương phong không phòng trước sẽ kết thành Lao.**

**Minh - Kỳ Thạch**

*“Lý hư nguyên giám - Hư chứng hữu lục nhân”*

Câu này nêu quan điểm bệnh ngoại cảm dằng dai chữa không khỏi có thể dẫn đến chứng Lao, và nói lên một trong những nguyên nhân gây nên chứng Lao. Kỳ Thạch cho rằng âm huyết vốn hư, Phế có phục hỏa lại cảm nhiễm ngoại tà, ho lâu không dứt, thêm vào đó là điều trị không đúng lúc, lâu ngày Phế Thận đều hư sẽ trở thành Hư lao.

Nhắc nhở mọi người phải coi trọng khi điều trị một loại bệnh nhẹ như Thương phong, đề phòng sự phát triển trở nên bệnh nặng.

## **72. Ngoại cảm nóng, rét không ngắt quãng. Nội thương nóng rét không cùng lúc.**

**Minh - Lý Dụng Tụy**

*“Chứng trị vậng bổ - Phát nhiệt chương”*

Nêu ra đặc điểm khác nhau của chứng phát nhiệt (sốt) của ngoại cảm với nội thương, có thể dựa vào đó mà chẩn đoán.

Phát nhiệt ngoại cảm là do tà khí xâm lân gây nên, ngoại tà không trừ được thì phát nhiệt không lui, phần nhiều là sốt cao, hơn nữa phần nhiều kiêm chứng sợ lạnh, tắc mũi, mạch Phù v.v... cho nên nói nóng rét không ngắt quãng”.

Phát nhiệt nội thương phần nhiều do tình chí, ăn uống mệt nhọc là những nguyên nhân gây nên bệnh, cơ chế bệnh là âm dương khí huyết suy tổn hoặc công năng tạng phủ mất điều hoà. Biểu hiện lâm sàng phần nhiều là sốt nhẹ, lúc nhiệt lúc không hoặc giờ giấc sốt không nhất định, đa số không có kèm chứng sợ lạnh, cho nên nói nóng, rét không cùng lúc”...

**73.Ngoại cảm ố hàn, tuy gần lửa to cũng không hết rét. Nội thương ố hàn, gặp ấm áp thì đỡ rét ngay.**

**Thanh - Cố Tùng Viên**

*“Cố Tùng Viên y kính - Cách ngôn vụng thoán”*

Nêu lên đặc điểm lâm sàng biểu hiện khác nhau của chứng ố hàn do ngoại cảm và nội thương gây nên, có ích cho chẩn đoán phân biệt.

Ngoại cảm ố hàn là hàn tà bó ở ngoài biểu, cơ biểu mất sự ấm áp gây nên, thuộc Thực chứng, tà khí không rút thì chứng rét ấy không trừ được, tuy mặc áo quần, hướng vào lửa cũng không đỡ rét.

Nội thương ố hàn là do dương khí hư suy, không được vận chuyển ấm áp gây nên, thuộc Hư chứng, thích được Dương giúp đỡ, cho nên gặp ấm áp thì dễ chịu.

**74.Mùa Hạ thử nhiệt phát từ Dương Minh**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Ấu khoa yếu lược - Hạ nhiệt”*

Nêu lên đặc điểm bệnh cơ của Thử ôn phát bệnh khá là toát yếu không rườm rà.

Thử là khí hỏa nhiệt, tính nó gay gắt, truyền biến rất nhanh, tà khí phần nhiều xâm nhập thẳng vào Khí phần của cơ thể mà không qua quá trình Vệ phần. Ngay từ đầu đa số đã thấy sốt cao, khát nước, mồ hôi ra nhiều, mạch Hồng Đại là những chứng hậu Dương minh nhiệt thịnh ... Đây là chỗ dựa trong việc dùng thuốc điều trị.

**75.Trưởng hạ gặp thời tiết ẩm thấp, thì thử tất kiêm thấp**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Ấu khoa yếu lược - Hạ nhiệt”*

Nêu lên một đặc điểm trọng yếu của Thử tà gây bệnh. Họ Diệp đầu tiên nói lên điểm này, công lao không nhỏ. Mùa Hạ ngoài khí hậu viêm nhiệt, thấp cũng là chủ khí của Trượng hạ. Cho nên giáp ranh Trượng hạ, phần nhiều mưa và ẩm ướt, nóng hun thấp động nóng nực kéo dài, do đó Thử tà gây bệnh thường có kèm thấp tà xâm phạm cơ thể. Đặc trưng lâm sàng là ngoài những chứng thử nhiệt như phát nhiệt phiền khát, phần nhiều kèm chứng thấp ngăn trở như : tứ chi mỏi mệt, ngực bụng bí đầy, ỉa nhão không dễ.

#### **76.Chứng Âm thử là do thử mà bị nhiễm hàn.**

#### **77.Chứng Dương thử là do thử mà bị nhiễm nhiệt**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Thử chứng”*

Hai câu này nêu lên nguyên nhân bệnh khác nhau của Âm thử và Dương thử. Cho đến nay các thầy thuốc đều tôn sùng. “Âm thử” là chỉ mùa Hạ trời nóng nực lại ham mát hóng gió uống lạnh vô độ, trung khí hư ở trong đến nỗi tà khí phong hàn nhân chỗ hư xâm nhập gây bệnh. Tóm lại là tháng nắng bị hàn, bị bệnh ở thể tĩnh, chứng trạng biểu hiện chủ yếu là phát sốt sợ lạnh, không mồ hôi, mình nặng và đau, tinh thần mệt mỏi.v.v... “Dương thử” chỉ mùa Hạ lại công tác dưới trời gay gắt hoặc đi đường xa cảm thụ phải khí viêm nhiệt oi nồng mà phát bệnh Thử. Tóm lại là tháng Hạ bị nhiệt, chứng trạng biểu hiện thường là sốt cao phiền khát, ra mồ hôi, mạch Hồng Sác v.v.. không khó phân biệt với chứng Âm thử.

#### **78.Thử tà dễ vào Tâm kinh. Hàn tà xâm phạm Bàng quang trước tiên.**

**Thanh - Vương Mạnh Anh**

*“Ôn nhiệt kinh vĩ - Quyển 3”*

Đây là quy nạp đặc điểm khác nhau của sự truyền biến bệnh do hai ngoại tà Thử, Hàn gây nên, nói lên tính quy luật rõ rệt.

Thử là hỏa tà. Tâm là hỏa tạng. Đồng khí tương cầu cho nên dễ vào Tâm, xuất hiện các chứng trạng của Tâm kinh như sốt cao, khát nước, tâm phiền, hôn quyết. Vương thị từng nói: “Phàm chữa trúng thử phải lấy các thuốc thanh Tâm làm quân” nên mới sáng tạo ra bài thuốc kiểu mẫu Thanh thử ích khí thang.

Trong lời văn có nói tới “Bàng quang” là chỉ kinh Túc Thái dương Bàng quang ở phần Biểu toàn thân, phen dậu của Lục kinh. Hàn tà từ ngoài xâm phạm, kinh này bị xâm phạm trước tiên xuất hiện những biểu chứng của Bàng quang như ố hàn, đau mình, mạch Phù.

### **79.Các loại rít khô cạn cứng ròn nhăn nheo đều thuộc táo.**

**Kim - Lưu Hoàn Tố**

*“Tố Vấn huyền cơ nguyên bệnh thiếu nhiệt loại”*

Trong “*Chí chân yếu đại luận - sách Tố Vấn*” có quy nạp 19 điểm bệnh cơ trứ danh, là cơ sở biện chứng cho đời sau. Trong đó nêu ra các bệnh biến do lục khí gây ra như Phong Hàn, Thấp, Hỏa, Nhiệt... còn bỏ sót Táo khí.

Họ Lưu nhân đó bổ xung điều Táo khí này vào bệnh cơ, biểu hiện dưỡng khí sáng tạo cái mới, hoàn thiện nội dung 19 điều bệnh cơ và nhận thức về Táo khí. Câu này ý nói những bệnh biến thiếu ít tân dịch. Xuất hiện chứng trạng khô rít cạn ráo, da dẻ khô ráp biến thành cứng rắn nứt nẻ, đều do Táo khí gây bệnh, về sau Dụ Gia Ngôn lại nghiên cứu phát huy thêm bước nữa, khiến cho nhận thức và điều trị về bệnh cơ Táo khí càng đầy đủ hơn.

### **80.Táo ở ngoài thì bì phu nhăn nheo, ở trong thì tân dịch thiếu mà phiền khát, ở trên thì họng ráo mũi khô, ở dưới thì ruột khô táo bón.**

**Thanh - Uông Ngang**

*“Y phương tập giải - Phương thuốc nhuận táo”*

Đây là quy nạp các loại chứng trạng ở các bộ vị biểu lý trên dưới do táo tà gây bệnh biểu hiện. Cung cấp cho biện chứng rất thiết thực.

Tính của táo khô, rít, dễ tổn thương tân dịch. Kinh điển nói Táo thắng thì khô” cho nên Táo tà làm hại người rất dễ hao tổn tân dịch. Ở bên ngoài thì khô rít thậm chí nhăn nheo nứt nẻ; ở bên trong thì miệng khát, Tâm phiền; ở phía trên thì họng khô mũi ráo, ở phía dưới thì ruột khô táo bón. Tóm lại hoàn toàn là một loạt hiện tượng khô cạn tân dịch rất dễ kết luận.

### **81.Bệnh nặng cấp tính ở biểu lý - hàn nhiệt. Bệnh nặng mạn tính ở hư thực - hàn nhiệt.**

**Đương đại - Bồ Phụ Chu**

*“Y liệu kinh nghiệm - Y thoại”*

Câu này nói lên yếu điểm biện chứng của tật bệnh cấp tính và mạn tính, là lời nói thu hoạch từ kinh nghiệm lâm sàng vài chục năm của Bồ Phụ Chu. Khi khám bệnh cấp tính trước tiên phải biện chứng có ngoại tà hay không, nếu có ngoại tà thì trước hết phải giải biểu, không có ngoại tà thì phải xem xét về nội thương. Biểu lý mà không rõ thì điều trị khó tránh sai lầm.

Bệnh mạn tính nói chung phần nhiều là Hư. Nhưng cũng có trường hợp thuộc Thực hoặc trong Hư kiêm Thực, lâm sàng cần phân biệt trước tiên để tránh được cái sai lầm “Hư hư thực thực”. Còn như phân biệt hàn nhiệt thì vô luận là ngoại cảm hay nội thương cũng đều phải phân biệt rõ vì đó là yêu cầu cơ bản của biện chứng Bát cương.

### **82. Nội thương Tỳ Vị, là thương phần Khí. Ngoại cảm phong hàn, là thương phần Hình.**

**Kim - Lý Đông Viên**

*“Tỳ vị luận - Ấm thực lao quyện sở thương thủy vì nhiệt trúng luận”*

Câu này qui nạp đặc điểm gây bệnh của bệnh nội thương và bệnh ngoại cảm, có giá trị để chẩn đoán phân biệt.

Căn cứ vào quan điểm của Đông Viên, nội thương là phát từ bên trong, Tỳ Vị bị tổn thương, nguyên khí bị hại cho nên nói là “thương phần Khí”. Bệnh ngoại cảm là cảm nhiễm ngoại tà, tổn thương thể biểu con người trước tiên, cho nên nói là “thương phần Hình”.

Tóm lại, nội thương là chính khí bất túc gây nên. Ngoại cảm là phần biểu có thực tà. Nguyên nhân bệnh và cơ chế bệnh hai loại này khác nhau rõ ràng.

### **83. Chứng Thấu do ngoại cảm thì đến đột ngột. Chứng Thấu do nội thương thì đến từ từ.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tạp chứng mô - Khái thấu”*

Nêu lên đặc điểm phát bệnh khác nhau của ngoại cảm và nội thương gây nên khái thấu, tức là sự hoãn, cấp của lúc bắt đầu phát bệnh.

Biện chứng khái thấu, đến Cảnh Nhạc mới là người đầu tiên phân biệt hai loại lớn Nội thương - Ngoại cảm, khá thiết thực ứng dụng trong lâm sàng. Ngoại cảm khái thấu phần nhiều là bệnh mới, phát bệnh đột ngột cấp tính, bệnh trình ngắn, thường kèm theo biểu chứng lục âm, thuộc loại Tà thực. Nội thương khái thấu phần nhiều là bệnh đã lâu, phát bệnh từ từ mạn tính, bệnh trình dài, dễ tái phát có thể kèm theo hình chứng của nội tạng, phần nhiều thuộc loại tà Thực chính Hư.

#### **84. Ngoại cảm đau đầu, thường đau liên tục. Nội thương đau đầu, lúc đau lúc ngừng.**

**Thanh - Cố Tùng Viên**

*“Cố Tùng Viên y kính - Cách ngôn vụng toàn”*

Biện chứng đau đầu trước hết phải chia nội thương ngoại cảm. Nêu lên đặc điểm của hai loại phát sinh đau đầu, có thể làm cơ sở để chẩn đoán phân biệt. Đau đầu ngoại cảm là do lục âm vướng mắc, khí huyết bị trở ngại “Bất thông tắc thống”, thuộc Thực chứng. Đau đầu nội thương do Âm Dương thiếu kém, khí huyết không điều gây nên, phần nhiều thuộc Hư chứng, mỗi khi bị tình tự vướng mắc, do ăn uống, do nhân tố hoàn cảnh được cải thiện, cho nên nói lúc đau lúc ngừng”. Trên thực tế, đặc điểm hai loại chứng trạng này ở hai tình huống “đau liên tục không ngừng” và “lúc đau lúc ngừng”... Rất có ý nghĩa để phân biệt ở một số loại bệnh ngoại cảm và nội thương.

#### **85. Chóng mặt đột ngột là do phong hỏa với đàm. Chóng mặt từ từ là do trên hư khí hãm.**

**Thanh - Trần Tu Viên**

*“Y học thực tại Dịch - Vấn chứng thi”*

Nêu lên nguyên nhân bệnh, cơ chế bệnh về hư thực của hai loại chóng mặt, có thể nói là sâu sắc. Chóng mặt đột ngột phần nhiều là Thực chứng, nguyên nhân bệnh không ngoài Can dương quá gắng thuộc Phong hoặc do đờm thấp nghẽn ở trong, hoặc do phong hỏa xông lên, điều trị nên dồn bỏ tà khí. Chóng mặt từ từ phần nhiều do khí huyết bất túc, thanh dương không thẳng, thuộc hư chứng, điều trị nên bổ ích khí huyết.



**86.Can phong bốc lên đỉnh đầu, vốn thuộc Âm khuy. Đàm trọc dây dưa ở trung cung phần nhiều do Tỳ yếu.**

**Thanh - Vương Húc Cao**

*“Vương Húc Cao yán - Can kinh đàm hỏa”*

Nói lên nguyên nhân và cơ chế hai chứng Can phong và Đàm trọc, phù hợp với nhận thức lâm sàng. Can là tạng phong mộc - thể âm mà dụng dương. Nếu âm huyết bất túc, âm không hàm dương, phần nhiều dẫn đến Can phong nội động, Can dương găng lên, phạm tới đỉnh đầu ở trên gây nên chóng mặt, mắt hoa đầu trướng v.v... Tỳ chủ vận hoá, thăng thanh giáng trọc, là gốc của Hậu thiên. Nếu Tỳ hư mất kiện vận, thuỷ cốc không biến hoá được chất tinh vi, không phân bố được thuỷ thấp thì tụ lại mà thành Đàm, thành Ẩm dây dưa đến Trung quản dẫn đến các chứng nôn oẹ, trướng bụng, kém ăn v.v... Thấm chứng cầu nhân có thể biết được cái gốc của hai chứng này.

**87.Những chứng từ trong phát ra bất túc, kỵ thấy dương mạch như Phù - Hồng - Khẩn - Sác. Những chứng từ ngoài xâm nhập hữu dư, kỵ thấy âm mạch như Trầm - Tế - Vi - Nhược.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Mạch thần chương”*

Mạch chứng tương phản là chứng nghịch. Trương Cảnh Nhạc nói mạch như thể rất khó chữa” là một kinh nghiệm đáng học. Câu này tức là quy nạp hai loại mạch chứng thường gặp có tình huống trái ngược nhau, cần ghi nhớ. Phàm thuộc chứng nội thương hư tổn, kỵ thấy thực mạch (Dương mạch) như Phù Hồng Khẩn Sác. Trái lại phàm là chứng ngoại cảm thực tà, kỵ thấy hư mạch (Âm mạch) như Trầm Vi Tế Nhược. Hai loại tình huống này đều thuộc mạch chứng trái nhau. Thuộc nghịch chứng. Thầy thuốc cần thấu triệt, nhận rõ mà sử dụng thuốc.

**88.Bệnh đột ngột (bạo) mà mạch Phù Hồng Sác là thuận. Bệnh lâu ngày mà Vi Hoãn Nhuyễn Nhược là thuận. Nếu bệnh mới mắc mà Trầm Vi Tế Nhược; bệnh lâu ngày mà Phù Hồng Sác Thực đều là nghịch.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Mạch thần chương”*

Mạch chứng hợp nhau là chứng thuận, bệnh tuy nặng cũng dễ chữa. Mạch chứng trái nhau là chứng nghịch, bệnh khó chữa. Câu này qui nạp kinh nghiệm sự phán đoán mạch chứng thuận nghịch thực là trí thức thông thường. Nói chung, bạo bệnh, tân bệnh đều thuộc chứng hữu dư mạch nên thực như Phù - Hồng - Sác là mạch chứng hợp nhau là chứng thuận. Nếu trái lại thấy hư mạch như Trầm Tế Vi Nhược là thuộc mạch chứng trái nhau, là chứng nghịch. Cũng như bệnh lâu hư chứng thuộc bệnh bất túc, mạch nên có hiện tượng hư như Vi Hoãn Nhuyễn Nhược mới là mạch chứng hợp nhau, thuộc thuận chứng.

Nếu trái lại, thấy Phù, Hồng, Sác, Thực là thuộc nghịch chứng.

## V. HÀN NHIỆT

**89. Bệnh có phát nhiệt ố hàn là phát từ Dương - không nhiệt ố hàn là phát từ Âm.**

**Đông Hán - Trương Trọng Cảnh**

*Thương hàn luận - Biện Thái dương bệnh mạch chứng tính trị*

Nêu lên yếu điểm phân biệt Âm Dương ở thời kỳ đầu phát bệnh ngoại cảm. Tức là lấy đồng thời với chứng ố hàn có kèm chứng phát nhiệt hay không để chia rõ chỗ khác nhau của bệnh chứng loại hình. Cảm nhiễm ngoại tà, phát sốt ố hàn cùng xuất hiện là dương khí có thể tranh giành với tà khí, gọi là bệnh phát ra ở Dương. Nếu chỉ thấy ố hàn mà chưa phát sốt là dương khí còn chưa tranh giành với tà khí, cho nên gọi là bệnh phát ra ở Âm.

**90. Trước ngày Hạ chí là bệnh ôn. Sau ngày Hạ chí là bệnh Thử.**

*“Tổ Vấn - Nhiệt luận”*

Danh ngôn này phân biệt rõ thời lệnh của Ôn bệnh và Thử bệnh. Ôn bệnh với Thử bệnh tuy đều trong phạm vi Nhiệt bệnh, nhưng Thử bệnh có đặc điểm riêng của nó, điều trị đã có một chương riêng. Hạ chí là cái mốc mở đầu của mùa Hạ, cho nên được coi là ranh giới. Nhiệt bệnh phát trước Hạ chí thuộc Ôn bệnh, nhiệt bệnh phát sau Hạ chí là Thử bệnh. Rất có giá trị tham khảo đối với nhận thức phân biệt Thử bệnh.

**91. Thái dương bệnh, phát nhiệt mà khát, không ố hàn là Ôn bệnh.**

**Đông Hán - Trương Trọng Cảnh**

*“Thương hàn luận - Biện Thái dương bệnh mạch chứng tính trị”*

Nêu lên đặc điểm chứng hậu chủ yếu của Ôn bệnh qua đó có thể phân biệt với Thương hàn.

Nguyên nhân bệnh của Thương hàn và Ôn bệnh khác nhau, chứng trạng cũng không giống nhau.

Thương hàn do Hàn làm thương phần biểu cho nên có chứng phát nhiệt ố hàn, miệng không khát.

Ôn bệnh do tà nhiệt nung nấu ở trong phát bệnh là phát nhiệt khát nước ngay, không ố hàn, thật phân biệt không khó. Đờ sau phát triển thành học thuyết Ôn bệnh có thể nói thủy tổ là từ đây.

**92. Chứng thấp nhiệt, đầu tiên ố hàn, về sau chỉ nhiệt không hàn, ra mồ hôi, hung bĩ, rêu lưỡi trắng, khát mà không muốn uống nước.**

**Thanh - Tiết Sinh Bạch**

*“Thấp nhiệt điều biện”*

Họ Tiết cũng là đại gia thuộc Ôn bệnh nghiên cứu sâu về bệnh thấp nhiệt, biên soạn sách “Thấp nhiệt điều biện” phân tích chứng trị bệnh này rất rõ ràng, kết hợp với “Ôn nhiệt luận” của Diệp Thiên Sĩ, chia ra hai loại hình lớn của Ôn bệnh để bàn luận, lý luận dựa vào nhau trở nên vĩnh cửu. Danh ngôn này nêu lên đề cương biện chứng bệnh Thấp nhiệt. Bệnh Thấp nhiệt với Thương hàn, Ôn bệnh đều có chỗ khác nhau.

Trọng tâm bệnh biến của Thấp nhiệt bệnh là Tỳ Vị, đầu tiên có chứng ố hàn là do dương bị thấp lấn át gây nên, khác với loại ố hàn do hàn tà làm thương phần biểu; về sau chỉ nhiệt chứ không hàn là do bị uất mà thành nhiệt, hơn nữa lại còn ố nhiệt.

Nhiệt nặng ở Dương minh thì ra mồ hôi, Thấp làm trở ngại thanh dương thì bĩ đầy. Thấp tà thịnh ở trong thì rêu lưỡi trắng. Nhiệt thịnh tân dịch không đưa lên thì miệng khát. Thấp tà thịnh ở trong nên không muốn uống nước. Trở lên là những chứng thấp nhiệt tất phải có, cho nên được coi là đề cương để nhận thức biện chứng Thấp nhiệt bệnh.

**93. Ôn tà nhiễm ở trên, phạm Phế trước tiên, nghịch truyền Tâm bào.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Ôn nhiệt luận”*

Danh ngôn này khái quát đại cương biện chứng Ôn bệnh, nói rõ nguyên nhân bệnh, con đường cảm nhiễm bệnh tà, bộ vị phát bệnh và xu thế truyền biến của bệnh ôn nhiệt. Diệp Thiên Sĩ cho rằng Ôn bệnh lúc bắt đầu do ôn tà qua miệng mũi phía trên cơ thể mà vào, trước tiên xâm phạm kinh Thủ Thái âm Phế, khác hẳn với Thương hàn bệnh tà do bì mao mà vào, trước tiên xâm phạm kinh Túc Thái dương Bàng quang. Điểm này là công hiến to lớn cho học thuyết Ôn bệnh của họ Diệp.

Sau khi ôn tà xâm phạm vào Phế kinh, nói chung có thể từ nông vào sâu, truyền đến kinh Túc Dương minh Vị, dẫn đến chứng thực nhiệt ở khí phạm, gọi là “thuận truyền”. Nếu như ôn tà quá nặng nề dẫn đến bệnh tình biến hoá nhanh, thì có thể trực tiếp từ Phế Vệ hãm vào trong Tâm bao, xuất hiện các chứng trạng nguy hiểm ở Doanh phạm như hôn mê nói sáng v.v... đó tức là nói nghịch truyền”. Đây là điểm cần phải chú ý ở điều trị Ôn bệnh ở thời kỳ đầu.

#### **94.Sau vệ mới nói khí. Sau doanh mới nói huyết**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Ôn nhiệt luận”*

Danh ngôn này khái quát rất cao cơ chế bệnh nông sâu và thứ tự bệnh tình phát triển của Ôn bệnh, trở nên cương lĩnh biện chứng của Ôn bệnh. Diệp Thiên Sĩ là người đặt nền móng cho học thuyết Ôn bệnh, người đầu tiên sáng lập học thuyết Vệ - Khí - Doanh - Huyết, đến nay vẫn được mọi người tôn phục.

Vệ phạm đại biểu cho giai đoạn biểu nhiệt ở thời kỳ đầu của Ôn bệnh. Khí phạm đại biểu cho giai đoạn lý nhiệt thực chứng ở thời kỳ giữa của Ôn bệnh, là thời kỳ ôn tà đã từ Biểu vào Lý, vị trí bệnh sâu thêm một bậc nữa. Doanh phạm đại biểu cho giai đoạn Ôn bệnh bị hãm ở trong, ôn tà vào lý càng sâu. Huyết phạm đại biểu cho giai đoạn suy kiệt, thời kỳ cuối của Ôn bệnh, bệnh tình rất sâu nặng. Bốn giai đoạn từ nhẹ đến nặng khác nhau, danh ngôn này vừa là cương lĩnh biện chứng của Ôn bệnh, và cũng là kinh nghiệm quý báu để chỉ đạo trị liệu.

#### **95.Ôn bệnh khám lưỡi là chủ yếu**

**Thanh - Ngô Cúc Thông**

*“Ôn bệnh điều biện - Trung tiêu thiên”*

theo nhận xét của Uông Đình Chân

Danh ngôn này nêu tính trọng yếu về chẩn đoán qua hiện tượng lưỡi trong Ôn bệnh thật là lời nói kinh nghiệm. Phân biệt lưỡi là phương pháp trọng yếu trong chẩn đoán Ôn bệnh. Trong “Ôn nhiệt luận” của Diệp Thiên Sĩ có dành một phần ba số thiên bàn luận về hiện tượng lưỡi, đủ thấy được coi trọng như thế nào.

Lưỡi có mối liên hệ với khá nhiều kinh lạc của năm Tạng sáu Phủ, cho nên tính chất cảm nhiễm tà khí, bệnh biến nông sâu, tân dịch có tổn thương hay không của Ôn bệnh đều có thể thông qua qua hiện tượng phản ánh của lưỡi mà ra. Ngoài ra,

trong Ôn bệnh, sự biểu hiện biến hoá của bệnh tình có đặc điểm là phản ánh hiện tượng lưỡi rất nhanh chóng chuẩn xác, so với hiện tượng khám mạch lại càng khách quan. Người xưa có câu nói: “bệnh nhiệt chú trọng vào lưỡi, tạp bệnh chú trọng vào mạch”, là phản ánh điểm này.

**96. Ban là nhiệt độc ở Dương minh. Chẩn là phong nhiệt ở Thái âm.**

**Thanh - Lục Tử Hiền**

*“Lục nhân điều biện - Ban Chẩn điều biện”*

**97. Ban là bề sâu của cơ nhục. Chẩn ở chỗ khá nông của huyết lạc.**

**Đương đại - Tần Bá Vị**

*“Trung y lâm chứng bị yếu - Phát hồng chẩn”*

Ban Chẩn đều là đặc trưng trọng yếu của Ôn bệnh, do tà nhiệt bị uất ở doanh huyết không tiết được ra ngoài mà phát sinh. Những nốt Ban nổi thành mảng lớn, có hình trạng đập vào mắt nhưng lại không có cảm giác vướng tay, ấn vào sắc không biến đổi. Chẩn thì hạt nhỏ vỡ vụn, hình như hạt thóc nổi rõ lên bì phu, sờ vào vướng tay.

Nói theo bệnh cơ trên, Dương minh quá nhiệt, bức bách doanh huyết ở trong, huyết theo cơ nhục thấm ra ngoài thì hình thành Ban. Tà nhiệt uất ở Phế, bên trong len lỏi vào doanh phận, qua cơ phu huyết lạc mà ra, thì hình thành Chẩn. Cho nên mới có thuyết “Ban ra từ Dương minh, Chẩn ra từ Thái âm”.

Qua mức độ bệnh biến mà nói, “Trung y lâm chứng bị yếu” vạch rõ: “Ban thuộc bề sâu của cơ nhục; Chẩn ở nơi khá nông của huyết lạc”. Có thể thấy hình thành Ban Chẩn, vị trí bệnh có Phế Vị khác nhau; về bệnh biến có nông sâu không giống nhau. Đương nhiên, Ban Chẩn cũng có thể đồng thời xuất hiện, là do Phế Vị đều nhiệt, mà Vị nhiệt là chủ yếu.

**98. Ban phần nhiều là thuộc huyết. Chẩn không ít là thuộc khí.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Ôn nhiệt luận”*

Ý nghĩa danh ngôn này gần giống với danh ngôn số 97. Đều là nói trọng điểm bệnh cơ của Ban Chẩn. Ban là Dương minh nhiệt tà vị uất ở doanh phận phát ra

ngoài cơ nhục mà hình thành. Dương minh là kinh nhiều huyết, cho nên phần nhiều thuộc huyết.

Chẩn là phong nhiệt ở Thái âm len lõi quấy rối huyết lạc phát ra ngoài bì phu mà gây nên. Thái âm là kinh nhiều khí ít huyết, cho nên phần nhiều thuộc khí phạm.

Phân biệt bệnh cơ Ban Chẩn như trên rất có ý nghĩa chỉ đạo.

**99. Hỏa do Thực nhiệt đến dữ dội mà tất phải có lý do cảm mạo. Hỏa của Hư nhiệt đến từ từ, mà tất phải do nguyên nhân tích tổn.**

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Tạp bệnh nguyên - Mệnh môn”*

Danh ngôn này phân tích nguyên nhân bệnh, quá trình phát bệnh và sự hoãn cấp khác nhau của Hư hỏa và Thực hỏa rất có ý nghĩa trong chẩn đoán phân biệt.

Thực hỏa phần nhiều do nguyên nhân của cảm nhiễm ngoại tà phát sinh, thuộc Thực chứng, bệnh phát gấp, xu thế hung dữ cho nên nói đến dữ dội”.

Hư hỏa là do nội thương tích tổn gây nên, thuộc Hư chứng, phát bệnh từ từ, xu thế bệnh chậm, cho nên nói đến từ từ”. Nắm vững những nguyên tắc này rất bổ ích khi biện chứng luận trị bệnh chứng Hỏa Nhiệt.

**100. Nội nhiệt là phiền - ngoại nhiệt là táo. Phiền phát sinh từ Phế, táo phát sinh từ Thận. Nhiệt truyền đến Phế Thận thì đều xuất hiện phiền táo.**

**101. Phiền là dương, thuộc cái hỏa có “căn” cho nên chỉ phiền không táo, hoặc trước phiền sau táo, đều là dễ chữa. Táo là âm, thuộc cái hỏa “vô căn” cho nên chỉ táo không phiền và trước táo sau phiền đều khó trị**

**Thanh - Lâm Bội Cầm**

*“Loại chứng trị tài - Phiền táo luận trị”*

Hai danh ngôn này giới thiệu sự khác nhau về nguyên nhân và cơ chế bệnh, vị trí bệnh của hai chứng Phiền và Táo, và chỉ ra tiên lượng khác nhau.

Trong ngực nóng mà không yên là Phiền, vị trí bệnh ở Phế. Tay chân nóng mà không yên là Táo, vị trí bệnh ở Thận.

Phiền Táo tuy nhiên cùng gọi chung - Thực ra là 2 loại chứng hậu. Nói theo cơ chế bệnh, phiền thuộc chứng Dương nhiệt, vô luận là hư nhiệt hay thực nhiệt, đều thuộc Dương chứng, thuộc cái hỏa có “căn”, cho nên dễ chữa. Mà Táo thuộc Âm chứng, là chứng xuất hiện do Thận dương hư bức dương ra ngoài, nên thuộc hỏa vô căn, nên nói là “khó chữa”. Tồn Bá Vị tác giả “Trung y lâm chứng bị yếu” nhận định chứng này xuất hiện trong nhiệt bệnh, chữa Phiền dùng Chi tử sị thang, chữa Táo dùng Tứ nghịch thang, sau khi bệnh lui còn dư nhiệt, hư phiền không yên, dùng Trúc nhự thang, có thể tham khảo.

**102. Chân răng chảy máu và đau là Vị hỏa xung kích, nếu không đau là Long hỏa hun đốt ở trong.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Ôn nhiệt luận”*

Đây là biện chứng Hư Thực của chứng chân răng chảy máu. Căn cứ vào triệu chứng đau với không đau để phân biệt Vị hỏa với Thận hỏa khác nhau. Thực chứng chân răng chảy máu phần nhiều thuộc Vị hỏa bốc lên, trong miệng hôi bốc, đau và lượng chảy máu nhiều, điều trị chủ yếu phải thanh tả Dương minh. Hư chứng phần nhiều thuộc Thận âm bất túc hư hỏa (Long hỏa) hun đốt ở trong, răng lung lay, không đau mà huyết thấm ra không nhiều, điều trị nên tư âm giáng hỏa.

**103. Có mồ hôi mà phiền táo là Lý chứng, nên thanh nhiệt. Không mồ hôi mà phiền táo là biểu chứng, nên tán biểu.**

**Thanh - Tồn Hoàng Sĩ**

*“Thương hàn đại bạch - Phiền táo”*

Danh ngôn này là điểm chủ yếu căn cứ vào có mồ hôi hay không để phân biệt chứng phiền táo thuộc biểu hay thuộc lý, thật là kinh nghiệm đáng bàn. Phiền Táo mà có mồ hôi là do nội nhiệt hun đốt bức tân dịch tiết ra ngoài gây nên, vì vậy nên thanh lý nhiệt. Phiền táo mà không ra mồ hôi là biểu tà chưa giải, dương nhiệt bị uất gây nên, phép trị nên giải biểu thì phiền táo trừ được.

**104. No say thì hỏa nổi lên từ Vị; phòng lao thì hỏa nổi lên từ Thận; quá giận thì hỏa nổi lên từ Can; buồn thương động ở trong thì hỏa nổi lên từ Phế.**



**Nguyễn - Chu Đan Khê**

*“Cách trí dư luận - Sát khí luận”*

Danh ngôn này quy nạp nguyên nhân bệnh thường gặp do Tương hỏa vọng động, thể hiện quan điểm học thuật của họ Chu về Tương hỏa.

Quá no quá say, ăn uống tích trệ sẽ dẫn đến nung nấu thấp sinh nhiệt, đây là hỏa nổi lên từ Vị. Phòng lao quá độ, Thận tinh hao ngấm ngấm, Âm không chế Dương thì hỏa nổi lên từ Thận. Năm chí quá cực đều có thể hoá hỏa. Quá giận thì Can dương nở ra đột xuất, hoá hỏa sinh phong, là hỏa nổi lên từ Can. Chí của Phế là lo, buồn lo quá mức, khí uất không giải được thì hỏa nổi lên từ Phế... Những điều này đúng là những nguyên nhân thường gặp dẫn đến bệnh biến gây nên hỏa nhiệt ở các Tạng.

**105. Ôn nhiệt vốn là khí thường thấy trong bốn mùa. Ôn dịch là cái lệ khí trong trời đất.**

**Thanh - Lôi Thiếu Quỳnh**

*“Thời bệnh luận - Thấp ôn rất đồng luận”*

Danh ngôn này nêu lên nhân tố gây nên Ôn bệnh và Ôn dịch, và nói rõ đặc điểm sinh lý khác nhau của hai loại ấy.

Phát sinh Ôn bệnh phần nhiều mang tính thời tiết rõ rệt đó là do khí hậu biến hoá của bốn mùa gây nên, như Xuân ôn, Thử ôn, Thu táo v.v.. nói chung không có tính truyền nhiễm.

Ôn dịch là do lệ khí trong trời đất gây nên, tương đương với các bệnh lây ngày nay, vì thế Ôn dịch mang tính truyền nhiễm, đó là điểm phân biệt chủ yếu với Ôn bệnh. Đương nhiên, theo quan điểm của y học hiện đại, một số trường hợp Ôn bệnh cũng có tính truyền nhiễm, đó là vì điều kiện hạn chế chưa nhận thức được của cổ nhân. Hiện tại nói chung cũng sát nhập Ôn dịch vào phạm vi Ôn bệnh. Nếu là như vậy, thì khái niệm phân biệt rõ rệt giữa Ôn bệnh và Ôn dịch thì trong chỉ đạo phòng chữa bệnh vẫn mang ý nghĩa trọng yếu - Vì Ôn dịch là từ trong Ôn bệnh có đầy đủ tính truyền nhiễm mãnh liệt và có thể tiến tới một loại bệnh dịch, phần nhiều có xu thế hung dữ, sự nguy hại so với Ôn bệnh nói chung càng mạnh hơn vì vậy cần coi trọng cao độ trong việc phòng trị Ôn dịch.

**106. Hỏa là cái “căn” của chẩn. Chẩn là cái “mầm” của hỏa**

**Thanh - Dư Sư Ngu**

*“Dịch chẩn nhất đắc - Dịch chẩn án”*

Hỏa độc là bệnh căn của Dịch chẩn. Dịch chẩn là biểu hiện của hỏa độc. Câu này nói lên nguyên nhân cơ chế bệnh của dịch chẩn. Họ Dư nghiên cứu sâu về Dịch chẩn, đã biên soạn cuốn sách “Dịch chẩn nhất đắc”, có thể nói là tác phẩm chuyên đề về phương diện Dịch chẩn, là cống hiến cho sự phát triển của Ôn bệnh học. Ông cho rằng Dịch chẩn không ngoài cái nóng bản thủ, xâm phạm Phế Vị, phân tán ra 12 kinh mạch gây nên, điều trị nên dùng loại thuốc đại hàn giải độc, trọng dụng Thạch cao, đã sáng tác ra bài thuốc nổi tiếng Thanh ôn bại độc ẩm, cho đến nay vẫn là phương thuốc chữa Ôn dịch rất hiệu quả.

**107. Dịch độc phát ban là cái độc phân tán. Dịch độc phát nhọt, là cái độc hội tụ.**

**Thanh - Dư Sư Ngu**

*“Dịch độc nhất đắc - Ôn độc phát sương”*

Danh ngôn này phân tích dịch độc xâm phạm bì phu, gây nên hai loại bệnh biến khác nhau và nhận thức về cơ chế bệnh thật là tâm đắc đáng bàn. Khi dịch độc từ trong hướng ra ngoài tràn lan khắp bì phu, biểu hiện ra ban chẩn, đó là tán ra ngoài của biểu tán. Khi dịch độc tụ tập ở cục bộ bì phu, thường dẫn đến ung nhọt, đó là biểu hiện độc tụ lại. Nói chung, bệnh tình loại sau so với ban chẩn nặng hơn, nên điều trị bằng thang thuốc thanh nhiệt giải độc liều cao.

**108. Nguyên nhân ung thư là do hỏa độc sinh ra**

**Thanh - Ngô Khiêm**

*“Y tông kim giám - Ung thư tổng luận ca”*

Câu này nêu nguyên nhân bệnh chủ yếu của chứng Ung thư thuộc dương tính, là câu nói xác thực. Hỏa là Dương tà, nếu phạm vào huyết phận sẽ tụ ở cục bộ, gặm nhấm huyết nhục nát loét, thì phát sinh ung thư mụn ngứa.

Thiên “Ung thu” sách *Linh Khu* viết: “Đại nhiệt không dứt, nhiệt thăng là thịt nát, thịt nát thì thành mủ, cho nên gọi là ưng” nói lên nguyên nhân bệnh chủ yếu của ưng thư là nhiệt độc. Dương nhiên lâm sàng biện chứng lấy cục bộ sưng đỏ nổi cao nóng rát là ung thư thuộc hỏa, thuộc dương, còn Âm thư thì bàn riêng.

**109. Hàn thấp từ trong sinh ra, sắc rất tối trệ.**

**Thanh - Thạch Thị Nam**

*“Y nguyên - Vọng bệnh nghi sát thần khí luận”*

Danh ngôn này nói lên đặc điểm biến hoá về màu sắc do tà khí hàn thấp gây nên, phù hợp với thực tế lâm sàng. Hàn thấp đều là âm tà, dễ làm ngưng trệ khí huyết, phản ánh lên sắc mặt tất nhiên tối trệ không tươi.

**110. Dương hư tự ra mồ hôi tất ố hàn. Hỏa nhiệt tự ra mồ hôi tất táo nhiệt.**

**Thanh - Lý Dụng Tử**

*“Chứng trị vãng bổ - Ngoại thể môn”*

Danh ngôn này quy nạp những yếu điểm biện chứng giữa dương hư tự ra mồ hôi và hỏa nhiệt tự ra mồ hôi, phù hợp với thực tế lâm sàng. Dương hư tự ra mồ hôi là do khí của Vệ dương bất túc, biểu hư không bền, tân dịch tự tiết ra gây nên. Dương hư thì ngoại hàn cho nên có chứng ố hàn. Hỏa nhiệt tự ra mồ hôi là do tà nhiệt thịnh ở trong, bức tân dịch tiết ra ngoài gây nên. Tà nhiệt quấy rối ở trong lại thêm ra mồ hôi tổn thương tân dịch cho nên tất có chứng táo nhiệt.

**111. Người bệnh mình đại nhiệt lại muốn được mặc áo, đó là nhiệt ở bì phu, hàn ở cốt tủy. Người bệnh mình đại hàn lại không muốn mặc áo, đó là hàn ở bì phu, nhiệt ở cốt tủy.**

**Đông Hán - Trương Trọng Cảnh**

*“Thương hàn luận - Biện Thái dương bệnh mạch chứng tính trị”*

Danh ngôn này tổng kết phương pháp phân biệt chân giả của hàn nhiệt. Trong tình huống bệnh tình mâu thuẫn phức tạp, chứng hàn nhiệt ở biểu dễ xuất hiện giả tượng, mà hàn nhiệt ở lý mới là biểu hiện đích thực. Trọng Cảnh bám vào cảm giác của bản thân người bệnh lấy làm mẫu chốt để phân biệt chân giả của hàn nhiệt mà không bị hiện tượng bề ngoài che dấu. Nói bì phu là chỉ ngoài biểu - nói cốt tủy là chỉ ở trong lý. Bệnh nhân ngoài biểu đại nhiệt, trái lại tự cảm thấy rất lạnh lại thêm ý muốn mặc áo nói lên ngoài thì nhiệt mà lý thì hàn; ngoài nhiệt là giả, lý hàn là chân.

Nếu bệnh nhân ngoài biểu đại hàn trái lại không cảm thấy giá lạnh và không muốn mặc thêm áo, đó là ngoài thì hàn mà lý thì nhiệt. Ngoại hàn là giả, lý nhiệt là chân.

Tóm lại lấy cảm giác bản thân người bệnh để làm chỗ dựa cho biện chứng.

**112. Hai phép Hàn, ôn, sử dụng căn cứ vào thích ấm hay thích mát. Dùng thuốc tư hay táo khác nhau ở chỗ hỏi bệnh nhân đại tiện rít hay đại tiện lỏng.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Vị quản thống”*

theo án của Thiệu Tân Phủ

Hai câu này tổng kết kinh nghiệm biện chứng điều trị chứng Vị quản thống.

Vị thống do hư hàn, biểu hiện là thích chườm ấm, thích ăn nóng, điều trị nên dùng phép ôn.

Do hư nhiệt, biểu hiện là ưa uống lạnh, thích ăn thứ mát, điều trị nên dùng thuốc hàn. Đó cũng là nói căn cứ vào sự ưa thích ấm, mát làm căn cứ biện chứng hàn, nhiệt, lại căn cứ vào đó mà chọn dùng các phép trị ấm và lạnh.

Như vậy có thể căn cứ tình trạng đại tiện khô rít hoặc ỉa chảy để phán đoán chứng Vị thống đó là âm khuy hay là thấp thắng gây nên, căn cứ vào sự khác nhau đó mà chọn dùng phép chữa hoặc tư nhuận, hoặc ôn táo.

Trên thực tế, không chỉ có chứng Vị quản thống là biện chứng luận trị như thế, suy rộng ra, các tật bệnh khác cũng có giá trị tham khảo trong biện chứng luận trị.

**113. Giả hàn thì hơi dùng thuốc ấm tất thấy táo phiền. Giả nhiệt thì hơi dùng thuốc lạnh tất thấy nôn oẹ.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Truyền trung lục - Hàn nhiệt chân giả thiên”*

Danh ngôn này tổng kết kinh nghiệm vận dụng phép thử bệnh đối với bệnh chứng chân giả hàn nhiệt khá độc đáo. Trên lâm sàng nếu đích xác là có bệnh chứng khó phân biệt được hàn nhiệt, trong lúc nghi ngờ đó, Cảnh Nhạc nêu ra phép thử bệnh, tức là thử bằng cách trước tiên cho uống tý thuốc để theo dõi phản ứng mà xác định bệnh tình.

Nếu quả là còn nghi ngờ về Hàn chứng, trước tiên dùng tỳ thuốc hoàn toàn có vị ấm cho uống. Nếu thuộc loại giả hàn thể tất có chứng chân nhiệt. Lại cho uống tỳ chút thuốc ôn tất nhiên là phiền táo, cho nên biết đấy là giả hàn.

Cùng lý lẽ như thế, giả nhiệt mà thử thách chút ít thuốc hàn, tất nhiên dẫn đến Vị khí nghịch lên mà nôn oẹ, như thế thì biết đó là giả nhiệt. Phép thử bệnh này, cả về tinh thần và ý nghĩa cho đến nay vẫn được áp dụng.

**114. Giả nhiệt tất không thích nước, dù có thích nước, sau khi uống vào thấy mưa, nên lấy thuốc ôn nhiệt mà chữa. Giả hàn tất thích nước, hoặc sau khi uống lại thoải mái không có hiện tượng nghịch, nên lấy thuốc hàn lương mà chữa.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Truyền trung lục - Hàn nhiệt chân giả thiên”*

Trên lâm sàng có chứng hàn nhiệt chân giả. Hiện tượng giả che lấp sự thật, nếu không xét kỹ, thường dẫn đến chẩn đoán sai lầm, nên đặc biệt chú ý. Danh ngôn này tổng kết một phương pháp thử chân giả hàn nhiệt, đơn giản dễ thực hiện thật là kinh nghiệm đáng bàn.

Giả nhiệt thì bên trong có chân hàn, thuộc âm tà, tự nhiên không ưa uống nước lạnh (họ Trương nói “nước” ở đây là chỉ nước lạnh) mới nhấp nước hoặc nuốt trôi, cũng tất do âm hàn ngăn cách, Vị khí nghịch lên mà mưa.

Giả hàn thì bên trong có chân nhiệt, tự nhiên thích uống nước lạnh để tự cứu, sau khi uống vào thấy thoải mái. Danh ngôn này với danh ngôn số 113 có thể tham khảo chung.

## VI. HƯ THỰC

**115. Cốt yếu của Hư Thực, không tránh khỏi xem mạch ở tay. Nếu mạch đúng là có lực, đúng là có thần, mới đúng là Thực chứng. Nếu mạch giống như có lực, giống như có thần đó là giả Thực chứng.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Truyền trung lục - Hư thực thiên”*

Danh ngôn này có ý nghĩa phân biệt hai chứng Hư Thực trong mạch chẩn rất chí lý. Tật bệnh là sự đấu tranh tiêu trưởng giữa tà khí và chính khí, sản sinh ra biến hoá bệnh lý hư và thực, mà mạch tượng có lực hay không có lực, có thần hay không có thần, chính là phản ảnh chân thực hai loại chứng hậu Hư - Thực. Nói chung mấu chốt của phân biệt chân giả Hư Thực, cổ nhân phần nhiều lấy mạch tượng làm chuẩn, đặc biệt là khi xử lý những chỗ nghi ngờ của Hư Thực lại càng phải dựa vào mạch tượng như thế.

**116. Bệnh thuộc Thực, lưỡi tất rắn chắc kiêm già giặn. Bệnh thuộc Hư, lưỡi tất non bệu kiêm yếu mềm.**

**Thanh - Dương Văn Phong**

*“Lâm chứng nghiệm thiết pháp”*

Danh ngôn này nêu đặc điểm biểu hiện trên lưỡi của hai loại bệnh chứng Hư Thực có tác dụng trong chẩn đoán phân biệt. Họ Dương nói: “Cái lý của sự vật, thuộc thực thì hình trạng rắn chắc, màu sắc già giặn; hư thì hình trạng non bệu, màu sắc non nớt. Bệnh tật thể hiện lên lưỡi, hình và sắc cũng như thế”. Xét nghiệm trên lâm sàng đúng như vậy.

Phàm chất lưỡi có nếp lằn thô xốp, hình sắc rắn chắc già giặn, bất luận màu sắc rêu lưỡi như thế nào, đều thuộc Thực chứng. Phàm chất lưỡi có nếp lằn nhỏ nhớt, hình sắc non bệu yếu ớt đều thuộc Hư chứng. Du Căn Sơ viết *“Thông tực Thương hàn luận”* cũng nói: “Phàm chất lưỡi rắn chắc mà kiêm già giặn, bất luận màu sắc rêu lưỡi trắng vàng đen tro, bệnh phần nhiều thuộc Thực. Chất lưỡi béo mập mà kiêm non bệu, màu sắc rêu lưỡi bất luận là tro đen vàng trắng, bệnh phần nhiều thuộc Hư. Đây là những nét chủ yếu để phân biệt chất lưỡi già, non để đoán bệnh Hư, Thực. So với những danh ngôn nói trên cũng chỉ là một.

**117. Bệnh đột ngột không do Hư. Bệnh lâu ngày không do Thực.**

**Thanh - Du Căn Sơ**

*“Thông tục thương hàn luận - Thương hàn chứng pháp”*

Danh ngôn này căn cứ vào thời gian mới hay cũ để phán đoán tình hình hư thực của bệnh, phù hợp với qui luật chung. Bệnh đột ngột và bệnh mới mắc, phần nhiều do cảm nhiễm ngoại tà gây nên. Vì chính khí chưa hư, cho nên đa số là Thực chứng. Bệnh đã lâu phần nhiều do chính khí bất túc phát sinh, cho nên đa số là Hư chứng. Đây là chỉ những tình huống nói chung, đương nhiên bệnh mới mắc, bệnh đột ngột cũng có khi thuộc Hư. Bệnh đã lâu cũng có khi thuộc Thực, lâm sàng nên căn cứ vào cụ thể mà phân tích, không nên câu nệ.

**118. Bệnh rất Thực mà có chứng trạng gầy yếu ớt, nhằm dùng bổ thì bệnh càng tăng. Bệnh rất hư mà có chứng hậu mạnh mẽ, dùng thuốc tả nhằm thì ngậm oan.**

**Minh - Lý Trung Tử**

*“Y tôn tất độc - Nghi tự chi chứng tu biện luận”*

Gầy yếu, Trung văn là “Nuy”, ý của danh ngôn này là: Vốn là chứng bệnh tà khí thịnh có khả năng biểu hiện một số chứng trạng hư giả yếu ớt, nếu nhận nhầm là thuộc Hư cho dùng phép Bổ thì trái lại giúp tà khí làm bệnh tình nặng thêm. Trái lại người bệnh hư yếu đến cực điểm cũng có khả năng biểu hiện hư giả là Thực chứng (mạnh mẽ). Nếu nhận nhầm là Hư mà dùng phép công, thì lại làm tổn thương chính khí mà bệnh càng nặng dẫn đến tử vong.

Lý Trung Tử rất coi trọng và sở trường về phân biệt nhận thức những chứng nghi ngờ tương tự này. Danh ngôn này khuyên chúng ta, đối với chứng nghi ngờ giống nhau hư thực lẫn lộn, nên bỏ qua hiện tượng giả tạo bề ngoài mà phân biệt cho rõ bản chất đích thực, nếu không thì hư thực không phân biệt, làm hao cái bất túc làm tăng cái hữu dư, xúc phạm đến điều răn “hư hư thực thực” là điều tối kỵ của y gia.

Cổ Tùng Viên đời Thanh trong sách “*Cố thị y kính*” trích dẫn danh ngôn này, đem câu “rất thực mà có tình trạng yếu ớt” đổi làm “đại thực có tình trạng yếu ớt” lưu truyền rất rộng, thực ra là bắt nguồn từ danh ngôn của họ Lý.

**119. Trong Hư kiêm Thực, dấu toàn thân đều có hiện tượng Hư, chỉ một vài chỗ thấy Thực chứng, thì cái Thực chứng ấy lại là rất khẩn thiết (quan tâm). Trong Thực kiêm Hư, dấu toàn thân đều có hiện tượng Thực, chỉ một vài chỗ thấy Hư chứng, thì cái Hư chứng ấy lại là rất khẩn thiết. Cảnh Nhạc nói “một chỗ chứa kẻ gian” là như thế.**

**Thanh - Du Cán Sơ**

*“Thông tục thương hàn luận – Khí huyết hư thực chương”*

Danh ngôn này nêu lên một nguyên tắc về phương diện nhận thức biện chứng và điều trị đối với chứng Hư Thực lẫn lộn. Tức là cái chứng “một chỗ chứa kẻ gian” lại càng “rất khẩn thiết” cần trị liệu trước. Ví dụ như chứng Can huyết lao ở phụ nữ, gầy còm tiều tụy, da dẻ tróc vảy, kém ăn, ngũ tâm phiền nhiệt, rõ ràng là một loạt hư chứng, nhưng chất lưỡi tía tối, kinh nguyệt đình lại lâu ngày không thấy, mạch sắc hữu lực, là có hiện tượng huyết ứ, đấy là “một vài chỗ thấy Thực chứng” theo phép phải trừ ứ sinh huyết mới. Lại như chứng Trưng Hà lâu ngày, bụng có tích khối, mó vào thì đau, lưỡi có hiện tượng ứ huyết, rõ ràng là một loạt hiện tượng Thực chứng, nhưng tinh thần lại bạc nhược yếu sức, kém ăn, đó là trong thực kèm hư, thì Hư chứng lại là điều khẩn thiết, điều trị trước hết phải bổ nguyên khí rồi mới tiến hành công phạt. Đương nhiên đã là chứng Hư Thực lẫn lộn, cũng có thể áp dụng phép vừa công vừa bổ.

**120. Có khi Thực chứng mà mạch lại Vi Nhược giống như Hư, là vì khí úng át gây nên. Có khi Hư chứng mà mạch lại cường vượng giống như Thực, là vì nguyên khí đã bộc lộ.**

**Thanh - Chương Hư Cốc**

*“Y môn bổng át – Vọng vấn vấn thiết”*

Danh ngôn này nêu hai tình huống mạch giả mà chứng chân, qua đó thấy được tính trọng yếu phải tham khảo cả mạch và chứng trong khi biện chứng.

Thực chứng vốn nên thấy Thực mạch, nhưng vì tà khí úng át, chính khí bị ức chế, biểu hiện ra mạch tượng thì Vi Nhược như hiện tượng Hư, đó là giả mạch. Trái lại một số Hư chứng vì nguyên khí không chống đỡ nổi phải bộc lộ ra ngoài, hiện tượng mạch rõ ràng mạnh mẽ như hiện tượng Thực, như thế cũng giả mạch. Hai tình huống này đều nên bỏ mạch theo chứng, không bị cái mạch tượng Hư Giả nó mê hoặc.



**121. Đau mà trướng bế phần nhiều là Thực, không trướng không bế phần nhiều là Hư. Đau mà cự án là Thực, xoa nắn được là Hư. Thích hàn phần nhiều là Thực. Thích nhiệt phần nhiều là Hư. No mà đau tăng phần nhiều là Thực. Đói mà đau tăng phần nhiều là Hư. Mạch Thực thở thô phần nhiều là Thực. Mạch Hư thở yếu phần nhiều là Hư. Bệnh mới người khoẻ nhiều phần là Thực. Bệnh càng công càng kịch phần nhiều là Hư. Đau ở Kinh thì phần nhiều Huyền Đại. Đau ở Tạng thì mạch phần nhiều Trầm Vi.**

**Thanh - Dụ Gia Ngôn**

*“Y môn pháp luật - Tiên triết cách ngôn”*

Danh ngôn này khái quát yếu điểm chẩn đoán phân biệt sự đau đớn của hai loại Hư - Thực khá là thực dụng có thể dựa vào đó để phân biệt. Đau mà kèm theo khí trướng táo bón là biểu hiện tà thực; không trướng không bế là thuộc Hư. Đau do thực là do khí huyết ngưng trệ cho nên cự án. Đau do hư là do khí huyết bất túc cho nên ưa xoa nắn.

Đau mà ưa lạnh là bên trong phần nhiều Thực nhiệt, ưa nhiệt là bên trong phần nhiều hư hàn. Vị có tích trệ thì khi ăn no bị đau là thuộc Thực. Trong Vị hư yếu khi đói lại càng đau là thuộc Hư.

Mạch Thực thở thô vốn là hiện tượng Thực. Mạch Hư khí hư vốn là thuộc Hư chứng. Mới bị bệnh mà trẻ tuổi, phần nhiều là tà thực, chính khí còn thịnh nên thuộc loại đau do Thực. Đau do hư mà lại thì hành công phạt là phạm vào cái lỗi “hư hư” bệnh tự nhiên nặng thêm. Đau ở đường Kinh là chính khí còn chống được tà, cho nên mạch phần nhiều Huyền Đại. Đau ở Tạng phần nhiều là chính khí đã hư cho nên mạch thấy Trầm Vi...

Những điều trên là bàn đại khái, bệnh chứng cụ thể còn phải phân tích những biểu hiện khác. Trương Cảnh Nhạc đời Minh cũng bàn tương tự trong “*Chất nghi lục*” có thể tham khảo.

**122. Đau thì không thông.**

**Kim - Lý Đông Viên**

*“Y học phát minh - Bản thảo thập tễ”*

**123. Đường Lạc bị hư thì đau.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam yán - Ngược”*

Hai danh ngôn trên phân biệt cơ chế chứng đau của hai loại Hư, Thực. Nhìn chung đã khái quát được cơ chế bệnh hoàn chỉnh của chứng đau. Đau là chứng trạng thường gặp, cơ chế bệnh tất cả là do khí huyết thất thường gây nên.

Đau do thực là vì tà khí úng át, khí trệ huyết ứ, mạch lạc không thông gây nên, điều trị nên dùng phép hành khí hoạt huyết và tuyên thông. Đau do hư là vì khí huyết suy hư không khả năng sưởi ấm và nhu nhuận đến nổi lạc mạch mất sự nuôi dưỡng gây nên, điều trị nên bổ ích khí huyết.

Người đời nay thường biểu đạt hai danh ngôn này là “không thông thì đau” và “không vinh nhuận thì đau”, lời nói càng thiết thực, lưu truyền khá rộng.

**124. Bụng đầy có lúc giảm rồi lại như cũ, đó là vì hàn, nên cho uống thuốc ấm.**

**125. Bụng đầy không giảm, giảm không đáng kể, nên dùng thuốc Hạ.**

**Đông Hán - Trương Trọng Cảnh**

*“Kim quỹ yếu lược - Phúc mãn hàn sán túc thực bệnh mạch chứng trị”*

Danh ngôn này nêu yếu điểm phân biệt triệu chứng bụng đầy gây nên hai chứng Hư và Thực theo cách so sánh rành mạch. Câu trên là do Tỳ Vị hư hàn, chức năng vận hoá giảm sút gây nên. Kinh nói: “Tạng hàn sinh bệnh đầy” tức là nói tình huống này. Vì hàn khí hoặc tụ hoặc tan cho nên bụng đầy có lúc giảm, có lúc lại như cũ, nên điều trị bằng thuốc ấm như dùng phương Lý trung thang.

Câu sau là do khí trệ với táo khí kết tụ mà thành chứng Lý thực, bụng đầy không có lúc giảm nhẹ, “giảm không đáng kể” mà trước mắt là muốn nói bụng đầy không giảm”. Chứng Lý thực nên dùng thuốc hạ. bài thuốc như Đại Thừa khí thang.

**126. Vật phải nát trước rồi sau mới sinh ra. Người phải hư trước rồi sau bệnh mới theo đó sinh ra.**

**Thanh - Ngô Trừng**

*“Bất cư tập - Bệnh hậu điều trị”*

Danh ngôn này lấy thủ pháp hình tượng so sánh để nói nguyên lý bệnh do chính khí hư. Cũng có thể coi là cước chú sinh động của câu Kinh văn: “Tà sở dĩ lần chiếm được là do chính khí hư”.

**127. Thổ hạ quá mức, Khí không vẹn toàn.**

**Thanh - Vưu Tại Kính**

*“Kim quĩ yếu lược tâm điền - Đàm ẩm thiên”*

Danh ngôn này nêu vấn đề sau khi nôn mửa và ỉa chảy quá độ, tất là phải tổn hại đến chính khí, đề ra một căn cứ biện chứng về Khí hư. Sự sinh thành tân dịch của người ta, phân bố và bài tiết đều phải nhờ vào công năng khí hoá của tạng phủ và khí cơ thăng giáng xuất nhập, mà sự tuần hành của khí cũng phải lấy tân dịch chuyển tải mới phân bố được trên dưới trong ngoài toàn thân. Nếu nôn mửa, ỉa chảy liên tục và lượng nhiều, có thể khiến cho chính khí sẽ theo tân dịch mà hao thương thoát mất. Vì vậy ở tình huống này, tất nhiên sẽ dẫn đến hiện tượng Khí hư.

**128. Không do hư, không thể gây nên Huyền.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Toàn chứng mô - Huyền vậng”*

Danh ngôn này nêu bệnh cơ do Hư dẫn đến chứng Huyền, phản ánh quan điểm học thuật của Trương Cảnh Nhạc. Cảnh Nhạc cho rằng: “Một chứng Huyền vậng do hư chiếm tám, chín phần mười, mà kiêm hỏa kiêm đờm chẳng qua chỉ một, hai phần mười”.

Thế nghiệm trên lâm sàng, Huyền vậng đích thực chủ yếu là do nội thương mà do Hư chiếm phần nhiều, như âm hư Can phong nội động, huyết thiếu, não mất sự nuôi dưỡng tinh khuy bề tuỷ bất túc v.v.. đều có thể dẫn đến Huyền vậng. Đương nhiên, đờm trọc úng tắc, tà hỏa che lấp ở trên cũng có thể dẫn đến chứng này, có điều chỉ là ít gặp mà thôi, học giả nên qua nguyên nhân mà xét chứng trạng, tìm hiểu mà điều trị.

**129. Hư tà nó đến, hại tất về Âm. Năm tạng tổn thương, cuối cùng về Thận.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tạp chứng mô - Hư tổn”*

Họ Trương nêu câu này nói lên nhận thức của ông đối với bệnh cơ phát triển của chứng Hư tổn, phản ánh được quan điểm học thuật của ông coi trọng chân âm và tác dụng của tạng Thận. Cảnh Nhạc nêu ra lý luận “Dương không có thừa, âm thường bất túc” cho rằng chân âm là vật chất cơ sở cho sinh mạng con người, hư tổn làm tổn thương tinh khí đều do chân âm sinh hoá ra, cho nên cái nguy hại nó đến đều qui kết vào cái hao tổn của chân âm, bảo là “bệnh khi đến cùng cực... tất cả là do chân âm suy bại” đồng thời “nơi chốn của chân âm, chỉ Thận là chủ yếu”. Thận là “bể của tinh huyết, là gốc của ngũ tạng”. Vì thế, các chứng năm tạng bị tổn thương, phát triển tới cuối cùng tất nhiên phải dẫn đến tạng Thận khuy tổn, nói lên công năng của tạng Thận đối với sự phán đoán phát sinh phát triển và tiên lượng của tất bệnh đều chiếm tác dụng mười phần trọng yếu.

## VII. BIỆN CHỨNG KHÍ HUYẾT

**130. Khí huyết xung hoà, trăm bệnh không sinh ra. Một khi bị phẫn uất, thì mọi bệnh sinh ra. Cho nên các tật bệnh của con người phần nhiều sinh ra từ Uất**

**Nguyên - Chu Đan Khê**

*“Đan Khê tâm pháp - Lục uất”*

Câu này nói tác dụng trong quá trình phát bệnh do khí huyết bị phẫn uất và nêu ra cơ chế bệnh của Uất chứng. Khí huyết là những vật chất rất cơ bản để duy trì hoạt động của sinh mạng con người.

Khí quý ở sự điều hoà. Huyết lấy hoà làm thuận. Khí huyết xung hoà thì vạn bệnh không sinh ra, một khi bị phẫn uất, có thể dẫn đến khí, huyết, đàm, thấp, hỏa, thực bị uất mà gây bệnh. Đan Khê rất coi trọng quan điểm này, xếp vào loại cội rễ gây nên bệnh ở con người, thuộc một loại quan điểm học thuật trọng yếu.

**131. Trăm bệnh sinh ra từ khí, giận thì khí dồn lên, mừng thì khí trùng xuống, buồn thì khí tiêu tán, sợ thì khí hạ xuống; hàn thì khí thu lại, nhiệt thì khí tiết, kinh thì khí loạn, mệt thì khí tiêu hao, lo thì khí kết.**

*“Tổ vấn – Cử thống luận”*

Một khi tình chí quá khích, nóng lạnh thiên thắng, mệt nhọc thái quá, đó là những nhân tố của cơ chế bệnh và một số chứng hậu do khí cơ mất điều hoà gây nên. Trong đó nổi bật tính trọng yếu của nhân tố tình chí. Các loại nhân tố gây nên bệnh chỉ ở trong tình huống tạo nên khí cơ mất điều hoà mới phát bệnh, cho nên nói trăm bệnh sinh ra từ khí”.

Gây nên bệnh lại còn có những đặc điểm cụ thể: Giận thì khí nghịch mà dồn lên, xuất hiện các chứng hậu Can khí nghịch lên như ẩu huyết, mặt hồng mắt đỏ, tai ù, đau đầu.

Mừng quá thì khí cơ tản mạn không thu lại được mà làm cho chí ý mất ổn định.

Buồn thì khí tiêu hao. Sợ thì tinh khí bị hãm xuống mà xuất hiện các chứng ỉa chảy, són đái và đờ đực. Hàn thì tấu lý bế tắc, sự vận hành của Vinh Vệ khí không lưu thông. Nhiệt thì tấu lý mở rộng, khí theo mồ hôi tiết ra. Sợ thì Tâm mất chỗ dựa,

thần không nơi về cho nên nói là “khí loạn”. Mệt nhọc quá thì suyễn thở và mồ hôi, khiến cho khí ở trong ở ngoài thoát ra nên gọi là “khí hao” Lo thì Tâm có chỗ ẩn, chính khí lưu lại không thông, cho nên nói là “khí kết”.

Những lời nói trên có ý nghĩa tham khảo để chúng ta có nhận thức về bệnh biến của khí cơ.

### **132. Khí hữu dư liền là Hỏa.**

**Nguyễn - Chu Đan Khê**

*“Đan Khê tâm pháp - Hỏa môn”*

### **133. Khí bất túc liền là Hàn.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tân phương bát lược - Nhiệt lược”*

Nêu lên hậu quả do dương khí thiên thịnh suy gây nên đại biểu cho quan điểm giữa học phái Tư âm với học phái Ôn bổ, nhìn chung cố thể nói là hoàn thiện.

Khí chủ về sưởi ấm, bên ngoài giữ gìn thể biểu, bên trong ấm áp tạng phủ trăm khớp, đó là nói lẽ thường, tức là trạng thái sinh lý.

Nếu khí động thái quá hoặc bất cập thì có thể dẫn đến trạng thái bệnh lý.

Khí hữu dư tức là dương khí thiên thịnh, có thể xuất hiện cơ năng hưng phấn dẫn đến các loại Hỏa chứng.

Khí bất túc tức là dương khí thiên suy, có thể khiến cho cơ năng giảm sút, xuất hiện các trạng thái hư hàn

### **134. Bệnh ở Khí phần di chuyển không tại chỗ. Bệnh ở Huyết phần chìm lắng không di chuyển.**

**Minh - Từ Xuân Phủ**

*“Cổ kim y thống đại toàn - quyển 7 - Phụ lục”*

Nêu lên đặc điểm chúng hậu để phân biệt bệnh ở Khí phần hay ở Huyết phần và căn cứ vào đặc điểm bệnh lý khác nhau của khí huyết.

Khí thuộc dương chủ động, hình thức vận động cơ bản là chu lưu tạng phủ, kinh lạc, thăng giáng vào ra trên toàn thân, một khi bệnh tà xâm phạm khí phận thì khí cơ sẽ theo sự vận động mà di chuyển không tại chỗ, biểu hiện là lúc có lúc không, di chuyển không cố định, nói chung thuộc công năng bị trở ngại.

Huyết thuộc âm chủ tĩnh, nhu nhuận tứ chi trăm khớp. Nếu bệnh ở huyết phần, phần nhiều biểu hiện có bộ vị nhất định, chìm lắng không di chuyển, phần nhiều thuộc bệnh biến về khí chất.

Phân biệt được sự phát bệnh ở Khí phần hay ở Huyết phần, có ý nghĩa chỉ đạo trong dùng thuốc điều trị.

**135. Khí thực thì thở phải suyễn thô, thanh âm mạnh mẽ. Huyết thực thì huyết phải ngưng tụ, phần nhiều rắn và đau.**

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Tập bệnh nguyên – Hư Thực”*

Nêu lên đặc điểm lâm sàng thực chứng của khí huyết úng trệ.

Thực chứng do tà khí úng trệ, biểu hiện ra các chứng hữu dư, tất nhiên suyễn thở gấp gáp, thanh âm mạnh mẽ.

Thực chứng do huyết phận úng trệ, tất nhiên dễ bị ngưng tụ, huyết ứ gây đau, ngưng lại thành khối, tự nhiên rắn chắc.

**136. Hình bị bệnh thì khí không bị bệnh, tuy gầy còm mà vô hại. Khí bị bệnh hình không bị bệnh, tuy béo mập mà đáng lo.**

**Minh - Tôn Văn**

*“Đan đài ngọc án - Chủ khí môn”*

Hình bị bệnh là chỉ bề mặt hình thể có bệnh. Khí bị bệnh, là chỉ năm tạng bị bệnh. Câu này luận đoán “hình bị bệnh là nhẹ, khí bị bệnh là nặng”, thực là lời nói khá từng trái.

Khí của năm tạng là cái gốc của chính khí cơ thể. Năm tạng không bị bệnh, thì tuy hình thể nhiễm bệnh vẫn có thể chống bệnh đuổi tà, cho nên “tuy gầy còm mà vô hại”. Năm tạng nếu bị bệnh, khí cơ trái ngược tuy hình thể béo mập cũng là bệnh nặng, người thầy thuốc không thể không biết.

**137. Mạch bên phải bất túc, thuốc bổ khí dùng nhiều hơn thuốc bổ huyết.  
Mạch bên trái bất túc, thuốc bổ huyết dùng nhiều hơn thuốc bổ khí.**

**Minh - Uông Thạch Sơn**

*“Thạch Sơn y án - Doanh Vệ khí huyết luận”*  
dẫn lời của Chu Đan Khê

Nêu lên điểm khám mạch ở bên phải bên trái thấy hiện tượng bất túc để chẩn đoán phân biệt sự hư tổn của khí, huyết. Đông y vẫn có lý luận trái là huyết phải là khí. Mạch tượng bên tay trái thể hiện bộ vị Tâm - Can - Thận là những tạng phần nhiều chủ về âm huyết.

Mạch tượng bên tay phải thể hiện bộ vị Phế - Tỳ - Mệnh môn, là những tạng phần nhiều chủ về Dương khí.

Tay trái mạch Hư, phần nhiều chủ huyết hư. Tay phải mạch Hư, phần nhiều chủ về Khí hư. Đương nhiên đây mới chỉ là bàn đại khái, không nên câu nệ.

**138. Mới bị bệnh thì bệnh ở Kinh. Bị đau đã lâu thì bệnh ở Lạc.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm sàng chỉ nam y án - Vị Quản thống”*  
theo y án của Thiệu Tân Phủ

Câu này căn cứ vào thời gian bị đau mới hay đã lâu để nói lên cơ chế bệnh ở Khí hay ở Huyết khác nhau, để có phương hướng điều trị.

Trong đó câu “đã lâu thì bệnh ở Lạc” là họ Diệp sáng tạo đầu tiên nói lên bệnh lý biến hoá khi bệnh đã lâu, đó là một cống hiến lớn về lý luận Đông y của họ Diệp, được đời sau đối với bệnh trình khá dài tổng kết kinh nghiệm đề ra phép trị hoạt huyết hoá ứ rất quý báu. Diệp Thiên Sĩ cho rằng bệnh ở Kinh chủ khí, ở Lạc chủ huyết. Bệnh chứng đau “lúc bắt đầu là khí kết ở Kinh” bệnh thuộc Khí phần, tùy theo sự thúc đẩy di chuyển của thời gian mà “từ Kinh mạch tiếp đến Lạc mạch”, “bị lâu tất phạm vào huyết lạc” bệnh tình đã can thiệp vào huyết phận.

Họ Diệp đã ba lần nhắc nhở, chữa bệnh nên biện rõ bệnh tại kinh hay tại huyết, phép chữa hai loại ấy rõ ràng khác nhau. Bệnh ở huyết lạc, họ Diệp đề xuất phép dùng thuốc cay nhuận thông lạc với các loại Trùng để truy tìm đuổi tà, có đặc điểm mới mẻ cụ thể đến các đời sau rất tôn sùng. Rõ ràng là, cái họ Diệp bảo là Kinh là Lạc, không phải chỉ là nói bộ vị giải phẫu đơn thuần, đối với lời nói chung “Bệnh gây ra ở Lạc là nông” còn hàm ý nghĩa khác nhau. Nó vận dụng lý luận khí huyết để



nói lên bộ vị nông sâu của bệnh, sự nặng nhẹ của bệnh tình và chỗ khác nhau của bệnh chứng, tiến lên cố phép chỉ đạo lâm sàng.

Đời sau căn cứ vào những kiến giải “bệnh lâu vào Lạc” để xây dựng những lý luận “đau lâu vào lạc” và “bệnh lâu nhiều ứ” suy rộng ra những chứng bệnh lâu ngày ngoan cố có nhân tố ứ huyết tồn tại, đề xướng ra phép chữa hoạt huyết hoá ứ, có thể nói thuyết này là một sự phát triển về lý luận Đông y.

### **139. Huyết là sự thai nghén của trăm bệnh.**

**Minh - Lý Diên**

*“Y học nhập môn – Tập bệnh đề cương – Nội thương – Huyết”*

Câu này nêu bật tính gây bệnh rộng rãi của Huyết phạm rất có ý nghĩa lâm sàng. Họ Lý cho rằng: “Người ta biết là trăm bệnh sinh ra từ Khí mà không biết Huyết là thai nghén của trăm bệnh. Phàm các chứng hàn nhiệt, co quắp, tê đau ẩn chấn, ngứa ngáy, hay quên, sợ sệt, mê muội, bí khối, đau đớn, long bế, di niệu v.v.. cho đến phụ nữ kinh bế, băng trung, đới hạ đều là huyết sinh bệnh”.

Đan Khê từng nói: “Khi huyết xung hoà, vạn bệnh không sinh, một khi bị phần uất, mọi bệnh sẽ sinh ra”. Con người ta, khí huyết, khí cơ bị rối loạn có thể gây nên bệnh. Huyết phạm không điều hoà cũng có thể gây nên bệnh, hai cái này đều nên coi trọng.

### **140. Tất cả các chứng bất trị đều là lý do không khéo trừ ứ.**

**Thanh - Đường Dung Xuyên**

*“Huyết chứng luận - Thổ huyết”*

Nêu lên bệnh cơ ứ huyết ở một số tật bệnh ngoan cố, vạch ra một con đường điều trị tật bệnh khó khăn. Một số tật bệnh ngoan cố khó chữa, dùng các phép chữa thông thường không hiệu quả, thường là do ứ huyết tác quái cho dù không xuất hiện chứng trạng ứ huyết rõ rệt, mà sử dụng thuộc hoạt huyết hoá ứ cũng thu được hiệu quả như ý. Những năm gần đây, phép trị hoạt huyết hoá ứ, giải quyết được rất nhiều chứng bệnh khó khăn hiệu quả đáng mừng, đủ nói lên câu này của họ Đường có ý nghĩa thực tiễn.

### **141. Giao mùa phát bệnh là do ứ huyết**

## Thanh - Vương Thanh Nhậm

*“Y lâm cải thác - Thông khiếu hoạt huyết thang và các chứng điều trị”*

Đây là kinh nghiệm biện chứng độc đáo của Vương Thanh Nhậm. Mỗi khi gặp biến hoá của thời tiết mà phát bệnh là do ứ huyết tác quái. Suy nghĩ loại tật bệnh này lâu ngày không khỏi, trong lạc mạch có khả năng có ứ huyết gây nên. Nhưng Hư chứng cũng phát hiện khi thời tiết thay đổi hoặc nặng hơn, cho nên Diệp Thiên Sĩ lại có câu nói Giao mùa bệnh tăng, nhất là thuộc hiện tượng Hư”. Vì thế, loại bệnh biến này vẫn cần phân tích luận bàn cụ thể, không câu nệ hoàn toàn vào một thuyết ứ huyết.

### **142. Chữa huyết chứng, nên biết chỗ chủ yếu; mà lý do động huyết, chỉ là hỏa là khí thôi.**

#### Minh - Trương Cảnh Nhạc

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tạp chứng mô - Huyết chứng”*

Câu này nêu bệnh nhân, bệnh cơ chủ yếu của Huyết chứng, có thể tham khảo. Họ Trương cho rằng nguyên nhân chủ yếu sinh ra huyết chứng là do hỏa với khí.

“Cho nên xét đến hỏa, chỉ cần xét có hỏa hay không có hỏa. Xét đến khí, chỉ cần xét thuộc khí hư hay khí thực”. Rõ ràng là ông lấy có hỏa và không có hỏa, Khí hư với Khí thực làm cương lĩnh biện chứng Huyết chứng. “Có hỏa” vừa chỉ cái hỏa thực nhiệt lại có ngụ cả cái hỏa do âm hư. Hai cái hỏa này bức huyết đi bừa mà dẫn đến động huyết.

“Khí thực” là chỉ khí nghịch ở Tạng, huyết theo khí loạn mà nhằm Kinh đi càn.

“Khí hư” là chỉ nguyên khí bị tổn hại, huyết mất sự cố nhiếp gây nên

Danh ngôn này đối với hiện chứng điều trị Huyết chứng có ý nghĩa chỉ đạo nhất định.

### **143. Các chứng về Huyết, mình nóng mạch Đại là khó chữa, là hỏa tà thịnh vậy. Mình mát mạch tĩnh là dễ chữa, là chính khí hồi phục vậy.**

#### Nguyễn - Chu Đan Khê

*“Đan Khê tâm pháp - Thổ huyết”*

Câu này là phương pháp phán đoán tiên lượng các loại thuận nghịch của huyết chứng, là câu nói khá kinh nghiệm. Sau các loại huyết chứng nếu quả là vẫn

phát nhiệt như cũ, mạch Hồng Đại là biểu hiện hỏa tà vẫn thịnh, thuộc chứng hậu Nghịch, tiên lượng không tốt. Ngược lại, nếu nhiệt lúc mình mát, mạch đã hoà hoãn, là tà khí đã giảm, hiện tượng chính khí hồi phục là chứng hậu Thuận, tiên lượng tốt.

Sách “Mạch quyết” cũng nói: “Mũi ra huyết và thổ huyết thì mạch nên Trầm Tế. Đột ngột Phù Đại là rất nguy”. Ý tứ gần giống với câu danh ngôn này.

**144. Chứng huyết khô kinh bế, nên tìm ở cái nguồn sinh ra huyết cái nguồn là ở Vị. Mà các chứng ẩu huyết thổ huyết, nên tìm ở cái nguồn gây nên động huyết, nguồn ấy ở Tạng vậy.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tạp chứng mô - Huyết chứng”*

Nêu lên bộ vị bệnh biến của chứng huyết khô kinh bế và các chứng ẩu huyết, thổ huyết, chỉ ra phương hướng điều trị. Vị là nguồn hoá sinh ra khí huyết, cho nên huyết hư khô kiệt dẫn đến kinh nguyệt đình bế, nên biết nguyên nhân bệnh và vị trí bệnh là ở Vị, phép trị nên dưỡng Vị để tư dưỡng nguồn sinh hoá.

Các chứng ẩu huyết thổ huyết phần nhiều bệnh ở tạng Can, như Can khí hoành nghịch phạm Vị mà động huyết, hoặc Can hỏa bốc lên mà bức huyết đi càn, cho nên nói nguồn ấy ở Tạng”. Đương nhiên, trên lâm sàng các chứng ẩu huyết, thổ huyết cũng do nguyên nhân khác, không nên câu nệ ở một Tạng.

**145. Hạ huyết, trước ra phân sau ra huyết, đấy là viễn huyết. Hạ huyết, trước ra huyết sau ra phân, đấy là cận huyết.**

**Đông Hán - Trương Trọng Cảnh**

*“Kim quỹ yếu lược - Kinh quý thổ nục hung mãn ứ huyết bệnh mạch chứng trị”*

Hai câu trên phân biệt đặc điểm chứng hậu của chứng hư hàn tiện huyết và thấp nhiệt tiện huyết, nói theo kiểu so sánh để dễ nắm vững. Chứng hạ huyết, phân ra trước, huyết ra sau, huyết ra từ bộ vị trên của Trực trường, do đó gọi là Viễn huyết, phần nhiều do Trung tiêu Tỳ khí hư hàn, mất chức năng thống nhiếp mà huyết thấm xuống gây nên bệnh, điều trị nên ôn Tỳ nhiếp huyết, cho uống Hoàng thổ thang.

Nếu trước ra huyết sau ra phân là Cận huyết, phần nhiều do thấp nhiệt uẩn kết ở Đại trường, bức huyết đi xuống gây nên, điều trị nên thanh lợi thấp nhiệt hoạt huyết hoá ứ, cho uống Xích tiểu đậu đương qui tán.

Trên lâm sàng, ngoài những phán đoán bộ vị xuất huyết như trước phân sau huyết, trước huyết sau phân, lại nên chú ý đến màu sắc của huyết khi đại tiện và tình huống toàn thân người bệnh.

Phàn hạ huyết loãng nhạt tía tối, đau bụng đại tiện lỏng mỗi một tiếng nói, chân tay không ấm, phần nhiều thuộc Tỳ Vị hư hàn. Nếu đại tiện ra màu đỏ tươi hoặc kèm cả mũi, đại tiện bí kết hoặc không thoải mái, rêu lưỡi vàng nhớt, mạch Sác, có thể biết là thấp nhiệt hạ chú, hai trường hợp này không khó phân biệt.

#### **146. Huyết làm trệ khí thì ngưng kết và đau. Khí nung nấu huyết thì hoá thành mủ.**

**Thanh - Đường Dung Xuyên**

*“Huyết chứng luận - Thổ Nùng”*

Họ Đường cho rằng hình thành Nội ung là do ứ huyết hủ hoá mà ra. Câu này nhằm khái quát bệnh lý cơ chế. Ở tình huống sinh lý, khí huyết dựa vào nhau mà tồn tại, giúp đỡ nhau phát huy tác dụng, duy trì công năng chính thường của cơ thể.

Một khi huyết đi không thư sướng, sẽ ảnh hưởng đến sự vận hành của khí cơ, dẫn đến khí trệ huyết ứ gây rên đau. Bệnh lâu ngày thì khí uất hoá nhiệt, hun đốt làm huyết bại thệt nát, cuối cùng thành Nội ung hoá mủ.

#### **147. Băng là chứng cấp - Lậu là Hoãn bệnh.**

**Thanh - Tiêu ? Lục**

*“Nữ Khoa kinh luân - Băng đái môn”*

dẫn lời của Lý Thái Tổ

Chứng Băng lậu vốn thuộc một bệnh, nhưng xu thế bệnh thì có nặng nhẹ hoãn cấp khác nhau. Danh ngôn này nêu đặc điểm bệnh lý khác nhau của chứng Băng và Lậu.

Băng là đột ngột trút xuống nhiều, xu thế như núi lở, huyết như sóng dồn, tình thế kéo đến nguy cấp nghiêm trọng; không làm ngưng ngay có thể thành Hư thoát cho nên gọi là cấp chứng.

Lậu là dầm dề không dứt, lâu ngày không ngừng, xu thế bệnh còn hoà hoãn, thông thả điều trị cho nên gọi là Hoãn bệnh. Cần nêu rõ: Lậu lâu ngày không dứt cũng có thể nung nấu thành Băng đột ngột, cho nên cũng không nên coi thường.

## VIII. ĐÀM ẨM THỦY THẤP

**148. Trăm bệnh phần nhiều do đàm quấy rối.**

**Thanh - Uông Ngang**

*“Thang đầu ca quyết - Mông thạch cổn đàm hoàn”*

**149. Đàm là nguồn của mọi bệnh. Quái bệnh đều do đàm gây nên.**

**Thanh - Thấm Kim Ngao**

*“Tạp bệnh nguyên lưu tê chúc - Đàm ẩm nguyên lưu”*

**150. Quái bệnh do đàm chiếm 8 - 9 phần 10.**

**Thanh - Bùi Nhất Trung**

*“Ngôn y”*

dẫn lời của Chu Đan Khê

Ý nghĩa ba danh ngôn trên gần giống nhau. Chủ yếu nêu hai ý: Một là đàm ẩm gây bệnh có tính rộng rãi. Hai là quái bệnh phần nhiều do đàm. Quan điểm này tới nay vẫn được mọi người coi trọng.

Đàm ẩm là sản vật bệnh lý do sự trao đổi thể dịch trong cơ thể, một khi hình thành sẽ là nhiều đầu mối nhân tố gây nên bệnh, không nơi nào là không tới. Bảo là: “Đờm ở Phế thì ho, ở Vị thì nôn, ở đầu thì choáng, ở Tâm thì hồi hộp, ở lưng thì phát lạnh, ở sườn thì trướng, biến hoá của nó vô cùng” (Lời của Phùng Triệu Trương đời Thanh trong *“Cẩm nang bí lục”*). Vì thế mới có những bàn luận: “Trăm bệnh phần nhiều do đàm quấy rối”, “Đàm là cái nguồn của mọi bệnh”. Đan Khê từng có lời bàn “Mười bệnh thì chín bệnh là do Đàm”. Đến như lý luận “Quái bệnh phần nhiều do đàm” do nhận thức rất sớm của cổ nhân. Nghiệm thấy trên lâm sàng phần nhiều biểu hiện quái dị, có những bệnh chứng khó khăn biện chứng luận trị, thường là do đàm ẩm gây nên, nếu luận trị theo Đàm thường dự tính được thời gian hiệu quả, vì vậy lý luận “quái bệnh phần nhiều do đàm” có ý nghĩa độc đáo chỉ đạo thực tiễn trên lâm sàng.

**151. Quái bệnh phần nhiều thuộc đờm, bạo bệnh phần nhiều thuộc hỏa.**

**Minh - Mậu Trọng Thần**

*“Bản thảo kinh - Sơ, luận đàm ẩm dược nghi phân trị”*

Nêu lên nguyên nhân gây nên quái bệnh và bạo bệnh, có thể tham khảo. “Quái bệnh phần nhiều thuộc đờm” đã nói ở một danh ngôn trên kia, ở đây không phải nói thêm. Hỏa là độ cực nhiệt, thuộc dương tà, tổn hại người cấp bách, dễ sinh phong động huyết thậm chí quấy rối thần minh, phát bệnh đa số giống như cấp tính cho nên nói Bạo bệnh phần nhiều thuộc Hỏa”. Đương nhiên đây cũng không phải là tuyệt đối, bạo bệnh cũng có thể do các tà khí khác gây nên, lâm sàng nên căn cứ vào tình huống cụ thể mà nhận định không nên câu nệ.

**152. (Đờm) ở Phế thì khái, ở Vị thì nôn, ở Tâm thì hồi hộp, ở đầu thì choáng váng, ở lưng thì lạnh, ở ngực thì bĩ, ở sườn thì trướng, ở ruột thì tả, ở kinh lạc thì thũng, ở tứ chi thì tý.**

**Thanh - Lâm Bội Cầm**

*“Loại chứng trị tài - Đàm ẩm luận trị”*

Đờm là vật theo khí mà thăng giáng không nơi nào là không tới, hoặc ở Tạng Phủ hoặc ở kinh lạc, tác hại trăm bề, biến hoá không nói hết. Danh ngôn này tóm tắt hàng loạt chứng trạng ở khá nhiều bộ vị do Đàm ẩm gây bệnh, tuy nói không hết nhưng người học vẫn có thể nêu một thấy ba mới là có kiến thức.

**153. Tỳ là nguồn sinh đàm. Phế là dụng cụ chứa đàm.**

**Minh - Lý Trung Tử**

*“Y tôn tất độc – Đàm ẩm”*

Danh ngôn này khái quát nơi sinh thành Đàm ẩm là Tỳ Phế, cả về phương diện chứa đựng và nhận thức cơ chế bệnh, là phương hướng vạch lối để điều trị Đàm ẩm đến nay vẫn được truyền tụng đậm đà. Tỳ chủ vận hoá, chuyển vận phân phát tân dịch. “Ăn uống vào Vị chuyển vận lên Tỳ, Tỳ khí phân tán tinh dồn lên Phế, lưu thông thuỷ đạo, dồn xuống Bàng quang, thuỷ tinh phân bố bốn phía, năm loại tinh hoa đều lưu thông”. Trong tình huống công năng vận hoá bình thường, thuỷ ẩm chuyển hoá bình thường. Trái lại, có thể do “Tỳ thổ hư yếu, thứ trong khó đưa lên, thứ đục khó dẫn xuống, lưu đọng ở vùng Cách ứ lại mà thành đàm” Vì thế Lý Trung Tử nêu ra quan điểm “Tỳ là cái nguồn sinh Đàm, chứa Đàm mà không lý Tỳ là không biết chữa”

trở thành cơ sở lý luận: “chữa Đàm nên coi trọng điều lý Tỳ Vị”. Phế chủ thông điều thủy đạo có thể khiến nước và tân dịch phân bố bốn phía. Nếu Phế khí mất sự tuyên giáng thì không thể đưa chất nước và tân dịch của Tỳ thổ phân bố toàn thân, ứ đọng ở trong Phế thì hoá thành đàm, đó là ý nói Phế là cái dụng cụ chứa Đàm” Quan điểm nguồn đàm ẩ ở Tỳ bám trụ ở Phế của họ Lý được đời sau rất tán thưởng.

**154. Người mập khí hư phần nhiều do Đàm. Người gầy huyết hư phần nhiều do Hỏa.**

**Thanh - Trình Chi Điền**

*“Y pháp tâm truyền - Y nghi thông biến luận”*

Danh ngôn này nói lên cơ chế bệnh đối với người mập người gầy khác nhau, có đạo lý nhất định. Người mập là chỉ tầm vóc quá béo mập thuộc hiện tượng “hư phù” đó là biểu hiện Khí hư không kiện vận.

Người bệnh thể trạng mập, khí huyết khó chu lưu, do đó nhiều uất trệ sinh Đàm. Dương hoá khí, Âm thành hình, người gầy thể trạng còi cọc quá đó là biểu hiện âm huyết bất túc, âm hư sinh nội nhiệt, cho nên “người gầy phần nhiều thuộc Hỏa”. Đời sau cũng có câu nói phổ biến “người béo nhiều đờm, người gầy nhiều hỏa”. Đương nhiên đây cũng không phải là tuyệt đối mà còn phải bàn tới những biểu hiện khác nữa.

**155. Không có đàm thì không gây nên Huyễn.**

**Nguyễn - Chu Đan Khê**

*“Đan Khê tâm pháp - Đàm Huyễn”*

Danh ngôn này nêu lên bệnh cơ gây nên Huyễn Vạng, phản ánh quan điểm học thuật của Chu Đan Khê. Trên lâm sàng cố nhiên là có nguyên nhân do đàm thấp dẫn đến huyễn vạng, nhưng không nên coi huyễn vạng đều quy kết do đàm thấp tác quái mà cần phải phân tích biện chứng cụ thể. Bàn chung là người đời sau đem huyễn vạng gồm các loại hình Phong, Hỏa, Đàm, Hư để luận trị, khá là toàn diện. Đặc điểm của Đàm huyễn là huyễn vạng mà đầu nặng như bị úp, ngực khó chịu buồn nôn, kém ăn rêu lưỡi nhớt, mạch Hoạt. Học giả nên biện chứng mà luận trị.

**156. Đàm vào Tâm thì điên. Hỏa loạn Tâm thì cuồng**

**Thanh - Đường Dung Xuyên**

*“Huyết chứng luận - Tạng Phủ bệnh cơ luận”*

Danh ngôn này nêu vai trò gây bệnh Điên và Cuồng do Đàm với Hỏa gây nên, nêu bật nguyên nhân cơ chế bệnh của hai loại ấy.

Điên với Cuồng đều do tinh thần thất thường, nhưng Điên thì tĩnh, Cuồng thì động. Điên thì hay cười, Cuồng thì hay giận.

Chứng Điên phần nhiều do đàm khí uất kết, đàm mê tâm khiếu gây nên biểu hiện là tinh thần ức uất, biểu tình nhạt nhẽo, thần trí ngơ ngác

Chứng Cuồng phần nhiều do Can hỏa quấy rối Tâm, thần minh rối loạn gây nên, biểu hiện tính tình nôn nóng cuồng tảo, trèo tường leo nhà, chửi bới bất kể thân sơ. Đương nhiên điên cuồng có thể chuyển hoá lẫn nhau, cơ chế bệnh không phải là bất biến.

**157. Thấp tà gây bệnh, từ từ khó phát hiện.**

**Thanh - Ngô Khôn An**

*“Thương hàn chỉ chướng - Thấp chứng hợp tham”*

dẫn lời của Trương Tư Nông

Danh ngôn này qui nạp đặc điểm do Thấp tà gây nên bệnh, rất thiết thực với thực tế lâm sàng. Thấp là âm tà dễ xâm lấn vị trí âm phận, tính nó dính nhớt đình trệ, phần nhiều xâm lấn từ phần dưới cơ thể, phát bệnh kín đáo, bệnh tình từ từ người ta khó phát hiện cho nên nói Thấp tà gây bệnh từ từ khó phát hiện”. Sa Ngọc Thư đời Thanh, tác giả *“Y nguyên ký lược”*, cũng nói: “Thấp gây bệnh tác hại rất chậm, rất kín đáo khó mà phát hiện được”.

**158. Nguyên nhân do Thấp gây bệnh , đầu như bị bọc.**

*“Tố vấn – Sinh khí thông thiên luận”*

Danh ngôn này lấy hình tượng để nêu đặc điểm chứng trạng do ngoại thấp xâm phạm vào bộ phận đầu. Tính của thấp dính nhớt nặng đục, xâm phạm vùng đầu thì thanh dương không thăng lên trọc âm không giáng xuống, vùng đầu nặng nề như lấy vải buộc chặt, đúng là biểu hiện độc đáo chỉ riêng có Thấp tà xâm phạm vùng đầu người ta.



**159. Đái hạ đều là Thấp chứng**

**Thanh - Phó Thanh Chủ**

*“Phó Thanh Chủ nữ khoa - Đái hạ*

Danh ngôn này nêu sáng tỏ bệnh cơ chủ yếu gây nên bệnh chứng Đái hạ, có giá trị chỉ đạo về điều trị. Đái hạ là chỉ chứng bệnh đái hạ ra nhiều liên miên không dứt hoặc màu sắc mùi vị có sự biến đổi. Phần nhiều do công năng Tạng phủ không điều hoà, thấp trọc dồn xuống gây nên. Ví dụ Tỳ hư thấp trọc quá thịnh, Thận hư mất chức năng cố nhiếp, thấp độc dồn xuống đều có thể gây nên chứng này. Phương pháp điều trị cơ bản là hoá thấp chỉ đái. Họ Phó sáng tạo ra Hoàn đái thang, Dịch hoàng thang khá công hiệu.

**160. Phàm các chứng thuỷ thũng là bệnh có liên can tới ba tạng Phế Tỳ Thận. Bởi vì thuỷ là chí âm, cho nên gốc ở Thận. Thuỷ hoá ra khí, cho nên ngọn ở Phế. Thuỷ chỉ sợ thổ, cho nên chế ở Tỳ.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tạp chứng mô - Thũng trướng”*

Danh ngôn này khái quát cơ chế phát bệnh của bệnh Thuỷ thũng có liên quan tới các Tạng chủ yếu khác, đến nay vẫn được các thầy thuốc coi trọng. Thuỷ không tự trôi đi mà phải nhờ khí tác động. Cho nên chứng Thuỷ thũng hoàn toàn do công năng khí hoá toàn thân bị trở ngại gây nên, tựu trung có quan hệ chặt chẽ với ba tạng Phế - Tỳ - Thận.

Phế lá thượng nguồn của nước, ngoại tà xâm phạm, Phế mất sự lưu thông điều hoà, khí hoá mất chức năng, thuỷ tràn lên cao nguyên mà thành thuỷ thũng. Tỳ chủ vận hoá, Tỳ hư không chế được thuỷ, thuỷ thấp úng thịnh tràn lan ra cơ bắp cũng phát sinh thuỷ thũng. Thận là tạng chủ thuỷ, nếu Thận hư khí không hoá thuỷ càng tụ lại mà gây nên thuỷ thũng. Trên cơ chế bệnh lý phát bệnh Thuỷ thũng, ba tạng có ảnh hưởng lẫn nhau, quan hệ lẫn nhau, tựu trang Thận là bản, Phế là tiêu, mà Tỳ là tạng ức chế thuỷ.

**161. Huyết không lợi thì ra nước**

**Đông Hán - Trương Trọng Cảnh**

*“Kim quỹ yếu lược - Thuỷ khí bệnh mạch chứng tính trị”*

Nói lên bệnh cơ ứ huyết của bệnh thuỷ thũng được người sau coi là mẫu mực về điều trị thuỷ thũng. Nguyên ý của Trọng Sư là chỉ phụ nữ sau khi “Kinh thuỷ dứt trước (sóm)” kinh huyết không thông lợi thì hoá ra nước, tiếp theo là phát thuỷ. Trên thực tế danh ngôn này cũng có thể lý giải mọi bệnh thuỷ thũng đều có đủ bệnh cơ ứ huyết. “*Huyết chứng luận*” của Đường Dung Xuyên đời Thanh cũng chỉ rõ: “ứ huyết hóa thuỷ cũng phát sinh thuỷ thũng, đó là huyết bệnh mà kiêm cả thuỷ”. Những năm gần đây, liệu pháp hoạt huyết hoá ứ để chữa thuỷ thũng đã được đông đảo người biết, thực ra đầu mối sáng kiến đầu tiên là từ Trọng Sư.

## 162. Thũng bệnh liên lụy đến huyết

Thanh - Đường Dung Xuyên

*“Huyết chứng luận - Âm Dương Thủy Hỏa khí huyết luận”*

Họ Đường gọi “Thuỷ bệnh” giống như chỉ tân dịch cũng bao quát cả bệnh biến của tân dịch, như ông nói: “Mồ hôi ra quá nhiều thì thương huyết, sau khi hạ mất tân dịch thì thương huyết” đủ chứng minh điều đó. Danh ngôn này nêu quan điểm bệnh biến tân dịch có thể khiến cho gây bệnh ở Huyết phạm, thật là hợp lý. Huyết với Tân dịch đều thuộc Âm, trên sinh lý, tân dịch là bộ phận tổ chức trọng yếu của Huyết, cả hai đều là tinh vi thủy cốc hoá sinh ra. Cho nên có thuyết “tân huyết đồng nguyên”. Tân dịch tiết ra ngoài như quá nhiều mồ hôi hay tiết tả, cũng có thể dẫn đến huyết khuy.

Ngoài ra, sau khi thuỷ khí ngưng tụ thành Thuỷ thũng cũng có thể làm cho huyết dịch không lưu thông, thậm chí hình thành ứ trệ, đây cũng là một biểu hiện “thuỷ bệnh thì liên lụy đến huyết”.

## 163. Thể trạng mập nhiều thấp. Tính nóng nảy nhiều hỏa.

Đương đại - Tần Bá Vị

*“Thanh đại danh y y án tinh hoa Vương Húc Cao y án - Trúng phong”*

Danh ngôn này nêu đặc điểm gây bệnh ở người thể trạng mập và tính nóng nảy, có thể tham khảo.

Người mập thể trạng phốp pháp, khí huyết khó trôi chảy, dễ bị ứ trệ hoá thấp, Can chủ giận, người Can dương thiên thịnh tính tình nóng nảy, dễ gắng quá hoá hỏa. Đó là những quy luật rất phù hợp xác đáng trong biểu hiện lâm sàng.

## IX. ĂN UỐNG MỆT NHỌC

### 164. Ăn được thì tốt, không ăn được thì xấu.

Minh - Lý Tông Tử

*“Y tôn tất độc - Thận vi tiên thiên bản - Tỳ Vị hậu thiên bản luận”*

Câu này nêu ý nghĩa trọng yếu về phương diện phán đoán bệnh tình và điều trị tật bệnh đối với tình huống còn ăn uống tốt. Trương Tích Thuần từng nói: “Nuôi sống hậu thiên, cái báu nhất là ăn được”. Tình huống ăn uống của người ta như thèm ăn, lượng ăn là sự phản ánh trực tiếp của Vị khí. Nói chung, người bệnh thèm ăn chuyển biến khá, lượng ăn tăng dần, biểu thị Vị khí khôi phục dần, tiên lượng khá tốt. Trái lại, ăn uống giảm sút, lượng ăn kém dần, biểu thị Vị khí suy thoái, tiên lượng không tốt. Nếu bệnh nặng mà căn bản không ăn được, nói lên Vị khí đã tuyệt, tiên lượng rất xấu.

### 165. Ăn uống quá độ, Trường Vị sẽ tổn thương

*“Tổ vấn – Tý luận”*

Ăn uống quá liều lượng, sẽ tổn hại đến Tỳ Vị. Đó là nguyên nhân thường gặp ở Tỳ Vị bệnh. Câu này nói lên nhân tố gây bệnh do ăn uống mất điều hoà, xứng đáng là lời nói kinh điển.

### 166. Tai biến do ăn cao lương chân phát sinh đại đình.

*“Tổ vấn – Sinh khí thông thiên luận”*

Cao là mỡ màng. Đình là nhọt độc, câu này ý nói ăn nhiều thức ngọt béo nồng hậu sẽ là mầm mống phát sinh ung nhọt lở ngứa ở chân, nêu lên nguyên nhân gây bệnh. Ăn quá nhiều đồ ngọt béo nồng hậu, dễ nung nấu thành nhiệt, ấp ủ độc hỏa dẫn đến phát sinh các loại mụn lở. Vô luận là ở góc độ dự phòng hay điều trị, đều có ý nghĩa tin cậy.

### 167. Ham thích đồ béo ngọt thì đàm phát sinh, uống quá nhiều rượu nồng thì tích ẩm.

Thanh - Trình Chung Linh

Câu này nói lên hậu quả ham thích thiên lệch đồ ăn uống có đủ ý nghĩa biện chứng. Quá ăn đồ béo ngọt nồng hậu lâu ngày tất hại Tỳ làm mất sự vận hoá sẽ nung nấu thành đàm. Uống rượu quá độ khó phân tán phân bố lâu dần sẽ ứ đọng tích chứa đồ uống. Vô luận sinh đàm hay tích đồ uống đều có thể dẫn đến ham muốn ăn uống thiên lệch, đấy là nguyên nhân của bệnh.

**168. Bị thương thực tất sợ ăn.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tạp chứng mô - Ẩm thực”*

Nêu lên đặc điểm chứng hậu do ăn uống đình trệ gây bệnh. Ăn uống không điều độ, đồ ăn đình trệ ở trong có thể làm cho hại Vị trệ Tỳ, khí cơ không lợi, bụng trướng đầy, thậm chí khí nghịch lên gây nôn ọ ẹ hơi tất nhiên chán ăn.

**169. Đồ uống ứ đọng tấy nuốt chua. Đồ ăn đình trệ nên ợ hăng.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Vị quản thống”* dẫn nhận xét của Thiệu Tân Phủ

Danh ngôn này giống với câu 168 ở trên, nói lên đặc điểm chứng trạng do ăn uống đình trệ gây nên làm cản cứ cho biện chứng. Đồ uống đọng ở trong lâu ngày thì hôi chua cho nên có thể dẫn đến nuốt chua. Đồ ăn ứ đọng lâu ngày không hoá được, trọc khí trào lên tất sẽ ợ hăng.

**170. Vốn ưa ăn lạnh, bên trong tất nhiệt nhiều. Vốn ưa ăn nóng, bên trong tất hàn nhiều.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tạp chứng mô - Ẩm thực”*

Căn cứ vào chỗ ưa thích ăn uống nóng lạnh để suy tính trong cơ thể nóng nhiều hay lạnh nhiều là một biện pháp thực là giản đơn. Cảnh Nhạc nói: “Phàm trị bệnh dưỡng sinh nên xem xét từ chỗ vốn có sự ưa thích thiên thắng ở bên trong cơ thể”. Phàm người dương thịnh vốn nhiệt nhiều, tất thích ăn lạnh để tự điều hoà, mà vốn dương hư phần nhiều hàn nhiều, tất thích ăn nóng cho ấm bên trong, có thể nói đó là quy luật chính xác.

**171. Người tạng Dương, tất bình sinh ưa mát sợ nóng dù sớm tối ăn lạnh cũng không bị bệnh, đó là chân dương hữu dư. Người tạng Âm ưa nóng sợ lạnh, hễ ăn thức hàn lương tất thương Tỳ Vị, đó là chân dương bất túc.**

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Tạp bệnh nguyên - Hàn nhiệt”*

Đông y chữa bệnh, nghiên cứu nguyên nhân và từng con người mà điều trị (đó là biểu hiện quan niệm chỉnh thể của Đông y). Căn cứ vào những điểm khác nhau cá thể, đặc biệt là tình huống thể chất mà dùng thuốc linh hoạt, đó là biểu hiện quan niệm chỉnh thể của Đông y. Danh ngôn trên quy nạp phương pháp phán đoán Dương tạng (thể chất dương thịnh) với Âm tạng (thể chất âm thịnh) tức là căn cứ vào sự ưa thích nóng lạnh của ăn uống mà phán đoán, có thể tham khảo với những danh ngôn nói ở trên.

Thể chất Dương tạng phần nhiều nóng cho nên ưa mát ghét nhiệt. Thể chất Âm tạng phần nhiều lạnh cho nên ưa nóng sợ lạnh. Đó là những điều xác thực phù hợp với thực tế lâm sàng.

Trình Chi Điền đời Thanh viết trong sách *“Y pháp tâm truyền”* cũng tóm tắt quan điểm tương tự, mặt khác còn trình bày tỉ mỉ hơn: “Phàm những người Âm tạng, Dương tạng, bình tạng, là do bản tính như thế. Nếu người vốn thuộc Âm tạng, ăn uống thức gì cũng phải nóng, ngẫu nhiên ăn sống lạnh, bụng cảm thấy đình trệ khó chịu ngay, đại tiện ngày 1 lần không rắn không táo thậm chí lỏng loãng, ăn không tiêu. Nếu người vốn thuộc Dương tạng, ăn uống thức gì cũng phải mát lạnh, ngẫu nhiên ăn cay nóng, trong miệng cảm thấy khô ráo, thậm chí miệng loét họng đau, đại tiện vài ngày mới đi một lần tất phải cứng rắn thậm chí táo kết”.

Lời bàn này của họ Trình căn cứ vào đại tiện khô rắn hay không để phán đoán Âm chứng, Dương chứng cũng là có kiến thức, ông cho rằng phân biệt được người bệnh thuộc âm tạng, dương tạng là “mẫu chốt hàng đầu để khám bệnh dùng thuốc, lâm sàng nếu thể hiện được điều này thì chẩn đoán chính xác không sai”, quả là điều đáng chú ý.

**172. Nhìn lâu hại huyết, nằm lâu hại khí, ngồi lâu hại thịt, đứng lâu hại xương, đi lâu hại gân.**

*“Tố vấn – Tuyên minh ngũ khí thiên”*

Danh ngôn này qui nạp những thương tổn do mệt nhọc quá độ gây nên, làm căn cứ cho biện chứng.

Can chứa huyết, huyết nuôi mắt, cho nên nhìn lâu có thể thương tổn đến Can huyết.

Tỳ chủ vận hoá, chủ cơ bắp, nếu nằm ngồi lâu quá độ, có thể ảnh hưởng tới vận hoá của Tỳ dẫn đến Tỳ khí bất túc - thì thuộc khí hư, cơ bắp tất nhiên mất sự ôn dưỡng.

Gân xương chủ về vận động, phụ thuộc Can Thận. Nếu đi lâu đứng lâu quá mức, không chỉ tổn thương gân xương mà còn ảnh hưởng Can Thận.

Năm kiểu mệt nhọc trên đây đều thuộc chứng hậu Hư, điều trị nên xem Tạng Phủ nào phát bệnh mà bồi bổ.

## X. CÁC LOẠI BỆNH

**173. Khái là không đàm mà có tiếng, đó là Phế khí tổn thương nên không thanh (sạch). Thấu là không có tiếng mà có đờm, đó là Tỳ thấp động mà thành đờm**

*“Hoạt pháp cơ yếu - Khái thấu”*

**174. Thấu mà có đàm chủ Tỳ thấp. Khái mà không đàm chủ Phế (bị) tổn thương.**

**Minh - Tần Cảnh Minh**

*“Khái thấu tổng luận”*

Ý nghĩa hai danh ngôn trên giống nhau. Khái quát những chỗ khác nhau về chứng trạng và bệnh cơ Khái và Thấu.

Lâm sàng tuy gọi chung là khái thấu nhưng xét kỹ vẫn có chỗ khác nhau.

Khái là có tiếng mà không có đờm, thuộc Phế bị ngoại cảm hoặc nội thương, không tuyên giáng mất sự thanh túc gây nên

Có đờm không có tiếng là Thấu, do Tỳ hư thấp thịnh tụ lại thành đàm gây nên

Tóm lại bệnh vị chủ yếu của Khái Thấu là ở hai tạng Phế, Tỳ.

**175. Suyễn là chứng hậu Ác. Háo là cố tật.**

**Thanh - Tưởng Thị Cát**

*“Y tôn thuyết ước - Háo”*

Danh ngôn này nêu đặc điểm bệnh biến của chứng Háo chứng Suyễn, nói đơn giản mà ý đầy đủ. Chứng Háo là do túc đàm ẩn náu ở Phế, nếu gặp cảm nhiễm thì dụ phát, hay tái phát khó trừ căn bệnh cho nên gọi là “cố tật”. Chứng Suyễn thì có đặc trưng hô hấp khó khăn, thậm chí há miệng so vai, cánh mũi phập phồng không nằm ngửa được, nghiêm trọng hơn có thể dẫn đến Suyễn thoát, khó chữa chạy, nên gọi là “ác hậu”. Đối với hai chứng này, cổ nhân đã có nhận thức rất sớm. Trương Cảnh Nhạc đời Minh nói ngay: “Bệnh Khí suyễn là chứng hậu rất nguy, nếu chữa sai yếu lĩnh, rất dễ sai lầm hại người”. Dụ Gia Ngôn cũng nói: “con người ta có trăm chứng bệnh khó chữa, Suyễn cũng là bệnh rất khó chữa”.

**176. Háo do tiếng kêu mà đặt tên. Suyễn do hơi thở mà gọi. Nghĩ như Suyễn gấp trong họng có tiếng khò khè gọi là Háo. Thở gấp mà không liên tục để thở gọi là Suyễn.**

*Minh - Ngu Đoàn*

*“Y học chính truyền - Háo Suyễn”*

Trước đời Kim - Nguyên, chưa tách riêng hai chứng Háo và Suyễn, đều xếp chung vào môn Suyễn Xúc. Đến Ngu Đoàn đời Minh mới tách riêng hai chứng. Danh ngôn này từ những chứng trạng chủ yếu để qui nạp và nêu yếu điểm phân biệt hai chứng này.

Háo với Suyễn tuy đều biểu hiện suyễn thở gấp gáp nhưng Háo là có tiếng kêu mà đặt tên, trong họng khò khè, đó là vì Phế có sẵn túc đàm lại thêm những nhân tố dụ phát như ngoại cảm, ăn uống, mệt nhọc v.v. bệnh hay tái phát. Còn Suyễn là nói theo hơi thở, hô hấp gấp gáp khó khăn, đó là một chứng trạng trong nhiều bệnh mạn tính. Suyễn chưa hẳn phải kiêm Háo, mà Háo thì tất phải kiêm Suyễn. Tóm lại, hai loại tuy có chỗ giống nhau, nhưng đều có đặc điểm riêng, lâm sàng phân biệt không khó khăn.

**177. Nguyên nhân bệnh Suyễn, ở Phế là Thực, ở Thận là Hư.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ lam y án – Suyễn”*

Danh ngôn này tổng kết tinh vi về lý luận bệnh cơ phát bệnh Suyễn là ở hai tạng Phế, Thận. Tất cả nguyên nhân của chứng Suyễn là do khí cơ thăng giáng xuất nạp không bình thường gây nên. Phế là chủ của Khí, quản lý hô hấp, ngoài hợp với bì mao, dễ bị ngoại tà xâm phạm đến nỗi làm cho Phế khí trướng đầy, mất chức năng tuyên giáng mà thành Suyễn. Chứng thuộc Thực, phần nhiều tiếng cao thở thô, kiêm chứng khái thấu đờm khò khè, mạch Sác có lực; cho nên nói ở Phế là Thực”. Thận là rễ của Khí, nhiệm vụ nạp khí. Nếu Thận nguyên không bền mất khả năng nhiếp nạp dẫn đến khí không trở về nguồn, nghịch lên thành Suyễn, đó là Hư Suyễn, có chứng trạng tiếng thấp thở khẽ, hô hấp ngắn gáp khó khăn, bệnh thể từ từ, cho nên nói: “ở Thận là Hư”. Quan điểm này rất có ý nghĩa chỉ đạo để điều trị Suyễn chứng rất chính xác.



**178. Trước Suyễn sau Trưởng chữa ở Phế. Trước Trưởng sau Suyễn chữa ở Tỳ.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Suyễn”*

Căn cứ vào lý luận tiêu bản của Đông y, bệnh nguyên phát là Bản. Bệnh kế phát là Tiêu. Bệnh phát trước là Bản, bệnh phát sau là Tiêu. Nói theo ý nghĩa chữa bệnh phải tìm từ Bản như trên, nên lấy chữa bệnh nguyên phát là chủ yếu, trị bệnh phát trước là chủ yếu.

Trước Suyễn sau Trưởng, Phế bị bệnh Suyễn trước tiếp theo mới dẫn đến bệnh Tỳ mà phát trưởng bụng. Phế bị bệnh trước là Bản cho nên chủ yếu phải trị Phế. Trước trưởng mà sau Suyễn, Tỳ bị bệnh trước nên trưởng bụng tiếp theo ảnh hưởng tới Phế mới thành Suyễn, Tỳ bị bệnh trước là Bản, cho nên chủ yếu phải chữa Tỳ. Danh ngôn này thể hiện nguyên tắc chữa bệnh phải phân biệt trước sau tiêu, bản.

**179. Ba khí phong, hàn, thấp đến hợp lại là bệnh Tý. Phong khí thắng là Hành tý. Hàn khí thắng là Thống tý. Thấp khí thắng là Trước tý.**

*“Tổ vấn – Tý luận”*

Danh ngôn này nói nguyên nhân bệnh cơ của Tý chứng, đúng là lý luận kinh điển, đến nay vẫn là cơ sở lý luận biện chứng luận trị Tý chứng.

Ba loại tà khí phong, hàn, thấp trà trộn xâm nhập vào cơ thể làm cho kinh lạc khí huyết cơ thể bị bế tắc mà thành Tý chứng.

Phong tà thịnh biểu hiện là đau mỏi cơ thể di chuyển không cố định gọi là Hành tý cũng gọi là Phong tý. Hàn tà thịnh thì biểu hiện là khớp xương lạnh đau, nơi đau cố định, gặp lạnh đau tăng, thông thường gọi là Thống tý cũng gọi là Hàn tý. Thấp tà thịnh có chứng khớp xương nặng nề, da thịt tê dại, gọi chung là Trước tý cũng gọi là Thấp tý. Lâm sàng phong hàn thấp thường xuất hiện lẫn lộn gây bệnh, chẳng qua đều thiên trọng mà thôi.

**180. Tả nông mà lý sâu. Tả nhẹ mà lý nặng. Tả do thủy cốc không phân chia, bệnh phát sinh từ Trung tiêu. Lý do chất mỡ và huyết tàn hại, bệnh phát sinh từ Hạ tiêu.**

## Minh - Trương Cảnh Nhạc

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tạp chứng mô - Tiết tả”*

Danh ngôn này nói lên bệnh tình nặng nhẹ khác nhau của hai loại Tiết tả và Ly tậ. Tổng kết chỗ khác nhau về nguyên nhân cơ chế bệnh và vị trí mắc bệnh của hai loại bệnh ấy thực là kinh nghiệm đáng bàn.

Tiết tả lấy đặc trưng là số lần đại tiện tăng nhiều, chất phân trong loãng, nguyên nhân cơ chế bệnh chủ yếu là Tỳ hư thấp thịnh, thuỷ cốc không biến hoá chất tinh vi lẫn lộn bài tiết ra thành chứng Tả. Bộ vị bệnh biến chủ yếu ở Trung tiêu “thấp do Tỳ Vị mà dồn đến Tiểu trường”.

Ly tậ thì có chủ chứng đau bụng, lý cấp hậu trọng, lỵ ra mủ máu trắng đỏ, nguyên nhân cơ chế bệnh chủ yếu là thấp nhiệt, dịch độc úng tắc trong ruột mất chức năng truyền đạo, chất mỡ và đường lạc tổn hại loét nát biến thành mủ máu gây nên, vị trí phát bệnh ở Hạ tiêu, Đại trường.

Đem so sánh Tiết với Ly, loại trên chủ yếu tổn thương khí phạm, loại sau không chỉ tổn thương khí phạm mà chủ yếu làm tổn hại huyết phạm ở Hạ tiêu. Vì thế mới nói: “Tả nông mà Ly sâu, Tả nhẹ mà Ly nặng. “

### 181. Không tích không thành Ly.

Minh - Vạn Mật Trai

*“Ấn khoa phát huy - Ly tậ”*

Câu này nói lên nguyên nhân cơ chế bệnh chủ yếu của Ly tậ chính xác và rất gọn.

Chứng Ly xưa gọi là “Trệ hạ” tất cả là do tà khí thấp nhiệt dịch độc chứa chất ở trong ruột làm cho Đại trường tích trệ úng thực, khí cơ bị ngăn trở, phủ khí không thông mà thành các chứng đau bụng, lý cấp hậu trọng, hạ lỵ ra mủ máu, có thể thấy Đại trường tích trệ là mấu chốt cơ chế bệnh Ly.

### 173.

### 182. Khát mà uống nhiều là Thượng tiêu (kinh nói là Cách tiêu). Dễ tiêu hay đói là Trung tiêu (kinh nói là Tiêu trung). Khát mà tiểu tiện nhiều lần như chất mỡ là Hạ tiêu (kinh nói là Thận tiêu).

Minh - Vương Khẳng Đường

*“Chứng trị chuẩn thăng - Tiêu đản”*

Câu này căn cứ vào chủ thứ nặng nhẹ của chứng trạng “tam đa” bệnh Tiêu khát đem bệnh này phân rõ tam tiêu Thượng, Trung, Hạ từ đó mà tiến hành tốt biện chứng luận trị trong lâm sàng.

Chứng Tiêu khát tất cả do tảo nhiệt âm thương gây nên, bộ vị bệnh biến chủ yếu ở ba tạng Phế, Vị, Thận, vì tạng khí bị tổn thương có chủ thứ nên mới phân Tam tiêu. Phế ở Thượng tiêu, tảo nhiệt hại tân dịch, thuỷ và tân dịch không phân bố thì khát nước uống nhiều, đó là Thượng tiêu. Vị thuộc Trung tiêu, Vị nhiệt quá thịnh, sức ngấu như thuỷ cốc quá mạnh nên mới chóng tiêu hay đói, đó là Trung tiêu.

Thận ở Hạ tiêu, tảo nhiệt thương âm mất chức năng khí hoá, không hạn chế được tiểu tiện cho nên tiểu tiện nhiều lần, Thận lưu mất khả năng cố nhiếp, chất tinh vi dồn xuống cho nên tiểu tiện ra như mỡ như cao, đó là Hạ tiêu.

Bệnh này tuy chia ra thượng, trung, hạ tam tiêu, Phế tảo, Vị nhiệt, Thận hư khác nhau, trên thực tế chứng trạng tam đa thường đồng thời tồn tại, mà chỉ là mức độ nặng nhẹ khác nhau mà thôi. Vì thế, trong điều trị vừa phải tập trung điều trị chủ chứng cũng cần phải chiếu cố những chứng trạng thứ yếu, không nên tách rời hẳn.

**183. Một chứng Tam tiêu, tuy có chia Thượng, Trung, Hạ, thực ra không vượt khỏi âm khuy dương cương, tân dịch cạn nhiệt quá rồi mà thôi.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Tam tiêu”*

Danh ngôn này khái quát cơ bản bệnh cơ của bệnh Tiêu khát, xứng đáng là cây bút đại gia. Bệnh Tiêu khát tuy chia ra Thượng, Trung, Hạ, có Phế, Vị, Thận khác nhau, nhưng cơ chế bệnh tất cả là do âm hư nhiệt quá rồi, đây là một điểm chỉ rõ phương hướng điều trị bệnh này.

**184. Các bệnh Lâm, đều do Thận hư mà Bàng quang nhiệt gây nên.**

**Tuỳ - Sào Nguyên Phương**

*“Chư bệnh nguyên hậu luận - Lâm bệnh chư hậu”*

Danh ngôn này nổi đặc điểm cơ chế bệnh của Lâm chứng vô cùng sáng suốt. Lâm chứng tuy cố nhiều loại Lâm như Nhiệt, Khí, Huyết, Thạch, Cao và Lao nhưng suy ra cơ chế bệnh không vượt khỏi Hạ tiêu thấp nhiệt nung nấu kết tụ dẫn đến Bàng quang khí hoá không lợi, gây nên tiểu tiện nhiều lần, ít và rít, giở giọt đau buốt. Phát sinh triệu chứng có thể là Thận đã hư từ trước hoặc là bị bệnh rồi mới hại đến

Thận, tóm lại phần nhiều kiêm cả Thận hư là điều không thể không biết, như vậy phù hợp với lý luận “Tà sở dĩ xâm phạm được là do Khí phải hư”

**185. Tích là ý nói tích lũy, dần dà mà hình thành. Tụ là ý nói lúc tụ lúc tan, lúc phát lúc ngừng bất thường.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tạp chứng mô - Tích tụ”*

Danh ngôn này giải thích ngắn gọn cơ chế bệnh lý chứng Tích, chứng Tụ rõ là lời nói lịch duyệt. Tích với Tụ là chỉ chứng trạng trong bụng tích khối hoặc đau hoặc trướng. Nguyên nhân hai bệnh này khác nhau, cơ chế bệnh và chứng hậu cũng khác nhau. Chứng tích do khí huyết đàm thấp úng tắc, lạc mạch bị ngăn trở tích lũy nhiều tháng ngày, tích lại mà thành hình cho nên nói dần dà mà hình thành”. Chứng Tụ thì bệnh ở khí phận, lúc tụ lúc tan bất thường, đau không cố định cho nên nói lúc phát lúc ngừng bất thường”.

**186. Trưng là chưng. Hà là giả. Chưng là hình thành kiên định không di chuyển. Giả là vô hình có thể tụ có thể tan.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Phụ nhân qui – Chứng Hà loại”*

Chứng hà với tích tụ khác tên mà đồng loại. Trưng, có hình có thể bày ra, cứng rắn không di chuyển, nơi đau cố định, bệnh thuộc huyết phận. Hà thì lúc tụ lúc tan bất thường, đầy có thể di chuyển, đau không cố định, bệnh thuộc khí phận, danh ngôn này nói lên đặc điểm khác nhau của chứng hậu Trưng và Hà.

**187. Tích thì đầy không chuyển, hình thành từ năm tạng, phần nhiều thuộc Huyết bệnh. Tụ thì đầy di chuyển, hình thành từ sáu phủ, phần nhiều thuộc Khí bệnh.**

**Thanh - Trình Chung Linh**

*“Y học tâm ngộ - Tích tụ”*

Danh ngôn này qui nạp nguyên nhân cơ chế bệnh của chứng Tích chứng Tụ, có đặc điểm khác nhau về phương diện thuộc tính bệnh lý biểu hiện trên lâm sàng,

có thể tham khảo với hai danh ngôn đã nói ở trên. Thông thường hay nói chung là tích tụ, nhưng phân biệt kỹ thì hai chứng này cũng khác nhau rất rõ.

Chứng Tích lấy ứ huyết ngưng trệ làm chủ yếu, bệnh thuộc hữu hình, cố định không di chuyển, đau có nơi nhất định, bệnh vào phần Huyết, ở Tạng thuộc âm. Chứng Tụ lấy khí cơ bị ngăn trệ làm chủ yếu, bệnh thuộc vô hình, lúc tụ lúc tan bất thường, nơi đau không cố định, bệnh ở Khí phạm, ở Phủ, thuộc dương.

Đương nhiên Tích Tụ cũng liên hệ nhất định. Khí trệ lâu ngày có thể dẫn đến huyết ứ mà hình thành chứng Tích hữu hình, ứ huyết hữu hình, tất cũng trở ngại khí cơ dẫn đến chứng Tụ. Hai loại này chuyển hoá lẫn nhau không thể không biết.

**188. Không ngủ do đàm hỏa vượng mà huyết thiếu. Ngủ nhiều là Tỳ Vị mệt mà tinh thần lơ mơ.**

**Thanh - Lưu Nhất Nhân**

*“Y học truyền tâm lục - Bệnh nhân phú”*

Danh ngôn này giới thiệu nguyên nhân cơ chế bệnh chủ yếu của hai chứng không ngủ được và ngủ nhiều được coi là thiết yếu.

Không ngủ được chia làm hai loại. Thực chứng phần nhiều do Can hỏa hoặc đờm nhiệt thịnh ở trong, quấy rối Tâm thần gây nên. Hư chứng có thể do huyết hư Tâm không được nuôi dưỡng gây nên. Đây là tóm lược, chứng này cũng có thể do Tâm Đờm khí hư, âm hư hỏa vượng gây nên.

Chứng hay ngủ phần nhiều do Tỳ Vị bạc nhược vận hoá kém, tinh khí không đạt lên trên, não không được nuôi dưỡng đến nổi thần chí tư duy mòn mỏi, uể oải ngủ nhiều, thường dùng Lục quân tử thang để điều trị.

**189. Điên Cuồng có thể chia nhiệt cực ở Tâm Can. Chứng Giản thì tìm ở nặng nhẹ của đàm hỏa.**

**Thanh - Lưu Nhất Nhân**

*“Y học truyền tâm lục - Bệnh nhân phú”*

Câu này nêu nguyên nhân cơ chế bệnh chủ yếu của hai chứng Điên cuồng và Giản có thể tham khảo. Điên cuồng phần nhiều do Can hỏa đột ngột phát triển dẫn đến Tâm hỏa quá thịnh quấy rối thần minh gây nên. Giản chứng phần nhiều do đàm hỏa quấy nhiễu ở trong làm vít lấp Tâm khiếu gây nên. Danh ngôn trên chủ yếu chỉ

Thực chứng, sự thực điên cuồng và giận là hai chứng cũng do Hư gây nên, cần nắm vững toàn diện.

**190. Mưa ra đắng biết là tà ở Đởm. Mưa chất chua biết là hỏa vào Can.**

**Thanh - Lý Dụng Tử**

*“Chứng trị vậng bổ - Hung cách môn - Ấu thổ”*

Câu này căn cứ vào đặc điểm khẩu vị nôn mưa để phân biệt tà nhiệt ở bộ vị Tạng Phủ, phù hợp với nhận thức lâm sàng. Đởm chấp vị đắng, vì đởm nhiệt đến nỗi đởm khí nghịch lên khiến trong miệng có vị đắng cho nên đây mới nói biết là tà ở Đởm”. Vị của Can thì chua, Can nhiệt mà khí nghịch lên thì miệng thấy ứa nước chua, do đó mà “biết là hỏa vào Can”.

**191. Mới bị di là do tướng hỏa không yên. Bị di lâu ngày, bệnh tại khí hư không bền.**

**Thanh - Dư Thính Hồng**

*“Dư Thính Hồng y án - Di tinh”*

Câu này lấy phát bệnh mới hay lâu để chẩn đoán phân biệt chứng hậu di tinh thuộc hư hay thuộc thực có thể nói là không thừa. Di tinh mới phát, phần nhiều do tân tương hỏa động, khuấy động làm mất vị trí của tinh khí mà di tinh. Cho đến khi lâu ngày là do Thận khí suy hư, cửa tinh không bền mà tiết ra. Hai hiện tượng ấy, một thuộc hư, một thuộc thực. Đương nhiên, để phân biệt hư thực, còn phải lấy biểu hiện lâm sàng làm chủ yếu, bệnh mới hay lâu chỉ góp một phần kiến thức để tham khảo.

**192. Phụ nữ mạch ở Thủ thiếu âm động mạnh là có thai**

*“Tổ vấn – Bình nhân khí tượng luận”*

**193. Âm bác dương biệt, như thế là có con.**

*“Tổ vấn – Âm Dương biện luận”*

Hai y văn này nêu lên mạch tượng ở người có thai, nêu lên yếu điểm về nhận thức mạch có thai. Thủ Thiếu âm mạch chỉ mạch ở tả thốn chủ Tâm huyết. Phụ nữ nguyệt kinh mới ngừng, mạch ở tả thốn hoạt động mạnh hơn bộ vị khác, đó là biểu hiện huyết muốn tụ lại để nuôi thai, cho nên nói là có thai”.

“Âm” và “Dương” ở “Âm bác dương biệt” là chỉ phân biệt Xích mạch và Thốn mạch. Xích mạch thuộc âm là nơi chốn của Thận. Bào thai buộc vào Thận, đến nổi mạch ở hai bộ Xích Hoạt Sác mạnh ở dưới ngón tay, có khi còn mạnh hơn thốn bộ Dương mạch, đó là hiện tượng có thai. Sào Nguyên Phương viết trong “*Chư bệnh nguyên hậu luận*”: “Chẩn Xích mạch ở người phụ nữ có thai, chuyển nhanh như vượt lên chuỗi hạt châu đó là sắp sinh” có thể tham khảo.

**194. Thể trạng vốn hư mà không nghe được, điều trị ở Thận. Tà xâm phạm làm vít khiếu, điều trị ở Đởm**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Nhĩ môn”*

“Không nghe được” và “làm vít khiếu” là chỉ tai điếc. Câu này nói lên nguyên nhân bệnh, bộ vị mắc bệnh của chứng tai điếc thuộc hai thể Hư và Thực, và hướng dẫn người ta đại pháp điều trị.

Thận khai khiếu lên tai. Đường lạc của Đởm cũng bám vào tai. Cho nên tai điếc có liên can tới hai tạng khí này. Trường hợp do chính khí hư mà tai điếc, phần nhiều do Thận âm suy kém đã lâu, nội phong Can dương che lấp khiếu ở trên, điều trị nên tư âm trọng trấn, tư thủy hàm mộc. Trường hợp ngoại tà vít lấp khiếu đến nổi tai điếc, phần nhiều do Thiếu dương phong hỏa quấy rối ở trên gây nên, điều trị nên thanh tả Đởm kinh. Trên đây là nét đại cương. Tai điếc cũng còn liên can tới các tạng khác, kinh khác, tùy trường hợp mà biện chứng.

**195. Đởm nhiệt chuyển lên não thành Ty uyên. Can nhiệt chuyển lên Phế sinh Ty trĩ.**

**Thanh - Vương Húc Cao**

*“Hoài Khê thảo đường y án - Chư khiếu môn”*

Câu này quy nạp nguyên nhân và cơ chế bệnh hai loại bệnh chứng Ty uyên và Ty trĩ.

Tỵ uyên là mũi chảy ra nước đặc tanh hôi, thậm chí không ngửi được mùi thơm thối, phần nhiều do Đởm nhiệt rời lên não gây nên. Tố Vấn - khí quyết luận nói “ Đởm rời nhiệt lên não thì cay ngứa Tỵ uyên” chính là ý này. Tỵ trĩ là trong mũi mọc thịt thừa, do Can Kinh uất nhiệt phạm lên Phế gây nên. Đương nhiên, hai loại bệnh chứng này vị trí phát bệnh đều ở Phế kinh, trong điều trị thanh Can lợi Đởm đồng thời nên chiếu cố cả thanh Phế nữa.

**196. Chứng bên trong có khi không liên can đến bên ngoài. Chứng bên ngoài thì cái gốc tất phải liên quan đến bên trong.**

**Hiện đại - Minh Kiên**

dẫn lời trong

*“Y lâm xuyên anh – Ngoại bệnh cầu nội tại chi căn nguyên »*

Câu này nêu lên cơ chế bệnh nội tại của bệnh chứng ngoại khoa, là căn cứ lý luận cung cấp cho biện chứng tật bệnh ngoại khoa.

Cơ thể con người là một chỉnh thể hữu cơ, nội tạng với thể biểu có sự liên hệ với nhau. Nội khoa cần phân biệt chứng hậu ở bên ngoài, ngoại khoa nên tìm căn nguyên nội tại. Cho dù bệnh biến nội tạng không nhất định phản ánh ra thể biểu, nhưng bệnh biến ngoại khoa tất nhiên có cả cơ chế bệnh nội tại. Làm thầy thuốc ngoại khoa cần phải giới từ ngoài mà đo lường bên trong, từ biểu mà đo lường ở lý, tìm bằng được một nhận thức xác đáng, thích hợp về cơ chế bệnh.



PHẦN THỨ HAI  
**LUẬN TRỊ**

## I. ĐẠI PHÁP ĐIỀU TRỊ

### 197. Chữa bệnh phải tìm từ Bản.

*“Tố Vấn - Âm Dương ứng tượng đại luận”*

Câu này nêu lên nguyên tắc cơ bản về biện chứng luận trị, là trọng tâm lý luận cho học thuyết điều trị của Đông y. Nói chữa bệnh phải tìm từ gốc” có nghĩa là phải khéo tìm ra nguyên nhân cơ bản dẫn đến tật bệnh, nhằm đúng vào nó mà tiến hành điều trị. Sự phát sinh phát triển của tật bệnh tất cả là thông qua sự biểu hiện của những chứng trạng nào đó, nhưng những chứng trạng đó chỉ là hiện tượng của tật bệnh chứ không thể nói là bản chất của tật bệnh. Chỉ có tập hợp đầy đủ, hiểu rõ các phương diện của tật bệnh bao gồm toàn bộ tình huống chứng trạng ở trong, tiến hành phân tích tổng hợp, thông qua hiện tượng và bản chất để tìm ra nguyên nhân căn bản của tật bệnh, từ đó mà xác định phương pháp điều trị thích hợp, chứ không phải “đau đầu chữa đầu, đau chân chữa chân” điều trị mù quáng.

“Bản” với “Tiêu” là nói tương đối, có thể dùng để thuyết minh quan hệ chủ thứ trong các loại mâu thuẫn trong quá trình bệnh biến. Ví dụ nói theo hai phía tà và chính, chính khí là bản, tà khí là tiêu. Nói theo nguyên nhân bệnh với chứng trạng, nguyên nhân bệnh là bản, chứng trạng là tiêu. Nói theo phát bệnh trước và sau thì nguyên phát bệnh, bệnh phát cũ là Bản; kế phát bệnh, bệnh mới phát là tiêu. Những vấn đề trên đều có ý nghĩa chỉ đạo trong lâm sàng.

Cũng nên chỉ rõ, phép trị tiêu bản ứng dụng trên lâm sàng, nói chung là “chữa bệnh phải tìm từ bản”. Nhưng ở một số tình huống, Tiêu bệnh nguy cấp nếu không giải quyết kịp thời có thể nguy đến sinh mạng người bệnh và ảnh hưởng đến điều trị tật bệnh, thì nên áp dụng nguyên tắc “Cấp thì trị tiêu - Hoãn thì trị bản”, trước chữa tiêu bệnh sau chữa bản bệnh. Nếu cả Tiêu và Bản đều nặng thì nên cùng chữa cả Tiêu Bản.

Quy nạp lại, trị bệnh phải tìm Bản. Cấp thì trị Tiêu. Tiêu Bản cùng trị, có như vậy mới là nội dung toàn diện của phép tắc Tiêu Bản.

### 198. Hoãn thì trị Bản. cấp thì trị Tiêu

**Minh - Lý Diên**

*“Y học nhập môn - Tiêu bản luận”*

Câu này là thể hiện linh hoạt vấn đề Tiêu Bản trong phép tắc chữa bệnh phải tìm từ Bản.

Tiêu là hiện tượng và chứng hậu biểu hiện tật bệnh lâm sàng - Bản là cơ chế bệnh phát sinh tật bệnh, tức là bản chất của tật bệnh.

Trong bệnh tình phát triển nhiều biến hoá phức tạp, thường xuất hiện vai trò chủ thứ Tiêu Bản khác nhau. Cho nên trong điều trị nên phân biệt trước sau hoãn cấp

Tình huống chung là nên “trị bệnh phải tìm từ bản”. Nhưng khi tiêu bệnh quá gấp ảnh hưởng đến an nguy của người bệnh thì việc cần giải quyết trước tức như nói cấp thì trị Tiêu”. Ví dụ Tỳ hư dẫn đến cổ trướng thì Tỳ hư là Bản, Cổ trướng là Tiêu, nhưng đương lúc cổ trướng nghiêm trọng, bụng to như cái trống, nhị tiện không lợi, suyễn gấp khó thở thì nên công thuỷ lợi niệu, thuỷ rút bệnh êm mới dùng thuốc kiện Tỳ củng cố cái gốc. Đối với tình huống bệnh mạn tính hoặc bệnh mạn tính ở thời kỳ khôi phục bệnh tình tương đối hoà hoãn thì nên kiên trì giữ nguyên tắc chữa bệnh phải tìm từ Bản để đạt hiệu quả trị bản trừ tiêu. Ví dụ chứng Phế lao khái thấu, cái gốc phần nhiều do Phế Thận âm hư, nhưng trong điều trị nói chung không sử dụng phép trị tiêu chỉ khái mà phải tư dưỡng Phế Thận. Cái Bản là Âm hư được điều trị thì chứng Khái là Tiêu tự trừ đó tức là “Hoãn thì trị từ Bản”.

### **199. Phải khắc phục cái chủ yếu, trước hết phải tìm ra nguyên nhân.**

*“Tố Vấn - Chí chân yếu đại luận”*

Câu này nêu một nguyên tắc cơ bản về biện chứng luận trị, mang ý nghĩa chỉ đạo và phổ biến trong lâm sàng.

Phàm muốn trị bệnh, cần phải khống chế khắc phục cái - bệnh căn chủ yếu của nó, hơn nữa trước tiên phải tìm ra nguyên nhân gây bệnh của nó, rồi sau mới xét chứng luận trị, điều trị mới nhằm đúng đối tượng mà thu hiệu quả cao.

Trương cảnh Nhạc chú thích rằng: “Phải khắc phục cái chủ yếu tức là khống chế cái gốc bệnh. Trước hết phải tìm ra nguyên nhân là tìm cái nguồn gốc gây nên bệnh”. Chúng ta nhận rằng “Phải khắc phục cái chủ yếu” cũng có thể lý giải được là phải khống chế được chủ chứng của tật bệnh. Bởi vì chủ chứng thường là chỗ rất đau khổ của người bệnh, gặp chứng Tiêu gấp gáp phải nên lưu tâm khống chế khắc phục. Lý giải này so với thuyết pháp nói trên không mâu thuẫn nhau, thuyết pháp trên nói Bản của bệnh, câu nói sau là nói Tiêu của bệnh, chỉ khác nhau về góc độ mà thôi.

**200. Chữa bệnh trước tiên phải hiểu bệnh. Hiểu bệnh rồi sau mới bàn đến dùng thuốc.**

**Thanh - Dụ Gia Ngôn**

*“Ngụ ý thảo - Tiên nghị bệnh hậu nghị dược”*

Danh ngôn này thể hiện tinh thần biện chứng luận trị, là một câu luận đoán nổi tiếng của họ Dụ mà cốt lõi là bắt buộc bàn đến bệnh và điều khiển thuốc, tùy cơ ứng biến.

Họ Dụ nói bệnh qua bàn luận rõ ràng, thì có bệnh ấy phải có ngay thuốc ấy, bệnh biến ra ngàn vẻ thuốc cũng ngàn vẻ”. “Hiểu bệnh thì trong trăm ngàn vị thuốc, chỉ cần mớ đến một vài vị đã hiệu nghiệm như thần”. Cũng nên chỉ rõ là, luận điểm này của họ Dụ chủ yếu là nhằm vào những thầy thuốc xoàng đương thời chỉ biết bàn thuốc không biết bàn đến bệnh làm đảo lộn khuynh hướng nên mới đề xuất như vậy, đến nay vẫn còn có nghĩa hiện thực.

**201. Thấy bệnh chữa bệnh, điều tối kỵ của thầy thuốc.**

**Minh - Chu Thận Trai**

*“Thận Trai di thư - Biện chứng thi trị”*

Câu này trái lại với nguyên tắc bắt buộc “Chữa bệnh phải tìm từ Bản”. Chu Thận Trai giải thích: “Bệnh có tiêu bản, phần nhiều có trường hợp không phát hiện Bản bệnh mà chỉ thấy Tiêu bệnh. Có trường hợp tiêu bản trái ngược nhau không phù hợp. Nếu thấy xuất hiện một chứng mà chữa ngay chứng ấy tất nhiên sai lầm. Chỉ thấy xuất hiện một chứng mà có thể biết tại sao mà có chứng ấy, đó là có thể biết cái Bản”. Tiên hiền không thiếu lời bàn về phương diện này, như Diệp Thiên Sĩ đã từng nói tới “Thấy bệnh chữa bệnh, sẽ không bổ ích mấy” và “Thấy bệnh chữa bệnh là kiến thức nông nổi”... đều là bắt buộc thầy thuốc điều trị đồng y phản đối kiến thức nông nổi đau đầu chữa đầu, đau chân chữa chân..

**202. Thấy Đờm chớ chữa đờm. Thấy huyết chớ chữa huyết. Không mờ hôi không phát hãn. Có nhiệt đừng công nhiệt. Suyễn sinh đừng hao khí. Tinh chớ sáp tiết. Hiểu rõ những điều hay. Mới là thầy anh kiệt.**

**Minh - Lý Trung Tử**

*“Y tôn tất độc – Thận vi tiên thiên bản. Tỳ vi hậu thiên bản luận”*  
dẫn lời Vương Ứng Chấn

Những câu này từ phản diện nêu rõ nguyên tắc chữa bệnh phải tìm từ gốc. Chữa bệnh tìm từ gốc tuyệt đối không phải là phép chữa đối chứng đau đầu chữa đầu, đau chân chữa chân.

Đông y chữa bệnh theo phép nghiên cứu giảng dạy là biện chứng tìm nguyên nhân, xét nguyên nhân để luận trị. Ví dụ như Đàm chứng: Đàm có thể hình thành do nhiều nguyên nhân, nguyên nhân do thấp thì làm ráo đi, nguyên nhân do lạnh thì nên làm cho ấm, nguyên nhân do nhiệt thì phải thanh, nguyên nhân do hư thì phải bổ, xét cái nguyên nhân sinh đàm để chặn đứng cái nguồn sinh ra nó mới là đạo lý chữa từ gốc bệnh. Nếu chỉ nhằm vào thấy đàm thì hoá đàm khó tránh khỏi bệnh theo cách chữa mà sinh ra, vĩnh viễn không ngày nào yên. Ngoài ra như huyết chứng, nhiệt chứng, vô hãn, suyễn chứng, di tinh, không chứng nào vượt ngoài biện pháp ấy. Tóm lại, chữa bệnh tìm từ gốc, không thể thấy xuất hiện một chứng thì chữa một chứng mà phải dành nhiều công phu để biện chứng.

Xét nguyên nhân để luận trị, thấy bệnh chữa từ cái nguồn sinh ra bệnh, đạo lý rõ ràng như vậy mới xứng đáng được gọi là tuấn kiệt trong Đông y, có thể tham khảo những danh ngôn nói ở trên.

**203. Trước hết phải nắm rõ tuế khí, đừng khắc phạt thiên hoà.**

*“Tố Vấn - Ngũ thường chính đại luận”*

Chữa bệnh, trước hết phải chú ý đến đặc điểm khí hậu, dùng thuốc không trái với biến hoá của giới tự nhiên. Câu này bắt buộc Đông y chữa bệnh phải thuận theo sự thích ứng với biến hoá của khí hậu tự nhiên, cũng như thường nói Nhân thời chế nghị “đó là một đặc sắc to lớn của đông y trị liệu, là biểu hiện quan niệm chỉnh thể của Đông y. Ví dụ như mùa Hạ nóng gắt dùng ít thuốc cay nóng, mùa Đông rét buốt nên dùng ít thuốc hàn lương. Lý Đông Viên có câu nói mùa Đông không dùng thang Bạch hổ, mùa Hạ không dùng thang Thanh long” tức là thể hiện phương diện này.

**204. Cẩn thận xét thấy “gián” “thậm”, lấy ý mà điều hoà, “gián” thì dùng kiêm, “thậm” thì dùng một mình.**

*“Tố Vấn - Tiêu bản bệnh truyền luận”*

Câu này chỉ dẫn căn cứ vào bệnh tình nặng nhẹ thế nào để vận dụng lý luận tiêu bản. “Gián Thâm”. Gián là nói bệnh còn nông. Thâm là nói bệnh đã nặng”, “gián” cũng có ý như “kiêm”, chứng có kiêm chứng, như hàn nhiệt lẫn lộn, biểu lý lẫn lộn v.v. “Gián thì cùng đi; thâm thì đi một mình”. Trương Cảnh Nhạc chú giải: “Bệnh nông thì có thể kiêm trị, cho nên nói cùng đi. Bệnh thâm thì khó chữa đựng sự rối loạn cho nên nói đi một mình”, “cùng đi” tức là cùng chữa tiêu bản “đi một mình” chỉ chữa riêng tiêu hoặc chữa riêng bản.

Ý tứ toàn câu là: cẩn thận xem xét nặng nhẹ hoãn cấp của tật bệnh, tập trung tinh lực mà điều trị. Bệnh nhẹ có thể cùng chữa cả tiêu và bản, bệnh nặng thì phải nắm vững mâu thuẫn chủ yếu, tập trung lực lượng mà điều trị, hoặc chữa tiêu, không được phức tạp lẫn lộn. Biện pháp này thực có ý nghĩa chỉ đạo trong lâm sàng.

**205. Nguyên tắc chữa bệnh, nên biết tà và chính, nên cân nhắc nặng nhẹ.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Truyền trung lục - Luận trị thiên”*

Nguyên tắc điều trị tật bệnh nên phân biệt rõ tà chính với tình huống so sánh. Tà thịnh thì nên khu tà ngay, chính hư thì nên phù chính, nếu hai biện pháp ấy chữa khác đi, sẽ phạm vào lỗi “hư hư thực thực”. Cũng cần cân nhắc bệnh tình nặng nhẹ, bệnh nhẹ thì chữa nhẹ đừng để khắc phạt thái quá; bệnh nặng chữa nặng, xe lộn vũng bùn cũng là hỏng việc. Câu này họ Trương nêu ra đối với lâm sàng điều trị yêu cầu trước tiên là phải nắm vững bệnh tình.

**206. Phép phân (chia) để trị ở chỗ xét nặng nhẹ. Phép hợp để trị, cần phân biệt chủ và khách**

**Thanh - La Hạo**

*“Y kinh dư luận - Trị bệnh hoãn cấp phân hợp luận”*

Họ La cho rằng chữa bệnh có hai điều khó: Một là phân biệt hoãn cấp. Hai là biết phân (chia) hợp. Nói biết phân hợp là chỗ khi phải chữa bệnh chứng có vài bệnh cùng xuất hiện, nên cân nhắc lựa chọn biện pháp phân trị hay hợp trị. Câu này nêu khi áp dụng phân trị hay hợp trị nên tuân theo nguyên tắc. Khi phân chia điều trị, phải phân biệt rõ chứng nào nhẹ, chứng nào nặng, trước hết phải chữa chứng nặng. Khi hợp lại để điều trị chung, cần phải phân rõ bệnh chứng chủ yếu, bệnh chứng thứ yếu và phải lấy điều trị bệnh chứng chủ yếu làm chính, bệnh chứng thứ yếu làm

phụ. Họ La nêu thí dụ: “như có biểu chứng mà kiêm cả lý chứng, biểu chứng nặng thì nên giải biểu, lý chứng nặng thì nên thanh lý, đó là phép phân trị. Như chứng này thuộc Hư, ngoại tà lại nặng. Bổ chính thì giúp cho tà, trừ tà thì hại chính, biện pháp ổn đáng là hợp trị cả hai. Hư chứng nặng thì lấy chữa Hư là chủ yếu kèm theo thuốc khu tà. Tà còn mạnh thì lấy khu tà là chủ yếu kèm theo thuốc phù chính.

**207. Nghĩ như bệnh thuộc cố tật lại thêm bệnh đột ngột, nên chữa bệnh đột ngột trước sau hãy chữa cố tật.**

**Đông Hán - Trương Trọng Cảnh**

*“Kim Quĩ yếu lược - Tạng Phủ kinh lạc tiên hậu bệnh mạch chứng trị”*

Câu này nêu người bị bệnh lâu ngày (cố tật) lại cảm nhiễm bệnh mới (bệnh đột ngột) phải nắm nguyên tắc điều trị trước sau hoãn cấp như thế nào, đó tức là nguyên tắc trước hãy chữa bệnh đột ngột rồi sau mới chữa cố tật. Bởi vì bệnh mới thì ngắn ngày vị trí nông, xu thế gấp, phát triển nhanh, không được để chậm trễ mà nên chữa trước. Bệnh lâu ngày thời gian dài vị trí sâu, xu thế từ từ, phát triển chậm có thể xử lý thông thả, cho nên điều trị sau. Đương nhiên phải xem bệnh tình cụ thể, cũng có khi bệnh cũ bệnh mới cùng chữa một lúc, không nên câu nệ.

**208. Bị bệnh từ trước rồi sau mới sinh trung mãn, nên chữa Tiêu.**

**209. Đại tiểu tiện không lợi, nên chữa Tiêu.**

*“Tố Vấn - Tiêu bản bệnh truyền luận”*

Lý luận Đông y cho rằng phát bệnh trước là Bản, phát bệnh sau là Tiêu “Chữa bệnh phải tìm từ Bản”, nói chung mọi tình huống đều nên điều trị phát bệnh trước, bệnh nguyên phát.

*“Tiêu bản bệnh truyền luận”* nêu thí dụ thuyết minh nhiều loại bệnh chứng đều là điều trị bệnh phát sinh trước, bệnh nguyên phát ấy là “Bản” sau mới chữa bệnh kế phát là “Tiêu” Chỉ riêng có hai trường hợp “Trung mãn” và “đại tiểu không lợi” (tức nhị tiện không thông lợi) là hai bệnh kế phát cần phải chữa trước, đó là thể hiện nguyên tắc “cấp thì trị tiêu”, về lý do, Trương cảnh Nhạc giải thích khá cụ thể, dẫn giải như sau:

Mọi bệnh đều chữa “bản” trước mà chỉ có chứng trung mãn là trị “tiêu” trước, bởi vì trung mãn phát bệnh, tà khí ở Vị, Vị là cái “bản” của Tạng Phủ. Vị mãn

(đầy) thì cái khí của đồ ăn thuốc uống không lưu hành mà tạng phủ đều mất sự chăm sóc, cho nên trị nó trước cũng là để chữa “bản” vậy. Lại nói: “Trước đã có bệnh khác, mà sau lại tiểu tiện không lợi, cũng là trị tiêu trước”. Mọi bệnh đều chữa Bản, riêng chứng này lại chữa Tiêu. Bởi vì đại tiểu tiện không thông là dấu hiệu nguy cấp, tuy là tiêu bệnh cũng phải chữa trước, đó là ý nói cấp thì chữa tiêu”. Trên lâm sàng, ngoài hai chứng “trung mẫn” và “đại tiểu tiện không lợi” nên điều trị trước, đến như chứng “Ẩu thổ” cũng thuộc tiêu và cấp nên giải trừ trước là phải, vì lý do cũng tương tự với “trung mẫn”.

**210. Hãn, mà đừng làm thương  
Hạ, mà đừng làm tổn.  
Ôn, mà đừng làm táo  
Hàn, mà đừng làm ngưng  
Tiêu, mà đừng phạt  
Bổ, mà đừng trệ  
Hoà, mà đừng tràn lan  
Thổ, mà đừng chậm chễ.**

**Đương đại - Bồ Phụ Chu**

*“Bồ Phụ Chu y liệu kinh nghiệm - Bát pháp vận dụng”*

Những câu này, qui nạp những điều cần chú ý trong ứng dụng Bát pháp, là kinh nghiệm tổng kết quý báu của đại Trung y đương đại Bồ Phụ Chu. Cốt lõi vấn đề là khi ứng dụng bát pháp cần phải nắm vững chi lý, ngăn ngừa lạm dụng, dùng quá phạm vi, làm tổn hại chính khí; cụ thể như sau.

- **Hãn mà đừng làm thương**: Hãn pháp dùng trong tình huống tà ở bì mao, nhưng dùng thuốc cần phải thích hợp, không nên hãn mà hãn là “ngộ biểu”(sai lầm chữa ở biểu) ra quá nhiều mồ hôi sẽ thương dương, ra mồ hôi quá tay sẽ thương âm, đều thuộc loại “ra mồ hôi quá nhiều” đều làm hại chính khí, không thể không biết.

- **Hạ mà đừng làm tổn**: Hạ pháp thích hợp với chứng lý thực tà thịnh, tính thuốc mãnh liệt, sử dụng không thích đáng sẽ tổn thương chính khí. Không nên hạ mà hạ là Hạ sai lầm. Bệnh nhẹ mà thuốc mạnh là hạ thái quá... đều làm thương tổn chính khí, cũng nên cẩn thận.

- **Ôn mà đừng làm táo**: Ôn pháp thích hợp với Hàn chứng cũng cần phải có chừng mực. Dùng quá độ thuốc táo nhiệt có thể dẫn đến táo kiệt thương âm.



- **Thanh mà đừng làm ngưng:** Phép Thanh thích hợp với Thực chứng, nhưng cần chú ý tránh dùng nhiều hàn lương: một là làm hại Tỳ Vị, hai là thuốc vượt qua vị trí bệnh đến nổi nhiệt bệnh chưa rút hết hàn chứng đã nổi lên đó là “mắc bệnh tại thuốc”.

- **Tiêu mà đừng phạt:** Phép Tiêu dùng trong những chứng thực tích, đàm hạch, tích tụ, trương hà, các thuốc điều trị đều có tính khắc phạt, sử dụng không thích đáng trái lại tổn thương chính khí. Vì vậy cần hiểu rõ bộ vị của bệnh phân biệt nặng nhẹ để tránh trừng phạt không quá tay. Đồng thời phải chú ý thể chất khoẻ yếu của người bệnh mà tiêu bổ cùng dùng, vận dụng cho linh hoạt.

- **Bổ mà đừng trệ:** Phép Bổ ứng dụng trong Hư chứng nhưng phải chú ý trong bổ có thông, phối hợp thích đáng thuốc lý khí và hoà huyết, đó cũng là “trong tĩnh có động” khiến cho khí huyết điều hoà thuận chiều mới có thể thành công. Dùng bổ vớ vẩn, bổ vô tội vạ chỉ chuốc lấy trở ngại khí huyết, khó mà thu được công hiệu.

- **Hoà mà đừng tràn lan:** Phép Hoà thích hợp với các chứng tà ở bán biểu bán lý và Tạng Phủ khí huyết không điều hoà, phạm vi ứng dụng khá rộng, nhưng phải hoà cho thích đáng không được lạm dụng.

- **Thổ mà đừng chậm trễ:** Phép Thổ thích hợp với loại tà khí ở Thượng tiêu, phần nhiều thuộc Thực tà, điều trị nên khẩn trương. Nói thổ mà đừng chậm trễ” là nói phải chớp lấy thời cơ, tấn công nhanh chóng đừng chậm trễ.

Bồ Phụ Chu tổng kết kinh nghiệm vận dụng bát pháp, phương pháp biện chứng đầy đủ đáng để chúng ta học tập.

**211. Chữa bệnh chia ba phép sơ trung mật: Con đường sơ trị (giai đoạn đầu) theo phép nên mạnh dạn. Con đường trung trị (giai đoạn giữa) theo phép vừa mạnh vừa từ từ hỗ trợ nhau..Con đường mật trị (giai đoạn cuối) theo phép nên thông thả từ từ.**

**Nguyên - Vương Hiếu Cổ**

*“Thử sự nan trị - Tam pháp ngũ trị luận”*

Tật bệnh không ngừng biến hoá, ba thời kỳ sơ, trung, mật đều có đặc điểm, dùng thuốc cũng phải theo đó mà biến hoá. Họ Vương nói câu này là chỉ vào điểm đó, rất có ý nghĩa phổ biến trong lâm sàng. Nguyên văn là: “Chữa bệnh lúc bắt đầu, theo phép nên mạnh dạn”, là ý nói dùng thuốc phải nhạy bén hùng mạnh. Bởi vì mắc bệnh lúc mới thường mạnh, cảm nhiễm dù nặng hay nhẹ, đều nên dùng thuốc mạnh đuổi bỏ tà ngay. Chữa bệnh ở giai đoạn giữa, theo phép nên vừa mạnh vừa từ

từ tương kiêm, vì nhiễm bệnh, không là tà mới thì là tà đã lâu, phải trong sự làm dịu sự gấp gáp có cả ý phù chính khu tà, điều trị chiếu cố cả đôi bên. Dưỡng chính khu tà, ví dụ như thấy tà khí nhiều mà chính khí ít thì nên dùng nhiều thuốc khu tà, thuốc dưỡng chính ít (phép gia giảm thuốc, đều theo nguyên tắc đó). Những loại thuốc gia giảm như thế, khi lâm sàng càng phải nghe ngóng đối chứng để tăng giảm dùng thuốc và phải căn cứ vào thời tiết, có phải kiêng tránh gì không. Dùng thêm phép châm cứu, hiệu quả càng nhanh. Biện pháp chữa sau cùng lại nên thông thả, nói thông thả là dùng loại thuốc êm dịu uống lâu không độc, phần nhiều có tác dụng nuôi khí huyết yên bên trong. Bởi vì bệnh chứng đã lâu, tà khí ẩn nấp khá sâu, chính khí mong manh, điều trị phải khéo chọn thuốc uống được lâu dài, “chính khí được nuôi nhiều thì tà khí sẽ rút. “Lý lẽ đã rõ ràng sáng suốt, chẳng cần bàn thêm.

## **212. Phàm chữa bệnh, tất cả nên làm cho tà có con đường rút lui.**

**Thanh - Chu Học Hải**

*“Độc y tùy bút - Dụng dược tu sử tà hữu xuất lộ”*

Câu này nêu một nguyên tắc trọng yếu trong điều trị, đủ cho đời sau suy ngẫm.

Chữa bệnh tấn công tà khí, nên khiến cho tà khí có lối thoát ra ngoài, đóng cửa giữ giặc là điều tối kỵ của y gia. Ngô Hựu Khả có bàn: “Hoàng liên tính lạnh mà không tiết, chỉ có thể chế nhiệt chứ không tiết thực. Nếu bên trong có thực tà thì phải dựa vào Đại hoàng mới tiết được. Nếu chỉ dùng Hoàng liên để thanh thì trái lại nhiệt tà bám trụ, ẩn náu bên trong càng sâu, điều trị tấn công càng khó”. (Thu Học Hải cũng nêu thí dụ là “có người bị bệnh Đàm ẩm uống Phụ tử lâu ngày biến thành thũng mu bàn chân, đó là vì không dùng các thứ khổ giáng đạ m thấm như Phục linh, Trư linh để khởi thông tà khí, mà chỉ chuyên ích phần Dương, Dương khí quá vượng càng xô đẩy đàm thủy tứ phía, tức là cái lối “bổ mà không tiết vậy”. Qua những thí dụ trên có thể hiểu rõ vấn đề, tóm lại là “nên hạ cho nó ra, mà không tiết thì không hạ được. Nên tống cho nó ra ngoài, mà không tán thì không đẩy được ra ngoài”. Chữa bệnh nên xét xu thế của bệnh, nhân xu thế mà khơi thông, biểu chứng thì dùng phép thấu đạt, bệnh thủy khí thì dùng phép thấm lợi, âm dương lý thực thì nên công hạ, đều là những phương pháp làm cho tà khí có đường rút lui.

## **213. Chữa khi chưa có bệnh có nghĩa là thấy Can mắc bệnh, biết là Can bệnh sẽ truyền sang Tỳ, cho nên phải làm cho Tỳ khí vững chắc trước tiên.**

**214. Thấy Can mắc bệnh, biết là bệnh Can sẽ truyền sang Tỳ, trước phải làm vững chắc Tỳ.**

**Đông Hán - Trương Trọng Cảnh**

*“Kim quỹ yếu lược - Tạng Phủ Kinh lạc tiên hậu bệnh mạch chứng”*

Ý nghĩa hai danh ngôn trên giống nhau, đều là vận dụng cụ thể lý luận của Nội Kinh “chữa từ khi chưa mắc bệnh”. Đông y cho rằng trong năm Tạng có mối liên hệ tồn tại lẫn nhau, chế ước lẫn nhau. Mối liên hệ này thông thường dùng sinh khắc chế hoá của năm Tạng để thuyết minh. Một Tạng có bệnh có thể ảnh hưởng tới các Tạng khác, khi điều trị nên đồng thời điều trị dự phòng, đó tức là nội dung tư tưởng trọng yếu của Đông y “chữa từ khi chưa mắc bệnh”. Danh ngôn này lấy Can bệnh làm ví dụ: Can mộc có thể khắc phạt Tỳ thổ, khi gặp Can bệnh Thực chứng, dễ truyền sang Tỳ, đó là nói Mộc vượng khắc thổ, khi điều trị nên xuất phát từ dự phòng, chú ý làm cho Tỳ vững mạnh để phòng ngừa Can bệnh truyền sang Tỳ. Như bài thuốc nổi tiếng Tiêu giao tán để chữa Can uất, dùng các vị Truật, Linh là mang ý nghĩa làm cho “Tỳ vững mạnh”. Mối quan hệ Can Tỳ như thế, “các tạng khác cũng theo ngụ ý đó”. Lý luận “chữa từ khi chưa mắc bệnh” này có thể nói là đặc sắc rất lớn trong điều trị học của Đông y, có ý nghĩa chỉ đạo trong lâm sàng.

**215. Chữa bệnh cấp tính phải có gan (đờm) và kiến thức. Chữa bệnh mạn tính phải có phương và giữ gìn.**

**Đương đại - Nhạc Mĩ Trung**

*“Nhạc Mĩ Trung luận y tập”*

Danh ngôn này của cố danh y đương đại Nhạc Mĩ Trung tổng kết nguyên tắc xử lý tật bệnh cấp tính mạn tính khác nhau.

Bệnh cấp tính phần nhiều thuộc lục dâm thời dịch gây nên, truyền biến nhanh, chứng trạng phần nhiều hiểm ác, điều trị nên bám sát cơ chế bệnh, nhân cơ chế bệnh mà phán đoán, đón đầu tấn công, dùng thuốc phải chuẩn xác và liều cao, tức là ý nói phải “có gan” mạnh dạn, Ngô Cúc Thông từng nói chữa ngoại cảm như tướng võ”, dùng binh quý ở thần tốc, đuổi tà cần phải sạch là theo ý đó. Một chút do dự e dè nào đều có thể dẫn đến sai lầm cơ chế bệnh, nung nấu thành hậu họa. Họ Nhạc nói: “có gan, có nhận thức, phải học Trọng Cảnh, thang thuốc liều cao, đờn đao tiến thẳng, đánh nhanh giải quyết nhanh”. Đương nhiên, nếu chỉ “có gan” cũng chưa đủ, mà cần phải “có nhận thức”, tức như đối với bệnh cấp tính phải biết cho

đích xác nhạy bén, như vậy phải dựa vào công phu cơ bản sâu sắc và kinh nghiệm lâm sàng phong phú. “Có gan” mà không có nhận thức thì chỉ là hành vi lỗ mãng vô ích.

Còn như bệnh mạn tính, nói chung đều là bệnh lâu hư yếu, tình trạng đến từ từ, rút lui cũng chậm chạp, điều trị phải có thời gian, từ lượng biến đến chất biến, dứt khoát không thể sớm tối đã lập công. Ngô Cúc Thông cũng nói: “Chữa nội thương như tướng văn”, bình tĩnh ung dung xoay chuyển thần cơ để đưa người lên cõi thọ là ý như thế. Đối với bệnh mạn tính mà sử dụng đối chứng dùng thuốc lúc đầu có thể thấy như vô hiệu. Nếu người bệnh tha thiết mong hiệu quả, thầy thuốc lại không có định kiến, thế tất dẫn đến lúc dùng thuốc hàn, lúc dùng thuốc nhiệt, sáng dùng phép công tối dùng phép bổ, luôn tay đổi phương, kết quả là càng đuổi càng xa, chính như nói dục tốc bất đạt”. Vì vậy, điều trị bệnh mạn tính phải có định kiến sáng suốt, điều trị theo hướng bảo toàn khôn khéo, đây là cốt yếu không nên xem thường. Họ Nhạc nói: “Có phương pháp, có sự giữ gìn phải học Đông Viên, thang thuốc liều nhẹ cho uống nhần nha, như ngày nhàn rồi, từ lượng tích lũy dẫn đến biến hoá về chất”.

**216. Cấp bệnh mà dùng thuốc hoãn, là nuôi kẻ sát nhân. Hoãn bệnh mà dùng thuốc cấp, là thúc ép sát nhân.**

**Tống - Đậ Tài**

*“Biển Thước tâm thư - Yếu chi hoãn cấp”*

Câu này nêu lên hậu quả do điều trị bệnh Cấp, Mạn (hoãn) tính dùng thuốc sai lầm gây nên, là hình ảnh sinh động, mẫu mực cho mọi người. Bệnh có nặng nhẹ, điều trị có hoãn cấp. Đối với bệnh cấp tính cần phải dùng thuốc mãnh liệt (thuốc cấp) đánh nhanh giải quyết nhanh để tránh lưu hậu họa, nếu lại dùng các loại hoãn dược nhẹ nhưng bình hoà để điều trị, tình thế hoãn không giải quyết được cấp, chiến lược sai lầm, thậm chí nuôi ung nhọt để lại hậu quả, dẫn đến nguy nan người bệnh, nên mới nói nuôi kẻ sát nhân”.

Đối với bệnh mạn tính thì nên ung dung xử lý, dùng các loại thuốc nhẹ nhàng êm dịu, tích lũy nhiều ngày để lập công. Gặp lúc chính khí đã hư, nếu lại dùng thuốc mãnh liệt gấp gáp, khó mà tránh khỏi tổn thương chính khí người bệnh cũng dẫn đến nguy hiểm cho nên nói thúc ép sát nhân”. Câu này với câu trên tuy khác lời nhưng cùng một ý, chỉ khác nhau mặt thẳng mặt trái mà thôi.

**217. Bệnh có mới, lâu. Mới thì xu thế cấp, điều trị nên trọng tể. Lâu thì xu thế hoãn, điều trị nên dùng thang thuốc nhẹ nhàng.**

**Minh - Chu Thận Trai**

*“Thận Trai di thư - Nhị thập lục tự nguyên cơ – Hoãn”*

Câu này nêu nguyên tắc dùng thuốc chữa bệnh mới bệnh lâu khác nhau. Bệnh mới tà khí đương mạnh, chính khí chưa hư, nên dùng thang thuốc liều cao mãnh liệt, đuổi bỏ tà ngay để tránh hậu hoạn. Bệnh lâu tà khí đã từ từ mà chính khí tổn thương khá lớn, điều trị nên dùng thang thuốc bình hoà nhẹ nhàng, chăm sóc chu đáo, không nên lạm dụng thang thuốc liều cao để tránh tổn thương chính khí.

**218. Con đường khéo xử về sâu, càng phải học kỹ.**

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Y học nguyên lưu luận - Danh y bất khả vi luận”*

**219. Điều lý sau khi mắc bệnh không dễ như khi chữa bệnh.**

**Thanh - Ngô Cúc Thông**

*“Ôn bệnh điều biện - Hạ tiêu thiên”*

Hai câu y văn đều nêu tính trọng yếu chăm sóc sau khi mắc bệnh, khiến cho phải suy nghĩ sâu sắc. Sau khi khỏi ốm nặng hoặc chính khí hư yếu mà dư tà chưa sạch hoặc tà khí tuy rút nhưng chính khí đã suy, theo phép nên châm chước cẩn kẽ, điều lý thích hợp không nên coi thường, kể cả ăn uống, nằm ngồi kiêng kị cũng nên chú ý, tránh khỏi cái lỗi do chăm sóc không khéo dẫn đến bao công lao trước đi đến uống công, tật bệnh dằng dai hoặc tái phát. Họ Ngô bàn: “Chăm sóc sau khi mắc bệnh không dễ như khi chữa.

## II. TẠNG PHỦ LUẬN TRỊ

### 220. Bản của tiên thiên ở Thận. Bản của hậu thiên ở Tỳ.

Minh - Lý Trung Tử

*“Y tôn tất độc - Thận vi tiền thiên bản. Tỳ vi hậu thiên bản luận”*

Câu này đánh giá cao về lý luận khái quát hai tạng Tỳ Thận có tác dụng trọng yếu trong hoạt động sinh mạng của con người, là một cống hiến lớn của Lý Trung Tử về lý luận Đông y.

Tại sao là căn bản của con người? Họ Lý kinh qua nghiên cứu nêu ra quan điểm “Bản của tiên thiên tại Thận, bản của hậu thiên tại Tỳ” lập luận tinh vi, có ảnh hưởng rất sâu cho đời sau, đến nay chúng ta vẫn tin phục.

Họ Lý nói: “Khi chưa có thân này, đã có hai Thận từ trước cho nên Thận là Bản của Tạng Phủ, là cái rễ của 12 kinh mạch, cái gốc của hô hấp, cái nguồn của Tam tiêu”. Cũng tức là nói Thận khí là “cái bắt đầu mà con người phải dựa vào đó”. Cho nên nói Thận là Bản của tiên thiên”.

Lại nói: “Một khi đã có thân hình này, là phải nhờ đến cốc khí. Cốc khí vào Vị, thay đổi ở sáu Phủ mà khí đến, hoà điều năm Tạng mà sinh ra huyết”. Đó cũng là nói sau khi người ta sinh ra, phải nhờ vào sự tiêu hoá và công năng vận chuyển của Tỳ Vị mới có thể hoá sinh ra khí huyết, “con người nhờ vào đây mới sống được”. Cho nên nói Tỳ là Bản của hậu thiên”.

Tóm lại Lý Trung Tử cho rằng từ công năng sinh lý của Tỳ Thận xuất phát từ lời bàn căn bản tiên hậu thiên nổi tiếng đó...

### 221. Thuỷ là nguồn của vạn vật. Thổ là mẹ của vạn vật.

Minh - Lý Trung Tử

*“Y tôn tất độc - Hư lao”*

“Thuỷ” chỉ tạng Thận. “Thổ” chỉ Tỳ Vị. Câu văn này với câu Lý Trung Tử nói ở trên “Bản của tiên thiên ở Thận. Bản của hậu thiên ở Tỳ” ý nghĩa đại thể là nhất trí, có thể nói là phép biến thông, lời nói mang tính hình tượng.

**222. Chữa tiên thiên nên tìm các loại thuốc tinh huyết. Chữa hậu thiên nên tham khảo các phương về đồ ăn cốc khí.**

**Thanh - Vương Húc Cao**

*“Vương Húc Cao yán - Hư lao”*

Câu này nêu đặc điểm dùng thuốc khác nhau của hai tạng Tỳ Thận khi mắc bệnh Hư lao rất có giá trị chỉ đạo lâm sàng. Điều trị chứng Hư lao, chú trọng vào Tỳ Thận. Thận là gốc của tiên thiên, là nguồn của tinh huyết, Thận hư thì tinh huyết bất túc, điều trị chỉ có “thứ huyết nhục hữu tình mới bù đắp được tinh huyết trong thân thể”, bởi vì “tinh huyết đều là thứ hữu hình, nếu lấy cái vật vô tình là thảo mộc để bổ ích là thanh khí không tương ứng (lời Diệp Thiên Sĩ) đời sau mới đem lý luận này khái quát là “huyết nhục bù đắp cho tinh”, các loại thuốc như lợn, tuý sống dê, Qui bản, Miết giáp, A giao, Tử hà sa ....

Tỳ là gốc của hậu thiên, nguồn của sinh hoá sự sống của hậu thiên, cái quý nhất là cơm gạo, cho nên bồi bổ Tỳ Vị vừa phải dùng thuốc kiện Tỳ ích Vị, còn phải dùng đến các phương về “đồ ăn cốc khí”. Nói các phương về đồ ăn cốc khí, một mặt là chỉ những thứ thuốc vừa có thể bổ Tỳ, vừa có thể dùng để ăn hàng ngày như Hoài sơn, Dĩ mễ, Khiếm thực, Đại táo, Biển đậu, Ngạnh mễ v.v. mặt khác là chỉ các loại ăn uống bổ ích như bánh Bát tiên trường thọ, canh Đương qui sinh khương nấu với thịt dê...

**223. Chữa căn bản của tiên thiên thì có chia ra Thuỷ và Hỏa. Chữa căn bản của hậu thiên thì có chia ra nhọc mệt hay ăn uống.**

**Minh - Lý Trung Tử**

*“Y tôn tất độc - Thận vi tiên thiên bản, Tỳ vi hậu thiên bản luận”*

Lý Trung Tử nêu ra lời bàn căn bản về tiên hậu thiên nổi tiếng, nhưng cụ thể khi đến mỗi tạng khí Tỳ, Thận thì cơ chế bệnh cũng có chỗ khác nhau, phép chữa tự nhiên cũng không giống nhau. Nguyên văn như sau: “Chữa căn bản của tiên thiên thì có chia ra thuỷ và Hỏa. Thuỷ bất túc thì dùng Lục vị hoàn làm mạnh nguồn thuỷ để chế dương quang. Hỏa bất túc thì dùng Bát vị hoàn để ích cái chủ của Hỏa tan bỏ cái lạnh lẽo ở phần âm. Chữa căn bản của hậu thiên thì có nhọc mệt và ăn uống khác nhau, tổn thương do ăn uống thì dùng Chỉ xác hoàn, tổn thương do nhọc mệt thì uống Bổ trung ích khí hoàn”. Những lời bàn này đều thể hiện tinh thần biện chứng luận trị.

**224. Điều lý Tỳ Vị là vương đạo trong nghề y. Hạn chế ăn uống là bài thuốc tốt đẩy lùi tật bệnh.**

**Minh - Phương Quảng**

*“Đan Khê tâm pháp phụ dư - Y chí - Phục Cổ Yên phương thị phú”*

Câu này thể hiện sự khen ngợi của đời sau đối với học thuyết Tỳ Vị của Lý Đông Viên. “Vương đạo” nghĩa chính là nói chủ trương của nhà Nho lấy nhân nghĩa để cai trị thiên hạ, đó là nói đối lập với “bá đạo”.

Lý Đông Viên khai sáng “học thuyết bổ thổ”, khẳng định Tỳ Vị là gốc của nguyên khí, chữa bệnh phải coi trọng điều lý Tỳ Vị, luôn giữ gìn Vị Khí, phản đối lạm dụng thuốc công phạt, cũng giống như chủ trương lấy nhân nghĩa để cai trị thiên hạ, do đó mà được đời sau xếp vào “Vương đạo của ngành y”. Đông Viên còn vạch rõ việc ăn uống không điều độ có giá trị trọng yếu trong điều trị tật bệnh, cho nên nói hạn chế ăn uống là phương thuốc tốt đẩy lùi tật bệnh” đều là nhận thức rất được coi trọng.

**225. Trăm bệnh trong bốn mùa, Vị khí là gốc.**

**Thanh - Dư Sư Ngụ**

*“Dịch chẩn Nhất đắc - Dịch chẩn chi chứng - Vị nhiệt bất thực”*

Câu này nêu lên tính trọng yếu của Vị khí trong cơ thể con người đối với quá trình chữa bệnh. Tỳ Vị là gốc của hậu thiên, nguồn của sự sinh hoá, có tác dụng trọng yếu trong điều trị khi cơ thể mắc bệnh. Các thầy thuốc nhiều đời đều coi trọng điểm này. Suy ngẫm câu “Trăm bệnh trong bốn mùa, Vị khí là gốc” có hai điểm: *Một là* các loại tật bệnh phần nhiều do Tỳ Vị hư yếu mà phát sinh. Lý Đông Viên từng nói: “Nội thương Tỳ Vị, trăm bệnh sinh ra từ đấy? tức là ý tứ này. *Hai là* sau khi đã mắc bệnh, sự tồn vong mạnh yếu của Vị khí là nhân tố trọng yếu chữa bệnh có hiệu quả hay không. Lý Trung Tử từng nói Vị khí một khi đã bại, dù trăm thứ thuốc cũng khó gỡ” tức là nói ý tứ này. Coi trọng Tỳ Vị, giữ gìn Vị khí, là đặc sắc trọng yếu trong điều trị học của Đông y.

**226. Vị khí khi đã bại, trăm thứ thuốc cũng khó gỡ.**

**Minh - Lý Trung Tử**

*“Y tôn tất độc - Thận vi tiên thiên bản, Tỳ vi hậu thiên bản luận”*



Câu này nêu tác dụng trọng yếu của Vị khí thịnh hay suy trong chữa bệnh, thể hiện quan điểm “Tỳ là gốc của hậu thiên” trong học thuật của Lý Trung Tử. Vị khí là chỉ công năng sinh lý vận hoá của Tỳ Vị, mọi thứ thuốc phải nhờ vào Vị khí mới lưu hành được sức thuốc để phát huy tác dụng điều trị, một khi Vị khí bại, thì mọi thứ thuốc không phát huy được sức thuốc, bệnh tất nhiên khó chữa.

**227. Sự sống dựa vào hậu thiên, ăn được là quý.**

**Cận đại - Trương Tích Thuần**

*“Y học dung trung tham tây lục - Y phương”*

Câu này ý nói Tỳ Vị là gốc của hậu thiên, công năng dựa vào sự sống của sinh mệnh là ở cơ sở ăn được ( nạp cốc) nói lên sự ăn uống bình thường mang tính trọng yếu đối với công năng của Tỳ Vị. Trương Tích Thuần nói Bất cứ bệnh gì, nếu sau khi uống thuốc vào mà ăn khá dần lên là dễ chữa, mà ăn uống giảm sút đi thì khó chữa” nói lên đặc tính sinh lý trọng yếu của Tỳ Vị, giúp cho người đời sau có nhận thức trân trọng đối với Tỳ Vị.

**228. Phép chữa bệnh phải lấy cốc khí trước tiên.**

**Kim - Lưu Hoàn Tố**

*“Tố Vấn bệnh cơ khí nghi bảo mệnh tập - Bản thảo luận quyển 9”*

Câu này nói lên tác dụng của thực bổ, thực dưỡng. Lưu Hoàn Tố là ty tổ của học phái Hàn lương trong bốn đại gia đời Kim Nguyên, nhưng trong điều trị tạp bệnh không thiên chấp chỉ dùng một loại hàn lương mà còn đề cao thực bổ thực dưỡng, nói lên quan điểm chú trọng Vị khí trong điều trị của ông.

**229. Dùng ăn để dẹp ốm đau, dùng tình chí đẩy lui tật bệnh, có thể gọi là thầy giỏi.**

**Đường - Tôn Tư Mạo**

*“Thiên kim yếu phương - Thực trị tư luận”*

Danh ngôn này nêu tính trọng yếu trong điều trị áp dụng bằng thực vật chữa bệnh với tâm lý chữa bệnh, muốn làm thầy thuốc giỏi không thể không biết điều ấy. Tôn Tư Mạo rất coi trọng chữa bệnh bằng thực vật, chữa bằng thực vật không khỏi bấy giờ mới dùng đến thuốc, không sai quan điểm Vương đạo trong ngành y. Ông

nói: “Thực vật có thể dồn tà khí mà yên Tạng Phủ, sáng khoái thần trí nhờ vào đó để tư dưỡng huyết khí”, “muốn yên cái gốc của tẩm thân, phải nhờ vào cái ăn”. Vì thế có thể dùng thực vật mà chữa được bệnh, mới là lương y”. Còn như tâm lý liệu pháp hiện đại càng được nhiều người coi trọng, có thể dùng tâm lý để tháo gỡ tâm tình u uất mà chữa bệnh cho người, cũng là vấn đề mà thầy thuốc sáng suốt cần chú ý.

**230. Tỳ nên thăng mới khoẻ, Vị nên giáng mới hoà. Thái âm thấp thổ, được dương mới vận động. Dương minh dương thổ, được âm tự yên. Vì Tỳ thích cương táo. Vị ưa nhu nhuận.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chi nam y án - Tỳ Vị”*

theo nhận xét của Hoa Tụ Vân

Câu này khái quát sinh bệnh lý của Tỳ Vị và sự khác nhau trong nguyên tắc dùng thuốc, có ý nghĩa chỉ đạo cho chúng ta về nhận thức trong điều trị về bệnh biến Tỳ Vị có tính cương lĩnh.

Tỳ là âm Tạng, thuộc Thái âm thấp thổ, tính của nó ưa ráo, khí của nó ưa thăng, được dương khí thì vận chuyển mạnh. Vị là dương Phủ, thuộc Dương minh táo thổ, tính của nó ưa thấp, khí của nó ưa giáng, được âm dịch thì yên hoà. Quan điểm này của họ Diệp hoàn toàn chính xác, ông rất tin phục Lý Đông Viên, từng nói: “Nội thương phải theo phép của Đông Viên” nhưng Đông Viên chữa Tỳ lại tinh tế mà chữa Vị thì sơ lược đó là điều mọi người đều biết cả. Họ Diệp chỉ ra đặc điểm khác nhau của Tỳ Vị, đem Tỳ Vị tách ra để chữa, đúng là bổ sung chỗ bất túc của Đông Viên. Trên lâm sàng chữa Tỳ, nên coi trọng phép ích khí thăng dương của Đông Viên, mà chữa Vị thì có thể theo nguyên tắc dưỡng Vị ích âm của họ Diệp. Tóm lại, Tỳ Vị có tính âm dương khác nhau, sự ưa ghét không giống nhau, điều trị nên tìm sự liên thuộc đó.

**231. Kiện Tỳ nên thăng, thông Vị nên giáng. Cho nên chữa Tỳ lấy thuốc táo để thăng đó là nói lấy ánh dương để sưởi ấm. Chữa Vị lấy thuốc nhuận để giáng, cho nên nói mưa móc cho ngấm dần.**

**Thanh - La Hạo**

*“Y kinh dư luận - Tục Tỳ Vị luận”*

Câu này cũng nêu đặc tính sinh lý và nguyên tắc điều trị khác nhau của Tỳ Vị có thể tham khảo với câu danh ngôn của họ Diệp ở trên. Tác giả La Hạo cũng nhằm vào quan điểm của Đông Viên tinh tế về chữa Tỳ mà sơ lược về chữa Vị, nêu ra vấn đề Tỳ Vị không thể chữa lẫn lộn. Ông giải thích rằng “Nghĩ như Tỳ là Kỷ thổ, thể của nó thường thấp (ẩm ướt) cho nên tác dụng hướng về Dương, ví như nơi đất ẩm ướt, không có dương quang chiếu vào thì không sinh được vạn vật. Vị là Mậu thổ, thể của nó thường táo, cho nên tác dụng hướng về âm, ví như nơi đất khô ráo, không có mưa móc ngấm vào, cũng không thể sinh vạn vật. “

**232. Phần dương ở trong Vị ưa thăng phù, nếu hư thì trái lại hãm xuống dưới làm công việc liễm giáng, sẽ sinh ra khí chèn nén không dễ chịu. Phần dương ở trong Thận quý ở sự ngưng giáng, Lao (nhọc mệt) thì nổi lên trên, nếu lại làm cho thăng phát, thì chân khí tiêu vong đến ngay.**

**Thanh - Trần Tu Viên**

*“Y học từng chúng lục - Hư lao”*

Danh ngôn này qui nạp bệnh lý biến hoá của Tỳ Thận dương hư và sự kiêng tránh trong điều trị. Tác giả nói “Vị dương” có thể là “Tỳ dương” mới đúng. “Lao” chỉ bệnh chứng Hư lao chứ không phải là Phế lao. Tỳ chủ vận hoá, dương khí ở Tỳ ưa thăng, Tỳ hư thì khí không thăng mà trái lại hãm xuống dưới, đây tức là “thanh khí ở dưới”. Nếu lại dùng thuốc thu liễm giáng hạ, sẽ làm cho khí hãm nặng thêm, rõ là điều không nên. Thận chủ kín đáo, quý ở chỗ cất giữ, hư thì khí nổi lên trên, xuất hiện hiện tượng hư dương vượt lên trên, lúc này nếu lại dùng thuốc thăng đề phát tán sẽ khiến cho chân dương tiêu vong, không thể không cẩn thận. Trên lâm sàng Tỳ dương hư nên thăng đề không được liễm giáng. Thận dương hư phải cất giữ không được thăng đề, tóm lại điều trị ngược lại với xu thế của bệnh là điều chúng ta nên chú ý.

**233. Phàm bệnh điên đảo khá rõ ràng, phải theo Tỳ Vị mà điều lý.**

**Thanh - Trình Hạnh Hiên**

*“Y thuật quyển 7”*

dẫn lời của Chu Thận Trai

Bệnh tật hay tái phát khó phân biệt, phải vững tay điều lý Tỳ Vị. Câu này nói lên (chữa bệnh) trong quá trình chữa bệnh có chỗ nghi ngờ khó khăn phải đặc biệt coi trọng vai trò trọng yếu của Tỳ Vị, rất có giá trị tham khảo trong lâm sàng.

Các chứng bệnh nghi ngờ khó khăn nói chung đều là bệnh tình phức tạp, thường liên lụy đến nhiều tạng khí khác, rất khó khăn trong điều trị. Tỳ Vị là gốc của hậu thiên, là nguồn sinh hoá của Tạng Phủ, điều lý Tỳ Vị có thể làm cho khí huyết đầy đủ, ổn định các tạng khác, từ đó mà đạt mục đích chữa khỏi tật bệnh.

**234. Chữa bệnh không khỏi, tìm đến Tỳ Vị mà chữa khỏi rất nhiều.**

**Minh - Chu Thận Trai**

*“Thận Trai di thư - Biện chứng thi trị”*

Câu này cũng giống như danh ngôn nói trên, đều phản ánh tư tưởng học thuật của họ Chu trong điều trị khi gặp bệnh khó khăn rất coi trọng Tỳ Vị. Ông nói: “Chữa các bệnh không khỏi, tập trung tìm trong Tỳ Vị sẽ không sai lầm nào cả. Sao lại nói vậy? Tỳ Vị một khi tổn thương, thì bốn tạng khác đều không có sinh khí, cho nên tật bệnh ngày càng nhiều. Vạn vật sinh ra từ Thổ, rồi cũng từ Thổ mà về... “ có thể tham khảo với danh ngôn nói ở trên.

**235. Thổ vượng thì kim sinh, không phải bo bo giữ Phế. Thuỷ thăng thì Hỏa giáng, đừng tắt tưới ở thanh Tâm.**

**Thanh - Trần Tu Viên**

*“Y học từng chúng lục - Hư lao luận”*  
dẫn lời của Lý Trung Tử

Ý nói của câu này là: Đối với chứng Phế hư, không nhất thiết phải lăm le bổ Phế mà chủ yếu phải điều bổ Tỳ Vị, Tỳ Vị dồi dào sẽ có tác dụng bổ Phế. Đối với chứng Tâm Hỏa quá thịnh, không phải chỉ giới hạn ở thanh Tâm Hỏa, có thể thông qua phương pháp tư bổ Thận thuỷ mà giáng Tâm Hỏa. Đây là Lý Sĩ Tài căn cứ vào lý luận qui nạp ngũ hành sinh khắc để nêu ra kinh nghiệm chữa bệnh Hư lao. Tạng Tỳ với tạng Phế là tạng mẫu tử, quan hệ tương sinh. Tỳ thổ nuôi nấng Phế kim, cho nên chứng Phế hư có thể thông qua bổ Tỳ mà đạt mục đích điều trị, đó cũng là cái ý “hư thì bổ mẹ”, “bổ thổ sinh kim”. Tâm với Thận có quan hệ tương khắc, đó cũng là quan hệ chế ước lẫn nhau. Tâm Hỏa giáng xuống, Thận thuỷ giúp lên trên thì công năng sinh lý của Tâm Thận mới hiệp điều, gọi là “Tâm Thận tương giao”, “Thuỷ Hỏa ký tế”. Nếu Tâm Hỏa thiên thịnh, lúc này không những có thể để mắt tới thanh giáng Tâm Hỏa mà còn có thể thông qua phương pháp tư bổ Thận thuỷ để đạt mục đích thanh giáng Tâm Hỏa.

**236. Vị thuộc dương thổ, nên mát nên nhuận. Can là cương tạng, nên nhu nên hoà.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Ế cách phiên vị - Tô án”*

Danh ngôn này khái quát đặc tính sinh lý khác nhau và đặc điểm dùng thuốc của phủ Vị và tạng Can. Vị là Dương phủ, nhiều khí nhiều huyết, bị bệnh thì dễ hoá nhiệt hoá táo, đó tức là nói Dương thổ. Điều trị đương nhiên ưa mát ưa nhuận.

Can là chức quan Tướng quân, ưa điều đạt, ghét ức uất, Can khí uất kết thì nên sơ đạt, gọi đó là hòa. Can thể âm mà dụng dương, âm dễ hư mà dương dễ cương. Điều trị nên dưỡng huyết nhu nhuận. Đây là nói khi bình thường. Đương nhiên, Vị cũng thường thấy Hàn chứng. Can cũng có thể xuất hiện thấp nhiệt. Ở đây nên biện chứng luận trị, không nên máy móc.

**237. Chữa Can không ưng, nên lấy Dương minh.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Mộc thừa Thổ”*

Câu này nhắc người ta khi điều trị chứng Can khí phạm Tỳ, nên suy nghĩ đến nhân tố Tỳ Vị đúng là lời bàn có kinh nghiệm. Mộc dễ khắc Thổ, cho nên Can bệnh thường dễ lấn Tỳ phạm Vị dẫn đến các chứng của Tỳ Vị. Khi dùng hàng loạt phương pháp để chữa Can không hiệu quả cần phải suy nghĩ đến Tỳ hư làm gốc, mà Can lấy là tiêu nên chọn dùng phép chữa bổ Tỳ làm chủ yếu để đạt mục đích phù Tỳ ức mộc.

**238. Can là tạng cứng cõi, chức năng sơ tiết, dùng thuốc không nên cứng cõi mà nên mềm mại, không nên phạt mà nên hòa.**

**Thanh - Lâm Bội Cầm**

*“Loại chứng trị tài - Can khí can hỏa can phong luận trị”*

Khái quát đặc tính sinh lý của tạng Can và kiêng tránh khi dùng thuốc. Can là chức quan Tướng quân, là tạng phong mộc, ở chí là nộ, phát bệnh phần nhiều có hiện tượng gấp gáp mãnh liệt. Các chứng đắng miệng, mắt đỏ, động phong, hoá hỏa, đều mang tính cứng cõi mạnh tợn, cho nên gọi là tạng cứng cõi. Can thể âm mà dụng dương thường do âm hư mà dẫn đến dương cương phong động hoá hỏa, phần

nhều thuộc hiện tượng táo nhiệt, điều trị nên dùng thuốc tư dưỡng âm huyết mà tránh dùng thuốc táo nhiệt, cho nên nói: “dùng thuốc không nên cứng cõi mà nên mềm mại”. Can chủ sơ tiết, ưa điều đạt mà ghét ức uất. Can uất thì nên sơ thông khí huyết khiến cho hòa bình, biện pháp công phạt nào cũng đều bất lợi, cho nên nói không nên phạt mà nên hòa”.

### **239. Can thể Âm mà dụng Dương**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Can phong”*

dẫn lời của Hoa Tụ Vân

Danh ngôn này khái quát đặc tính sinh lý của tạng Can rất có ý nghĩa về nhận thức và chỉ đạo việc dùng thuốc đối với Can bệnh.

Thể, nói chung chỉ thực thể hoặc thực chất. Dụng chỉ tác dụng hoặc cơ năng. Can là Tạng chứa huyết, huyết thuộc âm cho nên thể của Can là Âm. Can chủ về sơ tiết, bên trong giữ Tướng Hỏa, là tạng phong mộc, để động phong hoá hỏa lại chủ về mọi hoạt động của gân, những công năng tác dụng và bệnh lý biến hoá ấy, nếu giải thích theo góc độ Âm Dương thì nó thiên về động, thiên về hỏa, thuộc Dương, đó tức là hàm nghĩa “Can thể Âm dụng Dương”. Trên điều trị, việc dùng thuốc nên chú ý đến việc dùng các vị mềm mại không dùng vị cứng rắn, nên hòa không nên phạt. Có thể tham khảo với những y văn nói ở trên.

### **240. Ất Quý đồng nguyên, Can Thận đồng trị.**

**Minh - Lý Trung Tử**

*“Y tôn tất độc - Thủy hỏa Âm dương luận”*

Câu này nói lên mối liên hệ sinh lý, bệnh lý của hai tạng Can Thận và chỉ ra đặc điểm điều trị xét theo hàm nghĩa Thiên can. Ất đại biểu cho tạng Can, Quý đại biểu cho tạng Thận. Ất Quý đồng nguyên là chỉ mối quan hệ chặt chẽ trên sinh lý bệnh lý hai tạng Can Thận. Can Thận cùng thuộc Hạ tiêu, Can chứa huyết, Thận chứa tinh, tinh và huyết có thể chuyển hoá lẫn nhau, Thận với Can lại là tạng mẫu tử, vì vậy Can Thận trên sinh lý tồn tại nương tựa sự sống vào nhau, trên bệnh lý có mối liên hệ ảnh hưởng lẫn nhau. Vì mối quan hệ Can Thận đồng nguyên cho nên nêu ra nguyên tắc Can Thận đồng trị. Ví dụ Can âm bất túc, Can dương gắng lên, có thể dùng phương pháp tư bổ Thận thủy để tư dưỡng Can mộc đạt được mục đích bình

Can tiềm Dương, thể hiện được nguyên tắc điều trị như nói ở trên. Lý Trung Tử lại nêu ra các nguyên tắc “Bổ Thận tức là bổ Can”, “Tả Can tức là tả Thận”, đều là những nhận thức nêu ra từ cơ sở “Ất Quý đồng nguyên, Can Thận đồng trị”.

**241. Phế là tạng non nớt, là hoa cái toàn Thận, nên nhuận không nên táo.**

**Thanh - Tưởng Pháp**

*“Thần y vụng biên - Khiết Cù - Ất canh phương”*

Danh ngôn này khái quát đặc tính sinh lý và sự kiêng kỵ dùng thuốc đối với tạng Phế. Phế trong năm Tạng sáu Phủ ở vị trí tốt cao che đậy các tạng khác cho nên gọi là “hoa cái”. Lá Phế non yếu không chịu nổi nóng lạnh, bên ngoài và da lông dễ bị tà khí xâm phạm cho nên gọi là “Tạng non nớt”. Sách “*Y phương khảo*” nói “Phế là tạng rất sạch, một tý bụi không chứa” cũng theo ý đó. Phế thuộc táo kim, bản tính ghét ráo, cho nên dùng thuốc “nên nhuận không nên táo” những lý luận ấy rất có ý nghĩa chỉ đạo trong lâm sàng.

**242. Phế là tạng non nớt, có thể chữa nhẹ nhàng không được mạnh tay.**

**Thanh - Trần Sĩ Đạc**

*“Thạch thất bí lục - ức trị pháp”*

Nêu lên nguyên tắc dùng thuốc để chữa bệnh ở tạng Phế. Phế là tạng non nớt như đã nói ở y văn trên. Phế ở thượng tiêu, chữa bệnh ở Thượng tiêu phải nhẹ nhàng như cái lông, không nhẹ nhàng thì không nâng lên được cho nên dùng thuốc phải trong trẻo nhẹ nhàng, chứ không nên nặng nề, dùng thuốc không vượt quá nơi bị bệnh, trừng phạt không quá tay. “Chữa nhẹ nhàng” có hai hàm nghĩa: một là lượng thuốc nên ít, hai là nên dùng các vị thuốc thanh đạm khí nhẹ.

Diệp Thiên Sĩ khi bàn chữa bệnh Phế từng nói Hết thầy các vị thuốc, chủ yếu đều phải nhẹ nhàng không dùng thuốc có khí vị nặng đục. Đó là nói vị cay để mà khai, vị đắng để mà giáng” là thích hợp với phép chữa nhẹ nhàng đối với tạng non yếu” (*Lâm chứng chỉ nan y án*) chính là tôn chỉ của danh ngôn này.

**243. Sáu phủ lấy thông là Bổ.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Mộc thừa thổ - Nhuế án”*

Câu này căn cứ vào đặc điểm sinh lý của lục Phủ để tổng kết ra một bí quyết điều trị bệnh biến của lục Phủ. Lục phủ tức Đờm, Vị, Tiểu trường, Đại trường, Bàng quang, Tam tiêu, công năng sinh lý chủ yếu của chúng là chứa đựng và truyền hoá thuỷ cốc, hoàn thành việc tiêu hoá, hấp thụ và bài tiết đồ ăn uống. “*Tố Vấn - Ngũ tạng biệt luận*” chỉ rõ: “Sáu phủ chuyển hoá vật mà không chứa”, cho nên chắc “mà không đầy”, khái quát được đặc điểm sinh lý của sáu Phủ. Chỉ có không ngừng thu nạp, tiêu hoá, truyền đạo thuỷ cốc; không ngừng bài tiết cặn bã thừa thải và thuỷ phân, đó cũng là duy trì trạng thái thông thuận lâu dài mới duy trì được công năng tiêu hoá bình thường, mỗi một khâu nào đó xuất hiện đình trệ, lập tức ảnh hưởng tới công năng tiêu hoá, điều trị nên lấy thông giáng làm đại pháp, khôi phục công năng truyền đạo cũng như khiến cho tạng khí bị hư tổn tiến tới bổ ích khôi phục công năng.

Diệp Thiên Sĩ căn cứ vào đó, tổng kết lý luận “Lục phủ lấy thông làm BỔ” đối với chỉ đạo bệnh biến của lục Phủ có giá trị chỉ đạo rất trọng yếu. Những năm gần đây những phương diện điều trị cấp phúc chứng trong ngoại khoa, chọn dùng phương pháp thông lý công hạ để chữa tắc ruột, viêm ruột thừa, chứng sỏi mật thu hoạch được nhiều kinh nghiệm quý báu tức là phát huy cụ thể lý luận này. Đời sau đem câu này đổi làm “lục phủ lấy thông làm dụng” ý nghĩa cũng tương tự.

**244. Chữa Thượng tiêu như lông (không nhẹ thì không nâng lên), chữa Trung tiêu như cái cân (không thăng bằng thì không yên), chữa hạ tiêu như nắm đấm (không nặng thì không chìm).**

**Thanh - Ngô Cúc Thông**

*“Ôn bệnh điều biện – Tạp thuyết – Trị bệnh Pháp luận”*

Dùng hình tượng để nêu nguyên tắc chữa các bệnh ở Tam tiêu. Họ Ngô là người sáng lập ra cương lĩnh Tam tiêu biện chứng trong Ôn bệnh. Đối với vị trí bệnh, tình trạng triệu chứng và đặc điểm dùng thuốc ở tam tiêu đều được trình bày cụ thể. Tà khí ở Thượng tiêu, vì bộ vị cao, lại gần thể biểu, cho nên điều trị cũng nên lựa chọn, các thuốc nhẹ nhàng tuyên tán, phương hương thanh hoá, những dược tính nhẹ nhàng cũng ví như lông chim có thể bay bổng để dồn tà khí ra ngoài, ngụ ý “nhẹ để trừ thực”, đây tức là hàm nghĩa của phép trị “Thượng tiêu như lông”. Tà khí ở Trung tiêu, vị trí ở giữa khoảng trên và dưới, đó là cái chốt xoay chuyển vào ra thăng giáng, cho nên phép trị cần phải thích nghi thăng giáng, dùng thuốc không được thiên về quá nhẹ cũng không được quá thiên về trọng trọc mà phải thăng bằng như cán cân đều đặn ngang nhau, đó là hàm nghĩa chữa Trung tiêu phải như



cái cân. Tà khí ở Hạ tiêu, vị trí bệnh ở nơi thấp nhất, ở trong, ở dưới, cho nên dùng thuốc vô luận là công hay bổ, đều nên chọn loại nặng như nắm đấm là những vị thuốc có chất nặng, vị hậu mới dễ đạt đến nơi bị bệnh, đó là hàm nghĩa chữa Hạ tiêu nặng như nắm đấm.

Họ Ngô coi trọng cách phân chia điều trị này, từng đề ra lời khuyên răn. “Chữa trên đờng phạm giữa, chữa giữa đờng phạm dưới”. Trên lâm sàng nguyên tắc phân chia Tam tiêu điều trị không chỉ dùng trong chỉ đạo điều trị Ôn bệnh mà đối với điều trị Tạp bệnh cũng có giá trị tham khảo tốt, như một số lương y cao tuổi khi dùng Phụ tử thường đồng thời gia một vị Đại giả thạch. Tức là sự suy tính theo cái ý “chữa Hạ tiêu như Quyền (nắm đấm)”.

### III. ÂM DƯƠNG

**245. Giỏi bổ Dương, phải từ trong Âm cầu Dương thì Dương được Âm giúp mà sinh hoá vô cùng. Giỏi bổ Âm, phải từ trong Dương cầu Âm thì Âm được Dương thăng mà suối nguồn không kiệt.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tân phương bát (trận) lộ - Bổ lược”*

Câu này căn cứ vào lý luận “Âm dương hổ căn”, “Âm dương tương tế” nêu ra những kiến giải tinh vi trong điều trị âm dương hư tổn có ảnh hưởng sâu sắc cho đời sau. Đông y cho rằng âm dương hổ căn, âm tổn có thể liên lụy đến dương, dương tổn có thể liên lụy đến âm, bổ âm có thể giúp cho dương, bổ dương có thể ích âm. Âm là cơ sở của dương, dương là tác dụng của âm, cho nên khi bổ dương nên dành phần tư âm thích đáng, khi tư âm cũng dành phần thích đáng trợ dương, từ đó mà đạt được mục đích trong âm tìm dương, trong dương cầu âm, âm dương giúp lẫn nhau, âm dương thăng bằng.

Cần chỉ rõ: “trong âm tìm dương” và “trong dương tìm âm” đều không phải là việc áp dụng thuốc âm đối phó với thuốc dương, tám lạng đối với nửa cân, mà phải có chủ và thứ, có trọng điểm nổi bật. Ví dụ: họ Trương sáng tạo ra thang thuốc bổ Âm “Tả qui hoàn” tức là có cái ý “trong Dương tìm Âm”, lấy những vị thuốc tư âm hùng hậu như Thục địa, Sơn dược, Sơn thù du, Câu kỷ, Quy bản giao, Ngưu tất v.v. kèm theo hai vị thuốc bổ dương như Lộc giác giao, Thỏ ty tử, “khiến cho âm được dương thăng mà suối nguồn không kiệt” trái lại “trong Âm cầu Dương” cũng như thế.

**246. Trong thuốc hồi dương, phải kèm theo thuốc Âm. Trong thuốc nhiếp âm, cần chiếu cố dương khí.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Thoát”*

điển lời của Hoa Tụ Vân

Ý nghĩa câu này với câu trên gần giống nhau có thể tham khảo những điều phân tích trên. Chỗ khác nhau là ở câu này trình bày điều trị chứng Âm, Dương thoát.

Điều trị chứng Thoát điều chủ yếu là đừng để cho âm dương ly tuyệt, cho nên trong khi hồi dương phải kèm theo thuốc âm, trong khi nhiếp âm phải kèm theo thuốc Dương, từ đó mà đạt được mục đích trong âm cầu dương, trong dương cầu âm, âm dương giúp đỡ lẫn nhau.

**247. Dương hư nặng, trước phải hồi dương, sau đó dần dần cho thuốc bổ âm, đó là vì không có âm thì dương không hoá được. Âm hư nặng, trước phải bổ âm, sau đó dần dần cho thuốc bổ dương, đó là vì không có dương thì âm không sinh được.**

**Thanh - Vương Tam Tôn**

*“Y quyền sơ biên”*

Điều này với hai câu 245 - 246 ý nghĩa gần giống nhau, có thể tham khảo chung. Khi dương hư nặng, kíp phải hồi dương trước, không gia âm được để khỏi thọc sườn. Khi âm hư nặng, kíp phải bổ âm trước, không gia dương được, để tránh làm hại âm thêm. Rồi sau căn cứ vào lý luận “âm dương hỗ căn” lại dần dà thêm âm được hoặc dương được để đạt mục đích âm dương bình hành.

Tóm lại, tiêu bản trước sau lớp lang trật tự thực là biện pháp tốt.

**248. Dương hư nhiều hàn, nên bổ bằng cam ôn mà không nên dùng các thuốc thanh nhuận. Âm hư nhiều nhiệt, nên bổ bằng cam lương mà các vị cay ráo thì không được dùng.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tân phương bát lộ - Bổ lược”*

Trình bày nguyên tắc dùng thuốc khác nhau giữa hai chứng hư hàn, hư nhiệt phải có nề nếp qui củ. Dương hư phần nhiều có hàn chứng, dùng thuốc bổ cam ôn là chính trị, nếu dùng các loại thanh nhuận thì sợ thuốc ôn níu kéo không lợi cho chứng hư hàn, cho nên mới không nên dùng. Âm hư phần nhiều có nhiệt chứng, dùng thuốc bổ cam lương là chính trị, nếu dùng các loại cay ráo thì khó tránh thương âm cho nên không được dùng. Câu này với câu “trong âm tìm dương” “trong dương tìm âm” của họ Trương về tư tưởng học thuật hoàn toàn không mâu thuẫn. Cảnh Nhạc chỉ rõ: “lấy tinh khí chia âm dương thì âm dương không thể phân chia. Lấy hàn nhiệt để chia âm dương thì âm dương không được lẫn lộn”. Câu này tức là chỉ chứng hư hàn hư nhiệt, phép chữa không được lẫn lộn, mà lý luận “trong

âm tim dương”, “trong dương tim âm” thì áp dụng trong chứng âm hư dương hư chưa thấy biến động hàn nhiệt, điều trị nên chiếu cố đôi bên.

**249. Dùng thuốc Hàn mà vẫn nhiệt thì lấy ở Âm. Dùng thuốc nhiệt mà vẫn hàn thì lấy ở Dương.**

*“Tố Vấn - Chí chân yếu đại luận”*

Ý tứ hai câu này là: các loại chứng nhiệt dùng thuốc khổ hàn để chữa mà nhiệt lại nặng thêm, nên chọn biện pháp tư âm mà điều trị. Các loại chứng hàn mà dùng thuốc cay nóng để chữa mà hàn lại nặng thêm, nên chọn biện pháp ôn dương mà điều trị.

Vương Bỉnh chú giải là “Dùng hàn mà không thấy hàn là không có thủy. Dùng nhiệt mà không thấy nhiệt là không có hỏa”. Nêu rõ loại trên gốc bệnh là Thận âm bất túc; loại sau gốc bệnh là Thận dương bất túc.

Âm hư nên tư bổ Thận âm, tức là “làm mạnh cái chủ của Thủy để chế dương quang”. Dương hư nên ôn bổ Thận dương, tức là “làm ích cái nguồn của Hỏa làm tiêu tan âm ế”.

Các phương pháp dưỡng âm thanh nhiệt và bổ dương khu hàn ấy đối với điều trị thực chứng “chữa nhiệt lấy thuốc hàn”, và “chữa hàn lấy thuốc nhiệt” có khác nhau về bản chất, lâm sàng cần chú ý.

**250. Ích nguồn của Hỏa để tiêu tan âm ế. Mạnh chủ của Thủy để chế dương quang.**

**Đường - Vương Bỉnh**

*“Tố Vấn chí chân yếu đại luận”* chú văn

Câu này là Vương Bỉnh chú thích kinh văn trong Tố Vấn nói ở trên, có nghĩa là: dùng phương pháp ôn bổ Thận dương để đẩy lùi chứng hư hàn do dương khu; dùng phương pháp tư bổ Thận âm để chế ước chứng hư nhiệt do âm hư dương cương. Lời chú của họ Vương là khai sáng cho con sông đầu tiên về học thuyết bổ Âm cho hậu thế, trở nên nội dung trọng yếu của lý luận Đông y mà bài thuốc đại biểu là Lục vị địa hoàng hoàn, Kim quỹ Thận khí hoàn. Câu này lời gọn mà ý bao quát, văn phong sáng sủa, được đời sau lưu truyền rất rộng, có xu thế vượt qua cả nguyên văn của “Tố Vấn”. Có người nói gọn là: “ích Hỏa tiêu âm”, “tráng thủy chế dương”.

**251. Âm chứng giống như Dương, dùng thuốc thanh thì chết. Dương chứng giống như âm, dùng thuốc ôn chết ngay.**

**Thanh - Cố Tùng Viên**

*“Cố Tùng Viên y kính - Cách ngôn vậng toàn”*

Câu này lưu ý chúng ta đối với chứng chân giả hàn nhiệt, nhất định phải nhận thức phân biệt chính xác không bị hiện tượng giả mê hoặc, nếu không thì nhận chứng sai lầm, điều trị tất không đúng, tạo nên hậu quả nghiêm trọng không thể không cẩn thận. “Dương chứng giống như Âm” là chỉ chứng chân hàn giả nhiệt, âm hàn nội thịnh, cách dương ra ngoài; nếu lại mê hoặc bởi hiện tượng giả nhiệt mà nhầm dùng phép thanh, chẳng khác gì nước đá lại thêm tuyết, khó tránh khỏi chết vì vong dương. “Dương chứng giống như âm” là chỉ chứng chân nhiệt giả hàn, dương nhiệt quá thịnh cách âm ra ngoài, nếu bị mê hoặc bởi hiện tượng giả hàn mà nhầm dùng thuốc ôn, chẳng khác gì lửa cháy đổ thêm dầu, tất dẫn đến âm tuyệt mà chết.

**252. Âm Dương đều bất túc, nếu bổ dương thì âm kiệt, tư âm thì dương thoát, gặp trường hợp này, nên dùng thuốc cam (ngọt).**

*“Linh Khu - Chung thủy thiên”*

Nêu lên đại pháp dùng thuốc đối với chứng Âm Dương đều hư có ý nghĩa mở lối cho đời sau. Chứng Âm Dương đều hư, điều trị khó cho cả đôi bên. Nếu đơn thuần bổ dương, thuốc phần nhiều ôn nhiệt sợ làm hao âm dịch, bất lợi cho chứng Âm hư. Nếu đơn thuần tư âm, thuốc phần nhiều âm mát dễ dẫn đến hư dương thoát ra ngoài. Vì thế nêu ra việc điều trị bằng thuốc có vị ngọt, đều không tổn thương trở ngại gì đến chứng Âm Dương đều hư. Thuốc chủ yếu là bổ Tỳ, có thể bù đắp nguồn sinh hoá, nuôi dưỡng khí huyết, khiến cho âm dương trở về thăng bằng. Những lý luận được Diệp Thiên Sĩ đời Thanh qui nạp như “Trên dưới đều tổn thì nên chữa giữa”, “vị ngọt bù đắp ở giữa” đều lấy đó làm cội nguồn mà Tiểu kiến trung thang là bài thuốc đại biểu.

**253. Xuân Hạ dưỡng dương. Thu Đông dưỡng âm**

*“Tố Vấn - Tứ khí điều thần đại luận”*

Người với trời đất liên hệ với nhau. Con người với âm dương tiêu tương cũng phải thích ứng với quy luật biến hoá của âm dương bốn mùa. Mùa Xuân Hạ dương

khí phát tán, âm tinh cũng dễ theo đó mà tiết mất, cho nên phải thuận theo khí sinh phát mà dưỡng dương, củng cố giữ gìn âm tinh, cất chứa đừng để tiết mất. Mùa Thu Đông âm tinh cất giữ càng phải thuận theo thời tiết, tích chứa nuôi dưỡng âm tinh để làm chỗ nương tựa cho mùa Xuân Hạ sinh phát. Y văn này thể hiện đặc điểm độc đáo về lý luận của Đông y. Hiện đại chữa Viêm chi khí quản mạn tính chọn dùng phương pháp “bệnh mùa Đông chữa mùa Hạ”, cội nguồn lý luận là ở đó. Viêm chi khí quản mạn tính phần nhiều phát cơn vào mùa Đông, ngay lúc đó chỉ có thể chữa tiêu bệnh chỉ khái bình suyễn, mà giai đoạn dịu cơn ở mùa Hạ thì điều trị theo phép phù chính cố bản, cũng tức là “dưỡng dương” có thể thu được hiệu quả chữa Bản.

**254. Chữa Âm, không có phép Bổ vôi vàng, không uống thuốc lâu thì không hiệu quả.**

**Minh - Mậu Trọng Thuần**

*“Tiên Tình Trai y học quảng bút ký - Thổ huyết”*

**255. Cứu Âm, đừng lập công nhanh chóng.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Hư lao”*

Ý nghĩa hai y văn này gần giống nhau, đều nói lên đặc điểm là biện pháp bổ âm phải từ từ mới lập công, kinh nghiệm thật chính xác. Dương hoá khí, âm thành hình, loại hữu hình khó mà sinh được nhanh, không tích cóp dần dà thì không lập công được. Vả lại thuốc bổ Âm đều thuộc loại cam lương tư nhuận, tính nhu mà vận hành chậm khó mà trông đợi hiệu quả nhanh.

**256. Chữa Tâm không cần thiết đều dùng thuốc nhiệt; chữa Thận không cần thiết đều dùng thuốc hàn. Nhưng làm ích phần Dương của Tâm, thuốc hàn cũng dùng được; làm mạnh phần Âm của Thận, thuốc nhiệt cũng có thể dùng.**

**Đường - Vương Băng**

*“Tố Vấn - Chí chân yếu đại luận”* chú văn

Đây là câu chú giải của Vương Băng trong kinh văn: “Các thuốc hàn mà vẫn nhiệt thì lấy ở Âm, các thuốc nhiệt mà vẫn hàn thì lấy ở Dương đó là tìm từ thuộc

tính” nhằm trình bày thêm một bước đối với câu: ích nguồn của Hỏa làm tan âm ế, mạnh chủ của Thủy để chế dương cương”. Tâm chủ Hỏa thuộc Dương. Thận chủ thủy thuộc Âm. Điều trị Tâm dương bất túc không nhất thiết dùng thuốc ôn nhiệt. Điều trị Thận thủy bất túc không nhất thiết đều dùng thuốc hàn lương. Chỉ cần phù trợ Tâm Dương, hư hàn có thể rút lui. Tư bổ Thận âm, hư nhiệt cũng có thể chế phục.

## IV. BIỂU LÝ LUẬN TRỊ

**257. Ngoại cảm theo khuôn phép Trọng Cảnh. Nội thương theo khuôn phép Đông Viên. Nhiệt bệnh áp dụng phép Hà Gian. Tạp bệnh áp dụng phép Đan Khê.**

**Minh - Vương Luân**

*“Minh y tạp trữ Y luận”*

Nêu lên những sở trường trong lâm sàng của 4 danh y cổ đại, làm khuôn mẫu cho đời sau.

Trương Trọng Cảnh soạn “Thương hàn luận”, tổng kết có hệ thống về điều trị ngoại cảm Thương hàn, sáng lập ra hệ thống biện chứng lục kinh, đến nay vẫn có giá trị chỉ đạo thực tiễn lâm sàng, nên mới nói ngoại cảm theo khuôn phép của Trọng Cảnh”.

Lý Đông Viên là thủy tổ của phái bổ Thổ, sáng lập ra lý luận “nội thương Tỳ Vị, trăm bệnh sinh ra từ đó”, giỏi chữa các bệnh nội thương, được đời sau tôn là bậc thầy của khuôn phép này, cho nên nói nội thương theo khuôn phép của Đông Viên”.

Lưu Hà Gian là đại biểu cho phái hàn lương nêu ra “Hỏa nhiệt luận” để chữa Nhiệt bệnh kinh nghiệm rất phong phú, cho nên nói Nhiệt bệnh áp dụng phép của Hà Gian”.

Chu Đan Khê là đại biểu cho phái tư âm, nhưng đối với điều trị tạp bệnh cũng tích lũy nhiều kinh nghiệm phong phú. Vương Luân từng tổng kết kinh nghiệm chữa Tạp bệnh của Đan Khê, quy nạp “Tứ pháp trị bệnh luận” trữ danh: Đan Khê tiên sinh chữa bệnh không ngoài khí - huyết - đàm, cho nên dùng thuốc có ba yếu tố: Chữa bệnh về khí dùng Tứ quân thang. Chữa bệnh về huyết dùng Tứ vật thang. Chữa bệnh về Đàm dùng Nhị trần thang. Bệnh lâu thuộc uất, lập ngay bài thuốc chữa uất gọi là Việt cúc hoàn, cho nên nói Tạp bệnh dùng phép của Đan Khê”.

Những sở trường của tiền nhân, thật là kho báu của Đông y đáng được chúng ta trân trọng và thừa kế.

**258. Chữa ngoại cảm như Tướng (võ) chữa nội thương như Tướng (văn)**

**Thanh - Ngô Cúc Thông**

*“Ôn bệnh điều biện - Tạp thuyết - Trị bệnh pháp luận”*



Câu này vận dụng thí dụ để nói lên phép trị hai loại bệnh ngoại cảm, nội thương khác nhau được đời sau lưu truyền rất rộng. Mọi tật bệnh, không ngoài hai loại nội thương, ngoại cảm. Cơ chế bệnh và phép chữa khác nhau rất xa.

Bệnh ngoại cảm do lục dâm ngoại xâm, phát bệnh gấp phần nhiều chính khí chưa tổn hại, điều trị chủ yếu nên dùng các loại thuốc mạnh để đuổi tà, như vị tướng đem quân đi đánh giặc, việc binh quý ở thần tốc, có biện pháp linh hoạt, khéo léo để phòng hậu quả, tóm lại tà khí rút đi sớm ngày nào thì người dân đỡ khổ ngày ấy.

Còn tạp bệnh nội thương, phần nhiều do tạng phủ tổn hại xu thế bệnh từ từ, chính khí bất túc, hư chứng khá nhiều khôi phục cũng chậm, vì thế điều trị không mong công hiệu ngay, nên dùng biện pháp phù chính, điều lý từ từ làm chủ yếu, như vai trò Tế tướng (văn) trông coi nội chính, thảo luận kế hoạch, bình tĩnh ung dung, lo toan kín đáo, điều lý nhiều bề, thu hiệu quả dần dần.

Hai câu này rất có ý nghĩa chỉ đạo đối với hai loại bệnh chứng nội thương ngoại cảm, suy rộng ra ý nghĩa rất sâu sắc “chữa ngoại cảm như tướng võ quý ở dũng mãnh. Chữa nội thương như tướng văn, quý ở chu đáo vẹn toàn”

**259. Chữa ngoại cảm lấy tấn công để thắng. Cho nên tà khí chưa sạch mà đã coi thường dùng thuốc bổ khiến cho tà khí hãm vào trong mà suy vong. Chữa bệnh nội thương lấy nuôi dưỡng để thắng. Cho nên chính khí bất túc mà coi thường dùng thuốc công, khiến cho chính khí tiêu vong mà thiệt mạng.**

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Y học nguyên lưu luận - Y đạo thông trị đạo luận”*

Đây là nêu những điều cần tránh trong điều trị hai chứng hậu lớn là ngoại cảm và nội thương có thể tham khảo những danh ngôn đã nói trên kia.

Bên ngoài bị lục dâm xâm phạm, đó không phải là cái sẵn có trong cơ thể, theo phép phải trừ đuổi tà cho nên nói Lấy tấn công để thắng”. Nếu tà khí chưa lui hết mà lại coi thường dùng thuốc Bổ, thì khó mà tránh khỏi sai lầm đóng cửa giữ giặc trong nhà, dễ khiến tà khí thâm nhập biến sinh các chứng khác, cho nên không nên coi thường dùng phép Bổ.

Các chứng nội thương phần nhiều do hư tổn hoặc do Tạng Phủ yếu kém, hoặc Âm Dương khí huyết bị tổn hại, điều trị nên bổ ích phù chính, khôi phục cái vốn có cho nên nói là “lấy nuôi dưỡng để thắng”.

Nếu nhận thức chứng trạng không đích xác mà hấp tấp dùng phép công, khó tránh khỏi sai lầm đánh vào nơi không có bệnh, khiến cho chính khí càng hư tổn dẫn đến tiêu vong.

**260. Bệnh ở biểu thì dùng công lý, sợ biểu tà nhân chỗ hư sẽ hãm vào phần lý. Bệnh ở lý thì đứng làm hư phần biểu, sợ ra mồ hôi nhiều dẫn đến vong dương.**

**Minh - Lý Trung Tử**

*“Y tôn tất độc - Biện trị đại pháp luận”*

Tật bệnh có chia biểu lý, phép trị có phân biệt, không được chạy chữa lẫn lộn nếu trái lại sẽ chuốc hậu quả nghiêm trọng.

Bệnh ở Biểu thì nên giải biểu, nếu lại công lý là cái sai lầm đánh vào nơi không bệnh, tạo thành lý hư, biểu tà có thể nhân đó mà vào lý.

Bệnh ở Lý dùng phát tán phần biểu, nếu không thì mắc sai lầm phá tan phen đậu, mồ hôi ra dẫn đến thương dương lâm sàng nên cẩn thận.

**261. Thuốc phát hãn nên dùng sớm. Thuốc công hạ nên dùng muộn.**

**Thanh - La Quốc Cương**

*“La thị hội ước y kính - Thương hàn hãn nghi tào hạ nghi trì”*

Đây là một vấn đề có tính nguyên tắc khi vận dụng hai phép Hãn - Hạ để chữa Thương hàn ngoại cảm bệnh.

Tác giả giải thích “nên phát hãn sớm là nói phong hàn từ biểu mà vào, thì nên giải biểu ngay, tà khí theo biểu mà giải, tránh khỏi phạm vào lý sẽ biến sinh chứng khác. Còn nên công hạ muộn là nói tà khí truyền vào phủ của Dương minh, đợi cho tà nhiệt úng thịnh ở Lý, dùng thuốc hạ bỏ tà nhiệt thì bệnh khỏi. Nếu tà nhiệt chưa thịnh mà hạ sớm thì chính khí bị thương, khí âm hàn nhân chỗ hư mà phạm vào, sợ biến thành Bĩ khí, Kết hung” lý lẽ đã rõ không phải nói thêm.

**262. Vật chất gây nên mồ hôi, lấy dương khí để vận dụng; lấy âm tinh làm tài liệu.**

**Thanh - Ngô Cúc Thông**

*“Ôn bệnh điều biện - Hãn luận”*

Câu này bao quát cơ chế sinh lý của mồ hôi, nêu ra cơ chế lý luận của phép Hãn, vì mồ hôi là sự kết hợp trưng hoá giữa Dương khí với Âm tinh mà có.

Dương khí là động lực, khí hư vô lực thì khó mà tạo ra mồ hôi, điều trị nên bổ mới có mồ hôi, bài thuốc như Sâm tô ẩm. Âm tinh là tài liệu, hư thì mồ hôi sẽ bất túc, điều trị nên tư âm mới ra mồ hôi, bài thuốc như Gia giảm Uy di thang...

**263. Muốn biểu tán, nên tránh dùng vị thuốc chua lạnh. Muốn giáng xuống, chớ dùng kiêm thuốc thăng tán.**

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Tạp bệnh nguyên - Khí vị”*

Dược tính vị chua, phần nhiều thu liễm và cố sáp, dược tính vị thuốc lạnh mát, đa số trầm giáng mà tả hạ... đều là những vị thuốc không lợi khi dùng phép thăng tán giải biểu. Cho nên lúc này nên tránh dùng các loại thuốc ấy.

Những vị thuốc có đủ tác dụng thăng tán đương nhiên không lợi cho khi cần giáng hạ, cho nên cũng không nên cho uống lẫn lộn.

Câu này nêu lên sự kiêng tránh khi dùng thuốc thăng tán giải biểu với thuốc giáng hạ.

**264. Thốn mạch Nhược, không được phát hãn, nếu phát hãn sẽ vong dương. Xích mạch Nhược, không được phát hãn, nếu phát hãn sẽ vong âm.**

**Thanh - Trình Chung Linh**

*“Y học tâm ngộ - Y môn bát pháp - Luận Hãn pháp”*

Ở đây căn cứ vào mạch tượng mà nêu lên sự cấm kỵ của phép Hãn. Ngô Cúc Thông bàn rằng: “Vật tạo ra mồ hôi là thông qua sự vận dụng dương khí, lấy âm tinh làm tài liệu”.

Thốn mạch chủ Tâm Phế, hai tạng này đều ở phía trên, thuộc Dương. Thốn mạch Nhược thì biết là dương đã hư, nếu lại phát hãn, sợ khí sẽ thoát theo dịch, dương hư càng nặng, dẫn đến vong dương, cho nên nói không được phát hãn.

Xích mạch chủ Thận, tạng này ở phía dưới, thuộc Âm. Xích mạch Nhược thì biết là Âm bất túc, nếu lại phát hãn sẽ càng tổn thương phần âm sẽ dẫn đến vong Âm cho nên cũng không nên phát hãn lần nữa.

**265. Chữa phong trước hết chữa huyết, huyết lưu hành thì phong tự diệt.**

**Tống - Trần Tự Minh**

*“Phụ nhân đại toàn lương phương - Chúng tật môn - Phụ nhân tặc phong thiên khô chi luận”*

Đây là nguyên tắc trọng yếu để chữa phong chứng, đời sau lưu truyền rất rộng là “chữa phong trước hết chữa huyết, huyết lưu hành thì phong tự diệt”.

Phong với Huyết có mối tương quan bệnh lý chặt chẽ, ảnh hưởng lẫn nhau, cho nên chữa phong chứng phải chiếu cố chữa huyết.

Phong có chia ra Nội và Ngoại. Nội phong căn bản vốn là khí huyết trái ngược nhau mà dẫn đến động phong, lúc này chữa Huyết vốn là chính trị chứ không phải máy móc gò ép, như huyết hư chủ phong cần dưỡng huyết, huyết nhiệt động phong cần lương huyết v..v....

Đời sau vận dụng lý luận này, chủ yếu gò bó vào cách điều trị ngoại phong xâm nhập. Ngoại phong xâm phạm kinh lạc, huyết mạch không được hòa, vít nghẽn không thông nên dẫn đến các chứng tê đau. Lúc này khi dùng phép khu phong đồng thời tham gia các vị thuốc dưỡng huyết thông lạc hỗ trợ cho khí huyết vận hành, chính khí khoẻ mạnh, thì dễ dồn đuổi bệnh tà.

Những phương thường dùng để chữa chứng Tỳ phần nhiều gia Quy Khung là theo ý tứ ấy. Một số phương thuốc chữa Biểu chứng cũng chọn những vị thuốc dưỡng huyết thông lạc cũng theo đạo lý ấy, như cứu vị khương hoạt thang trong đó có Xuyên khung là một ví dụ.

**266. Thuốc chữa phong được nên kiêm thuốc dưỡng huyết, mục đích để hạn chế cái táo. Thuốc dưỡng huyết nên kiêm thuốc sơ phong, mục đích để lưu hành cái trệ.**

**Thanh - Uông Ngang**

*“Y phương tập giải - Khu phong chi tễ”*

Đây là nêu vấn đề phối hợp giữa thuốc khu phong và thuốc dưỡng huyết, có thể nói là sâu sắc về việc phối ngũ giữa động và tĩnh.

Thuốc khu phong phần nhiều cay - ấm - đắng - ráo rất dễ thương âm, phối ngũ với thuốc dưỡng huyết là có ý khống chế cái táo.

Thuốc dưỡng huyết phần nhiều mềm mại và nhớt, rất dễ trở ngại Vị, phối ngũ với thuốc khu phong có thể lưu hành cái trệ; đối với việc phối ngũ với thuốc hành khí tuy đường rẽ có khác nhưng công hiệu như nhau thật khéo, những vị thuốc thường dùng như Phòng phong, Khương hoạt.

**267. Thử bệnh trước hết dùng thuốc cay mát. Tiếp theo dùng thuốc ngọt lạnh, cuối cùng dùng thuốc toan tiết thu liễm không cần dùng thuốc hạ.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Ấu khoa yếu lược - Hạ nhiệt”*  
dẫn lời của Trương Phong Đạt

Nêu lên phương pháp từng bước điều trị Thử bệnh thật là khái quát xác đáng, được đời sau tôn là mẫu mực để trị bệnh Thử.

Thử là tà khí Hỏa nhiệt. Thanh thử quét nhiệt là đại pháp điều trị, nhưng quá trình phát bệnh có quy luật diễn biến đầy đủ nhất định và chứng hậu biểu hiện khác nhau, điều trị cũng có chỗ khác nhau.

Lúc bắt đầu phát bệnh Thử tiến rất nhanh vào khí phận, nên thấy các chứng sốt cao, phiền khát, ra mồ hôi, mạch Hồng Đại, gặp trường hợp này, nên dùng phép chữa tán hàn thanh khí như dùng phương Bạch Hổ thang.

Nói trước tiên dùng thuốc cay mát” tức là chỉ vào những vị thuốc cay mát liều cao của Bạch Hổ thang, chứ không phải là cay mát giải biểu.

Tiếp theo là thử tà làm hại khí tân dịch, điều trị theo phép thanh nhiệt sinh tân, dùng thang thuốc có vị ngọt lạnh như Thanh thử ích khí thang của Vương Mạnh Anh.

Đến thời kỳ cuối của bệnh Thử, vì tân dịch tổn thương nhiều mà muốn thành chứng Thoát, điều trị nên dùng những vị ngọt chua để ích khí liễm tân dịch và cố thoát như dùng bài Sinh mạch tán.

Chứng Thử tuy dễ hao thương khí và tân dịch, nhưng lại rất ít hình thành Dương minh phủ thực chứng, nên mới nói không cần dùng thuốc Hạ”.

**268. Phép chữa chứng Thử tốt nhất là thanh Tâm lợi tiểu tiện.**

**Minh - Vương Luân**

*“Minh y tạp trữ - Thử bệnh”*

Câu này giới thiệu đặc điểm đối với Thử tà kiêm thấp, nhưng không nói phép trị, có chỗ khác nhau với danh ngôn nói trên do Thử bệnh đơn thuần gây bệnh.

Thử tà gây bệnh, phần nhiều kiêm cả thấp tà tác hại cho nên mới có thuyết “Thử phải kiêm thấp”.

Thử nhiệt kiêm thấp xâm phạm tới Tâm, thường gây nên các chứng mình nóng, Tâm phiền, tiểu tiện sền đỏ, miệng khô mà không muốn uống nước v.v.. điều trị vừa phải thanh bỏ cái nhiệt ở kinh Tâm, lại vừa phải thấm lợi tiểu tiện đưa cái nhiệt đi xuống, dẫn Tâm Hỏa theo tiểu tiện bài tiết ra, như dùng phương Đạo xích thanh Tâm thang.

Danh ngôn này tham khảo với danh ngôn nói trên, thì phép chữa chứng Thử được coi là toàn vẹn.

### **269. Ngoại thấp nên biểu tán. Nội thấp nên đạm thấm.**

**Nguyên - Chu Đan Khê**

*“Đan Khê tâm pháp trị yếu - Thấp”*

Câu này nêu ra phép chữa khác nhau giữa thấp tà ở bên ngoài và ở bên trong. Ngoại thấp thì tà khí ở biểu, nên dùng phép tuyên tán.

Nội thấp là tà khí ở lý, nên dùng thuốc đạm thấm lợi tiểu tiện thực thuộc chính trị. Hai biện pháp này không được xử trí lẫn lộn.

### **270. Chữa thấp mà không lợi tiểu tiện là không biết phép chữa.**

**Kim - Lý Đông Viên**

*“Tỳ Vị luận - Điều lý Tỳ Vị trị nghiệm”*

Câu này nêu lên đại pháp chữa thấp tà ở bên trong, đến nay vẫn được mọi người tin phục.

Thấp là do thủy khí hoá ra, tính nó dờn xuống nên có các chứng do thấp tà gây nên như tiết tả, phù thũng, đều phải nhân cơ hội đó mà khơi thông khiến cho thấp có lối thoát, vì vậy lợi tiểu tiện là phép chữa được lựa chọn trước tiên.

### **271. Chữa Thấp bệnh ở Lý lấy lợi tiểu tiện là ý nghĩa thứ nhất. Chữa Thấp bệnh ở Biểu lấy hơi ra mồ hôi là ý nghĩa thứ nhất.**

**Thanh - Trình Hạnh Hiền**

*“Y thuật - quyển 5”*

Nêu lên phép chữa khác nhau khi thấp tà ở biểu hay ở lý, có thể tham khảo các danh ngôn nói ở trên.

Thấp tà ở Lý, phải lợi tiểu tiện để cho tà có đường rút cho nên mới nói chữa thấp mà không lợi tiểu tiện là không biết phép chữa”, rõ ràng là ý nghĩa thứ nhất để điều trị Thấp ở Lý.

Thấp tà ở Biểu, thường kết hợp với phong tà, điều trị nên cho hơi ra mồ hôi, không được làm ra mồ hôi nhiều. Trọng Cảnh sớm đã chỉ rõ “Kim Quỹ yếu lược” có câu “Chữa phong thấp nên phát hãn, nhưng chỉ làm cho tý chút giống như ra mồ hôi là tà khí phong thấp đều rút”. Nếu “ra nhiều mồ hôi, sợ phong khí rút đi còn lại thấp khí, vì thế mà không khỏi. Cho nên chữa phong thấp ở biểu lấy hơi ra mồ hôi là ý nghĩa thứ nhất.

**272. Tài liệu Phong thấp bàn về Hãn pháp, quý ở từ từ không quý sự hấp tấp.**

**Thanh - Lôi Thiếu Quỳ**

*“Thời bệnh luận - Phong thấp”*  
dẫn lời của Dụ Gia Ngôn

Đây là tổng kết về sự kiên kỳ khi vận dụng Hãn pháp để chữa phong thấp ở Biểu. Họ Lôi ca ngợi bội phần, gọi đó là “kim vàng trong chữa bệnh phong thấp”

Phong thấp luận trong “*y môn pháp luật*” của Dụ Gia Ngôn nguyên văn có câu “... Các chứng ra mồ hôi, sự gió, đoản hơi, phát sốt, đau đầu, khớp xương đau, mình nặng phù nhẹ... những tình huống ấy nên chữa bằng phép ra mồ hôi, phép ra mồ hôi này có khác với phép ra mồ hôi thông thường. Dùng Ma hoàng thang tất phải gia Bạch truật hoặc gia Ý dĩ nhân để trừ bỏ thấp. Dùng Quế chi thang tất phải bỏ Bạch thược, gia Bạch truật, nặng hơn thì dùng Phụ tử để làm ấm đường Kinh. Khi lấy ra mồ hôi lại “Quý ở từ từ không quý sự hấp tấp” vội vã, vì hấp tấp thì phong rút mà thấp tồn tại, từ từ thì cả phong lẫn thấp cùng rút. Câu nói này có thể tham khảo với những danh ngôn nói ở trên.

**273. Táo ở trên thì cứu Tân, táo ở giữa thì tăng Dịch, táo ở dưới thì tư huyết.**

*“Thông tục Thương hàn luận - Lục kinh tổng quyết”*

Nêu lên phép chữa lớn theo ba thời kỳ sơ - trung - mạt của chứng Thu táo.

Thu táo là cảm nhiễm táo tà ở mùa Thu, lấy tân dịch khô ráo là biểu hiện chủ yếu của bệnh chứng ngoại cảm. Phép trị nói chung là “chữa táo thì phải nhuận”.

Nhưng Thu táo từ khi phát bệnh cho đến thời kỳ cuối, “trước hết hại Phế tân, tiếp theo hại đến Vị dịch, cuối cùng tổn thương Can huyết Thận âm”, biểu hiện lâm sàng có khác nhau, cho nên điều trị cũng có chỗ chú trọng.

Thời kỳ đầu táo tà từ bên ngoài xâm phạm “trước tiên hại Phế tân”, xuất hiện các chứng trạng ho khan không có đờm, họng khô mũi ráo v.v... điều trị nên thanh Phế nhuận táo sinh tân như dùng hài Thanh táo cứu Phế thang, đây tức là cái ý “táo ở trên thì phải cứu tân”.

Thời kỳ giữa là táo tà phạm vào Vị, Vị dịch tổn thương, gây nên các chứng phiền khát, lưỡi khô môi ráo, điều trị theo phép dưỡng Vị tăng dịch như dùng phương Dưỡng Vị thang, đây tức là cái ý “táo ở giữa thì tăng dịch”.

Thu táo ở thời kỳ cuối tổn thương đến Can Thận, âm huyết bị hại, xuất hiện các chứng trạng phát sốt về đêm, táo bón, lưỡi đỏ tía ít tân dịch, nặng hơn thì hư phong nội động, điều trị phải bù đắp âm huyết của Can Thận như dùng các phương Tam giáp phục mạch, Đại định phong châu... đây tức là cái ý nói táo ở hạ tiêu thì phải tư huyết”

Chữa táo có khác với chữa Hỏa. Chữa Hỏa có thể dùng thuốc đắng lạnh. Chữa táo thì cần nhuận, cho nên những đơn thuốc nói trên đều có cái gốc từ những vị ngọt lạnh hoặc mặn lạnh.

Thuốc đắng lạnh thường dễ thương âm, tất cả đều nên tránh, nguyên tắc điều trị này bao gồm các loại tích táo ở trong đối với nhiều loại táo bệnh đều có ý nghĩa chỉ đạo rất bổ ích.

**274. Táo ở trên thì chữa ở Khí Táo ở dưới thì chữa ở Huyết**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Táo”* Thiệu Tân Phủ án

Quy nạp những kinh nghiệm quý báu của Diệp Thiên Sĩ về điều trị táo ở trên và táo ở dưới.



Táo ở trên nói chung phần nhiều thuộc ngoại tà tổn thương Thượng tiêu khí phận con người, biểu hiện là khí phận ở Phế Vị bị hun đốt, điều trị nên dùng phép tân lương âm nhuận như dùng bài Thanh táo cứu Phế thang của họ Dự.

Táo ở dưới nói chung là chỉ nội thương Can Thận ở Hạ tiêu, biểu hiện là tinh huyết khô cạn, điều trị nên nhu dưỡng tinh huyết của Can Thận, nặng hơn thì mượn loại thuốc huyết nhục hữu tính để bồi bổ, dùng các phương như Đại bổ địa hoàng hoàn và Lục vị địa hoàng hoàn.

**275. Hỏa của ngoại cảm, dùng thuốc mát để thanh. Hỏa của nội thương, dùng thuốc bổ để thanh.**

**Thanh - Trình Chung Linh**

*“Y học tâm ngộ - Luận Thanh pháp”*

Câu này nêu lên đại pháp điều trị ngoại cảm và nội thương dẫn đến Hỏa chứng.

Hỏa có hư thực khác nhau. Chứng có ngoại cảm nội thương khác nhau. Điều trị có bổ tả không giống nhau. Hỏa của ngoại cảm do sự biến hoá của ngoại cảm lục âm, thuốc thực Hỏa, điều trị nên áp dụng phép “bệnh nhiệt thì dùng thuốc hàn” cho nên “lấy thuốc mát để thanh”

Hỏa của nội thương là do âm dương khí huyết không điều gây nên, thuốc Hư Hỏa, điều trị nên điều bổ âm dương khí huyết, như khí hư phát nhiệt thì nên bổ khí, âm hư phát nhiệt thì nên tư âm, cho nên nói bất túc thì bổ” là như thế.

Hai loại Hỏa chứng của ngoại cảm và nội thương cần được phân biệt rõ ràng không được lẫn lộn.

**276. Đan Khê tiên sinh chữa bệnh không ra ngoài Khí - Huyết - Đàm. Cho nên dùng thuốc chủ yếu có ba loại: Bệnh ở Khí thì dùng Tứ quân tử. Bệnh ở huyết thì dùng Tứ vật thang. Bệnh ở Đàm thì dùng Nhị trần thang. Bệnh mắc đã lâu thuộc uất, chủ trị bằng phương chữa uất, đó là Việt cúc hoàn.**

**Minh - Vương Luân**

*“Minh y tạp trữ - Y luận”*

Đây là kinh nghiệm tổng kết chữa tạp bệnh của Chu Đan Khê, đời sau quy nạp thành “Tứ pháp trị bệnh luận”.

Họ Chu không chỉ sáng lập ra phải dưỡng âm, mà còn có sở trường về chữa tạp bệnh. Vương Luân ái mộ Đan Khê, đã tổng kết lời nổi là “Chữa tạp bệnh thì áp dụng phép của Đan Khê” có thể thấy ảnh hưởng rất lớn.

Đan Khê chữa tạp bệnh lấy Khí - Huyết - Đàm - Uất làm “cương”. Phàm những bệnh mắc đã lâu, ông cho rằng có uất trệ, sáng lập ra phương thuốc trừ danh Việt cúc hoàn. Đó là chỗ độc đáo của họ Chu. Những nét lớn ở câu nổi trên nó ảnh hưởng rất lớn cho các y gia đời sau, đã được ứng dụng rộng rãi.

**277. Chủ trị tạp chứng có bốn chữ: Khí - Huyết - Đàm - uất**

**Thanh - Trình Chung Linh**

*“Y học tâm ngộ - Tạp bệnh chủ trị tứ tự luận”*

Câu này lấy những kinh nghiệm chữa tạp bệnh của Chu Đan Khê - “Tứ pháp trị bệnh luận” có khái quát rất rõ ràng, làm khuôn mẫu cho những người điều trị tạp bệnh, có thể tham khảo với các danh ngôn nói trên.

**278. Bệnh mắc đã lâu phải tham khảo sử dụng uất pháp**

**Thanh - Chu Học Hải**

*“Độc y tùy bút - Hư thực bổ tả luận”*

Chu Học Hải quy nạp những kinh nghiệm độc đáo về điều trị bệnh mạn tính của Chu Đan Khê, được đời sau ca tụng. Đan Khê chữa tạp bệnh, lấy Khí - Huyết - Đàm - Uất làm cương, nhất là coi trọng Uất chứng. Từng nói khí huyết điều hòa thì vạn bệnh không sinh ra - một khí phật uất thì mọi bệnh sẽ sinh ra. Cho nên mọi tật bệnh ở người ta phần nhiều sinh ra từ uất” mấu chốt điều trị chủ yếu là ở khí cơ. Bệnh mắc lâu phần nhiều do uất, cho nên bệnh mắc lâu phải tham gia phép giải uất, sơ lý khí cơ, nên đã chế ra bài thuốc chữa uất nổi tiếng là Việt cúc hoàn, cho đến nay được ứng dụng nhiều trên lâm sàng.

**279. Bệnh mắc đã lâu phải chữa ở đường Lạc.**

**Thanh - Chu Học Hải**

*“Độc y tùy bút. Hư thực bổ tả luận”*

dẫn lời của Diệp Thiên Sĩ

Đây là một câu quy nạp kinh nghiệm điều trị của Diệp Thiên Sĩ đối với bệnh mạn tính có thể coi là sáng kiến.

“Bị bệnh lâu phải chữa ở đường Lạc” nguyên là nhận thức biện chứng của Diệp Thiên Sĩ về “Bệnh lâu vào lạc”. Ông cho rằng với một số bệnh mạn tính, vì tà khí dây dưa kéo dài tất nhiên tổn thương đến huyết lạc, nên mới nói Lúc mới bị bệnh thấp nhiệt ở Kinh, lâu ngày thì ứ nhiệt ở Lạc” và “lúc bắt đầu ở Kinh, ở Khí, để lâu ngày thì vào Lạc vào Huyết”.

Tức là bệnh chia ra mới và cũ; có chia ra ở kinh (khí) và ở Lạc (huyết). Tật bệnh ở thời kỳ đầu, vị trí bệnh nông ở biểu phần nhiều gặp ở Khí phạm mà tại Kinh. Bệnh lâu ngày vị trí ở sâu, phần nhiều tổn thương đến huyết phạm mà tại Lạc, nhận thức này là cống hiến độc đáo của họ Diệp đối với lý luận Đông y, đời sau lưu truyền câu “Bệnh lâu ngày phần nhiều do ứ” vốn là từ đấy.

Đã là “bệnh lâu thì vào Lạc” sao lại còn nói “bệnh lâu phải chữa ở Lạc” đó là thuận tai mà thành văn. Họ Diệp chữa bệnh ở Lạc khá đặc sắc, buộc phải dùng những loại thuốc cay nhuận hoặc loài sâu bọ, được các Y gia đời sau rất tán thành, là kho kinh nghiệm quý cho Đông Y điều trị bệnh mạn tính.

## **280. Bệnh đã lâu, lấy ăn ngủ làm chủ yếu, không cần phải vội vã luận bệnh.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Thổ huyết”*

Ý nói bệnh hư tổn lâu ngày cần phải coi trọng giấc ngủ, cải thiện việc ăn uống, không phải hấp tấp điều trị bản thân tật bệnh, thể hiện kinh nghiệm của Diệp Thiên Sĩ lấy điều dưỡng để điều trị suy hư của cơ thể, ông quy nạp là quan điểm “bảo tồn thân thể, đó cũng là “giữ lấy người rồi sau trị bệnh”. Mấu chốt điều trị bệnh đã lâu hư tổn là chăm sóc điều dưỡng Tỳ Vị, coi sự thịnh suy của Tỳ Vị làm thước đo cho bệnh tình nặng nhẹ, làm căn cứ chủ yếu cho sự chuyển quy; lấy việc ăn được hay không làm cái mốc trọng yếu để nói lên sự thịnh suy của Vị khí cũng như việc ăn, tình huống giấc ngủ tốt hay không cũng phản ánh âm dương mất điều hòa của cơ thể, lấy chính khí bị tổn hại có được cải thiện hay không làm chỉ tiêu. Tóm lại, tình huống ăn uống và giấc ngủ có quan hệ trực tiếp đến sự hư tổn, mức độ của bệnh biến và chuyển quy của bệnh tình, đó là vấn đề trọng yếu trước mắt. Nếu như không chiếu cố đến ăn uống giấc ngủ của người bệnh cho tốt, cứ một mực bàn cách chữa bệnh, đó là biện pháp “chỉ thấy bệnh không thấy người” có thể nói là không

biết phép điều lý chỗ Hư. Câu này có giá trị tham khảo xác đáng đối với điều trị Hư tổn.

## V. ÔN THANH

**281. Phép của Thương hàn là ở cứu Dương. Phép của ôn nhiệt là ở cứu Âm.**

**Thanh - Ngô Cúc Thông**

*“Ôn bệnh điều biện - Trưng bảo tự”*

Danh ngôn này nêu lên đại pháp điều trị Thương hàn và Ôn bệnh khác nhau, vạch ra qui củ cho mọi người. Thương hàn với Ôn bệnh, trên nguyên nhân cơ chế bệnh và biểu hiện lâm sàng đều khác nhau rõ rệt, vì vậy lựa chọn phép chữa cũng khác hẳn nhau phải phân biệt dứt khoát.

Thương hàn là ngoại cảm hàn tà phần nhiều làm hại dương khí con người, điều trị chú trọng vào dùng thuốc ấm làm hưng phấn dương khí để khu trừ hàn tà, cho nên nói phép ở cứu Dương”.

Ôn bệnh là ngoại cảm ôn tà dễ tổn hại âm tân của con người, điều trị chú trọng ở chiếu cố giữ gìn âm dịch vì có thuyết nói giữ được một phần âm dịch là có một chút hi vọng sống” cho nên nói phép ở cứu Âm”

**282. Thương hàn làm hại phần dương con người, cho nên ưa các vị tân ôn, can ôn, khổ và nhiệt để cứu phần Dương. Ôn bệnh làm hại phần âm con người, cho nên ưa các vị tân lương, cam hàn, cam hàm để cứu phần Âm.**

**Thanh - Ngô Cúc Thông**

*“Ôn bệnh điều biện - Trưng tiêu thiên”*

Câu này khái quát đặc điểm gây bệnh của Thương hàn và Ôn bệnh, quy luật khác nhau về đại pháp dùng thuốc.

Học thuyết Ôn bệnh phát triển từ học thuyết Thương hàn, nhưng hai học thuyết lại có chỗ khác nhau rõ rệt. Thương hàn là hàn tà hại người, hại phần Dương của cơ thể, đại pháp điều trị tóm lại là “Bệnh hàn thì dùng thuốc nhiệt”, nêu ra phép dùng thuốc tân ôn, khu trừ hàn tà, cố vũ dương khí của con người.

Ôn bệnh thì do ôn tà làm hại, hại phần Âm của cơ thể, đại pháp điều trị là “Bệnh nhiệt thì dùng thuốc hàn”, nêu ra phép dùng thuốc cam lương, thanh trừ nhiệt tà, chiếu cố giữ gìn âm dịch của con người.

Trên đây là nói qui luật chung, thực ra, bệnh biến Thương hàn chưa từng không làm hại âm dịch, mà Ôn bệnh cũng chưa từng không làm hại dương khí con người, lúc này phải căn cứ vào tình huống cụ thể mà biện chứng thi trị, không nên quá câu nệ vào y văn.

**283. Thương hàn nhiệt tà nung nấu, nên dùng thuốc hạ mạnh, ôn bệnh phần nhiều thấp tà quá rối ở trong, dùng thuốc hạ nên nhẹ nhàng.**

**Thanh - Ngô Cúc Thông**

*“Ôn bệnh điều biện - Trung bảo tự”*

Câu này quy nạp kinh nghiệm lâm sàng vận dụng phép hạ điều trị Thương hàn và Ôn bệnh của Diệp Thiên Sĩ.

Thương hàn tà nhiệt ở Lý, nung nấu cướp đoạt tân dịch hình thành chứng Dương minh Phủ thực đại tiện táo kết, “dùng thuốc hạ nên mạnh” ý nói phải hạ ngay để bảo tồn phần âm.

Ôn bệnh phần nhiều do thấp tà tác quái ở trong, thấp với nhiệt kết ở phần Lý, đại tiện khó đi chứ không hình thành phân táo, cho nên “dùng thuốc hạ nên nhẹ nhàng”, nếu tấn công quá mạnh sợ làm hại chính khí, nguyên nhân cơ chế bệnh hai loại này khác nhau, tuy cùng dùng phép Hạ, nhưng mạnh tay và nhẹ nhàng không giống nhau, lâm sàng cần phân biệt rõ ràng. Nguyên văn trong “ôn nhiệt luận”, Diệp Thiên Sĩ nói: “Thấp nhiệt kết ở phần lý, cũng nên dùng phép Hạ.. Nhưng Thương hàn tà nhiệt ở phần lý, nung nấu cướp đoạt tân dịch, dùng thuốc hạ nên mạnh. Còn ở đây phần nhiều thấp nhiệt quá rối ở trong, dùng thuốc Hạ nên nhẹ nhàng”.

**284. Thương hàn phát hãn không nên ngại sớm, dùng thuốc hạ không nên ngại chậm. Ôn dịch dùng thuốc hạ không nên ngại sớm, dùng thuốc phát hãn không nên ngại chậm.**

**Thanh - Đới Nguyên Chương**

*“Quảng ôn dịch luận - Biện thời hành dịch lệ dữ phong hàn dị thụ”*

Câu này nói sự khác nhau sử dụng hai phép hãn, hạ trong bệnh Thương hàn và Ôn dịch có thể dựa vào đó mà chẩn đoán phân biệt. Đới Nguyên Chương là nhà Ôn bệnh học nổi tiếng đời Thanh, có nghiên cứu sâu sắc về Ôn dịch - bệnh truyền nhiễm nhiệt tính, biên soạn tác phẩm “Quảng ôn dịch luận”, nêu ra năm pháp lớn để chữa Ôn dịch trong đó hai phép Hãn, Hạ khác hẳn với Thương hàn, cần phải chú

ý. Thương hàn phát hãn, trị Biểu không phạm vào Lý. Thời dịch phát hãn, trị Biểu phải thông cả Lý. Thương hàn dùng phép Hạ là hạ bỏ táo kết, phải đợi cho biểu tà hết sạch. Ôn dịch dùng phép Hạ, là hạ bỏ uất nhiệt, vô luận là biểu tà đã hết sạch hay chưa hết, nhưng có kiêm Lý chứng là hạ ngay. Nguyên văn trình bày rất rõ, trích dẫn như sau: “Phong hàn từ biểu vào lý, từ bì mao mà vào cơ nhục rồi tới gân mạch, tới hung cách, tới Trường vị từng lớp sâu dần không thể vượt qua cái này mà vào cái kia, cho nên phát hãn đừng ngại sớm, công hạ đừng ngại muộn, vừa hòa vừa giải, nông sâu không được rối ren. Lại vì khí đều thuộc lạnh, mỗi lớp thu liễm lại thêm một lớp, phải đợi cho hàn hoá là nhiệt tà liễm vào trong mới có thể công hạ lương giải, nếu không thì tà chưa vào lý, vội dùng thuốc công lợi lương giải làm hư khí ở lý, trái lại làm biểu tà hãm vào trong mà thành các chứng nguy hiểm Kết hung Bĩ Lợi.

Thời chứng qua mũi miệng mà vào, trước tiên phạm trung tiêu về sau biến thành cửu truyền. Nó truyền từ lý ra biểu, tuy ra biểu mà lý chưa hẳn là hoàn toàn không có tà lưu lại; Kinh qua bán biểu, cũng vị tất không có tà can thiệp, cho nên dùng phép hạ không ngại dùng sớm, dùng phép hãn không ngại dùng muộn, vừa hòa vừa giải, nông sâu không được lẫn lộn, bởi vì khí đều thuộc nhiệt, nhiệt có thể nung nấu, không cần biến thành uất mà cái nung nấu này tất kèm theo cái nhiệt kia. Đương lúc chưa ra biểu lại cố muốn cho ôn biểu, ngay từ lúc đầu dẫn độc nhiệt thành xu thế đốt rùng, biến ra các chứng Ban, Nục, Cuồng, Suyễn rất hung dữ, cuối cùng làm thương chân âm biến thành các chứng nguy hiểm khô đét, hôn trầm và quyết nghịch. “

**285. Nhiệt thì thanh, được nửa chừng thì thôi, tiếp theo phải ích âm. Hàn thì nhiệt, già nửa thì yên, tiếp theo phải điều hòa.**

**Thanh - Hoài Bảo Kỳ**

*“Y triết - ứng cơ”*

Khuyên người ta dùng hai phép hàn ôn không nên quá tay và nêu ra đại pháp cải thiện về sau. Nhiệt bệnh dùng phép thanh đạt được một nửa là được không nên dùng quá mức, tránh cái hại thuốc vượt qua chỗ bị bệnh còn lưu lại băng giá. Nhiệt bệnh thường hay thương Âm, phải điều lý tốt về sau, tóm lại lấy bổ Âm làm đại phép cho nên nói: “tiếp theo phải ích Âm”. Chứng hàn thì dùng phép ôn, được hiệu quả già nửa thì yên không nên quá tay tránh khỏi hóa táo. Điều lý về sau phép chung là dùng thuốc cam bình để ôn dương, đó là nói tiếp theo phải điều hòa”. Nhà Trung y nổi tiếng đương đại Bồ Phụ Chu tiên sinh từng nêu ra lý luận “Ôn mà đừng táo, hàn mà đừng ngưng” cũng giống ý nghĩa nói ở Y văn này.

**286. Chữa nhiệt dùng thuốc hàn cho uống ấm. Chữa hàn dùng thuốc nhiệt cho uống nguội.**

*“Tố Vấn - Ngũ Thường chính đại luận”*

Câu này ý nói: Dùng thuốc hàn lương để chữa nhiệt bệnh nên uống ấm; dùng thuốc ôn nhiệt để chữa hàn chứng nên uống nguội, mục đích là theo ý nghĩa đồng khí tương cần tránh khỏi phát sinh hiện tượng hàn nhiệt ngăn cách thuộc phạm vi phép phản tá trong Đông y, cũng gọi là “phép uống thuốc phản tá” rất có giá trị trong lâm sàng.

**287. Quế chi Uống khỏi họng, dương Thịnh thì chết. Thừa khí uống vào Vị, âm thịnh cũng bại.**

**Thanh - Trình Chung Linh**

*“Y học tâm ngộ - Y môn bát pháp - Luận ôn pháp”*

Câu này đời sau lưu truyền rất rộng là “Quế chi uống khỏi họng, nếu là dương thịnh thì chết. Thừa khí uống vào đến dạ dày, nếu là âm thịnh thì tử vong”. Nêu lên rất sâu sắc về hậu quả nghiêm trọng khi dùng nhầm hai phép hàn, ôn, cảnh cáo người ta dùng thuốc phải biện chứng cho chuẩn xác. Quế chi là thuốc nóng, nếu xét chứng không cẩn thận nhầm đúng trong chứng dương nhiệt, như lửa cháy đổ thêm dầu có thể đưa người ta đến cõi chết. Thừa khí thang là thuốc hàn hạ, nếu nhầm dùng trong chứng âm thịnh, chẳng khác nào trên băng phủ thêm tuyết. Cũng làm người ta tử vong, người thầy thuốc không thể không cẩn thận.

**288. Tháng hè gay gắt, thang thuốc ôn nên nhẹ tay. Mùa đông giá buốt thang thuốc ôn nên nặng lượng**

**Thanh - Trình Chung Linh**

*“Y học tâm ngộ - Y môn bát pháp - Luận ôn pháp”*

Danh ngôn này thể hiện tư tưởng chỉ đạo “Nhân thời chế nghi” của Đông y, sách “Tố Vấn - Ngũ thường chính đại luận” có thuyết pháp “Trước hết phải hiểu được tể khí, đừng phạt thiên hòa” và “không làm trái thời tiết của trời” đều là bắt buộc khi chữa bệnh phải suy nghĩ đến đặc điểm thời lệnh thời tiết.



Điều trị chứng Hàn, đáng lẽ nên dùng thang thuốc Ôn, nhưng liều lượng sử dụng trong hai mùa Đông, Hạ có khác nhau. Tháng Hạ gay gắt, khí hậu nóng nực, có lợi cho việc điều trị bệnh thuộc Hàn, cho nên khi sử dụng thang thuốc ôn cũng nên nhẹ liều lượng. Mùa Đông rét buốt, khí hậu lạnh giá, thời khí với bệnh khí tương đồng. Lúc này đáng lý dùng thang thuốc ôn liều lượng phải nặng hơn. Nói một hiểu mườì, trong điều trị bất kể bệnh gì, cần phải chú ý đến đặc điểm khí hậu thời lệnh, đó chính là lý luận đặc sắc của Đông y.

**289. Ôn bệnh mà không kiên thấp, ghét cương mà thích nhu. ôn bệnh mà có kiên thấp, ghét nhu mà thích cương.**

**Thanh - Ngô Cúc Thông**

*“Ôn bệnh điều biện - Phàm lệ”*

Nêu lên nguyên tắc dùng thuốc khác nhau để chữa Ôn bệnh có kiên thấp hay không. Ôn bệnh mà không kiên thấp tà, đơn thuần do dương tà ôn nhiệt gây bệnh, rất dễ hao âm hại tân, khi điều trị nên chăm lo chiếu cố âm dịch mà dùng nhiều loại thuốc nhu nhuận thuộc âm có tính vị cam hàn tư nhuận; những thuốc cay nóng táo nhiệt là thứ cương táo hại âm đều không nên dùng, cho nên nói Ghét cương mà thích nhu”.

Ôn bệnh có kiên thấp tà, thấp với nhiệt câu kết, dính trệ khó tách rời, lúc này mà lại dùng các loại nhu nhuận thuộc âm thì mang cái hại giữ tà ở lại, mà dùng các loại thuốc cương táo có tính vị khổ táo đạm thấm thì có thể phát huy tác dụng, cho nên nói “Ghét nhu thích cương” Nguyên văn như sau: “Ôn bệnh mà không kiên thấp thì kỵ cương thích nhu. Sau khi khỏi Vị dương không phục hồi hoặc đo thầy thuốc trước dùng quá tay thuốc khổ hàn đến nỗi thương tổn Vị dương, cũng xen kẽ thêm chút ít thuốc cương táo.

Ôn bệnh nếu kiên thấp, ghét nhu mà thích cương. Ở ranh giới thấp rút nhiệt tồn tại, làm sao mà không dùng được loại thuốc nhu! Hoàn toàn là ở chỗ quan sát bệnh tình giỏi trong lâm sàng, hoàn toàn không rắc rối gì khác (không sai lầm).

**290. Bệnh ôn nhiệt lo cạn phần âm. Bệnh thấp nhiệt lo hư phần dương.**

**Thanh - Ngô Cúc Thông**

*“Ôn bệnh điều biên – Hạ tiêu thiên”*

Danh ngôn này nói lên đặc điểm cơ chế Ôn nhiệt bệnh với Thấp nhiệt bệnh, vạch ra phương hướng điều trị. Ôn nhiệt bệnh đơn thuần thuộc dương tà gây bệnh rất dễ hại âm dịch người ta, cho nên phải luôn luôn xem xét tình huống tổn hại âm dịch, để chiếu cố trong điều trị. Thấp nhiệt bệnh thì thấp với nhiệt kết hợp, tà khí cả âm và dương, ấp ủ dằng dai, thanh nhiệt phải nắm vững từng li từng tý tránh khỏi vì quá hàn mà thương dương. Và lại thấp là âm tà vốn bất lợi cho dương khí, vì vậy khi điều trị thấp nhiệt phải xét tới tình huống dương khí tổn hại, đó là chỗ cần chú ý trong lâm sàng.

**291. Bệnh ở Vệ phát hãn thì được. Bệnh ở Khí có thể thanh khí. Bệnh vào Doanh còn có thể thấu nhiệt chuyển khí... Bệnh đã vào Huyết sợ hao huyết động huyết, rất nên lương huyết tán huyết.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Ôn nhiệt luận”*

Câu này nêu ra đại cương điều trị bốn giai đoạn Vệ - Khí - Doanh - Huyết của Ôn bệnh, đến nay vẫn là lý luận khuôn mẫu của Ôn bệnh. Họ Diệp sáng lập ra lý luận biện chứng thi trị Vệ - Khí - Doanh - Huyết của Ôn bệnh, xây dựng cơ sở cho Ôn bệnh học. Lý luận truyền biến của vệ khí, doanh huyết phản ảnh vị trí bệnh nông sâu trong quá trình phát triển của Ôn bệnh, bệnh tình nặng nhẹ và giai đoạn biến hoá bệnh trình, đồng thời cũng là căn cứ phân biệt điều trị cho từng giai đoạn “Không thể thì không theo phép nhanh hay chậm, lo đến mó tay vào là sai, trái lại thêm viễn vông”(lời họ Diệp).

Tà ở Vệ phần, bệnh thuộc Biểu chứng, điều trị nên tân lương giải biểu khiến cho tà giải theo đường ra chút ít mồ hôi, dùng các phương như Tang cúc ẩm, Ngân kiều tán. Tà ở khí phận, lý nhiệt đã hun đốt, điều trị nên tân hàn thanh khí, dùng phương Bạch hổ thang. Tà nhiệt vào Doanh, bệnh tuy sâu một bậc, nếu quả là chưa thấy chứng hao huyết động huyết, vẫn nên vững vàng dùng thuốc thấu tiết như Thanh doanh thang. Một khi nhiệt vào Huyết phận mà thấy biến thành “hao huyết động huyết thì nên dùng ngay thuốc lương huyết, chỉ huyết, tán huyết dưỡng âm, như dùng phương Tê giác địa hoàng thang trong nguyên văn của họ Diệp còn nêu những tính dược đại biểu, giờ lược bớt.

**292. Thuốc ôn nhiệt có hiệu quả nhanh, chỉ cần một vài thang là có thể lập công. Thuốc cam lương sức chậm chạp, không uống nhiều thì không hiệu quả.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Hỏa luận”*

Điều trị dương hư phát nhiệt, nên dùng thuốc ôn nhiệt. Thuốc ôn nhiệt thuộc Dương, tính cứng cõi mà đi nhanh, cho nên kiến hiệu nhanh chóng; chỉ cần một vài thang là có thể lập công.

Điều trị âm hư phát nhiệt, nên dùng thuốc cam lương thuốc cam lương thuộc Âm, tính nhu mà đi chậm, cho nên hiệu quả từ từ, “không uống lâu (nhiều) thì không hiệu quả”. Đây đúng là kinh nghiệm đáng bàn rất có ý nghĩa phát huy trong lâm sàng.

**293. Ôn bệnh, thuốc tư âm chớ ngại dùng nhiều, dùng thuốc công hạ phải nên thận trọng.**

**Thanh - Ngô Cúc Thông**

*“Ôn bệnh điều biện - Trung tiêu thiên”*

Phân tích: Danh ngôn này tuy là nêu kiến giải đối với Ôn bệnh sau khi dùng thuốc hạ, nhưng không trái với nguyên tắc thông thường trong điều trị Ôn bệnh.

Cơ chế bệnh chủ yếu của Ôn bệnh tất cả là thương âm, Âm hư khó hồi phục, với lại thuốc tư âm tính nhu mà lưu hành chậm, không uống nhiều thuốc thì không hiệu quả. Cho nên nói Tư âm chớ ngại dùng nhiều”. Nhiệt làm thương khí âm mà lại dùng thuốc công hạ dễ hao thương nguyên khí cho nên nói phải nên thận trọng”

**294. Lưu được một phần tân dịch tức là có một phần sinh lý**

**Thanh - Vương Mạnh Anh**

*“Ôn nhiệt kinh vĩ - Nội kinh phục khí ôn nhiệt thiên”*

Nêu lên nguyên tắc trọng yếu trong điều trị Ôn bệnh. Ôn là dương tà rất dễ thương tân hao dịch. Trong mỗi quá trình Ôn bệnh đều lấy Ôn nhiệt thương tân, âm dịch hao tổn làm bệnh cơ chủ yếu. Vì thế đối với điều trị Ôn bệnh, nên “luôn luôn chiếu cố giữ gìn tân dịch”, nhất là ở giai đoạn cuối, mức độ tổn thương của âm dịch thường có quan hệ đến tiên lượng tật bệnh. Ngô Tích Hoàng đời Thanh cũng có câu

nói tương tự: “Còn một phần tân dịch là còn một phần cuộc sống” đều là thuyết minh “giữ tân tồn âm” có ý nghĩa trọng yếu trong quá trình điều trị Ôn bệnh.

**295. Cứu âm không ở huyết mà ở tân với mồ hôi.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Ôn nhiệt luận”*

Câu này nói mấu chốt của Âm trong Ôn nhiệt bệnh là ở sinh tân dịch và liễm mồ hôi, có chỗ khác với điều trị tạp bệnh thương âm.

Tạp bệnh thương âm là thuộc nội thương, bệnh trình dài, xu thế bệnh từ từ, điều trị coi trọng tư dưỡng âm huyết, nói chung nên thông thả. Còn nhiệt bệnh thương âm xu thế bệnh gấp gáp, tình trạng chứng bệnh nặng, điều trị không được chậm mà phải sinh tân, giữ gìn tân cho nhanh, nói giữ được một phần tân dịch là có một phần cuộc sống” là như thế, một chữ “cứu” có thể cân nhắc. Nói chung tư dưỡng âm huyết sợ chậm chạp không nhanh kịp thời, chỉ có cách sinh tân cho nhanh để bổ sung âm dịch, liễm mồ hôi, đừng để tân dịch lại tiết ra nữa mới là thượng sách.

**296. Thông dương không ở thuốc ôn mà ở lợi tiểu tiện.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Ôn nhiệt luận”*

Nói lên phép thông dương ứng dụng trong bệnh Thấp ôn mấu chốt là ở thông lợi tiểu tiện, đối với phép thông dương trong nội thương tạp bệnh cũng có chỗ khác nhau.

Phép thông dương của bệnh nội thương thích dụng các thuốc ôn vận để làm tiêu tan hàn tà, còn bệnh Thấp ôn thì có ngụ cả tà khí thấp nhiệt làm nghẽn trở khí cơ của Tam tiêu, nếu dùng thuốc Ôn vận thì sợ giúp cho nhiệt tà, nếu dùng thuốc hàn lượng lại lo đến trở ngại thấp tà, có thể coi là bó tay khó khăn.

Họ Diệp nói nhiệt bệnh cứu âm còn dễ, thông dương rất khó” tức là nói ý trên. Chỉ có dùng những vị đạ m thấm như Phục linh, Trạch tả, Hoạt thạch v.v... để phân tiêu thấp trọc, khiến cho cái thấp tản mạn ở Tam tiêu có con đường rút theo lối Bàng quang, thấp rút thì cô lập nhiệt, nhiệt tà cũng dễ giải quyết, dương khí được thông dùng các phương thuốc như Tam nhân thang, Hoắc phác hạ linh thang.

**297. Thực nhiệt ở dưới, phép nên thanh lợi. Thực nhiệt ở trên, không được thăng đề.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tân phương bát trận - Hàn lược”*

Câu này căn cứ vào bộ vị thực nhiệt mà nêu ra sự kiêng kỵ trong điều trị. Chữa nhiệt thì dùng thuốc hàn, nên dùng phép thanh, nhưng cần căn cứ vào bộ vị tà khí xâm phạm mà có sự xử lý khác nhau.

Thực nhiệt xâm phạm ở bộ phận dưới cơ thể, nên đồng thời dùng thêm cả phép thông lợi khiến cho nhiệt thoát ra đường nhị tiện, tà khí có đường rút có thể nói là nhân xu thế mà khơi thông. Khi thực nhiệt xâm phạm ở bộ phận trên cơ thể, vì tính của Hỏa bốc lên, nếu lại dùng thuốc thăng đề, chẳng khác gì quạt gió vào lửa, càng tăng xu thế nhiệt, vì thế không nên sử dụng. Họ Trương nói: “Hỏa vốn cần Dương, nên chữa theo Âm, từ âm mà được giáng xuống, nếu lại thăng là theo Dương. Kinh nói: Cao thì ức chế “nghĩa đó nên biết”.

**298. Tà Hỏa ở trên, không nên thăng, Hỏa được thăng lại càng bốc mạnh. Trầm hàn ở dưới, không nên giáng, âm bị giáng càng dễ tiêu vong.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tân phương bát lược - Hòa lược”*

Câu này nói sự kiêng tránh trong điều trị khi tà Hỏa ở bộ phận trên và trầm hàn ở bộ phận dưới.

Hỏa thuộc dương tà, tính nó bốc lên, tà Hỏa ở bộ phận trên điều trị nên tiềm giáng, nếu lại dùng phép thăng đề, không khác gì quạt mạnh, khó tránh khỏi cái hại “Hỏa được thăng thì càng bốc”.

Hàn thuộc âm tà, tính nó ngưng giáng, trầm hàn ở bộ phận dưới điều trị nên ôn tán, nếu lại dùng phép giáng xuống lại càng làm âm tà nặng thêm, theo lý là phải tránh.

Tóm lại, chữa bệnh nên thi hành ngược lại với xu thế của tà khí, nếu lại thuận theo xu thế của nó là giúp thêm cho tà mạnh hơn.

**299. Chữa nhiệt ở người mập, nên nghĩ cái dương bị hư. Chữa nhiệt ở người gầy, nên nghĩ cái âm bị hư**

**Thanh - Dụ Gia Ngôn**

*“Y môn pháp luật - Nhiệt thấp thử tam khí môn”*

Người mập với người gầy tuy cùng mắc bệnh nhiệt nhưng điều trị lại có chỗ khác nhau, chủ yếu là do thể chất không giống nhau, thể hiện đầy đủ tư tưởng chỉ đạo “nhân nhân trị nghi” trong chữa bệnh của Đông y, là một đặc sắc lớn của Đông y trong điều trị học.

Nói theo thể chất, người mập nhiều đờm, đa số là thể chất dương hư, cho nên điều trị nhiệt bệnh ở người mập, cần đúng bệnh thì ngừng, không nên dùng quá tay thuốc hàn lương để tránh tổn hại dương khí. Người gầy nhiều Hỏa, đa số thuộc thể chất âm hư, khi điều trị nhiệt bệnh, không nên dùng quá tay thuốc đắng lạnh để tránh hoá tảo thương âm, đó là những chỉ đạo rất ý nghĩa.

**300. Chữa chứng Ban nên thanh hoá không nên đề thấu. Chữa chứng Sa nên thấu tiết không nên bổ khí.**

**Thanh - Lục Tử Hiển**

*“Lục nhân điều biện - Ban sa chẩn loa biện luận”*

Khái quát sự kiêng khem trong điều trị Ban chẩn đời sau coi là khuôn mẫu trong điều trị. Từ “Sa” nói ở đây tức là “Chẩn”, Ban chẩn là thể chứng trọng yếu trong Ôn bệnh. Ban là nốt to kết thành mảng, sờ vào không vướng tay. Chẩn là nốt nhỏ như hạt tằm, sờ vào vướng tay, cả hai chứng đều là dấu hiệu nhiệt tà phạm sâu vào doanh huyết. Nhưng trên cơ chế bệnh, Ban là Dương minh nhiệt độc, Chẩn là Thái âm phong nhiệt, vị trí bệnh có Phế Vị khác nhau, trên điều trị cũng không giống nhau. Ban thuộc Dương minh tà nhiệt bức bách ở huyết phận, điều trị nên thanh Vị tiết nhiệt, mát huyết hoá ban, cho uống phương như Hoá ban thang, vì các loại thuốc thăng đề thấu phát đều có tính táo phát đi lên, dễ làm cho khí huyết dồn lên trên, xúc động đến huyết nên phát Ban càng nặng, cho nên nói không nên đề thấu”. Ngô Cúc Thông từng nói Ban chẩn dùng thuốc thăng đề thì đổ máu mũi, hoặc quyết, hoặc ho khan, hoặc chứng Kính hôn mê”. Chẩn thuộc Thái âm, phong nhiệt len lỏi vào trong huyết lạc, điều trị nên tuyên Phế đạt tà, thanh doanh thấu chẩn, dùng phương thuốc như Ngân kiều tán bỏ Đậu sị gia Sinh địa, Đan bì, Đại thanh diệp, Huyền sâm. Nếu bổ khí sẽ giúp cho xu thế nhiệt kéo dài là điều cấm kỵ đối với bệnh này cho nên nói không nên bổ khí”.

Trên lâm sàng Ban Chẩn thường xuất hiện chung, điều trị nên lấy hoá ban làm chủ yếu và kiêm trị thấu chẩn. Ngoài ra thời kỳ Ban chẩn mới phát không được dùng quá tay thuốc hàn lương để tránh tà nhiệt ẩn náu, đó cũng là điều cần chú ý.

**301. Chữa Tâm Hỏa dùng thuốc khổ hàn. Chữa Thận Hỏa dùng thuốc hàm hàn.**

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Y học nguyên lưu luận - Quân Hỏa tướng Hỏa luận”*

Danh ngôn này giới thiệu những đại pháp về điều trị và dùng thuốc đối với hai loại Tâm Hỏa và Thận Hỏa.

Tâm là tạng thuộc Hỏa, Hỏa này phần nhiều là Thực, nên đánh thẳng bằng thuốc đắng lạnh, hơn nữa vị đắng vào Tâm để đạt tới ổ bệnh, cho nên chữa Tâm Hỏa dùng thuốc khổ hàn được coi là đại pháp.

Thận là tạng thuộc Thủy, Hỏa này phần nhiều là Hư là do chân âm hao tổn gây nên, điều trị nên tư âm giáng Hỏa, dùng các vị thuốc hàm hàn để dực âm tiềm dương, hơn nữa vị mặn vào Thận để đạt tới ổ bệnh, cho nên chữa Thận Hỏa dùng thuốc hàm hàn được coi là đại pháp, nếu dùng thuốc khổ hàn, khó tránh khỏi hoá tảo thương âm.

**302. Bệnh nhiệt dùng thuốc mát, nên kèm theo loại hoạt huyết mới không đến nỗi có cái lo băng giá ẩn náu ở bên trong.**

**Thanh - Chu Học Hải**

*“Độc y tùy bút - Bệnh hậu điều bổ tu kiêm tán khí phá huyết”*

dẫn lời của Diệp Thiên Sĩ

Câu này nêu ra một nguyên tắc dùng thuốc khi chữa nhiệt bệnh, đúng là kinh nghiệm đáng bàn. Nhiệt bệnh dùng thuốc mát là chính trị, nhưng dùng thuốc mát quá nhiều có thể dẫn đến huyết ngưng thành ứ hoặc tổn thương Tỳ Vị, có thể nói là “nhiệt bệnh chưa khỏi, bệnh do mát đã nổi lên” cho nên cần kèm theo thuốc hoạt huyết. Danh y đương đại Bồ Phụ Chu từng quy nạp là “hàn mà đừng làm cho ngưng” cũng ngụ ý kiến này.

## VI. CÔNG BỔ

**303. Phép dùng thuốc công, quý ở xét cho đích thực không được quá tay. Phép dùng thuốc bổ, quý ở nặng nhẹ có chừng mực, khó giải quyết đơn giản.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Truyền trung lục - Luận trị thiên”*

Danh ngôn này khái quát nguyên tắc vận dụng hai phép công, bổ và điều cần chú ý khi dùng hai phép này. Họ Trương cho rằng “phép tắc chữa bệnh phải biết tà khí với chính khí cân nhắc bên nào nặng bên nào nhẹ”.

“Dùng phép công, trước hết phải xem xét sự chân giả của tà khí mà châm chước dùng thuốc, dứt khoát không được dùng quá tay thuốc mãnh liệt đề phòng tổn thương chính khí. Dùng phép bổ phải phân biệt rõ mức độ hư đến đâu mà điều lý toàn diện, không được xem nhẹ giản đơn. Người đời sau nói gọn hai câu này là “Công không quá tay” và “Bổ khó mà đơn giản”. Họ Trương dùng cách ví dụ sinh động giải thích hai câu này, nguyên văn là: “Phàm chữa chứng Thực, ví như gieo mạ trong mạ lẫn cỏ, cỏ là kẻ thù của mạ, có một thì nhổ bỏ một, có hai phải nhổ bỏ hai, đấy là cái giỏi của người làm cỏ lúa; nếu cỏ một lại đi nhổ hai là làm hại đến mạ, cỏ hai lại đi nhổ bốn, là hai lần làm hại mạ. Nếu lại không biết rõ mạ, đều cho là cỏ cả mà đi nhổ sạch thì không còn mạ nữa. Đấy là cách dùng phép Công, quý ở chỗ xét cho đích thực, không được quá tay.

Phàm chữa chứng Hư, ví như cấp lương, một người một thăng, mười người một đấu, đó là lương đủ ăn một ngày. Nếu trăm người chỉ cấp một đấu, ngàn người cấp một斛 ở chốn đông đảo ba quân lẽ nào cái lương một gánh mà sống được sao? Một gánh không tiếp tế lại đem cả gánh trước bỏ đi, khác nào tự giảm bớt từ bên trong? Đó là cách dùng phép Bổ, quý ở chỗ cân nhắc nặng nhẹ, khó mà giải quyết đơn giản”.

**304. Phép dùng Bổ, quý ở trước nhẹ sau nặng, cốt ở thành công. Phép dùng Công, tất phải trước từ từ sau mạnh tay, đúng bệnh thì thôi.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Truyền trung lục - Luận trị thiên”*



Câu này nêu nguyên tắc dùng thuốc trong hai phép công, bổ, thể hiện quan điểm học thuật trong điều trị của họ Trương quý ở chuyên sâu tinh vi rất có ý nghĩa chỉ đạo lâm sàng. Họ Trương đề xướng việc dùng thuốc phải chuyên nhất không pha tạp “Nếu lấy tiêu để chế bổ, thà rằng dùng thuần bổ chút ít, để dần dà tiến tới khỏi bệnh; nếu lấy bổ để chế công, thà rằng dùng thuần công chút ít, từ một tiền đến hai cho tới khỏi bệnh”. Hư chứng dùng phép bổ, dùng thuốc nên liều lượng nhẹ lúc ban đầu, dần dà tăng thêm, nếu ra tay dùng ngay liều cao sợ mang cái nặng béo trở ngại Vị. Thực chứng dùng phép công, dùng thuốc nên từ từ nhẹ nhàng, sau khi trúng bệnh hãy mạnh tay, nếu quả là tấn công mạnh ngay, sợ bệnh nhẹ mà dùng thuốc liều cao, khắc phạt thái quá. Đây là những kinh nghiệm lâm sàng giá trị.

**305. Phép Công không thể thu công từ từ. Phép bổ không thể mong hiệu quả nhanh.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Truyền trung lục - Luận trị thiên”*

Câu này nêu nguyên tắc khi vận dụng hai phép công, bổ rất có ý nghĩa tham khảo trong lâm sàng. Nguyên văn của họ Trương là: “Nếu bệnh mới phát đột ngột lại là người ít tuổi khoẻ mạnh thì có thể dùng thuốc công thuốc tả, công chỉ có thể dùng tạm, chưa từng có bị bệnh suy yếu lâu dài mà công nhiều lần lại không có hại, cho nên công không thể thu công từ từ. Bệnh lâu ngày mà hư yếu, theo lý nên ôn nên bổ, bổ có thể dùng bình thường, chưa từng có tổn thương căn bản mà bổ bổ lại có thể trở lại nguyên dạng, cho nên bổ không thể mong hiệu quả nhanh”. Lời lẽ đã rõ ràng, chẳng cần phải bàn thêm.

**306. Hư chứng như nhà nghèo tài sản rỗng không, chỉ có cốp nhặt từng tí sớm tối không quên, chứ không có phép nhanh hơn. Thực chứng như cướp trộm trong nhà, mở cửa tống ra nhanh, giặc rút thì ngừng, không có phép nấn ná từ từ**

**Minh - Lý Trung Tử**

*“Y tôn tất độc - Biện trị đại pháp luận”*

Điều trị Hư chứng nên xử lý thung dung, thu công dần dà. Điều trị Thực chứng phải dồn sức đối phó, đánh nhanh quyết định nhanh. Câu này dùng lối tỉ dụ nói lên đạo lý ấy, ý nghĩa giống với câu của Trương Cảnh Nhạc ở trên, nên tham khảo.

**307. Thuốc bổ, khuyên đừng tiếp thụ nhanh mà úng trệ nhanh. Thuốc phạt, khuyên đừng tranh đoạt vội mà dẫn đến lợi mạnh.**

**Thanh - Đường Đại Liệt**

*“Ngộ y vọng giảng - Nhiếp sinh tạp thoại”*

Danh ngôn này khuyên răn phải chú ý khi dùng hai phép công và bổ thành lời so sánh đối lập với câu 306 ở trên, lối rẽ khác nhưng công hiệu chỉ là một có thể tham khảo chung. Hư chứng thì bệnh đến từ từ mà bệnh lui cũng chậm, điều trị nên xử lý thung dung, lập công dần dần. Nếu muốn mau chóng mà dùng thuốc bổ mạnh mà nhanh trái lại sẽ úng tắc Vị khí, dục tốc thì bất đạt. Thực chứng theo lý nên khu tà, chỉ cần lượng bệnh mà dùng thuốc, nếu công phạt quá mạnh, trái lại cướp đoạt tổn hại chính khí, phải nên thận trọng.

**308. Bệnh vốn thực mà có chứng hư nhất thời, thì tạm thời xử lý cái hư. Bệnh với hư mà có chứng thực nhất thời, thì nên nhẹ nhàng giải cái thực**

**Thanh - Hoài Bảo Kỳ**

*“Y triết - ứng cơ”*

Câu này nêu nguyên tắc xử lý khi bệnh mắc đã lâu lại có kèm chứng mới, thể hiện quan điểm của Trương Trọng Cảnh: “nghĩ như bị cố tật lại thêm bệnh đột ngột khác, thì trước tiên nên chữa bệnh đột ngột, sau hãy chữa cố tật”

Người bệnh vốn có Thực chứng, nếu gặp hư yếu nhất thời thì nên chữa cái hư trước. Nếu vẫn tiếp tục đuổi tà sợ bất lợi cho hư chứng, rõ ràng là không nên. Người bệnh vốn có Hư chứng, nếu gặp Thực chứng nhất thời thì nên dùng thang thuốc nhẹ nhàng mà đuổi tà từ từ, chỉ một từ “nhẹ nhàng” là đủ thấm thía. Nếu vẫn tiếp tục bổ Hư, sợ lưu luyến tà mà bệnh tăng thêm, cũng là điều không nên.

Tóm lại, vốn có cố tật thì tạm gác lại, các bệnh mới mắc phải nên chữa ngay, tránh khỏi sự dằng dai dẫn đến bệnh tình phức tạp. Du Căn Sơ đời Thanh tác giả “Thông tục Thương hàn luận” từng nói qua: “Trong hư mà kèm thực, tuy toàn Thận có hiện tượng hư, chỉ một vài chỗ thấy thực, thì thực chứng trái lại rất nguy hiểm. Trong thực mà kèm hư, tuy toàn Thận có hiện tượng Thực, chỉ một vài chỗ thấy hư, thì hư chứng trái lại rất nguy hiểm. Cảnh Nhạc nói Một chỗ chữa kẻ gian” là thế, có thể coi là lời ghi chú cho điều văn này. Đó là một nguyên tắc xử lý cho tình hình bệnh chứng nói ở trên, ở chỗ giáp gianh hư thực trên lâm sàng như vậy, có thể cân

nhắc mức độ của hư thực mà linh hoạt ứng dụng công bổ cùng dùng không nên câu nệ.

**309. Người thể thực khí mạnh, phải chữa bệnh mà giữ lấy người. Người thể suy khí hư, phải giữ lấy người rồi chữa bệnh.**

**Đương đại - Nhạc Mĩ Trung**

*“Nhạc Mĩ Trung y án tập. Niệu độc chứng trạng”*

Câu này tổng kết nguyên tắc xử lý quan hệ bệnh tà với chính khí thể hiện tư tưởng coi trọng chính khí trong điều trị của Đông y.

Chữa bệnh công tà trước hết phải xem chính khí người bệnh như thế nào. Nếu thể chất khoẻ mạnh, chịu nổi tấn công mới có thể áp dụng tấn công tà đẩy lùi bệnh. Tà bị đẩy lùi thì chính khí yên, đó là nói Phải chữa bệnh mà giữ lấy người? “Nếu thể trạng suy khí yếu, trước hết nên bồi bổ nguyên khí, đợi cho chính khí hồi phục rồi hãy khu tà, đó là nói Phải giữ lấy người rồi mới chữa bệnh”. Nếu chỉ nhìn vào bệnh mà không nhìn vào người, chăm chú công phạt, chính khí không chống nổi sợ là thúc đẩy cho cái chết mau hơn, cần phải rất thận trọng. “Giữ lấy người rồi hãy chữa bệnh” thể hiện tư tưởng chỉ đạo của Đông y “nhân nhân trị nghi”.

**310. Hoãn thì chữa bệnh. Cấp thì chiếu cố đến mệnh.**

**Thanh - Trình Hạnh Hiên**

*“Trình Hạnh Hiên y án - Vương thị phụ tú chứng án”*

Câu này với câu 309 ở trên lối rẽ tuy khác nhưng chỗ khéo là cùng công dụng, đều mang tư tưởng chỉ đạo điều trị phải lấy chính khí làm gốc, có thể tham khảo.

Khi chính khí không bị hư, tuy mắc bệnh còn khả năng chống đỡ, chịu đựng sức đuổi tà, nói lên bệnh tình còn từ từ, có thể đuổi tà để chữa bệnh. Nếu khi chính khí không chống đỡ nổi, âm dương muốn thoát, tính mệnh đã không giữ gìn được, tuy có tà đã không chịu đựng được công phạt, nói lên bệnh tình nguy cấp, điều trị kịp phải đại bổ nguyên khí, trước hết hãy giữ lấy tính mệnh, đó cũng là cái ý “chiếu cố đến mệnh”. Nếu không chiếu cố tình trạng chính khí hư thể trạng suy, tấn công mù quáng chỉ dẫn đến âm dương ly tuyệt chuốc lấy hậu quả nguyên khí thoát đột ngột... vì thế nên lấy “giữ người rồi chữa bệnh” là thượng sách.

**311. Dưỡng sinh nên bàn lấy ăn làm bổ. Chữa bệnh nên bàn đến thuốc công**

**Kim - Trương Tử Hòa**

*“Nho môn sự Thận - Suy nguyên bổ pháp lợi hại phi kinh thuyết”*

Danh ngôn này bao quát quan điểm học thuật dùng thuốc đuổi tà, lấy ăn để bổ dưỡng chính khí của Trương Tử Hòa. Họ Trương đại biểu cho phái công tà chủ trương dùng ba phép hãn - thổ - hạ để khu tà công bệnh, nảy sinh ảnh hưởng lớn cho thầy thuốc đời sau. Nhưng ông chủ trương đồng thời với công tà, không bao giờ bài xích bổ dưỡng chính khí, nhất là coi trọng Vị khí của người bệnh, nên ra chỉ đạo lấy ăn để bổ. Ông nói: “Người giỏi dùng thuốc, phải làm cho người bệnh ăn được cơm gạo, đấy mới là bổ đích thực “sau khi đã trừ được bệnh, tiếp theo lấy ngũ cốc nuôi dưỡng, hoa quả hỗ trợ, thịt động vật bổ ích, ăn đầy đủ rau” thực là đạo lý “lấy ăn nuôi dưỡng trên hết” trong Nội kinh. Ông nói như vậy không phải là không dùng thuốc để bổ, mà chính là khuyên mọi người thận trọng dùng phép bổ, uốn nắn một số người cố chấp dùng thuốc bổ bừa bãi, rất có ý nghĩa chỉ đạo về nhiếp sinh kéo dài tuổi thọ.

**312. Đúng là thực chứng thì nên tạm thời giảm Tiêu bệnh. Có nhiều hư chứng chỉ nên tìm đến Bản bệnh.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tân phương bát trận - Công trận”*

Câu này khuyên người sử dụng công pháp cần chú ý đến chính khí mạnh hay yếu, không được công bừa. “Đúng là Thực chứng” tức là tà khí đang thịnh mà chính khí không hư, lúc này khu tà tức là yên chính, cho nên lấy công tà trị Tiêu bệnh làm chính. “Có nhiều hư” chỉ tuy có tà khí nhưng chính khí đã hư, lúc này chỉ có thể phù chính để chữa Bản, nếu không chiếu cố đến chính khí hư mà cứ nhắm mắt công bừa, sợ chính khí không chống đỡ nổi, xu thế thất bại khó mà cứu vãn được. Đây là câu nói rất phù hợp với thực tế lâm sàng.

**313. Hư thì bổ mẹ. Thực thì tả con**

*“Nạn kinh - Nạn thứ 69”*

Kinh văn này căn cứ lý luận sinh khắc để nêu ra nguyên tắc điều trị hư thực bổ tả, thể hiện lý luận đặc sắc trong trị liệu học của Đông y.

Nói bổ mẹ chủ yếu là dùng quan hệ mẹ con trong Hư chứng. Ví dụ Thận âm bất túc không thể tư dưỡng Can mộc dẫn đến Can âm bất túc, Can dương thượng cương, gọi là “Thủy không hàm mộc”, về điều trị có thể không trực tiếp chữa Can mà là bổ cái Hư của Thận. Bởi vì Thận là mẹ Can, Thận có thể sinh Can mộc cho nên bổ Thận thủy để sinh Can mộc, đó tức là Hư thì bổ mẹ, bổ mẹ có thể khiến cho con thực. Lâm sàng không chỉ mẹ mắc bệnh liên lụy đến con có thể dùng phương pháp bổ mẹ tức như khiến cho đơn thuần con Hư cũng có thể dùng phương pháp này. Ngoài phép tư thủy hàm mộc, còn có các phép ích Hỏa (Tâm hoặc Thận) sinh Thổ (Tỳ) bồi Thổ sinh Kim (Phế) Kim Thủy (Thận) tương sinh.

Nói là tả con chủ yếu sử dụng trong quan hệ mẹ con thuộc Thực chứng, như Can Hỏa quá thịnh, có thăng không giáng, xuất hiện hàng loạt thực chứng, có thể chọn dùng phép tả Tâm vì Tâm là con của Can, từ đó mà có tác dụng giúp cho tả Can hỏa, đó tức là “Thực thì tả con”, tả con có thể làm yên mẹ. Phương pháp bệnh mẹ liên lụy đến con có thể áp dụng tả con trên lâm sàng, đơn thuần mẹ mắc bệnh thuộc Thực chứng cũng có thể vận dụng phương pháp này. Đương nhiên cần chú ý chia rõ chủ thứ, có thể chủ yếu là bổ mẹ mà kiêm chiếu cố đến con, chủ yếu là tả con mà kiêm chiếu cố đến mẹ.

**314. Bệnh thực đờng e dè phép công, nếu chỉ dùng qua thức ngọt trệ, sẽ làm cho bệnh dằng dai. Bệnh hư chớ ngại ngần dùng bổ, nếu chỉ dùng qua thức tiêu hao, sẽ gây nên rắc rối.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tân phương bát lược - Công lược”*

Nêu lên điều chú ý khi vận dụng hai phép công, bổ, thể hiện tư tưởng chỉ đạo “dùng thuốc phải chuyên nhất không pha tạp” của họ Trương. Ông cho rằng: “Nếu thực tà quá nặng, xét thấy đáng dùng phép công thì không cần thiết phải pha tạp thuốc bổ”, lúc này nếu lại thêm thất thuốc ngọt bổ sẽ mang cái hại níu trệ tà lại, sẽ giằng co với thuốc công, thậm chí tiêu trừ tác dụng. Cũng như vậy, hư thì phải bổ, tất phải dùng trong chứng hư tổn phù hợp với phép dùng thuốc bổ, nếu lại dùng thêm thuốc tiêu thuốc phạt, sẽ chuốc cái hại háo khí trái ngược với thang thuốc bổ, những điều trên rất có ý nghĩa trên lâm sàng. Đương nhiên trong thực tiễn, sử dụng phép công bổ cùng dùng không phải là hiếm, nhưng đấy là chỉ vào chứng hư thực lẫn lộn, ở danh ngôn này chỉ nhằm vào chứng Thực, Hư đơn thuần tự có chỗ khác nhau.

**315. Chứng thực mà nhầm dùng thuốc bổ, chẳng qua làm tăng bệnh, bệnh tăng có thể tháo gỡ. Chứng hư mà nhầm dùng thuốc công, trước hết thoát nguyên dương, đã thoát nguyên dương thì hết chữa.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tân phương bát lược - Công lược”*

**316. Chứng thực mà nhầm thuốc bổ, cố nhiên tăng bệnh tà, còn có thể giải cứu, tai vạ không lớn lắm. Chứng hư mà nhầm dùng thuốc công, chính khí mất đột ngột, không cứu vẫn nổi, tai vạ rất to.**

**Thanh - Dụ Gia Ngôn**

*“Y môn pháp luật - Tiên triết cách ngôn”*

Câu này với câu 315 ở trên không khác nhau mấy, đều là khuyên răn đừng phạm vào luật “hư hư thực thực”, nghiêm khắc chỉ ra sai lầm dùng phép công phát sinh hậu quả nghiêm trọng. Chứng Thực mà nhầm dùng thuốc bổ sẽ làm tăng xu thế bệnh tà nặng hơn, nhưng còn khả năng tháo gỡ không đến nỗi phát sinh hậu quả tai hại. Chứng Hư mà nhầm dùng thuốc công, chính khí không chống đỡ nổi thậm chí thoát nguyên, khó mà điều trị cứu vãn, há không phải thận trọng hay sao?

**317. Bổ phải kiêm dùng thuốc ôn**

**Tả phải kiêm dùng thuốc lương**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Truyền trung lược - Luận trị thiên”*

Danh ngôn này nêu việc dùng thuốc đặc sắc khi vận dụng hai phép công, bổ của họ Trương thể hiện quan điểm học thuật của ông nghiêng về ôn bổ. Họ Trương cho rằng: “Điều trị hư thực, đại để thực thì chịu được thuốc hàn, hư thì chịu được thuốc nhiệt, cho nên Bổ phải kiêm dùng thuốc Ôn, tả phải kiêm dùng thuốc Lương”. Đây là kinh nghiệm của họ Trương, có thể tham khảo trên lâm sàng. Dương nhiên không làm mất đi sự phối diện, vì Thực cũng có Hàn chứng, khi dùng phép tả bắt tất phải kiêm dùng thuốc Lương. Hư cũng có âm khuy khi dùng phép bổ bắt tất phải kiêm dùng thuốc Ôn. Tóm lại danh ngôn này chỉ bàn rộng đại thể nên ứng dụng linh hoạt không nên cố chấp.

**318. Trên thực đờng dùng thuốc thăng. Dưới thực đờng dùng thuốc bí.  
Trên Hư tránh dùng thuốc giáng, dưới Hư tránh dùng thuốc tiết.**

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Tạp bệnh nguyên - Khí vị”*

Danh ngôn này nêu sự cấm kỵ khi chứng hậu Hư và Thực xuất hiện ở bộ phận trên và dưới cơ thể. Khi bộ phận trên xuất hiện tà thực, nếu lại dùng thuốc thăng đề, sẽ làm cho đã thực lại càng thêm thực. Trái lại khi xuất hiện chính khí hư lại dùng thuốc giáng hạ, chỉ làm cho đã hư càng thêm hư. Khi bộ phận dưới xuất hiện tà thực, nếu dùng các loại thuốc cố sáp, tà không có đường ra, đó là đóng cửa mà đui giặc. Trái lại khi xuất hiện hư chứng lại dùng thuốc tiết lợi, lại phạm đến điều răn “đã hư càng thêm hư”. Những điều trên rất có ý nghĩa chỉ đạo lâm sàng khi dùng thuốc chữa bệnh.

**319. Công bệnh như đánh giặc, dùng thuốc như dùng binh, binh cần giỏi không cần nhiều, thuốc cần quý không ngại mạnh.**

**Thanh - Trình Chi Điền**

*“Y pháp tâm truyền – Cổ kim trị pháp vô dị đồng luận”*

Câu này dùng phương thức so sánh việc dùng thuốc phải theo đạo lý sáng suốt. Lâm sàng chỉ cần nhận bệnh chứng cho chuẩn xác, có bệnh ấy thì phải dùng thuốc ấy, tránh dùng thuốc không đúng chỗ. Đối với vấn đề này, họ Trình giải thích rất hay: “Thuốc để công bệnh, có bệnh nào thì bệnh ấy hứng nhận”. Nếu không có bệnh ấy thì không riêng gì loại thuốc mạnh làm hại chính khí mà dùng đến loại hòa bình có khi cũng là sát nhân. Có bệnh ấy lại không dùng thuốc ấy thì khác nào nuôi ong tay áo, chứng nhẹ chuyển nặng, chứng nặng thành nguy.

**320. Các loại bệnh thực có nặng có nhẹ, khi dùng phép công cũng phải cân nhắc trọng khinh**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tân phương bát lược - Công lược”*

Các chứng do thực tà có nhẹ có nặng, có cấp có hoãn, khi vận dụng phép công cũng phải xem xét mức độ bệnh tình mà dùng thuốc, cốt yếu làm cho thuốc và bệnh

tương đương, không thái quá cũng không bất cập. Có hai khuynh hướng nên tránh: một là thuốc nặng bệnh nhẹ, khắc phạt đùng quá đáng. Hai là thuốc nhẹ bệnh nặng, bát nước đổ vào xe củi cháy, cũng là vô tích sự.

### **321. Thuốc độc để công tà phải lấy ngũ cốc nuôi dưỡng**

*“Tố vấn - Tạng khí pháp thời luận”*

Câu này nêu tính trọng yếu việc chăm sóc ăn uống sau khi mắc bệnh. Chữa bệnh thì nên bàn dùng thuốc để tấn công, nhưng những thuốc công tà được tính phần lớn đều thiên về một phía, độc tính có nhiều có ít, bất đắc dĩ mới phải dùng. Còn như điều lý sau khi mắc bệnh, Đông y đã có hàng loạt nghiên cứu về thực dưỡng, thực trị, nói dưỡng sinh nên bàn đến bổ dưỡng bằng ăn uống” là ý tứ đó. Tóm lại, thực dưỡng sau khi mắc bệnh là nội dung trọng yếu trong điều trị học của Đông y, đã là thầy thuốc cần thể hội, nắm vững tinh thần đó.

### **322. Đại độc chữa bệnh, rút 6 phần 10 là được, thường độc chữa bệnh, rút 7 phần 10 là được, tiểu độc chữa bệnh rút 8 phần 10 là được, vô độc chữa bệnh rút 9 phần 10 là được. Gạo thịt rau quả, thực dưỡng dùng được hết. Đùng để thái quá làm hại chính khí.**

*“Tố Vấn - Ngũ thường chính đại luận”*

Những câu này khuyên người ta dùng thuốc cần “trúng bệnh thì thôi” ngàn vạn lần không được quá tay, để tránh tổn hại chính khí, “thuốc ấy ba phần độc” đông dược cũng không ngoài lệ đó. Dùng vị thuốc có độc tính khá mạnh để chữa bệnh chỉ cần khiến cho bệnh lui đi sáu phần là nên ngừng sử dụng. Vị thuốc có độc tính nói chung chỉ cần khiến cho bệnh lui đi bảy phần là nên ngừng sử dụng; Vị thuốc có ít độc tính chỉ cần khiến cho bệnh lui đi 8 phần là có thể được. Còn những vị thuốc không có độc, chỉ cần đạt hiệu quả 9 phần là có thể được, sau đó điều dưỡng bằng cơm gạo, rau thịt, hoa quả, lấy “thực dưỡng” điều lý, đợi cho cơ thể hồi phục dần dần, ngàn vạn lần không nên dùng thuốc quá tay làm hại chính khí con người. Câu nói này ứng dụng chọn phương dùng thuốc nhất là khi dùng thuốc mạnh để công tà có ý nghĩa sâu sắc.

### **323. Thể trạng có Hư tà phép công đùng quá tay. Tổn thương do thực tà, tấn công không nên chậm.**



**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Y học nguyên luận - Dụng dược như dụng binh luận”*

Danh ngôn này nêu khi công tà nên căn cứ vào chính khí mạnh yếu mà tùy cơ xử trí, thể hiện quan điểm “nhân nhân chế nghi” trong biện chứng luận trị. Trong quá trình tà chính giao tranh tật bệnh dằng co, giữ gìn chính khí là nội dung trọng yếu trong điều trị học của Đông y. Khi chính khí mới bị hư, khu tà không nên quá mạnh để phòng tổn hại chính khí thêm. Trái lại, khi chính khí còn dồi dào, nên công tà nhanh chóng không được chậm trễ tránh cái sai lầm trong cuộc chiến.

**324. Tà khí mới, nên làm tan ngay. Tà ẩn náu lâu ngày, nên tấn công từ từ**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Tý”*

Ứng dụng công pháp để đối phó với tà khí mới, tà khí cũ có chỗ khác nhau. Tuy chỉ nói về chứng Tý, nhưng thực ra đối với mọi chứng bệnh nói chung đều có ý nghĩa chỉ đạo. Tà khí mới là mới cảm nhiễm ngoại tà, chính khí chưa bị hư, nên điều trị gấp, tốc chiến tốc quyết, tránh khỏi lo về sau. Tà khí ẩn náu là tà lưu trữ đã lâu, chính khí đã tổn thương, không chịu nổi tấn công mạnh mà nên tháo gỡ từ từ, tránh khỏi tổn hại chính khí. Họ Diệp thường nêu ý chỉ đạo tháo gỡ từ từ bằng thuốc hoàn, có thể xem xét tham khảo. Họ Diệp nhiều lần nhắc nhở “bệnh đã lâu, nên tấn công từ từ” trong “Lâm chứng chỉ nam y án” đều thấy áp dụng biện pháp này.

**325. Tất cả các bệnh nội ngoại thương, khi tà đã rút, dùng thuốc nên uống xen kẽ (gián phục)**

**Minh - Chu Thận Trai**

*“Thận Trai di thư - Nhị thập lục tự nguyên cơ - Hoãn”*

Chữa bệnh cần biết hoãn cấp, vô luận ngoại cảm hay nội thương, khi tà khí đang thịnh, nên dùng thuốc tấn công mạnh, không để cho tà khí bám trụ. Khi tà khí đã rút, nên áp dụng tấn công từ từ để tránh tổn thương chính khí, nói chung không sử dụng thuốc theo cách thường qui mà nên cho uống xen kẽ cách ngày, vừa không giữ tà lại, vừa có thể đợi chính khí hồi phục, thật là kinh nghiệm đáng bàn. Danh ngôn này lưu ý mọi người cần chú ý khi vận dụng công pháp.

**326. Tiên thánh dùng thuốc, trong thuốc tả tất kiêm thuốc bổ**

**Thanh - Đường Dung Xuyên**

*“Huyết chứng luận - Đình lịch đại táo tả Phế thang”*

Đây là câu bàn luận về ý nghĩa bài Đình lịch Đại táo tả Phế thang, ca ngợi phép tắc phối ngũ trong thuốc tả thực phải kiêm cả thuốc bổ chính của tiên thánh Trọng cảnh. Kinh nói: Tà khí sở dĩ lẩn lướt là do chính khí tất hư. Khu tà phải chú ý tránh tập trung vào công phạt để phòng tổn hại chính khí, nhất là đương lúc tà khí tuy thịnh, nhưng chính khí đã hư, khi cần phải công phạt lại càng phải chú ý dùng xen kẽ phép bổ.

**327. Người cao tuổi nên thận trọng dùng phép Tả. Người ít tuổi nên thận trọng dùng phép bổ.**

**Minh - Ngô Hựu Khả**

*“Ôn dịch luận - Lão thiếu dị trị luận”*

Câu này căn cứ vào đặc điểm khác nhau giữa người già với người trẻ, nêu ra nguyên tắc phải cẩn thận dùng thuốc công, thuốc bổ, thể hiện tinh thần “nhân nhân chế nghị”. Người cao tuổi cơ chế sinh lý giảm sút, bệnh tật phần nhiều thuộc hư, hoặc trong hư kiêm thực, ít gặp loại thực chứng đơn thuần, vì thế phải thận trọng khi dùng phép công, đó là điều thứ nhất. Hai là cho dù có thực tà thì dùng phép công cũng phải thận trọng, liều lượng thuốc cũng nhẹ hơn so với người bình thường để tránh tổn hại chính khí, đây là ngụ ý “người cao tuổi nên thận trọng dùng phép Tả”. Còn như câu “người ít tuổi nên thận trọng dùng phép Bổ”, họ Ngô nêu rõ “người ít tuổi khí huyết sinh lý nhanh nhạy, cơ năng bông bột, khi trừ được tà khí thì chính khí hồi phục ngay” không cần thiết phải Bổ, hoặc nếu có dùng Bổ cũng phải linh hoạt. Đương nhiên đây chỉ là nói tình huống chung, họ Ngô còn nêu ra: “cũng có khi cao tuổi mà khoẻ mạnh, ít tuổi mà bạc nhược, lại phải tòng quyền, không nên coi là lời bàn cố định” có thể nói là rất công bằng hợp lý.

**328. Chứng đại thực dùng thuốc công chưa đạt, có thể tăng thêm thuốc. Chứng thực nhẹ dùng thuốc công thái quá, chỉ chuốc tai hại.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Truyền trung lục - Trị luận thiên”*

Câu này nêu một nguyên tắc vận dụng phép công, tức là “công không được thái quá”. Thà rằng tăng thêm, còn hơn là quá đáng, vì quá đáng khó tránh khỏi tổn hại chính khí, phải nên thận trọng.

### **329.      Bổ Thận không bằng bổ Tỳ**

**Tống - Trương Nhuệ**

*“Kê phong phổ tế phương, quyển 12”*  
dẫn lời của Tôn Triệu

### **330.      Bổ Tỳ không bằng bổ Thận**

**Tống - Nghiêm Dụng Hòa**

*“Nghiêm thị Tế sinh phương - Ngũ tạng môn - Tỳ Vị hư thực luận trị”*

Hai lời bàn trên đây tuy đều bảo vệ một bên, nhưng đều là tổng kết qua kinh nghiệm thực tiễn của tiền nhân, chúng ta có thể tham khảo trên lâm sàng.

Quan hệ giữa Tỳ và Thận là quan hệ tiên thiên với hậu thiên. Thận ngụ ý tinh của tiên thiên, phải dựa vào tinh vi của thủy cốc cho Tỳ Vị hoá sinh để nuôi dưỡng bổ xung; mà công năng của Tỳ Vị lại phải nhờ vào sự sưởi ấm của Thận dương. Có thể thấy hai tạng Tỳ Thận đều trọng yếu, xúc tiến lẫn nhau, đứt khoát không đối lập nhau.

Về ứng dụng trên lâm sàng, trong “Y môn bát pháp” sách “Y học tâm ngộ” của Trình Chung Linh đời Thanh trình bày khá cặn kẽ có thể tham khảo: “Hai tạng Tỳ Thận đều là căn bản, không bỏ được bên nào, người xưa hoặc bảo là bổ Tỳ không bằng bổ Thận, là vì Hỏa của Mệnh môn có thể sinh Tỳ thổ. Hoặc bảo là bổ Thận không bằng bổ Tỳ, là vì tinh vi của đồ ăn uống tự nó có thể rót vào Thận, nên biết Tỳ yếu mà Thận không hư, lấy bổ Tỳ là việc trước tiên. Thận yếu mà Tỳ không hư, lấy bổ Thận là việc trước tiên. Nếu cả Tỳ Thận đều hư, thì kiêm bổ cả hai”. Câu này khá công bằng, nên ứng dụng. Dương nhiên khi bổ cả Tỳ và Thận nên có sự thiên trọng nhất định. Tỳ là nguồn sinh hoá của khí huyết, nếu khí huyết bất túc, thì nên coi trọng vào bổ Tỳ. Thận là tạng Thuỷ Hỏa, nếu tiên thiên thủy Hỏa bất túc, thì nên coi trọng vào bổ Thận, điều cốt yếu là phải phân biệt rõ gốc ngọn trước sau của bệnh, mới là phương pháp chính xác.

### **331.      Tổn hại ở Phế cần ích khí**

**Tổn hại ở Tâm nên điều hòa doanh vệ**  
**Tổn hại ở Tỳ nên điều độ ăn uống thích hợp ấm lạnh**  
**Tổn hại ở Can nên là dịu bên trong**  
**Tổn hại ở Thận nên ích tinh.**  
**Đó là những phép chữa tổn hại.**

*“Nạn kinh - Thập tứ nạn”*

Đoạn y văn này qui nạp những phép lớn chữa hư tổn của năm Tạng. Điều trị năm Tạng hư tổn có mối liên quan đến công năng sinh lý của các Tạng. Như Phế chủ khí. Phế hư thì nên “ích khí”. Tâm chủ huyết mạch, doanh đi ở trong mạch, Vệ đi ở ngoài mạch, đều có liên quan đến huyết mạch của Tâm chủ, điều hòa doanh vệ thì chữa được chứng Tâm hư. Tỳ chủ vận hoá thuỷ cốc, biểu lý với Vị, Tỳ hư nên “điều hòa sự ăn uống”. Lại vì Tỳ chủ về cơ nhục và tứ chi, cho nên lại phải “thích hợp sự ấm lạnh” để phòng ngoại tà quấy rối. Can chứa huyết mà chủ về gân, Can huyết bất túc, gân không được nuôi dưỡng cho nên thấy co cứng, vì thế Can hư thì phải “làm dịu bên trong” Thận chủ chứa tinh, cho nên Thận hư nên “ích tinh”.

**332. Khí hư nên bổ phía trên. Tinh hư nên bổ phía dưới. Dương hư nên bổ mà kiêm ấm áp. Âm hư nên bổ mà kiêm thanh giải.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cành Nhạc toàn thư - Tân phương bát lược - Bổ lược”*

Danh ngôn này khái quát đại pháp điều trị Âm - Dương - Khí - Huyết bị hư tổn. Nguyên văn sau mỗi câu, còn nêu cả dược vật đại biểu, ở đây lược bớt. Khí hư phần nhiều do Tâm Phế Tỳ hư tổn, cho nên điều trị nên bổ phần trên dùng các vị thuốc như Sâm, Kỳ. Tinh hư phần nhiều vì Thận tinh bất túc, cho nên điều trị nên bổ phần dưới, dùng các vị thuốc như Thục địa, Câu kỷ. Dương hư thì hàn nhiều, cho nên điều trị nên bổ mà kiêm ấm áp, dùng các vị thuốc như Quế, Phụ, Can khương. Âm hư thì nhiệt nhiều, điều trị nên bổ mà kiêm thanh, dùng các vị thuốc như Nhị đồng, Bạch thược, Sinh địa v.v...

**333. Hình bất túc lấy khí làm cho ấm, Tinh bất túc lấy vị để mà bổ**

*“Tố vấn - Âm Dương ứng tượng đại luận”*

Trương Cảnh Nhạc viết trong Loại kinh: “Hình bất túc là phần Dương suy”, “Tinh bất túc là phần Âm suy”! Ý tứ của hai câu y văn này là nói vì dương khí bất túc

mà dẫn đến hình thể suy kém, điều trị nên dùng các loại thuốc ôn bổ dưỡng khí. Vì âm tinh bất túc” mà dẫn đến Thận thể hư yếu, nên dùng các loại thuốc nồng hậu bao gồm các loại huyết nhục hữu tình để điền bổ âm tinh. Câu y văn này, thực tế giới thiệu điều bổ Âm Dương như thế nào “lấy khí làm cho ấm” và “lấy vị để bổ”, chủ yếu là phân biệt dùng thuốc để chữa Dương hư hoặc Âm hư.

**334. Lâm sàng chữa bệnh không cần phải bàn có hư chứng hay không có hư chứng. Chỉ căn cứ vào không có thực chứng mà bị bệnh là nên dùng thuốc kiêm bổ, để điều hòa cái khí danh vệ tinh huyết.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Truyền trung lục - Luận trị thiên”*

Cũng không cần phải bàn có Hỏa chứng hay không có Hỏa chứng, chỉ cần căn cứ vào không có nhiệt chứng mà bị bệnh thì nên dùng thuốc kiêm ôn để vun đắp cái khí của Mệnh môn Tỳ Vị

Trương Cảnh Nhạc coi câu nói này là “Yếu lĩnh của bổ tả”, thể hiện quan điểm học thuật của ông tập trung chú trọng vào ôn bổ. Tuy nhiên lời bàn này khó tránh khỏi thiên vị, chỉ là của một nhân vật đại biểu cho học phái Ôn bổ, về phương diện điều trị hư tổn, họ Trương đúng là có chỗ độc đáo, xứng đáng là một danh gia. Từ quan điểm lịch sử duy vật chủ nghĩa mà nhận xét thời đại hoạt động của Cảnh Nhạc, lâm sàng gặp khá nhiều chứng bệnh thích hợp phép dùng thuốc ôn bổ, do đó mà lập luận phần nhiều bảo lưu ôn bổ, tình thế đó là tất nhiên. Người đời sau nên học tập cho giỏi, không nên quá bám riết vào một lý luận.

**335. Cả trên và dưới đều tổn hại, nên chữa ở đoạn giữa.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Hư lao”*

Trong bệnh chứng Hư lao, nếu thấy xuất hiện những biểu hiện Thượng tiêu Tâm Phế và Hạ tiêu Can Thận có sự hư tổn đôi bên, điều trị nên tập trung điều lý Trung tiêu Tỳ Vị. Câu này thể hiện quan điểm học thuật coi trọng Tỳ Vị trong điều trị chứng Hư lao của Diệp Thiên Sĩ. Họ Diệp là một đại gia về Ôn bệnh nhưng rất tôn sùng Tỳ Vị luận của Lý Cảo, nêu ra phương châm “về nội thương phải theo khuôn phép của Đông Viên, ông cho rằng “hư lâu ngày phải tổn hại Vị”, nếu quả là tiên thiên, hậu thiên “hai khí cùng tổn hại thì phải lấy cứu hậu thiên rất gấp” đều nói lên

quan điểm của họ Diệp mười phần coi trọng điều lý Tỳ Vị trong điều trị bệnh hư lao, có ý nghĩa chỉ đạo trọng yếu trong lâm sàng.

**336. Các chứng Hư bất túc, trước hết phải làm mạnh bên trong.**

**Thanh - Ông Nhận Yên**

*“Y phương tập giải - Lý khí chí tễ”*

**337. Năm tạng đều hư hãy chữa riêng hậu thiên Tỳ Vị**

**Thanh - Vương Húc Cao**

*“Vương Húc Cao y án - Hư lao”*

dẫn lời nhận xét của Phương Nhân Uyên

Ý nghĩa hai y văn trên gần giống nhau, đều nói lên địa vị trọng yếu biện pháp điều lý hậu thiên Tỳ Vị trong điều trị các chứng Hư bất túc, có thể tham khảo với những y văn nói ở trên

**338. Người giỏi dùng binh, trước tiên phải tích lương. Người giỏi chữa trị tà khí, trước tiên cần nuôi chính khí.**

**Thanh - Lưu Hoàn Thụy**

*“Kinh lịch tạp luận” đông thống biện”*

Danh ngôn này lấy binh pháp để so sánh hình tượng để nói lên đạo lý muốn khu tà trước hãy tăng cường chính khí. Kinh nói: “Tà sở dĩ gây hấn được là do khí hấn hư”, coi làm căn cứ cho lý luận phù chính khu tà. Trên lâm sàng, trước phù chính sau khu tà, xét cho cùng kiêm thấy cả chính hư tà thực mà chính khí hư khá nặng coi làm chứng thích ứng. Nếu chính khí quá hư lại bàn đến công tà sẽ làm tổn hại chính khí, đó là lý lẽ rất rõ ràng.

**339. Điều thiết yếu nhất trong bổ Hư là nâng Vị khí**

**Thanh - Nguyễn Chi Tú**

*“Độc danh y loại án - Hư tổn”*

dẫn lời nói của Bùi Triệu Kỳ

Danh ngôn này nói tác dụng trọng yếu trong điều trị theo phép nuôi dưỡng Vị khí trong bệnh hư tổn, có thể nói là hướng chỉ đạo của phép Bổ hư rất sâu sắc. Lời trình bày của Bùi Triệu Kỳ ở đây cụ thể là “... Người ta sau khi mắc bệnh nặng nhất thiết không được dùng thuốc bù... Bởi vì nguyên khí người ta lấy Vị khí làm gốc. Vị khí lại lấy cốc khí làm gốc. Người mắc bệnh nặng, xa cốc khí lâu ngày, thì ưa thích thức ăn mà ghét thuốc uống, đó là lẽ thường tình. Ở gianh giới này, chính là lúc cho ăn là tốt nhất, để nuôi dưỡng Vị khí, Vị khí vượng thì nguyên khí cũng vượng, trong cái không bỏ lại có cái rất bổ vậy” Bây giờ người bổ không khéo, chỉ nhằm vào các vị Quy, Địa, Sâm, Truật, Cam thảo, Hoàng kỳ, lấy đó làm phép bổ Hư, không phải là như thế. Không biết những vị thuốc ấy đều là những thứ ngọt nhớt úng trệ, Vị khoẻ thì còn chịu đựng được, nếu Vị yếu mà uống vào thì không trướng cũng đi tả, hoặc không đi tả thì nôn mửa mà không ăn được, bệnh không đỡ lại tăng thêm, không phải là không có”. Lời bàn sắc sảo đó thật đáng tin phục.

**340. Người khéo dùng thuốc phải làm cho bệnh nhân ăn tăng ngũ cốc, đấy mới là bổ đúng đắn.**

**Kim - Trương Tử Hòa**

*“Nho môn sự thân - Thất phương thập tế thăng mặc kè”*

Câu này thể hiện tư tưởng học thuật của Trương Tử Hòa chữa bệnh phải coi trọng Vị khí. Ông cho rằng người giỏi dùng thuốc là ở chỗ động viên người bệnh tăng ăn uống, đó mới là phép bổ đúng đắn, hợp với tôn chỉ “ăn uống đầy đủ thì tốt, không ăn uống được thì chết”, đúng là vạch ra phương pháp vận dụng phép bổ cho người đời sau rất chính xác.

**341. Thức ăn tự thấy ngon, tức là Vị ưu thích, ấy là bổ.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Hư lao”*

Ý và câu này là: chứng Hư lao đã cùng cực, dùng thuốc khó mà công hiệu ngay, cho ăn uống bệnh nhân cảm thấy ưa thích ngon lành, nói theo Tỳ Vị tức là đưa thức Bổ, nói lên đưa thực dưỡng thực bổ chữa chứng hư lao có tính trọng yếu. Họ Diệp đối với “hình sắc suy đoạt, khí sinh vượng đã mong manh” của chứng Hư lao, cho rằng “thuốc khó mà công hiệu ngay, tìm thầy cũng vô ích” chỉ có cách cho những thức ăn mà tự họ ưa thích, đấy mới là con đường bổ dưỡng. Dự Gia Ngôn

cũng từng nói: “Tất thấy những đồ ăn vị bạc chất nhẹ là những thứ Vị ưa thích tiếp nhận” ý nói những thức thanh đạm là thứ Vị ưa thích, có thể tham khảo.

**342. Người khéo điều lý, chẳng qua là dùng thuốc cho thích nghi, có thể giúp đỡ cho sinh khí người ta lâu bền.**

**Thanh - Lý Quan Tiên**

*“Tri y tất biện - Tạp luận”*

Câu này nêu việc dùng thuốc bổ Hư nên cân nhắc nặng nhẹ thích hợp, chú ý thuận theo nhu cầu sinh lý của người bệnh có thể nói là câu chỉ dẫn bổ Hư rất sâu sắc rất nên học tập.

Lý Quan Tiên cho rằng dùng thuốc bổ Hư cũng như đạo lý tưới tắm cây cỏ, phải thuận theo nhu cầu của cơ thể, liều lượng dùng thuốc nặng nhẹ cho thích hợp, tuyệt đối không theo kiểu càng nhiều càng tốt. Đồng thời cần “trong Bổ phải có Khai”, phản đối cách bổ ngu ngốc ngăn đường bịt lối, vít lấp sự phát huy sự sống, lời bàn khá là sâu sắc, trích lục như sau: “Người bệnh dùng thuốc điều bổ, giống như tưới tắm cỏ cây, có khi chỉ cần tưới nước trong, có khi cần tưới nước bón cây, vừa là nhu cầu thích hợp, vừa được tưới tắm đúng mức, không mang cái hại thái quá hay bất cập, tự nhiên thấy tươi tốt khác thường. Điều lý cho người bệnh cũng thế, có khi nên dùng thuốc thanh dưỡng, có khi nên dùng thuốc bổ mạnh, có khi nên dùng thuốc bổ khí, có khi nên dùng thuốc bổ âm, phải tìm được cái đích đáng mà thu hiệu quả cuối cùng chứ không được nhắm mắt dùng bừa. Tức như có người muốn hiệu quả nhanh, dùng Nhân sâm để bổ khí, đã uống Nhân sâm, khí nào còn bất túc nữa? Thực địa bổ âm, đã uống Thực địa, âm nào còn bất túc nữa? Không biết rằng dùng thuốc để bổ dưỡng, cũng như cái lẽ lấy nước tưới tắm hoa cỏ, tưới tắm thích hợp thì hoa cỏ nhờ đó mà lớn dần chứ chẳng phải tưới tắm đã là cỏ cây vậy. Tức như Thược dược rất hay điều hòa đại tiện nên phần nhiều thêm Thược dược để điều hòa đại tiện, đâu có phải là nó biến thành Thược dược đâu. Vì thế trường hợp khí hư nên dùng Sâm thì khí con người ta dễ sinh, mà Nhân sâm chứ chẳng phải là Khí. Âm hư thì nên dùng Địa hoàng, vì uống Địa hoàng thì phần âm con người ta dễ sinh, mà Thực địa chứ chẳng phải là Âm. Người khéo điều lý, chẳng qua dùng thuốc cho thích nghi, có thể giúp cho khí sinh sinh của con người, nếu lấy rễ cỏ vỏ cây để làm tác dụng khí và huyết, điều bổ ráo riết giống như cỏ cây tưới, mầu quá nhiều trái lại lẩn át sự vươn lên. Có thể biết dùng thuốc, tất cả là ở chỗ nặng nhẹ cho thích hợp không được lẫn lộn. Huống chi người khéo dùng phép Bổ, trong Bổ có Khai, giống



như viết văn cứ nói hết thực sự không hư cấu tý nào, liệu có thành bài văn được không?”

**343. Người giỏi dùng phép BỔ, trong BỔ có Khai**

**Thanh - Lý Quan Tiên**

*“Tri y tất biện - Tạp luận”*

Câu này nêu một vấn đề kỹ xảo trong khi vận dụng phép BỔ. “Khai” có nghĩa khai phóng, mở mang, có ý không bế tắc. “Trong BỔ có Khai” là nói bổ phải linh hoạt không gây trì trệ. Thuốc bổ ích phần nhiều thuộc loại nhót trệ mà người bị chứng Hư phần nhiều cũng do khí huyết không vận chuyển, dùng một vị tư bổ, tức là bảo bổ vớ vẩn, bổ làm nhót thêm. Nếu quả là trong hàng ngũ tư bổ hùng hậu phối hợp thêm chút ít thuốc lý khí hòa huyết, thì có thể thúc đẩy khí cơ điều hòa, huyết trôi chảy, tức là ý nghĩa “trong BỔ có Khai”, cũng còn gọi là “kết hợp cả động và tĩnh”.

**344. Trong thuốc bổ huyết kiêm cả hoạt huyết. đó là khéo vận dụng phép bổ.**

**Kim - Trương Nguyên Tố**

*“Tạng Phủ tiêu bản dược thức - Can uất”*

Câu này vận dụng cụ thể tinh thần khi dùng thuốc bổ huyết, lý luận như đã nói ở trên, mang ngụ ý “trong bổ có khai”.

**345. Thường thêm thuốc hành huyết trong thang thuốc bổ, hiệu quả càng nhanh.**

**Thanh - Chu Học Hải**

*“Độc y tùy bút - Bệnh hậu điều bổ tu kiêm tán khí phá huyết”*

dẫn lời nói của Hoạt Bá Nhân

Câu này cũng thể hiện nguyên tắc “trong bổ có khai”. Chu Học Hải cho rằng “sau khi bị bệnh đại hàn đại nhiệt, trong mạch lạc tất có ứ huyết không dồn quét sạch, nếu không loại trừ thì huyết mới không lưu thông được, cuối cùng nguyên khí không phục hồi, thậm chí có khi chuyển thành hao tổn”. Câu nói thật hợp lý, có thể tham khảo.

**346. Hư thì có thể củng cố, bệnh thực không được củng cố. Bệnh đã lâu có thể củng cố, bệnh đột ngột không được củng cố. Nên củng cố mà không củng cố thì nhiều như nước biển cũng có lúc cạn. Không nên củng cố mà cứ củng cố, chẳng khác gì đóng cửa giữ giặc trong nhà.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tân phương bát lược – Cố lược”*

Danh ngôn này khái quát những chứng cấm kỵ và những chứng thích ứng đối với phép củng cố. Đồng thời chỉ ra những hậu quả khi bỏ lỡ cơ hội và điều trị sai lầm.

Cố pháp là phương pháp dùng những vị thuốc cố sáp để điều trị những trường hợp khí huyết tân dịch hao tán hoạt thoát, vì vậy nó chỉ có thể dùng cho những loại hư chứng, bệnh đã lâu ngày; lúc này cần củng cố mà không củng cố thì khí huyết tân dịch tiếp tục tiêu hao. Họ Trương nêu thí dụ: “Dầu nhiều như nước biển cũng cạn” là nói thẳng việc chính khí tiêu vong. Thực chứng phát bệnh đột ngột đều thuộc tà khí ngang ngược, lúc này không nên củng cố mà cứ củng cố, đó mới thật là đóng cửa giữ giặc trong nhà, chuốc lấy tai vạ.

**347. Vương đạo không cần hiệu quả nhanh, dùng nhiều sẽ có ích.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Hư lao”*

“Vương đạo” ở đây là chỉ phép chữa điều dưỡng chính khí, không dụng đến công phạt, nói tương đối với “Bá đạo”. Danh ngôn này nói phép bổ hư phải điều lý thung dung tích lũy tháng ngày để lập công từ từ chứ không thể công hiệu ngay được. Trương Cảnh Nhạc nói bổ không mong hiệu quả chóng” cũng theo ý tứ đó.

**348. Tà chưa rút đừng vội nói bổ, nếu bổ sẽ là nổi giáo cho giặc.**

**Kim - Trương Tử Hòa**

*“Nho môn sự thân - Suy nguyên bổ pháp lợi hại phi kinh thuyết”*

Danh ngôn này nói phép Bổ phải đợi cho tà rút hết, chỉ còn hư đơn thuần mới được ứng dụng, thể hiện đặc điểm học thuyết công tà của Trương Tử Hòa. Tà chưa rút mà vội dùng phép Bổ là đóng cửa giữ giặc trong nhà. Có cái tai hại giữ tà ở lại là

điều càng phải chú ý. Đương nhiên trên lâm sàng cũng có thể công bổ cũng dùng, phù chính để khu tà chứ chẳng nên câu nệ vào câu trên.

**349. Có 3 chứng Hư yếu không chịu được phép bổ : Một là thấp nhiệt đang lấn chiếm Trung tiêu. Hai là Can mộc thọc ngang vào vị trí của Thổ. Ba là thầy thuốc trước đã nhầm dùng các thuốc nhót trệ là vít lấp Vị khí.**

**Thanh - Ngô Cúc Thông**

*“Y y bệnh thư - Tục truyền hư bất thụ bổ luận”*

Danh ngôn này tổng kết 3 nguyên nhân chứng hư không chịu được thuốc bổ, thật là lời khuyên răn có giá trị khi ứng dụng phép Bổ.

Thuốc uống vào không có Vị khí thì không phát huy tác dụng, vô luận là thấp nhiệt còn tản mạn ở Trung tiêu hoặc là Can khí phạm Tỳ (Mộc thọc ngang vào vị trí của thổ) cho đến dùng các thuốc bổ nhót trệ, tất cả đều khiến cho Tỳ Vị úng trệ, sự tiếp thụ vận hoá bị ngăn trở, thuốc bổ khó mà phát huy được lực, tự nhiên hình thành cục diện “Hư không chịu được Bổ”. Người khéo điều trị nên phân biệt trước hãy dùng các phép thanh lợi thấp nhiệt, sơ Can lý khí, phương hương khai Vị, đợi cho Vị khí hồi phục mới bàn đến cách bổ, người muốn dùng thuốc bổ không thể không biết điều này.

## VII. LUẬN TRỊ KHÍ HUYẾT

### 350. Chữa bệnh lấy lý khí làm đầu, mà dùng thuốc lấy thông đường làm chủ yếu

Thanh - Vi Hiệp Mộng

*“Y luận tam thập thiên - Dụng dược tất tiên thông lộ”*

Câu này nêu lên ý nghĩa trọng yếu, chữa bệnh phải chiếu cố nguyên khí trước tiên, thực là lời bàn có kinh nghiệm. Người ta lấy khí huyết làm gốc. Khí lấy thông làm thuận. Huyết lấy hòa làm quý. “Một khi có phật uất, mọi bệnh sẽ sinh ra”. Họ Vi bàn rằng: 365 khiếu ở con người, khiếu thông thì khí thuận. Khí thuận thường cùng lưu thông với trời đất, mà vắng lai tương ứng với nhau, đệp ở bên trong, thư sướng ra tứ chi, sinh phát ở sự nghiệp, cho nên chữa bệnh phải lý khí trước tiên, mà dùng thuốc lấy thông đường làm chủ.

Bởi vì kinh lạc người ta không thông thì sự chuyển vận không nhanh nhẹn, thuốc không phát huy hết công năng.

Sự thông đường của thang thuốc tả khởi phải nói, đến như thang thuốc bổ như Tứ quân phải dùng Phục linh, Tứ vật tất phải dùng Xuyên khung, Lục vị địa hoàng tất phải dùng Đan bì, Trạch tả, đều lấy thông làm bổ.

Nói thật chí lý, rất là thấm thía.

### 351. Khí lấy thông làm bổ - Huyết lấy hòa làm bổ.

Đương đại - Bồ Phụ Chu

*“Bồ Phụ Chu y liệu kinh nghiệm - Bát pháp vận dụng”*

Câu này nêu việc bồi bổ khí huyết, là một bí quyết tổng kết kinh nghiệm lâm sàng quý báu của Bồ Phụ Chu tiên sinh.

Khí cơ quý ở chỗ điều thuận - huyết lưu thông quý ở chỗ hòa lợi.

Bồi bổ khí huyết cần phải trong Bổ có Khai, trong Tĩnh có Động mới hợp với bản tính của khí huyết.

Một vị bổ không đúng chỗ, bổ nhót chỉ tổ làm trở ngại khí cơ, sáo trệ sự lưu thông của huyết, không đạt được mục đích bổ ích. Vì vậy bổ khí nên phối ngũ với vị

thuốc lý khí, bổ huyết nên phối ngũ với thuốc hòa huyết mới là bí quyết bổ ích xác thực, có ý nghĩa chỉ đạo rất trọng yếu.

**352. Khí huyết đều trọng yếu. Bổ khí đứng trước bổ huyết. Âm dương đều cần thiết. Dưỡng dương đứng trên phép tư âm.**

**Minh - Lý Trung Tử**

*“Y tôn tất độc. Thủy Hỏa âm dương luận”*

Lý Trung Tử là một nhân vật đại biểu của học phái Ôn bổ. Câu này thể hiện tư tưởng học thuật của ông coi trọng dương khí.

Ông cho rằng khí huyết đều trọng yếu. Âm dương đều cần thiết. Nhưng trong quan hệ âm dương hỗ căn và cùng chuyển hoá lẫn nhau, lại lấy Dương khí càng trọng yếu hơn. Ông nêu thí dụ rằng “vật không sinh từ âm mà sinh từ dương, thí dụ như Xuân Hạ sinh mà Thu Đông sát vậy. Lại như cỏ cây hướng về phía mặt trời thì tươi tốt, cái hoa nở ở nơi ấm lạnh kín đáo thì ẻo lả... đấy là do không có Hỏa mà ức chế thủy. Không như thế thì không thể bình được. Nói rõ tác dụng trọng yếu của Dương khí để duy trì sinh mạng con người. Lý luận này của họ Lý nhằm phê phán những thầy thuốc đương thời sự thiên lệch “cứ lăm le Tư âm, sợ sệt khi Ôn bổ”, trong lý luận của Đông y không để mất đi một tư tưởng học thuật trọng yếu, được đời sau noi gương và phát huy.

**353. Vì khí bệnh mà liên can đến huyết, trước hết hãy chữa khí. Vì huyết bệnh mà liên can đến khí, trước hết hãy chữa huyết.**

**Minh - Lý Trung Tử**

*“Y tôn tất độc - Biện trị đại pháp luận”*

Chứng trạng tật bệnh xuất hiện có trước có sau. Nhưng bệnh phát trước là Bản, bệnh phát sau là Tiêu. Chữa bệnh phải tìm từ Bản, có nghĩa là phải chữa bệnh phát trước. Từ Khí bệnh mà liên can đến huyết, biểu hiện các chứng trạng đều là Huyết, nhưng Khí bệnh vốn là bệnh nguyên phát, là bệnh Bản, chỉ có trước tiên chữa tốt bệnh nguyên phát thì cái bệnh kế phát là Huyết bệnh tự nhiên cũng tốt.

Cùng lý lẽ ấy, từ huyết bệnh mà liên can đến khí, nên trước tiên chữa huyết. Điều này thể hiện tinh thần nguyên tắc chữa bệnh phải tìm từ Bản.

**354. Khí thực thì nên thanh nên giáng. Khí hư thì nên bổ nên ôn.**

**Minh - Lý Trung Tử**

*“Y tôn tất độc - Biện trị đại pháp luận”*

Câu này nêu nguyên tắc chữa hai chứng Hư, Thực ở khí phạm. Khí thực phần nhiều thuộc bệnh biến do nhiều nguyên nhân dẫn đến khí cơ úng trệ, thăng giáng mất bình thường, trong đó chứng khí nghịch càng gặp nhiều nhất. Như ở Phế thì mất chức năng tuyên giáng, Phế khí nghịch lên, phát sinh khái suyễn thở dốc. Ở Vị thì mất sự hòa giáng, phát sinh nôn oẹ ợ hơi. Ở Can thì Can khí nghịch lên, phát sinh đầu đau mà trướng, mặt mắt đỏ, điều trị nên lý khí giáng nghịch.

Một phương diện khác “Khí hữu dư sẽ là Hỏa” cho nên chữa chứng khí thực nên sử dụng cả phép thanh. Khí hư là chỉ nguyên khí hư suy, công năng của Tạng Phủ giảm yếu, vả lại “Khí bất túc sẽ là hàn” cho nên chữa chứng khí hư nên sử dụng phép ôn bổ

**355. Bệnh ở Khí phạm chỉ cần lưu hành khí, không cần bệnh nhẹ dùng thuốc nặng khuấy động đến huyết. Bệnh ở huyết phạm thì phải chữa kiêm cả khí, vì khí lưu thông huyết cũng lưu thông.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Chư thống - Hoa Ngọc Đường án”*

Đây là tổng kết một số kinh nghiệm chữa chứng đau của Diệp Thiên Sĩ. Đối với chứng đau họ Diệp tích lũy kinh nghiệm rất phong phú. Ông từng nêu ra lý luận “Bệnh mới mắc tại kinh, mắc đã lâu vào lạc”. Nói lên điều trị chứng đau cần phân biệt 10 bệnh tại Khí hay tại Huyết, rồi sau mới phân biệt điều trị.

Bệnh ở Khí phạm chỉ cần hành khí tán kết mà giảm đau không cần phải gia thêm thuốc Huyết phạm, tránh được sự dẫn tà vào huyết, không vướng vào sự khuấy động huyết phạm.

Bệnh ở Huyết phạm thì nên hoạt huyết thông lạc đồng thời kiêm cả hành khí. Bởi vì Khí là soái của Huyết, khí hành thì huyết hành, gia các vị thuốc hành khí thì có lợi cho việc lưu thông huyết và thông lạc, nghiệm thấy lâm sàng như vậy rất tốt.

**356. Những vị thuốc bổ khí có thể dùng liều cao, vị thuốc hành khí không được dùng liều cao.**

*“Tĩnh yêm thuyết y - Khí huyết bệnh dụng dược kinh trọng luận”*

Những vị thuốc bổ huyết có thể dùng liều cao, vị thuốc hành huyết không được dùng liều cao.

Khí hư thì bổ khí. Huyết hư thì bổ huyết. Nhưng lâm sàng nói chung thường xen vào thuốc hành khí hoặc hoạt huyết, khiến cho BỔ mà không trệ, trái lại sẽ là bổ tác hại, bổ làm cho dính nhớt. Đây là kinh nghiệm lâm sàng mười phần quý báu. Nhưng nên chú ý các loại thuốc hành khí hoạt huyết chỉ nên dùng thang nhẹ nhàng không nên dùng liều cao. Họ Chu nói không nhẹ không hay, không nhẹ không nhanh, không nhẹ không hoạt” là như thế. Dùng liều cao là làm sai ý muốn, mắc sai lầm khuấy động cương quyền. Ví dụ như chứng Khí hư, chỉ nên trọng dụng thuốc bổ khí, và tham gia thuốc hành khí nhẹ nhàng, nếu dùng quá liều lượng, khó mà tránh khỏi làm hao thêm cái khí đã bị hư, tạo nên tình huống xấu. Cũng như vậy, chứng Huyết hư khó chịu đựng nổi những vị thuốc hoạt huyết liều cao; thuốc hoạt huyết cũng không nên dùng quá nhiều.

**357. Chữa huyết thì phải điều khí**

**Thanh - Đường Dung Xuyên**

*“Huyết chứng luận - Tỵ nục”*

Nêu lên tính trọng yếu khi chữa Huyết chứng nên điều khí, nói mối quan hệ chặt chẽ giữa khí và huyết. Họ Đường nghiên cứu sâu về Huyết chứng; câu nói này có ý nghĩa chỉ đạo chữa Huyết chứng trên lâm sàng. Khí huyết có quan hệ chặt chẽ, khí là soái của huyết, khí có công sinh huyết, hành huyết và thống huyết. Phát sinh Huyết chứng thường có liên quan tới bệnh biến của Khí phạm như khí nghịch thì huyết thăng, huyết tràn lên phía trên, khí hư thì huyết thoát, huyết trào ra ngoài, điều trị nên phân biệt dùng các phép giáng khí, bổ khí. Người xưa nói thấy huyết ì ùng vội trị huyết”, cũng là có ngụ ý huyết bệnh thì trị khí. Đương nhiên, không chỉ có huyết chứng mới phải điều khí, đối với tất cả những bệnh biến về huyết phạm như các chứng Huyết hư, Huyết ứ đều nên điều khí phạm, đó là phù hợp quy luật chung.

**358. Huyết hữu hình không thể sinh ra nhanh. Khí vô hình cần phải củng cố gấp.**

**Thanh - Trình Chung Linh**

*“Y học tâm ngộ - Y môn bát pháp”*

Câu này nói chứng mất huyết lượng nhiều, điều trọng yếu phải ích khí cố thoát ngay, đây là một nguyên tắc trọng yếu khi chữa Huyết chứng.

Huyết hư nên dùng phép bổ huyết, đó là quy luật chung. Nhưng mất huyết lượng nhiều, khí theo huyết thoát, huyết mất sự thống nhiếp, nhiệm vụ cấp thiết là phải đại bổ nguyên khí, cố thoát phòng tai biến, nói chung phải uống Độc sâm thang là việc trước tiên. Lúc này nếu vẫn áp dụng phép bổ huyết, huyết thuộc hữu hình không sinh ra nhanh, rõ ràng đối với cấp cứu là quá chậm khó tránh khỏi biến chứng Thoát. Dùng phép ích khí ngoài tác dụng cố thoát, còn có thể bổ khí để sinh huyết, lấy cái vô hình để sinh ra cái hữu hình, cũng là lý lẽ dương sinh âm trưởng.

Sách **“Lý hư nguyên giám”** của Kỳ Thạch đời Minh cũng có câu nói tương tự: “Tinh huyết hữu hình không sinh ra nhanh, chân khí vô hình phải nên củng cố sớm”...

**359. Người giỏi chữa huyết, không chữa cái huyết hữu hình mà tìm tư cái khí vô hình.**

**Thanh - Ngô Cúc Thông**

*“Ôn bệnh điều biện - Tạp thuyết - Trị huyết luận”*

Muốn chữa huyết phải bắt tay vào điều khí, nói lên mối quan hệ chặt chẽ giữa khí và huyết. Khí là soái của huyết, huyết là mẹ của khí, khí hành thì huyết hành, khí trệ thì huyết ứ... đều là nói người khéo chữa huyết phải nên khéo điều khí, nói lên kinh nghiệm lâm sàng có giá trị có thể tham khảo với các danh ngôn nói ở trên.

**360. Huyết hư, bổ khí thì huyết tự sinh. Huyết trệ, điều khí thì huyết sẽ thông.**

**Thanh - Ngô Cúc Thông**

*“Ôn bệnh điều biện - Tạp thuyết - Huyết chứng luận”*

Câu này nêu các chứng Huyết hư, Huyết trệ đều có thể luận trị theo khí, phản ánh mối quan hệ chặt chẽ khí, huyết. Khí có thể sinh huyết, cho nên huyết hư, bổ khí thì huyết tự sinh ra. Khí là soái của huyết, khí hành thì huyết hành, cho nên khí trệ, cần điều khí thì huyết sẽ thông. Đương nhiên, vấn đề này mới chỉ là một



phương diện. Đã thuộc về chúng Huyết hư, Huyết trệ, dùng bổ huyết và hoạt huyết là theo phép chính trị, có thể đồng thời phối hợp với các phép bổ khí, hành khí, không nên quá câu nệ từng câu từng chữ.

**361. Huyết cũ không bỏ đi, huyết mới không sinh ra được.**

**Thanh - Đường Dung Xuyên**

*“Huyết chứng luận - Thổ huyết”*

Câu này khái quát cơ chế bệnh lý trọng yếu của Huyết chứng có ý nghĩa chỉ đạo về huyết chứng. “Huyết cũ” tức là “ứ huyết”. Họ Đường nói huyết cũ tức là chỉ vào các Huyết chứng sau khi chảy ra ngoài mạch mà còn lưu đọng ở trong cơ thể, nó cũng là “cái huyết ly kinh”. Tạo thành sản vật bệnh lý, ứ huyết có thể dẫn đến nhiều loại bệnh chứng như các chứng đau, tóc rụng, khát nước, hàn nhiệt, trưng hà, huyết khô lao sái v.v...

Vả lại “Cái huyết này ở cơ thể, không thể làm thêm huyết tốt, mà trái lại trở ngại cho hoá cơ huyết mới”. “ứ huyết không lưu thông thì huyết mới không còn sinh lý cho nên nói Huyết cũ không bỏ đi thì huyết mới không sinh ra được”. Câu này là cơ sở lý luận cho các chứng xuất huyết áp dụng phép hoá ứ.

**362. Đại cương về thông trị huyết chứng : Chỉ huyết là phép trọng yếu thứ nhất, Tiêu ứ là phép thứ hai, Ninh huyết là phép thứ ba, Bổ hư là phép thu hoạch công hiệu.**

**Thanh - Đường Dung Xuyên**

*“Huyết chứng luận - Thổ huyết”*

Câu này bao quát nguyên tắc và từng bước điều trị Huyết chứng của Đường Dung Xuyên - là đại cương chống sai lầm điều trị huyết chứng.

Họ Đường nghiên cứu sâu về Huyết chứng, sáng tác “*Huyết chứng luận*”, nêu ra “Đại cương thông trị về huyết chứng”, có những phân tích sâu sắc về huyết chứng như sau: Chỉ huyết: Phàm huyết chứng phát đột ngột, tình thế nguy cấp “lúc này nguồn gốc của chứng huyết, không rồi hơi nghiên cứu làm gì, chỉ lấy chỉ huyết là phép trọng yếu thứ nhất” nói là “giữ lại một phần huyết, tức là giữ được một phần sinh mạng”. Phép chỉ huyết của họ Đường không phải chỉ nhằm vào loại thuốc thu rít mà là tìm tòi chữa từ gốc “Rút củi đáy nồi”. Như chứng khí nghịch Hỏa thịnh thì điều trị bằng phép giáng khí tả Hỏa, đề xướng dùng Tả Tâm thang, nhất là chú trọng

dùng một vị Đại hoàng. Một nhọc thương Tỳ, đề xương dùng Quy Tỳ thang. Khí theo huyết thoát, đề xương dùng Độc sâm thang.

Tiêu ứ : Sau khi huyết đã ngừng, cái huyết ly kinh chưa tràn ra hết thì thành ứ huyết không thể quay về đường cũ, đọng lại không đi, gây nên nguy hại, “hoặc úng mà phát thành nhiệt, hoặc biến mà thành lao, hoặc kết hòn, hoặc đau nhói” thậm chí làm cho huyết mới đi chẳng được yên, cho nên lấy tiêu ứ làm phép thứ hai, họ Đường nêu ra sử dụng Hoa Nhị thạch tán.

Ninh huyết : Sau khi chỉ huyết và tiêu ứ, còn sợ huyết lại trào động, không ở Kinh yên ổn, cho nên lấy Ninh huyết làm phép thứ ba. Ninh huyết cũng là nêu ra phép chữa từ gốc. Nói chung tìm tòi nguyên nhân nào gây nên động huyết để dùng các phép khu tà, điều khí, lương huyết, tả Hỏa, thanh Can, theo chứng mà chữa cho thiết thực. Nhưng họ Đường đặc biệt coi trọng điều lý khí cơ, ông cho rằng “sở dĩ huyết không được yên, đều là bởi khí không được yên làm yên khí tức là làm cho yên huyết”.

Bổ khí : Tức là bổ huyết. Huyết mất đã nhiều, chưa bao giờ là âm không hư, vì vậy nên dùng bổ hư để thu công hiệu. Họ Đường nêu ra phép bổ huyết, chủ yếu là có thể ứng dụng sau khi tà khí đã quét sạch.

Xem xét bốn phép, đều xoay quanh nguyên tắc chỉ huyết và phục hồi chính khí, tiền hô hậu ứng, chiếu cố cả tiêu bản đủ mở mang kiến thức cho hậu học.

### **363. Phàm Huyết chứng, tất cả lấy trừ ứ làm chủ yếu.**

**Thanh - Đường Dung Xuyên**

*“Huyết chứng luận - ứ huyết”*

Câu này tham khảo với câu trên. Nêu lên một nguyên tắc trọng yếu chữa Huyết chứng. Đường Dung Xuyên là đại gia chữa Huyết chứng, lấy tiêu ứ làm cương lĩnh lớn thông trị Huyết chứng. Đó là cống hiến trọng yếu về lý luận chữa Huyết chứng của ông. Các chứng xuất huyết, đã ly kinh mà chưa rời cơ thổ, tức là ứ huyết, nó không hợp với loại huyết tốt. “Huyết cũ không rút, huyết mới không sinh ra”. “Hoặc úng lại thành nhiệt, hoặc biến thành Lao, hoặc kết hòn cục, hoặc đau nhói, lâu ngày biến chứng chưa thể lường trước. Phải coi trọng việc tiêu trừ để tránh tai vạ về sau”. Người đời sau đem lý luận này khái quát thành cụm từ “trừ ứ sinh mới”.

**364. Thổ huyết có 3 phép chủ yếu : Nên hành huyết không nên chỉ huyết, nên bổ Can không nên phạt Can, nên giáng Khí không nên giáng Hỏa.**

**Minh - Mậu Trọng Thuần**

*“Tiên Tinh Trai - Y học quảng bút ký - Thổ huyết”*

Câu này họ Mậu nêu ra quan điểm chữa chứng Thổ huyết, trở thành lời bàn trứ danh về lý luận Huyết chứng của Đông y. Nguyên văn như sau:

*Nên hành huyết không nên chỉ huyết:* Huyết không theo kinh lạc, là do khí nghịch úng tắc ở trên. Hành huyết thì huyết sẽ đi theo đường kinh lạc, không làm ngưng mà tự ngưng. Nếu chỉ huyết thì huyết ngưng, huyết ngưng thì phát nhiệt, sợ ăn hình thành loại bệnh ngoan cổ

*Nên bổ Can, không nên phạt Can:* Kinh nói: Năm Tạng chứa tính khí mà không tả ra. Can là chức Tướng quân, chủ về chứa huyết. Thổ huyết là do Can mất chức năng. Dưỡng Can thì Can khí bình mà huyết có chốn về. Nếu phạt Can thì Can hư không chứa huyết nữa, huyết càng chảy không ngưng.

*Nên giáng khí, không nên giáng Hỏa :* Khí hữu dư sẽ là Hỏa. Khí giáng tức là Hỏa giáng. Hỏa giáng thì khí không bốc lên. Huyết theo khí mà đi, sẽ không có cái lo huyết tràn lên khiếu trên nữa. Giáng Hỏa tất phải dùng thang thuốc hàn lương trái lại làm thương Vị khí. Vị khí tổn thương thì Tỳ không thống huyết được, huyết càng không trở về kinh”.

Đạo lý nói như vậy là rõ, rất có giá trị tham khảo trong lâm sàng. Đương nhiên cũng không nên câu nệ, nếu như Thổ huyết đầy chậu đầy bát, tình hình nguy cấp, lúc này lại phải chữa Tiêu bệnh, nên lấy chỉ huyết làm chủ yếu.

Nếu như Can khí hoành nghịch hoặc Can Hỏa bốc lên dẫn đến thổ huyết lại nên lấy sơ tiết Can khí hoặc giáng liễm Can Hỏa làm chính trị, không nên câu nệ vào thuyết bổ Can. Mặt khác, Thổ huyết do khí nghịch gây nên thì nên giáng khí. Nếu do Hỏa nghịch gây nên lại nên giáng Hỏa. Giữa giáng Hỏa với giáng khí không nên lẫn lộn bàn chung đấy mới là vấn đề cần nêu ra cụ thể.

**365. Thục Hỏa thổ huyết, nên thanh nên giáng. Hư Hỏa thổ huyết, nên bổ nên hòa.**

**Thanh - Vương Húc Cao**

*“Vương Húc Cao yán - Thổ huyết”*

Nêu lên yếu lĩnh phép chữa Thổ huyết do Hỏa hư, thực gây nên có quy củ rõ ràng. Thổ huyết do Hỏa gây nên có hư, thực. Thực chứng phần nhiều do Hỏa thịnh khí nghịch, bức huyết đi bừa, điều trị nên thanh Hỏa giáng khí. Hư chứng thì do âm hư Hỏa vượng, Vị mất hòa giáng gây nên, điều trị nên bổ âm hòa Vị. Nguyên nhân bệnh hai loại này khác nhau, phép trị không giống nhau không thể lẫn lộn.

**366. Chữa băng có 3 phép : Lúc đầu thì chỉ huyết. Thời kỳ giữa thì thanh nhiệt lương huyết, để lọc cái nguồn. Thời kỳ cuối thì bổ huyết, phục hồi như cũ.**

**Thanh - Tiêu Canh Lục**

*“Nữ khoa kinh luân”*  
dẫn lời của Phương Ước

Đây là một tổng kết trứ danh về chữa chứng Huyết băng thể hiện nguyên tắc “cấp thì trị tiêu, hoãn thì trị bản”.

Băng lậu tuy thuộc một bệnh, nhưng phát bệnh có chia ra Hoãn Cấp. Huyết băng là chỉ xu thể cấp, là cấp chứng lượng xuất huyết lớn, nếu không nhanh chóng chỉ huyết có thể tạo nên Thoát chứng, cho nên thời kỳ đầu nên lấy chỉ huyết là nhiệm vụ trước tiên, cũng là ý nghĩa vít lấp dòng chảy, thể hiện tinh thần “cấp thì trị tiêu”. Nguồn gốc bệnh này phần nhiều do huyết nhiệt phát sinh cho nên lại không thể dùng một vị thuốc cố sáp, mà nên áp dụng phép chữa thanh nhiệt lương huyết, để lọc sạch từ nguồn gốc, thể hiện nguyên tắc chữa bệnh tìm từ gốc. Thời kỳ cuối vì tiền đề là mất huyết, cho nên dùng phương pháp bổ huyết làm tốt về sau để phục vụ hồi như cũ. Phép ngăn lấp, thanh lọc và phục hồi như cũ là ba phép lớn để chữa Huyết băng, ba phép này không tách rời hoàn toàn. Phương Ước có nói: Nếu chỉ ngăn lấp dòng chảy mà không thanh lọc cái nguồn thì cái thể làm cho trời quang không sạch hết. Nếu chỉ thanh lọc mà không phục hồi như cũ thì cô dương nổi lên không ngớt, không thể không xem xét.

Cần nói rõ thêm, chứng Huyết băng cũng có khi do khí hư mà phát sinh, thì lúc này thanh lọc cái nguồn lại không nên áp dụng phép thanh nhiệt lương huyết.

**367. Thầy thuốc không biết phép chữa ở đường Lạc thì càng chữa càng vô cùng**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Chư ung”*

Diệp Thiên Sĩ là người đầu tiên sáng lập lý luận “Bệnh lâu vào Lạc” cho rằng tà khí quấy rối lâu ngày tất vào huyết lạc. Đối với điều trị bệnh ở Lạc cũng tích lũy kinh nghiệm phong phú, là phương pháp đủ cho đời sau chọn dùng.

Về bộ vị bệnh ở Lạc, họ Diệp cho rằng: “Tà không ở Biểu”, “phát tán mà không khỏi”, “Tà không ở Lý”, “công mà không dồn được”, “Bổ chính để đuổi tà, chính với tà cùng bám trụ thì vô ích”.

Thầy thuốc không hiểu điều đó, “dùng thuốc hàn ôn khắc nghiệt, lý khí trực huyết, tất cả là chưa dành công phu giảng giải bệnh ở lạc” cho nên nói càng chữa càng vô cùng”.

Họ Diệp chữa bệnh ở Lạc, đề xướng cơ sở dùng thuốc cay nhuận để thông Lạc, dùng các vị thuốc như Tân giáng. Toàn phúc, Thanh thông, Đương quy, Đào nhân, Bá tử nhân v.v.. Nếu có âm hàn, lại kèm theo thuốc tân ôn.

Bệnh ở Lạc lâu ngày, không dùng thang thuốc mạnh thì vô hiệu, nêu ra phép dùng các thuốc sâu kiến len lỏi, khoét sâu vào căn bệnh và nêu ra cách dùng thuốc viên theo cái ý từ từ “mưa dầm thấm lâu”. Đủ thấy công phu của họ Diệp là sâu sắc, nếu nắm vững thì chữa bệnh ở Lạc không đến nỗi “càng chữa càng vô cùng”.

## VIII. KHUÔN PHÉP DÙNG PHƯƠNG DƯỢC

**368. Cốt yếu của phép điều trị là phải chuyên nhất không pha tạp mới là xử trí giỏi.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Truyền trung lục - Luận trị thiên”*

Danh ngôn này khái quát tư tưởng học thuật của Trương Cảnh Nhạc chữa bệnh quý ở tinh vi chuyên nhất, phản đối việc dùng thuốc pha tạp. Họ Trương nghiên cứu giảng giải biện chứng phải tìm đến gốc, dùng thuốc chuyên nhất tinh vi. Ông cho rằng: “Bởi vì bệnh tật trong thiên hạ biến thái tuy nhiều, nhưng cái gốc chỉ là một. Phương thuốc trong thiên hạ tuy có nhiều phép chữa, đối chứng chỉ là một. Cho nên đạo lý chữa bệnh, phải nắm đích xác là hàn thì phải làm tan bỏ hàn, đích xác là nhiệt thì phải thanh bỏ nhiệt. Đánh bật được gốc thì mọi chứng trừ được hết, cho nên Nội kinh nói: “Chữa bệnh phải tìm từ gốc”. Vì thế khi khám bệnh trước hết phải tìm ở gốc bệnh rồi sau mới dùng thuốc... đã nắm được cái cốt yếu thì chỉ dùng một vài vị thuốc là có thể trừ gốc bệnh, cho dù bệnh có ngoan cố sâu nặng, cũng chỉ dùng đến năm sáu vị, bảy tám vị cũng đã là nhiều”. Họ Trương còn phê phán y giới đương thời lan truyền một khuynh hướng “hễ loại nào có thể phơi sấy được thì khi dùng thang thuốc không hàn không nhiệt, hoặc kiêm bổ kiêm tả, xác thực là sử dụng lại còn ca ngợi là “ổn đáng”, như thế sao lại lấy cái đắp vá vào sự thiên lệch để cứu cái tệ hại hay sao? Lại còn có trường hợp dùng để chữa phong, chữa Hỏa, chữa đàm, chữa thực cũng đem dùng cả, lại còn ca ngợi là “hoàn hảo chu đáo”. Như thế sao lấy cái gốc để làm cái chữa ngọn hay sao? Đã như vậy, có thể nói là chữa thuốc cũng chưa thấu đáo, còn mong gì đạt tới ổ bệnh? Cho dù ngẫu nhiên mà khỏi, cũng chẳng thể biết cái năng lực của bồi bổ, cái công của sự công phạt. Nếu lại là trường hợp không khỏi, cũng chẳng thể biết cái hại của bồi bổ, và cái dở ở chỗ làm tiêu tán, rõ là già đời mà vẫn chẳng bằng trẻ nít chưa mọc răng, tác hại ở chỗ không có định kiến, ứng dụng điều trị không tinh tường”. Hôm nay chúng ta ôn lại đoạn y luận trên, vẫn còn cảm nhận ý nghĩa hiện thực mười phần sâu sắc.

**369. Dùng thuốc kỵ nhất pha tạp, trong một phương mà có một, hai vị thì khó mà thu công hiệu.**

**Thanh - Lục Dĩ Khoát**

Y gia xưa nay đều chú trọng dùng thuốc tinh vi thuần nhất, phản đối pha tạp, đó là chính xác không nghi ngờ gì nữa. Dùng thuốc như dùng binh, đó là việc làm bất đắc dĩ. Vị thuốc vốn là vị vá vúi sự thiên lệch và tháo gỡ cái hại mà sử dụng, có thể dùng để chữa bệnh, cũng có thể gây nên bệnh, cho nên dùng thuốc loạn xạ linh tinh, chỉ làm cho ảnh hưởng đến hiệu quả của vị thuốc chủ yếu mà thôi, thậm chí còn làm rối loạn khí huyết, trái lại bất lợi cho người bệnh.

Họ Lục dẫn chứng một bệnh án rất có sức thuyết phục như sau: “Mùa xuân năm Mậu ngọ, tôi từ Võ Lâm trở về, người lái đò họ Trần mắc bệnh Ôn, sốt cao không mồ hôi, bảy ngày không ăn được gì, miệng khát, ngực bĩ đầy, khái thấu, đau đầu, mạch Sác bên hữu rõ hơn bên tả. Thầy thuốc địa phương kê đơn, dùng Liên kiều, Qua lâu bì, Ngưu bàng tử, Đông tang diệp, Khổ hạnh nhân, Hắc Sơn chi, Tượng bối, Trúc diệp, Lô căn, vị thuốc dùng đều trúng bệnh tiếc rằng dùng nhiều hai vị Linh dương giác và Chỉ xác, uống 1 thang, bệnh không giảm, ngực khó chịu, nhiệt nặng hơn. Mời tôi đến khám chữa. Tôi bỏ đi Linh dương giác, Chỉ xác, gia Đậu sị, Bạc hà, uống 1 thang, mồ hôi ra khắp người, ngay đó mình mát và ăn được. Lại bỏ Đậu sị, Ngưu bàng, gia Thiên hoa phấn, uống 2 thang, khỏi bệnh. Nhân đó suy nghĩ thói tục chữa Ôn nhiệt bệnh, động đến là dùng ngay Linh dương giác, Tê giác, tà vốn ở Phế Vị lại truyền dẫn vào Tâm Can, bệnh nhẹ trở nên nặng, trách nhiệm là như thế!”

Cổ danh y đương đại Bồ Phụ Chu cũng từng nói: “Dùng thuốc cốt ở thuần nhất, rất kỵ pha tạp, một phương mà dùng bừa một hai vị không liên can gì, khó mà thu được công hiệu” so với danh ngôn này là nhất trí. Đương nhiên, muốn đạt được dùng thuốc có tác dụng tinh vi thuần nhất không phải là việc dễ mà cần phải có kinh nghiệm thực tiễn phong phú và phải có bề dày lý luận sâu sắc.

**370. Dùng thuốc không trật tự như dùng binh không có kỷ luật, tuy có tướng mạnh, nhưng phải vừa mạnh vừa có trách nhiệm, giống như gỡ rối tơ, từ từ thì gỡ được đầu mối, hấp tấp thì càng gỡ càng rối.**

**Kim - Lý Đông Viên**

*“Chân châu nang chỉ trường - Dụng dược tu tri”*

Họ Lý dùng thuốc như ngọn cờ độc lập, thường là vị thuốc thì nhiều nhưng lượng lại nhẹ, chủ yếu đạt được phép tắc phối ngũ. Danh ngôn này nói lên tính trọng yếu trong việc nghiên cứu phối ngũ dùng thuốc, tỉ dụ chặt chẽ, khiến cho người ta phải suy nghĩ. Đông Viên phối hợp phương thuốc quân, thần, tá, sự rất trật

tự, phối hợp thăng giáng phù trầm, phép tắc rất nghiêm khắc có thể là phương pháp có hiệu quả.

Tục ngữ nói: “Bệnh đến như ngựa tể, bệnh lui như rút tơ”. Chữa bệnh có khi như gỡ sợi tơ, tơ càng rối lại càng phải cẩn thận, càng phải nhẹ nhàng, đó cũng là ngụ ý nghiên cứu dùng thuốc phải linh lợi nghiêm chỉnh không nên nóng vội “từ từ thì có thể gỡ được đầu mối, nôn nóng thì càng gỡ càng rối thêm” có thể là lời nói cảnh báo thiết thực.

**371. Nhẹ nhàng linh hoạt là cái y “phép chữa trọn vẹn, tinh giảm nắm chắc, xem tựa bình thường, thích hợp tốt đẹp”.**

**Thuần nhất chính xác ý nói là “êm hòa tHỏa đáng loại trừ phức tạp, phối ngũ chặt chẽ, không rơi vào sự nông cạn”**

**Đương đại**

*“Con đường của lão Trung y nổi tiếng - Tập 3. Tinh thần học tập và thành tựu y học chữa bệnh của y sư Bồ Phụ Chu”*

Câu này tổng kết kinh nghiệm dùng thuốc của bản thân danh y Bồ Phụ Chu, thể hiện phong cách dùng thuốc thuần thực của nhà Trung y lớn đương đại. Họ Bồ dùng thuốc coi trọng nhẹ nhàng linh hoạt, trong chỗ nhẹ nhàng bình đạm thấy được thần kỳ; hết sức thuần nhất chính xác, từ chỗ rèn luyện đơn giản để thu hiệu quả, dần dần hình thành phong cách chữa bệnh “vị thuốc ít, liều lượng nhỏ, giá phải chăng, hiệu quả tốt, tìm tòi thực tế” đạt tới mức lò lửa thuần sắc xanh, về nét đặc sắc dùng thuốc của họ Bồ, trong sách “*Bồ Phụ Chu y liệu kinh nghiệm*” đã quy nạp, xin trích những yếu điểm sau đây để chứng minh cho danh ngôn này:

Chế phương thuốc phải nghiêm, chọn phương thuốc phải chuẩn xác, chế phương phải xét phối ngũ, vị thuốc có ranh giới chủ thứ, thể hiện nắm chắc sự mâu thuẫn. Gia giảm có qui tắc, vận dụng linh hoạt. Dùng thuốc cần thuần nhất, tối kỵ pha tạp. Trong một phương mà dùng ấu một vài vị thuốc không liên can gì đến bệnh thì khó mà công hiệu. Liều lượng vị thuốc phải thích hợp, không nên quá to, chú ý giữ gìn Vị khí, không dùng thuốc vượt qua ổ bệnh. Bệnh càng phức tạp, dùng thuốc càng phải tinh vi, phải tìm được trọng điểm, phòng tránh tác hại. Thuốc không cần vị quý, dùng phải tHỏa đáng. Sự quý hay rẻ của vị thuốc không quyết định được hiệu quả, chỉ có vận dụng tHỏa đáng mới chữa được bệnh. Những điều trên đều xuất phát từ phong cách dùng thuốc nhẹ nhàng thuần nhất và chính xác của Bồ Phụ Chu.



**372. Dùng thuốc quý quý ở thích nghi, phép vận dụng nên ứng biến. Câu nệ xem thường thì dùng Nhân sâm cũng giết người. Nắm chắc sự ứng biến thì dùng Ô đầu cũng cứu được mạng.**

**Minh - Du Biện**

*“Tục y thuyết - Dược quý quyền biến”*

Danh ngôn này nêu việc chữa bệnh dùng thuốc phải biết lúc thường lúc biến, dứt khoát không câu nệ ở phép thông thường, bám vào đời xưa mà không biến hoá. Dùng thuốc quý ở chỗ hợp với bệnh tình, phép chữa phải theo biến hoá của bệnh tình mà có thay đổi, nếu câu nệ vào phép thông thường, có khi dùng Nhân sâm để bổ nhằm cũng có thể giết người. Nếu linh hoạt quyền biến, tuy dùng vị mãnh liệt như Ô đầu cũng có thể cứu mạng, thầy thuốc không thể không biết điều đó.

**373. Gặp bệnh đáng thuốc thì Phụ tử , Đại hoàng, Tỳ sương cũng đều là thuốc rất quý báu. Gặp bệnh không đáng uống thì Sâm, Kỳ , Lộc nhung, Câu kỷ cũng đều như Tỳ sương.**

**Thanh - Trịnh Khâm An**

*“Y pháp viên thông - Dụng dược tậ đoan thuyết”*

Khuyên răn thầy thuốc phải cẩn thận nắm chắc bệnh cơ mà biện chứng dùng thuốc. Nếu thuốc không đúng với chứng, tuy dùng những vị nói là thuốc bổ như Sâm, Kỳ, Lộc nhung. Câu kỷ cũng có thể hại người như dùng Tỳ sương. Dùng thuốc đúng với chứng cho dù vị thuốc cho dù độc mãnh liệt như Phụ tử, Đại hoàng, Tỳ sương cũng có thể cứu người.

**374. Thuốc quý ở trúng bệnh không bàn đến quý hay xoàng, cốt ở chỗ khéo dùng mà thôi.**

**Thanh - Dư Thính Hồng**

*“Dư Thính Hồng y án - Thấp tý”*

Quan điểm dùng thuốc quý ở trúng bệnh, không thể đo lường bằng sự đắt hay rẻ, đều có ý nghĩa giáo dục vô luận là thầy thuốc hay là bệnh nhân. Thuốc quý ở trúng bệnh, lấy khỏi bệnh làm chuẩn, không nên đo lường vào trị giá. Như câu danh ngôn trên đã nói: “Bệnh mà không đáng uống, thì đến Sâm, Kỳ, Lộc nhung, Kỳ tử cũng hại như dùng Tỳ sương”. Có người cho là thuốc càng quý càng là thuốc tốt, làm thầy thuốc tối kỵ đón ý tâm lý sai lầm của người bệnh. Lão trung y nổi tiếng đương

đại Vi Văn Quý cũng từng nói: “Thuốc không ở chỗ quý mà chuẩn xác mới là thuốc hay”.

**375. Bệnh không có hình bình thường. Thầy không có phương thuốc bình thường. Thuốc không có vị bình thường.**

**Minh - Lý Trung Tử**

*“Y tôn tất độc - Dụng dược tu tri Nội kinh chi pháp luận”*

Tật bệnh biến hoá đa đoan, không biểu hiện cố định. Thầy thuốc do đó cũng không nên dùng phương thuốc khuôn sáo cố định. Danh ngôn này không những nói lên tinh thần biện chứng luận trị, dùng thuốc phải linh hoạt mà còn phản đối thói thường không biến hoá. Nhà Trung y lớn đương đại Bồ Phụ Chu từng nói: “Phải nên là một thầy thuốc tốt, có một bí quyết riêng, điều trị mỗi người thích hợp một phương. Có phương làm chết người, có phương cứu sống người, không được đại khái khi dùng thuốc, lập phương” cũng là ý tứ danh ngôn trên.

**376. Binh không hướng đạo thì không đến được cõi bờ quân giặc. Thuốc không vị dẫn sứ cũng không đến ổ bệnh.**

**Thanh - Vưu Tại Kính**

*“Y học độc thư ký - Sài hồ mai liên tán La thị tần giao miết giáp tán phương luận”*

Danh ngôn này dùng phương pháp tỉ loại nổi nên tác dụng của thuốc dẫn kinh, xác thực là nội dung trọng yếu trong lý luận phối ngũ chế phương của Đông y. Phạm vị thuốc có thể dẫn đạo các vị thuốc khác tới bộ vị bệnh biến hoặc đến một kinh mạch nào đó, gọi là “thuốc dẫn kinh”. Ví dụ bệnh ở thượng chi dùng Quế chi, bệnh ở hạ chi dùng Ngưu tất, bệnh ở yết hầu dùng Cát cánh; Thái dương kinh dùng Khương hoạt; Dương minh kinh dùng Thăng ma, Thiếu dương kinh dùng Sài hồ v.v.. Đều là những ví dụ thực tế. Chọn dùng những thuốc dẫn kinh thích hợp rõ ràng làm cho sức thuốc được tập trung nâng cao hiệu quả, đó là điều được đông đảo y gia công nhận.

**377. Không biết kinh lạc mà dùng thuốc, sai lầm quá lớn tất sẽ không hiệu quả nhanh. Cố chấp theo kinh lạc dùng thuốc, sai lầm cũng do câu lệ, trái lại chuốc lấy hại.**

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Y học nguyên lưu luận - Trị bệnh bất tất phân kinh lạc”*

Danh ngôn này biện chứng về vấn đề cách nhìn sử dụng thuốc quy kinh như thế nào, lập luận công bằng rất thấm thía. Trương Nguyên Tố đời Kim đề xướng lý luận dùng thuốc qui kinh, cho là mỗi loại thuốc đều có sở trường, tác dụng đều tập trung vào một tạng nào, một kinh nào, lâm sàng lợi dụng sở trường đó mà phát huy tác dụng đích thực là bộ phận trọng yếu trong lý luận Đông y đến nay vẫn được ứng dụng. Từ Linh Thai vốn không phản (lỗi lý luận quy kinh vị thuốc, ông cho rằng “không biết dùng thuốc theo kinh lạc là sai lầm quá lớn, tất sẽ không hiệu quả nhanh”. Nhưng khí huyết người ta không nơi nào không có đường, công năng của vị thuốc cũng không nơi nào là không đạt tới, như “các loại Sâm, Kỳ chẳng nơi nào là không bổ, các loại Tỳ, Trâm (Tỳ là Tỳ sương, Trâm là lông chim Trâm. cả hai vị đều rất độc - ND) chẳng chỗ nào là không độc”, “tựu trung chẳng qua có chỗ sở trường mà thôi”, vì vậy họ Từ nói: “Lấy vị thuốc này là có thể chữa được bệnh ở Kinh này thì được, chứ nói lấy vị thuốc này riêng chữa cho bệnh của Kinh này thì không được. Nói là bệnh ở Kinh này thì nên dùng vị thuốc này thì được, còn bảo là vị thuốc này không vào được các Kinh khác là không được, cho nên nói cố chấp theo Kinh lạc mà dùng thuốc là sai lầm do câu nệ”. Cách nhìn nhận cho chính xác, dùng thuốc nên hết sức chiếu cố đến quy Kinh, nếu không thì chuốc lấy cái lỗi tràn lan; nhưng cũng không nên câu nệ quá đáng, trái lại mang lấy cái hại cố đấm ăn xôi. Nên nói là nhận thức này của họ Từ bổ sung chỗ bất túc cho lý luận dược vật qui kinh của Trương Nguyên Tố, mở rộng tầm nhìn cho y giới về sau.

**378.      **Khuyên người dùng thuốc thà mắc lỗi vi bất cập chứ đừng mắc lỗi vi thái quá****

**Minh - Uông Cơ**

*“Thạch Sơn y án - Vinh Vệ luận”*

Câu này nói cho mọi người một nguyên tắc dùng thuốc quả là có lịch duyệt. Dùng thuốc thái quá hay bất cập ý nghĩa chủ yếu là ở mức độ mãnh liệt hay liều lượng dùng vị thuốc nhiều hay ít. Mạng người rất trọng, giá đáng ngàn vàng, làm thầy thuốc khi dùng thuốc nên cẩn thận chuẩn xác, dùng thuốc bất cập còn có thể tăng thêm, không đến nỗi tạo nên tai vạ. Nhưng dùng thuốc thái quá, thuốc lớn hơn ổ bệnh, khắc phạt quá tay thì có thể chuốc lấy nguy hại rất lớn, đặc biệt là khi công phạt không chỉ như thế há không cẩn thận hay sao. Dụ Gia Ngôn đời Thanh cũng

từng nói: “Phàm dùng thuốc thái quá hay bất cập, đều là không thích hợp, mà bất cập còn có thể chữa thêm chứ thái quá thì bệnh rút mà thuốc còn đấy, cái hại càng ác liệt” cũng là nói lên quan điểm như trên.

**379. Con đường dùng thuốc, nên hạn chế từ liều nhỏ, khi kiến hiệu hãy tăng dần.**

**Thanh - Lý Quan Tiên**

*“Tri y tất biện. Luận sơ chẩn dụng dược”*

Câu này nêu lên nguyên tắc dùng thuốc đối với người bệnh mới khám lần đầu, ý nghĩa gần giống với danh ngôn 378, có thể tham khảo. Lý Quan Tiên nhắc lại: “lập phương khi mới khám bệnh lần đầu, nên hạn chế từ liều nhỏ, bất cập còn có thể tăng lên, chứ thái quá thì khó mà cứu vãn”. Đương nhiên ông còn nêu thêm lý luận: “cái đạo dùng thuốc, chỉ ở ranh giới mất còn nguy cấp, bệnh nặng mà thuốc nhẹ thì khó cứu vãn, lúc này không dùng phép mạnh thì không được, trái lại thì theo phép trước nên liều nhỏ, có hiệu quả mới tăng dần”... Đó là lý luận chính đáng có thể chấp nhận

**380. Điều tránh khi dùng thuốc ở chỗ cứ muốn cho nhanh.**

**Kim - Lý Đông Viên**

*“Chân châu nang chỉ trường. Dụng dược tu tri”*

Câu nói này họ Lý chỉ về bệnh biến nội thương, vì phần nhiều do công năng của tạng phủ bị tổn thương, âm dương khí huyết mất điều hòa, xu thế bệnh từ từ, khó mà thành công nhanh, vì thế dùng thuốc chữa bệnh nội thương, quý ở chỗ từ từ, bổ mạnh công mạnh dễ gây hỏng việc. Họ Lý nói: “Muốn nhanh thì dùng thuốc hàn nhiệt ôn lương hành tán bổ tả khó tránh quá đáng, công chưa thấy đâu, cái hại đã theo sau”. Câu này đúng là phải tham khảo khi dùng thuốc điều trị nội thương.

**381. Bệnh nặng mà thuốc nhẹ, chén nước khó dập tắt được xe củi đang cháy. Bệnh nhẹ mà thuốc nặng, chân khí không vận hành nổi mà thuốc hết thì hóa đàm. Ngạn ngữ nói keo nhiều thì khó dính” là như thế.**

**Thanh - Vi Hiệp Mộng**

*“Y luận tam thập thiên - Dụng bổ pháp tu thức kỳ kinh, đắc kỳ pháp”*

Khuyến mọi người dùng thuốc nặng nhẹ nên thích nghi, thái quá hay bất cập đều vô ích. Vi Hiệp Mộng nói câu này khi bàn về phép bổ, thực là có phép chữa thích hợp. Bệnh nặng mà thuốc nhẹ, thuốc không đủ chống với bệnh cũng giống như chén nước dội vào xe củi bốc cháy, đương nhiên không chữa được bệnh. Bệnh nhẹ mà thuốc nặng, nếu là thang công đạt thì hại chính khí người ta, nếu là thang thuốc bổ thì úng trệ khí huyết, hơn nữa thuốc sẽ hoá đàm làm khó chịu cho người. Nước keo là thứ làm dính mọi vật, nhưng trái lại nếu dùng nhiều quá sẽ không dính sẽ mất đi tác dụng làm dính mọi vật. Câu ngạn ngữ hình tượng “keo nhiều thì khó dính” này nói lên dùng thuốc bổ quá liều lượng có khi không đạt được tác dụng bổ ích đáng để thức tỉnh mọi người.

**382. Mắc bệnh nặng, dùng thang thuốc liều cao để ức chế thì bệnh khí không còn nữa. Mắc bệnh nhẹ, dùng thang thuốc nhỏ để tấn công thì chính khí không tổn thương.**

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Y học nguyên lưu luận - Y đạo thông trị đạo luận”*

Danh ngôn này chỉ việc dùng thuốc tấn công bệnh phải căn cứ vào bệnh tình nặng nhẹ mà quyết định dùng liều lượng thuốc lớn hay nhỏ, miễn là thuốc với bệnh phải tương đương. Mắc bệnh nặng tức là xu thế bệnh nguy cấp nghiêm trọng, tà khí đang thịnh, nên sử dụng thang thuốc lớn liều cao khiến cho đủ sức tấn công tà khí mà bệnh khí không còn nữa. Nếu thuốc dùng liều nhẹ mà bệnh nặng, khác gì đổ một chén nước vào xe củi bốc cháy, vừa vô bổ vừa mắc sai lầm chiến lược. Người mắc bệnh nhỏ cũng là bệnh tà nhẹ và ở nông, lúc này dùng thuốc tấn công tà khí, nên dùng thang thuốc nhỏ và nhẹ, đạt được mục đích khu tà mà không tổn thương chính khí. Nếu dùng thuốc nặng để chữa bệnh nhẹ thì khó mà tránh khỏi cái lỗi dùng thuốc quá tay vượt qua ổ bệnh, khắc phạt thái quá, khiến cho tổn thương chính khí. Danh ngôn này tuy nói về đạo lý tấn công bệnh thực ra là đối với Hư chứng điều trị các bệnh chứng khác cũng đều mang ý nghĩa chỉ đạo ấy.

**383. Xét bệnh dùng thuốc, thuốc tuy sát đúng, mà lập phương không có pháp đó là có thuốc mà không có phương. Hoặc bo bo lấy một phương chữa bệnh, tuy phương tốt mà có một vài vị không liên quan gì đến bệnh đó là có phương mà không có thuốc.**

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Y học nguyên lưu luận - Phương dược lý hợp luận”*

Câu này nêu ra quy củ cho mọi người trong lâm sàng chế phương điều khiển vị thuốc rất dễ xuất hiện hai điều sai sót. Từ Linh Thai chế phương điều khiển thuốc có nghiên cứu sát đúng với bệnh tình, vừa giữ được mức độ khuôn phép vừa không câu nệ.

Có người chế phương không nghĩ đến mức độ khuôn phép, chỉ biết căn cứ vào bệnh mà dùng thuốc, thấy một chứng thì dùng một vị thuốc, vừa không có trọng điểm đáng nói, lại không nghiên cứu gì về phối ngũ, tuy vị thuốc có sát hợp với bệnh tình, cuối cùng vì không có khuôn phép mức độ nên khó thu được hiệu quả tốt, đó là nói có thuốc mà không có phương”. Một tình huống nữa là dùng phương quá câu nệ, chỉ biết dùng thành phương trọn vẹn, chẳng nghĩ gì đến vị thuốc thích ứng hay không thích ứng đều dùng tất cả, không linh hoạt gia giảm theo chứng, đến nỗi “phương tuy khéo chọn” mà cuối cùng có một vài vị không liên can gì đến bệnh làm ảnh hưởng đến hiệu quả, đó là nói có phương mà không có thuốc”. Hai loại tồn tại đó đáng để cho hậu học suy nghĩ, cố danh y đương đại Tiên Long Hữu cũng nói một câu tương tự: “Biện bệnh lập phương mà không gia giảm là có phương mà không có dược. Dùng vị thuốc xác đáng, hợp làm thành phương, thế mà lại hoàn toàn không có phương pháp chủ thứ, đó là có dược mà không có phương”.

**384. Thầy thuốc giỏi, nhìn riêng thì không vị thuốc nào là không thiết thực với bệnh tình. Nhìn chung thì không có phương nào không có nguồn gốc của phép tắc đời xưa.**

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Y học nguyên hậu luận - Phương dược lý hợp luận”*

Câu này nêu lên tiêu chuẩn cân nhắc dùng vị thuốc trong phương tễ rất có ngụ ý sâu sắc, phương với dược, có lý có hợp. Tách ra bàn từng vị thuốc thì thấy mỗi vị thuốc đều sát hợp bệnh tình, mà nhìn chung thì cả phương thuốc đều có quy củ thích hợp, có cả sự suy tôn phép cổ.

**385. Đánh cờ mà đối chiếu với sách sẽ thua. Câu nệ vào phương mà chữa bệnh, bệnh tất nguy hiểm.**

**Thanh - Triều Tình Sơ**

*“Tồn tồn trai y thoại cảo - Y học do học dịch”*

Đem tỉ dụ y học với học đánh cờ để nói lên đạo lý chữa bệnh không thể câu nệ vào cổ phương. Học đánh cờ trước hết phải thuộc sách dạy đánh cờ, nhưng không nên đối chiếu vào sách dạy mà ra quân, bởi vì sự thích ứng trong sách không có nhiều biến hoá phức tạp như cuộc cờ. Học y phải nắm chắc cổ phương, cổ phương có thể dạy quy củ cho người học nhưng không dạy người ta khôn khéo. Triệu Tình Sơ nói: “cố chấp vào bài thuốc chết để cứu khỏi bệnh, gò bó theo ý muốn của ta thì mạng người chịu sao được”. La Chi Đê đời Nguyên khi nói với hậu sinh dùng phương thuốc của người xưa từng có câu: “Ví dụ như dỡ nhà cũ để dựng nhà mới mà không qua tay người thợ, cuối cùng không thành công”. Tóm lại, vận dụng thành phương của tiền nhân cần linh hoạt gia giảm, không nên câu nệ

**386. Người giỏi dùng phương không cố chấp theo phương mà chưa bao giờ không theo cái gốc của phương.**

**Minh - Lý Diên**

*“Y học nhập môn - Thông dụng cổ phương thi thoại”*  
dẫn lời của Lý Đông Viên

Đây là giới thiệu kinh nghiệm vận dụng thành phương, là lời nói có kiến thức uyên bác rất giá trị. Tiền nhân để lại nhiều phương tễ có hiệu quả, đó là những tổng kết kinh nghiệm quý báu, chúng ta nên nắm vững và cố gắng học tập. Nhưng khi vận dụng lâm sàng, vừa phải tôn trọng phương thuốc mà không làm mất đi ý nghĩa (Lý Diên nói là “sử dụng có cốt lõi”) lại phải căn cứ vào tình huống cụ thể mà linh hoạt gia giảm, tùy chứng mà biến hoá, không nên cố chấp đóng khung vào phương thuốc, như thế mới đạt mục đích “giỏi dùng phương mà không cố chấp theo phương chưa bao giờ không theo cái gốc của phương”.

**387. Thành phương không ở nhiều mà ở gia giảm.**

**Thanh - Lôi Thiếu Quỳnh**

*“Thời bệnh luận - Thành phương tu tổn ích luận”*

Một thầy Đông y không ngại ngần gì nắm vững một số phương tễ để ứng dụng lâm sàng, nhưng bắt đầu từ Trọng Cảnh chế phương, tiếp đến các đời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh số thành phương không đếm xuể làm sao mà ghi nhớ thuộc lòng cho hết? vì vậy một thầy thuốc Đông y ưu tú, không cầu kỳ phải nắm số lượng thành phương nhiều hay ít mà ở chỗ khéo nắm vững một số có hiệu quả chính xác, qua sự trùng lặp những phương tễ mà có thể tùy cơ ứng biến gia giảm

linh hoạt, đem những phương tể có hạn để vận dụng, đó là ý nói thành phương không ở số nhiều mà ở gia giảm”. Trần Thực Công đời Minh cũng từng nói: “Phương không ở số nhiều, lòng thiết tha thì linh hoạt” cùng một ý nghĩa với danh ngôn này.

**388. Những thuốc thảo mộc mà khí nhiều hơn thì tác dụng nhanh, lưu hành tốt. Những thuốc thảo mộc mà vị nhiều hơn thì trệ lại mà phòng ngự tốt.**

**Thanh - Trương Sơn Lôi**

*“Dược vật học cương yếu - quyển 1”*

Câu này nêu lên một kinh nghiệm, một phương pháp độc đáo mà phù hợp thực tế về tính năng đông dược. Từ “Khí” ở đây là chỉ về khí vị chứ không phải là từ “khí” trong “tứ khí” hàn nhiệt ôn lương của đông dược. “Vị” là chỉ về vị đậm nhạt. Ý của câu danh ngôn này là: trong đông dược, những vị thuốc nào thiên về khí vị ngào ngọt thì tác dụng của nó hay lưu thông nhanh chóng không phòng ngự ; những vị thuốc nào thiên về vị nồng hậu nặng nề thì tác dụng của nó đều từ từ hay phòng ngự không lưu thông. Làm thầy thuốc phải rõ dược lý đó để chỉ đạo dùng thuốc trong lâm sàng.

**389. Âm dược tính nhu mà đi chậm, chậm thì liên tục mà không dứt. Dương dược tính cương mà đi gấp, gấp thì phát huy nhanh mà không thừa.**

**Thanh - Trần Tu Viên**

*“Thời phương diệu dụng - Lao chứng”*

Câu này chỉ rõ tính năng dược vật có phân ra cương nhu và phát huy hiệu quả vị thuốc có hoãn cấp khác nhau, khái quát xác đáng đặc điểm của hai loại thuốc.

Âm dược còn gọi là Nhu dược, nói chung chỉ vào các vị ngọt mát tư nhuận, sở trường về bổ âm, tính nó nhu (mềm mại) mà đi chậm, phát huy tác dụng kéo dài, cho nên nói liên tục mà không dứt”

Dương dược còn gọi là Cương dược, nói chung chỉ vào các vị ôn nhiệt khô ráo mạnh, sở trường về trợ dương, tính nó cương (cứng cõi) mà đi nhanh, phát huy tác dụng nhanh mà tạm thời, cho nên nói phát huy nhanh mà không thừa”. Nắm vững đặc điểm hai loại dược vật khác nhau đó, biết cái gì nên dùng cái gì nên tránh, rất ích lợi cho việc chế phương điều khiển vị thuốc



**390. Cương mà động thì đi gấp, gấp thì phát huy nhanh mà không thừa, khi phát bệnh cũng chóng mà sát nhân cũng mạnh. Nhu mà tĩnh thì đi hoãn, hoãn thì thấm dần mà liên tục, khi phát bệnh cũng chậm mà sát nhân cũng từ từ.**

**Thanh - Mạc Mai Sĩ**

*“Nghiên kinh ngôn - Dụng dược luận”*

Câu này khái quát đặc điểm tác dụng hai loại dược tính cương và nhu, tương tự ý nghĩa danh ngôn ở trên có thể tham khảo, chỉ khác nhau ở chỗ câu này còn vạch ra thiếu sót của hai loại dược vật, làm thầy thuốc phải nắm vững và rèn luyện về dược tính, giữ cái lợi, tránh cái hại, thì việc dùng thuốc mới bổ ích.

**391. Bệnh có táo thấp, thuốc có táo nhuận; loại thể chất mềm mại có nước có dầu đều nhuận; loại thể chất khô ròn không có nước không có dầu đều táo.**

**Thanh - Thạch Thị Nam**

*“Y nguyên - Dụng dược đại yếu luận”*

Nêu lên nhận thức về quy luật thuộc tính nhuận hay táo của dược vật, chứng minh phù hợp với thực tế. Tiền nhân bàn về dược tính phần nhiều nhìn nhận tứ khí ngũ vị ít nói đến “thể chất”.

“Thể chất” ở đây là chỉ đặc điểm chất liệu dược vật, họ Thạch qua nhìn nhận chất liệu để phân biệt nhận thức chỗ độc đáo nhuận hay táo của dược tính, đây là sự kế thừa phân biệt bệnh lấy táo thấp làm “đề cương của trăm bệnh” của họ Thạch. Những chất liệu mềm mại có nước có dầu đều thuộc thuốc nhuận, điển hình như Sinh địa, Thục địa, Thiên đông, Mạch đông, Hoàng tinh, Bách hợp v.v.. những chất liệu khô ròn không có nước không có dầu đều có tính táo, điển hình như Xương truyệt, Bạch truyệt, Hoàng cầm, Hoàng liên v.v.. rất có ý nghĩa chỉ đạo trong lâm sàng điều khiển vị thuốc để chữa bệnh.

**392. Bệnh táo nên dùng thuốc cao để tư nhuận. Bệnh thấp nên dùng thuốc bột để phát tán. Bệnh táo kiêm thấp, thuốc nhuận nên đem sao hoặc vẩy nước làm viên. Bệnh thấp hóa táo, thuốc nên đem chưng hoặc viên với mật.**

**Thanh – Thạch Thị Nam**

*“Y nguyên - Dụng dược đại yếu luận”*

Danh ngôn này tổng kết việc dùng loại hình thuốc để điều trị đối với bệnh biến hai loại táo và thấp.

Thuốc cao tư nhuận là sau khi đem vị thuốc nấu lấy nước bỏ bã, lại đun cho đặc, hòa thêm lượng đường hoặc mật vừa phải chế biến thành dạng nước lỏng dính. Vì nó có công năng tư nhuận dồi dào cho nên thích hợp với loại bệnh biến có tính khô ráo. Thuốc hoàn, thuốc tán không như dạng thuốc sắc có hàm lượng nước lớn có lợi cho táo thấp cho nên có lợi cho bệnh do thấp tà gây nên. Nhưng đương khi táo bệnh có dấu hiệu kiêm thấp, nên đem sao các loại thuốc nhuận để giảm bớt thủy khí tránh cái hại ràng buộc thấp tà, hoặc là vẩy nước làm dạng thuốc hoàn chú không dùng mật làm hoàn, cũng là cái ý ngăn ngừa sự bất lợi do thấp tà gây nên. Trái lại, nếu bệnh thấp có xu thế hoá táo, lại nên đem chưng loại thuốc chống táo để giảm bớt tính chất táo, tránh được sự chuyển hoá táo của tật bệnh” hoặc là dùng mật làm dạng thuốc hoàn để tăng tính năng tư nhuận.

Vô luận là táo bệnh hay thấp bệnh, những loại hình ấy nhằm vào bệnh biến mạn tính mà nói, còn đối với bệnh Cấp tính hoặc bệnh biến nặng thì dùng dạng thuốc sắc lại hay hơn.

**393. Phép sắc thuốc càng nên bàn kỹ, thuốc có hiệu quả hay không toàn là ở đó.**

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Y học nguyên hậu luận - Tiển dược pháp luận”*

Nói lên phương pháp sắc thuốc rất trọng yếu, người thầy thuốc phải lưu ý coi trọng. Người xưa đối với công việc này dạy bảo rất kỹ càng, những lời dặn sau cổ phương, phần nhiều không giống nhau. Ví dụ: Ma hoàng, trước hết phải sắc Ma hoàng gọt bỏ bọt rồi sau mới bỏ các vị thuốc khác vào cùng sắc, đó là phép sắc chủ dược trước tiên. Lại như Quế chi thang, sau khi uống thuốc ăn một ít cháo loãng để giúp sức thuốc v.v.. thật là không giống nhau mà đầy đủ.

Danh ngôn này và những danh ngôn tiếp theo tập trung bàn về phương pháp sắc thuốc có thể hiểu kỹ càng thêm. Cuối danh ngôn này họ Từ nhắc lại nhiều lần “Phương dược tuy trúng bệnh mà cách sắc sai qui cách thì thuốc ấy vô hiệu” dụng tâm như vậy có thể nói là rất công phu.

**394. Muốn lưu thông nhanh thì dùng thuốc sắc lấy ý nghĩa thuốc sắc để quét rửa. Muốn biến hoá từ từ thì dùng thuốc hoàn mang ý nghĩa thuốc hoàn làm cho thông thả.**

**Thanh - Thạch Thị Nam**

*“Y nguyên - Dụng dược đại yếu luận”*

Loại hình đông dược truyền thống có các loại thang, hoàn, tán, cao, đan, mỗi loại hình đều có đặc điểm khác nhau, có chứng thích ứng riêng.

Danh ngôn này khái quát đặc điểm và chứng thích ứng hai dạng thuốc hay dùng nhất là thuốc thang, thuốc hoàn. Thang là quét rửa, có đặc điểm hấp thu nhanh, sức thuốc mạnh phát huy hiệu quả nhanh nhất là đối với những bệnh cấp tính. Thuốc hoàn thì từ từ có đặc điểm hấp thu chậm, sức thuốc từ từ, sử dụng tiện, phát huy sức thuốc kéo dài, thích hợp với những bệnh mạn tính.

**395. Muốn cho bốc lên và đạt ra ngoài, dùng võ Hỏa (ngọn lửa to). Muốn cho giáng xuống và đi vào trong dùng văn Hỏa (ngọn lửa nhỏ).**

**Thanh – Thạch Thị Nam**

*“Y nguyên - Dụng dược đại yếu luận”*

Câu này qui nạp những học vấn về chọn lửa trong khi sắc thuốc. Võ Hỏa tức là ngọn lửa mạnh, lửa bốc to, sức lửa mạnh, ôn độ bốc lên và mức độ nước sôi đều nhanh. Các loại thuốc tân tán đều có công dụng bốc lên và đạt ra ngoài. Có chất huy phát phong phú cho nên thích hợp với ngọn lửa mạnh sắc nhanh, thời gian sắc thuốc cũng nhanh, tránh được sự thiếu lửa mà kéo dài thời gian sắc thuốc, làm cho thành phần huy phát bị tổn thất mà ảnh hưởng đến hiệu quả chữa bệnh.

Văn Hỏa tức là ngọn lửa yếu vừa phải, ngọn lửa nhỏ, sức lửa phải chăng, ôn độ bốc lên và thuỷ phân sôi lên đều từ từ. Các loại thuốc tư bổ nói chung đều có công dụng giáng xuống và hướng vào trong, vị nồng hậu chất nhớt khi sắc khó bài tiết chất có hiệu quả (hoạt chất) nên dùng văn Hỏa sắc từ từ, làm cho thành phần hoạt chất hữu hiệu bài tiết ra hết. Nếu dùng võ Hỏa sắc kéo dài sợ do thuỷ phân hun bốc quá sớm mà sức thuốc - hoạt chất - chưa bài tiết ra.

Hiện nay lâm sàng sắc các loại thuốc thang nói chung trước tiên dùng võ Hỏa cho sôi vài dạo, sau đó dùng văn Hỏa để duy trì trạng thái sôi nhẹ. Việc chọn lựa ngọn lửa để sắc thuốc như nói trên, là học vấn có giá trị tham khảo.

**396. Thuốc phát tán và thuốc phương hương, không nên sắc lâu, để giữ chất tươi có tác dụng sơ tiết quét tà. Thuốc bổ ích tư nhị nên sắc lâu, để chín nhừ mà tích đọng**

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Y học nguyên lưu luận - Tiễn dược pháp luận”*

Câu này giới thiệu mức độ sắc thuốc, được họ Từ cho là “toát yếu” việc sắc thuốc. Ông nói: “Phép sắc thuốc cần phải dạy kỹ, thuốc có hiệu quả hay không, toàn ở khâu này”. Lại nói: “Phương thuốc tuy trúng bệnh mà phép sắc thuốc không đúng, thuốc tất không hiệu quả? Có thể thấy phép sắc thuốc cũng cần học vấn.

Phần lớn các loại thuốc phát tán và phương hương, vị bạc khí nhẹ, tính chất đều tân tán nhẹ nhàng, dễ bốc hơi cho nên không cần sắc lâu để tránh sự bốc hơi của tính thuốc, ảnh hưởng đến hiệu quả của thuốc. Các loại thuốc bổ ích tư bổ, vị nồng hậu khí nặng, không sắc lâu thì không ra hết chất thuốc, cũng ảnh hưởng tới hiệu quả của thuốc.

**397. Chế thuốc quý ở chỗ đúng yêu cầu, bất cập thì công hiệu khó đạt, thái quá khí vị cũng tiêu mất.**

**Thanh - Cố Tùng Viên**

*“Cố tùng viên y kính - Cách ngôn vụng toán”*

Danh ngôn này mang tính trọng yếu về khuôn phép bào chế dược vật. Mục đích của bào chế dược vật là đạt được hiệu quả điều trị. Bào chế không vừa lửa thì tính thuốc không phát huy, không đạt mục đích điều trị. Bào chế quá mức thì dược tính tiêu mất, hạ thấp hiệu quả.

**398. Vị ngọt đừng dùng trong chứng đầy. Vị đắng chớ dùng trong chứng giả nhiệt. Vị cay tránh dùng trong bệnh nhiệt táo. Vị mặn đừng dùng trong bệnh huyết tổn thương.**

**Thanh - Từ Linh Thai**

*“Tạp bệnh nguyên lưu - Khí vị”*

Thuốc có năm vị chua - đắng - ngọt - cay - mặn khác nhau. Năm vị có sở trường riêng và cũng có những chỗ không sở trường. Danh ngôn này khái quát những chỗ “không sở trường” ấy

Ngọt thì sinh đầy, cho nên vị ngọt không nên dùng trong chứng trung mẫn, như Cam thảo tuy có khả năng điều hòa trăm vị thuốc, nhưng đối với các chứng trung mẫn sưng trướng phần nhiều nên kiêng tránh là theo lý lẽ đó. Vị thuốc đắng lạnh tự nhiên không thể dùng trong chứng giả nhiệt chân hàn. Vị cay phần nhiều phát tán, không có lợi cho âm huyết, cho nên không dùng trong chứng nhiệt tảo. Vị mặn đi vào huyết, tán kết mềm chất rắn. Cho nên không dùng trong bệnh huyết bị tổn thương huyết khuy.

**399. Thuốc có khí thơm đều bất lợi cho chứng Khí hư. Thuốc có vị cay, phần nhiều bất lợi cho Huyết chứng.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tân phương bát lược - Nhiệt lược”*

Nói những chứng cấm kỵ khi dùng dược vật có khí vị cay thơm, có giá trị lưu ý trong lâm sàng. Thuốc có mùi thơm tính hay bốc hơi, dễ hao khí, cho nên không lợi cho chứng khí hư. Thuốc có vị cay phần nhiều hay len lõi di chuyển, dễ xúc động đến huyết phận, cho nên không nên dùng trong chứng bị mất huyết.

**400. Nhiều mồ hôi kỵ dùng Khương vì Khương hay tán. Mất huyết thì kỵ dùng Quế vì Quế động huyết.**

**Minh - Trương Cảnh Nhạc**

*“Cảnh Nhạc toàn thư - Tân phương bát lược - Nhiệt lược”*

Lý luận câu này cụ thể hoá dẫn chứng câu danh ngôn nói ở trên. Dùng thuốc cần phải biết chỗ nên dùng chỗ nên tránh. Khương, Quế vốn là thuốc thường dùng, nhưng dùng không thích đáng cũng chuốc lấy tai hại.

**401. Bệnh ở trên, đừng ngại uống nhiều lần mà lượng ít. Bệnh ở dưới chớ ngại uống luôn một lần mà lượng nhiều. Uống ít thì chất thuốc thấm thía lên trên. Uống nhiều thì bổ mạnh ở phần dưới.**

**Minh - Mục Trọng Thuần**

*“Tiêu Tinh Trai y học quảng bút ký - Phục dược thứ tự”*

Tổng kết khuôn phép dùng thuốc đối với bệnh ở Thượng tiêu và Hạ tiêu rất hợp lý “Bệnh ở thượng tiêu không ngại uống nhiều lần mà lượng ít” bởi vì “chữa

Thượng tiêu nhẹ như lông, không nhẹ nhàng thì không nâng lên”, đó là một yêu cầu phải uống lượng ít và nhiều lần thật có giá trị chỉ đạo về chữa bệnh tật ở khoang miệng, yết hầu và các chứng nôn mửa, nấc nghẹn là những bệnh biến ở Thượng tiêu. “Bệnh ở Hạ tiêu, đừng ngại uống một lần mà lượng nhiều” đó là vì “chữa Hạ tiêu như nắm đấm, không nặng thì không chìm xuống”, đó là một yêu cầu uống luôn một lần mà lượng nhiều, đối với bệnh biến ở Hạ tiêu và những bệnh cấp tính nghiêm trọng, có thể chọn cách này để điều trị.

**402. Hành quân lấy lương thực làm trước tiên, dùng thuốc lấy Vị khí làm gốc. Quân không có lương thì khốn đốn, thuốc không có Vị khí thì không lưu hành.**

**Thanh - Lưu Sĩ Liêm**

*“Y học tập thành - Dụng dược như dụng binh”*

Binh mã chưa khởi động, lương thảo phải đi trước, có thể thấy lương thảo có ý nghĩa trọng yếu trong hành quân tác chiến. Câu này lấy binh pháp làm tỉ dụ để nói lên việc dùng thuốc phải coi trọng Vị khí mang tính tất yếu, bởi vì Vị là bể của thủy cốc, nguồn của sự sinh hoá, người ta phải nhờ Vị khí mới sống được, thuốc cũng phải nhờ Vị khí mới lưu hành. Nếu không có Vị khí thì thuốc khó phát huy tác dụng.

## IX. CHỨNG TRỊ TẬT BỆNH

### 403. Bệnh đàm ẩm, nên lấy thuốc ôn để hòa.

Đông Hán - Trương Trọng Cảnh

*“Kim quỹ yếu lược - Đàm ẩm khái thấu bệnh mạch chứng trị”*

Nêu lên đại pháp điều trị bệnh đàm ẩm, đời sau tôn sùng là mẫu mực để trị đàm ẩm. Ẩm là âm tà, gặp lạnh thì tụ, gặp ấm thì hoá. Thuốc ôn có thể giúp đỡ dương khí, hoá thấp kiện Tỳ, vừa có thể hoá được cái ngọn của đàm, lại có thể đánh tận gốc cái nguồn của đàm, thực là thuốc đúng đắn chữa đàm ẩm. Phương thuốc đại biểu là Linh quế truật cam thang. Nói thuốc ôn” là chỉ dược tính vừa không nóng quá, lại không có xu hướng cương táo, tránh được cái khiến cho đàm ẩm hoá nhiệt, thương tân dịch và hao âm: đây tức là ý nói để hòa”. Cần chỉ rõ “Kim quỹ yếu lược” bàn Đàm ẩm, thực tế là chỉ chứng Thuỷ ẩm chứ không ngụ có chứng Đàm nhiệt. Không nói mà chỉ ví dụ, đối với chứng Đàm nhiệt nên dùng phép thanh nhiệt hoá đàm mà chữa, lúc này lại không nên “lấy thuốc ôn để hòa” nữa.

### 404. Người giỏi chữa đàm, không chữa đàm mà chữa khí, khí thuận thì tân dịch toàn thân cũng thuận theo khí.

Nguyễn - Chu Đan Khê

*“Đan Khê tân pháp - Đàm - Phụ lục”*

Nêu ra một phương pháp trọng yếu để chữa Đàm Ẩm. Đàm do tân dịch biến hoá ra, mà tân dịch thì theo khí để vận hành, nếu khí đạo rít tắc tân dịch thì đọng lại mà thành đờm thành ẩm. Cho nên khí đạo ở con người lấy thuận làm quý, thuận thì tân dịch lưu thông không lo gì Đàm Ẩm ngưng tụ nữa, đây là lý lẽ chữa Đàm nên chữa Khí.

### 405. Phía trên có nhiệt đàm, kiêng dùng thuốc bổ. Phía dưới có hàn thấp, kiêng dùng thuốc tả.

Thanh - Vương Yển Xương

*“Vương thị y tồn - Phục dược cấm kỵ”*

Nêu lên việc dùng thuốc cấm kỵ trong hai chứng Đàm nhiệt và Hàn thấp. Thượng tiêu có nhiệt đàm, nếu ăn uống thức bổ, chỉ chuốc lấy đàm vương mắc và

nhiệt tích chứa, so với bệnh tình là bất lợi theo lý nên kiêng kỵ. Hạ tiêu có hàn thấp, dưỡng khí không mạnh lại ăn uống thức tả, có thể làm thương dương gấp bội, so với bệnh tình là không lợi, cho nên phải kiêng kỵ.

**406. Mở quỷ môn, sạch tĩnh phủ, loại trừ rác rưởi uất kết.**

*“Tố Vấn - Thang dịch giao lễ luận”*

Quỷ môn là lỗ mồ hôi, Tĩnh phủ là Bàng quang. Mở quỷ môn sạch tĩnh phủ phải là ý phát hãn và lợi tiểu tiện, “uyển” cũng như “uất” có ý uất kết. Rác rưởi là thứ bỏ đi. Nói lên những thủy dịch cặn bã uất trệ trong cơ thể, bỏ rác rưởi tức là trừ được thủy thấp tích trệ trong cơ thể, chỉ sử dụng phép trực thủy như Cam toại, Đại kích.

Danh ngôn này nói tóm tắt đại pháp chữa thủy thũng. Phát hãn, lợi niệu, trực thủy là những phép chữa thủy thũng duy nhất từ xưa đến nay. Nguyên văn”... tân dịch đầy tràn... chữa như thế nào? Kỳ Bá trả lời: điều trị thăng bằng, bỏ rác rưởi, khuấy động tay chân, áo ấm, chọn chỗ ấm kích thích để hồi phục sức khoẻ; mở quỷ môn, sạch tĩnh phủ...”

**407. Nơi có bệnh thủy, lưng trở xuống thũng, nên lợi tiểu tiện; lưng trở lên thũng, nên phát hãn thì khỏi.**

**Đông Hán - Trương Trọng Cảnh**

*“Kim quỹ yếu lược. Thủy khí bệnh mạch chứng trị”<sup>1</sup>*

Nêu lên nguyên tắc chữa bệnh Thủy thũng. Do bộ vị thủy thũng khác nhau mà nêu ra hai phép Hãn, Lợi, thể hiện tư tưởng “nhân thế lợi đạo” của Đông y. Lưng trở xuống Thũng, bệnh ở Lý ở dưới dễ tả, cho nên dùng phép lợi tiểu tiện. Lưng trở lên Thũng, bệnh ở Biểu ở trên dễ tán, cho nên dùng phép hãn. Nguyên tắc điều trị này đến nay vẫn chỉ đạo lâm sàng có hiệu quả. Đương nhiên, hãn, lợi là đại pháp chủ yếu chữa Thủy thũng, nhưng không loại trừ các phép táo thấp, ôn hoá, lý khí, trực thủy. Lâm sàng thường ứng dụng liên hiệp vài phép chữa với nhau.

**408. Người giỏi chữa thủy, không chữa thủy mà chữa Khí.**

**Thanh - Ngô Cúc Thông**

*“Ôn bệnh điều biện - Tạp thuyết - Trị huyết luận”*



Danh ngôn này nêu điều trị bệnh Thủy thấp cần phải điều khí, chứng minh bệnh Thủy thấp có liên quan chặt chẽ với Khí. Khí là dương. Thủy là âm. Dương hoá khí. Âm thành hình. Khí là động lực của thủy. Người xưa còn lý luận “Khí là mẹ của Thủy” đều nói lên lý lẽ chữa Thủy phải nên điều Khí. Kinh nghiệm qua lâm sàng là đúng.

**409. Tâm pháp chữa ảm. Phát hãn lấy bốn chữ đầu “đau nhức nặng mình” làm mấu chốt. Lợi tiểu tiện lấy bốn chữ “chi mẫn huyễn mạo” làm mấu chốt.**

**Thanh - Phần Dư Thị**

*“Y nguyên”*

Nêu các phép biện chứng mấu chốt để chữa Thủy ảm là Hãn - Lợi - Hạ. Thủy ảm gây bệnh, tùy khí thăng giáng, chứng trạng xuất hiện khá nhiều. Tràn ra ngoài thì thân thể nặng nề đau nhức, tràn ngang ra thì ngực sườn đầy nghẽn, phạm lên Phế thì gây ho, lấn lên Tâm thì hồi hộp; ở Vị thì nôn, rót xuống ruột thì đầy, xông lên trên thì huyễn mạo... hàng loạt triệu chứng xuất hiện không nói hết.

Điều trị thì chia ra ba phép Hãn, Lợi, Hạ.

Hãn pháp thích hợp với chứng Dật ảm thủy khí tràn ra ngoài, chứng trạng chủ yếu là mình nặng và đau, dùng các phương Đại, Tiểu thanh long.

Lợi pháp thích hợp với các chứng Đàm ảm, chi ảm, có chứng trạng “chi mẫn huyễn mạo” là chủ yếu, dùng các phương Linh quế truật cam thang, Trạch tả thang.

Mà phép lợi đại tiện thích hợp với các chứng thủy ảm kiêm cả chứng Phủ thực, chứng trạng chủ yếu là bĩ đầy cứng rắn và đau, dùng các phương như Hậu phác đại hoàng thang, Kỷ tiêu lịch hoàng hoàn.

**410. Chữa năm chứng Tiết, bình thủy Hỏa cho sạch cái nguồn, lấy đất đắp đê để ngăn dòng chảy.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án. Tiết tả”*  
dẫn nhận xét của Tưởng Thức Ngọc

Khái quát phép chữa Tiêu Bản chứng bệnh Tiết tả. Bình thủy Hỏa làm thanh cái nguồn là chữa Bản. Lấy đất đắp đê ngăn dòng chảy là chữa Tiêu.

Năm loại tiết (sôn, đường, vụ, nha, hoạt) không loại nào là không do thấp khí quá thịnh, đấy là hiện tượng Tiêu. Xét đến nguyên nhân, tác giả cho rằng: “phải tìm đến thuỷ Hỏa”. Vì nghĩ đến thuỷ Hỏa của con người cũng như cái cân, bên này nặng thì bên kia nhẹ. Hỏa thắng thì thuỷ thua, thuỷ thắng thì Hỏa thua”.

Nói thuỷ Hỏa là chỉ Hàn Nhiệt. Nếu Hàn thắng thì thành Hàn thấp tiết tả, nhiệt thắng thì thành Hiệp nhiệt hạ lợi. Hàn thì phải ôn. Nhiệt thì phải thanh, đó tức là “bình thuỷ Hỏa cho thanh cái nguồn”.

Thuỷ chỉ sợ Thổ lại hay thắng thấp. Bổ Tỳ thổ là phép chính chữa Tiết tả, cho nên nói lấy đất đắp đê lấp dòng chảy”. Nhưng không nên bổ lẻ loi, mà phải trong Bổ kiêm Lợi để tránh cái vạ làm bền chắc tà khí.

**411. “Ly tật” hành huyết thì đại tiện ra mủ tự khỏi. Điều khí thì hậu trọng tự trừ.**

**Kim - Lưu Hoàn Tố**

*“Tố Vấn bệnh cơ khí nghi bảo mệnh tập - Tả luận”*

Tổng kết kinh nghiệm chữa Ly tật, đến nay vẫn được các y gia tin phục. Đại tiện ra mủ máu trắng đỏ và lý cấp hậu trọng là hai chủ chứng lớn. Loại trên là do huyết phạm sáp trệ, huyết nát hoá mủ, điều trị nên dùng các loại hành huyết điều doanh, huyết hòa thì mủ sẽ dứt. Hậu trọng là do khí cơ ngăn trệ, điều trị nên hành khí đạo trệ. Khí điều thì lý cấp hậu trọng tự nhiên tiêu trừ. Lưu Hoàn Tố chế ra bài thuốc nổi tiếng Thược dược thang, vị Thược dược, Đương qui trong bài là thuốc hành huyết, các vị Mộc hương, Tân lang tà thuốc điều khí, thật là mẫu mực.

**412. Mới bị Ly thì nên thông. Ly đã lâu thì nên sáp.**

**Thanh - Trình Hạnh Hiên**

*“Hạnh Hiên y án tập lục - Hội Tân Cốc Trung - Chứng ly tật án”*

Bao quát quy luật chung chữa chứng Ly tật, đến nay vẫn được ưa dùng trong lâm sàng.

Khi mới bị ly, phần nhiều thấy đau bụng, lý cấp hậu trọng đại tiện ra mủ máu trắng đỏ, rêu lưỡi nhớt, mạch Huyền Hoạt, đa số là Thực chứng. Thực thì phải thông. Điều trị nên thanh nhiệt hoá thấp đạo trệ, tránh dùng những thuốc thu sáp chỉ tả để tránh sai lầm đóng cửa giữ giặc trong nhà. Hạ ly đã lâu, phần nhiều là Hư

chúng, Hư thì phải Bồ phải Sáp, kỵ dùng thuốc công phạt cho khỏi tổn thương chính khí.

Diệp Thiên Sĩ đời Thanh từng nói: “Đại pháp chữa Lỵ chẳng qua có hai nghĩa Thông và Tắc”, ý nghĩa cơ bản nhất trí với danh ngôn này.

**413. “Háo suyễn” chưa phát lấy phù chính làm chủ yếu. Khi đã phát lấy công là làm cấp thiết.**

**Nguyễn - Chu Đan Khê**

*“Đan Khê tâm pháp - Háo suyễn”*

Bệnh danh Háo suyễn, Chu Đan Khê là người đầu tiên nêu tên. Danh ngôn này nêu ra nguyên tắc chữa bệnh này đến bây giờ vẫn được ca tụng

Phát cơn Háo suyễn là do túc đàm ẩn náu ở Phế, cảm thì dụ phát, thuộc chứng bản hư tiêu thực. Điều trị nên xử lý theo nguyên tắc “Cấp trị tiêu. Hoãn trị bản”.

Khi chưa phát cơn, lấy Phế - Tỳ - Thận, chính khí ba tạng này hư yếu là chủ yếu, nên điều trị theo phương pháp phù chính, lấy kiện Tỳ, ích Phế, bổ Thận cố bản, ngăn chặn nguồn gốc sinh ra đờm. Đó tức là “Hoãn thì chữa bản”.

Cơn Háo suyễn tất do nhiễm tà khí gây nên, phải đuổi tà khí ngay, điều trị nên tuyên Phế hoá đàm, giáng khí bình suyễn, hàn tà nên ôn, nhiệt tà nên thanh, lúc này lấy tiêu thực làm trọng, cho nên lấy “công tà làm gấp”.

**414. Đại tích đại tụ cũng có thể dùng thuốc mạnh, bệnh giảm quá nửa thì ngừng, quá tay thì chết.**

*“Tố Vấn - Lục nguyên chính kỷ đại luận”*

Nêu nguyên tắc điều trị chứng đại tích đại tụ ở người có thai rất được lưu ý trong lâm sàng.

Phụ nữ mang thai, dùng thuốc như thế nào, trong “*Lục nguyên chính kỷ đại luận - sách Tố Vấn*” có một câu trứ danh “Có lý do thì không tổn hại, và cũng không tổn hại gì” (**Hữu cố vô tổn, diệp vô tổn dã**) ý nói người có thai bị bệnh mà uống thuốc thì cái bệnh chịu dụng, tuy có dùng thuốc mạnh cũng không hại đến người mẹ và đứa con. Nhưng khi người có thai mắc thực chứng đại tích đại tụ nếu quả như lời

nói dùng thuốc mạnh để công phạt, phải lưu ý đến khi bệnh đã giảm quá nửa thì ngừng thuốc. Nếu dùng quá tay sẽ nguy hiểm đến tính mệnh.

Câu này, về nguyên tắc nhất trí với câu nói ở “*Ngũ thường chính đại luận - sách Tố vấn*”: “thuốc đại độc chữa bệnh, mười phần bớt sáu thì ngừng”

Nói một cách khác, tinh thần câu văn này hoàn toàn thích hợp với chứng đại tích đại tụ ở người bệnh có sức khoẻ thông thường.

**415. Chữa bệnh Tích chia 3 phép Sơ – Trung – Mạt: Thời kỳ đầu, bệnh tà mới phát, chính khí còn mạnh, tà khí còn nông, chịu nổi phép tấn công.**

**Thời kỳ giữa, bệnh đã lâu dần, tà khí khá sâu, điều trị vừa công vừa bổ.**

**Thời kỳ cuối, bệnh độc đã nặng, tà khí xâm lăng, chính khí tàn tạ, chỉ chịu nổi phép bổ.**

**Minh - Lý Trung Tử**

*“Y tôn tất độc - Tích tụ”*

Danh ngôn này qui nạp phép điều trị chứng bệnh Tích tụ chia ba thời kỳ sơ, trung, mạt, phù hợp với thực tế lâm sàng. Tích tụ thời kỳ đầu, chính khí chưa hư lấy phép công làm chủ yếu; thời kỳ giữa chính khí với tà khí đang cầm cự, nên áp dụng phép vừa công vừa bổ; thời kỳ cuối chính khí hư, tà khí thực, chủ yếu dùng phép bổ. Hiện đại dùng thuốc Đông y để chữa u bướu, dựa vào kinh nghiệm trên đây rất có giá trị.

**416. Nuôi chính khí thì trừ được chứng Tích**

**Kim - Trương Nguyên Tố**

*“Y học khải nguyên - Dụng dược lược chỉ - Ngũ hành chế phương sinh khắc pháp”*

Khái quát sự coi trọng Tỳ Vị của Trương Nguyên Tố (Khiết Cổ) về quan điểm học thuật phù chính để khu tà. Họ Trương là ty tổ mở đầu cho học phái Dịch thủy, đối với điều trị bệnh Tỳ Vị chủ yếu phải theo phép nuôi dưỡng chính khí là chính, khu tà là phụ. Đối với chứng Tích ông cho là “người khoẻ thì không bị Tích, chỉ có người yếu mới bị”, cho nên mới đề xướng “nuôi chính khí thì trừ được Tích”.

Ông nói: “Cũng như khắp nhà đều là quân tử, nếu lọt vào một kẻ tiểu nhân tự nó sẽ không có chỗ dung thân, bây giờ làm cho chính khí dồi dào, Vị khí khoẻ, thì Tích phải tiêu”. Quan điểm này đối với điều trị chứng u bướu vẫn có ý nghĩa chỉ đạo.

**417. Những điều chủ yếu để chữa chứng Trưng Hà : Dùng phép công, nên từ từ, nên len lỏi. Dùng phép bổ, kiêng dùng thuốc rít, kiêng bổ không có mục tiêu.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Trưng Hà”*  
theo lời nhận xét của Cung Thương Niên

Tổng kết kinh nghiệm điều trị chứng bệnh Trưng Hà của Diệp Thiên Sĩ. Trưng là chứng hữu hình thuộc huyết; Hà là chứng vô hình thuộc khí. Hình thành chứng Trưng Hà hoàn toàn do khí - huyết - đàm - thực - thấp tích lũy năm tháng mà hình thành. Nó đến thời gian đã dài, nó rút cũng khá chậm chạp, cho nên phải làm tiêu mòn dần dà, kiên trì lâu dài mới thành công. Nếu tấn công gấp gáp quá, chỉ làm hại chính khí, đó tức là cái ý “muốn dùng phép công phải nên từ từ, nên len lỏi”. Len lỏi ở đây là liều lượng dùng thuốc nên ít. Dùng phép Bổ thì phải nghiên cứu linh hoạt, xen kẽ những loại điều khí hoạt lạc, nếu lại dùng vị bổ không cần thiết hoặc bổ mà nhót trệ, dễ níu kéo tà khí lại, cần phải kiêng tránh. Danh ngôn này cũng có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn đối với điều trị chứng bệnh u bướu.

**418. Chữa chứng Hoàng phải chữa huyết, huyết lưu thông thì Hoàng dễ lui.**

**Chữa chứng Hoàng cần giải độc, giải độc thì Hoàng dễ trừ.**

**Chữa chứng Hoàng phải chữa đàm, hóa được đàm thì Hoàng dễ tiêu tan.**

**Hiện đại - Quan Ấu Ba**

*“Quan Ấu Ba lâm sàng kinh nghiệm tuyển”*

Quan Ấu Ba là chuyên gia nổi tiếng đương đại về chữa Can bệnh, ông tổng kết kinh nghiệm chữa Hoàng đản so với tiền nhân có chỗ sáng tạo mới.

Họ Quan cho rằng Hoàng đản ngoài cơ chế bệnh do thấp nhiệt, còn có nhân tố ứ huyết vì vậy mới đề ra phép chữa kết hợp cả hoạt huyết. Hoàng đản phần nhiều do dịch độc truyền nhiễm gây nên cho nên cần tham gia phép chữa thanh

nhật giải độc. Thấp nhiệt uất trệ câu kết thành đàm, vậy đàm cũng là nhân tố bệnh cơ gây nên Hoàng đản, đề xướng dùng cả thuốc hoá đàm, đó là kinh nghiệm quý báu chính xác chữa Hoàng đản đủ để lâm sàng xem xét.

**419. Có 3 phép chữa Đơn phúc trướng. Một là phép bồi dưỡng, tức là bổ ích nguyên khí. Hai là chiêu nạp, nâng đỡ dương khí. Ba là giải tán, mở quỹ môn sạch tĩnh phủ.**

**Thanh - Dụ Gia Ngôn**

*“Ngụ ý thảo - Diện nghị Hà mật Thanh linh thoá bệnh Đan phúc trướng Tỳ hư tương tuyệt chi hậu”*

Đơn phúc trướng tức cổ trướng. Danh ngôn này nêu lên kinh nghiệm điều trị cổ trướng của họ Dụ, có hướng mở rộng cho đời sau. Y gia nhiều đời đều coi cổ trướng là loại bệnh hiểm nghèo, điều trị thường theo nguyên tắc “trừ khử bụi bậm”, vận dụng phép công. Họ Dụ lại có kiến giải riêng ông cho rằng “phương pháp công phá diệt độc” làm hao thương nguyên khí, tổn hại Tỳ Vị, chỉ có thể dùng thuốc một lần chứ không dùng được nhiều lần”. Phàm dùng các loại thuốc cướp đoạt, lúc đầu không tiêu vôi mà sau công thì lại không tiêu, sau nữa lại công thì như vướng sắt đá”, thật là kinh nghiệm đáng bàn. Vì thế ông sáng tạo ra phép chữa Cổ trướng để nhắc nhở sự phiến diện của nhiều y gia. “Ba phép tuy không nói đến Tả, mà lại có Tả ở trong “. Xem xét những phương họ Dụ chữa cổ trướng như Nhân sâm khung quy thang, Hóa trệ điều trung thang, Nhân sâm hoàn v.v.. thực là dung hòa cả ba phép công, bổ và tiêu trong một lúc, mà vị thuốc sử dụng lại không loạn xạ. Nghiên cứu bệnh cổ trướng tất cả đều thuốc thể bản hư tiêu thực, họ Dụ sáng lập ra ba phép bám sát với cơ chế bệnh, thực là biện pháp đáng học tập.

**420. Chữa bệnh ở thượng tiêu, nên nhuận Phế kiêm thanh Vị. Chữa bệnh ở trung tiêu, nên thanh Vị tư Thận. Chữa bệnh ở hạ tiêu nên tư Thận kiêm bổ Phế.**

**Thanh - Trình Chung Linh**

*“Y học tâm ngộ - Tam tiêu”*

Khái quát yếu điểm điều trị Thượng - Trung - Hạ tam tiêu, đối với bệnh Tiêu khát có ý nghĩa chỉ đạo sâu sắc. Nguyên văn còn nêu ra những phương tể thí dụ, ở đây lược bớt. Bệnh biến của chứng Tam tiêu chủ yếu ở Phế - Vị - Thận, cơ chế bệnh không ngoài âm hư nhiệt tác hại.

Thượng tiêu biểu hiện là khát mà uống nhiều, chủ yếu là do Phế táo, cho nên lấy nhuận Phế làm chính, còn như “Kiêm thanh Vị”, họ Trình giải thích rằng “Khiến cho Vị Hỏa không làm hại Phế nữa” dùng các phương như Nhị đông thang, Tiêu khát phương.

Trung tiêu biểu hiện là dễ tiêu hay đói, nguyên nhân chủ yếu do Vị nhiệt, điều trị lấy thanh Vị làm chính, còn như “kiêm tư Thận”, họ Trình cho rằng “làm cho Tướng Hỏa không công lên Vị”, dùng phương Ngọc nữ tiễn.

Hạ tiêu biểu hiện tiểu tiện nhiều, nước tiểu như keo mỡ, nguyên nhân chủ yếu do Thận hư, điều trị chủ yếu phải tư Thận, còn như “kiêm bổ Phế”, họ Trình giải thích là “tư thượng nguồn để sinh thủy” dùng phương Lục vị địa hoàng hoàn.

Cũng nên nói rõ chứng trạng của Thượng, Trung, Hạ tam tiêu tuy có chỗ thiên một bên nhưng thường ảnh hưởng lẫn nhau mà chứng Tam tiêu cùng xuất hiện, khi điều trị nên suy xét chung mới đúng. Ngoài ra, Thận là cái gốc của các kinh Âm, vô luận Thượng - Trung - Hạ tam tiêu đều phải coi tư dưỡng Thận âm là chủ yếu, cho nên nói năm tạng bị tổn thương, tất liên lụy đến Thận” là như thế. Đây là một luận điểm rất trọng yếu.

**421. Chữa bệnh hư có 3 tạng gốc là: Phế là thiên của ngũ tạng, Tỳ là mẹ của bách hài, Thận là rễ của tính mạng. Chữa Phế, chữa Tỳ, chữa Thận là trọn vẹn các phép chữa bệnh Hư.**

**Minh - Kỳ Thạch**

*“Lý hư nguyên giám - Trị hư hữu tam bản”*

Câu này nêu ra đại pháp điều trị và bệnh cơ của bệnh Hư lao, kiến giải khá độc đáo, trở thành phát ngôn của một nhà. Kỳ Thạch rất giỏi về chữa bệnh Hư lao, tác giả cuốn “*Lý hư nguyên giám*” có nhiều lập luận trụ cột mà cốt lõi về lý luận chính là bàn về “chữa bệnh hư có ba tạng gốc” này, tập trung vào ba tạng Phế, Tỳ, Thận để chữa Hư lao. “Phế là thiên của ngũ tạng” nói lên vị trí của Phế ở trên năm Tạng, chủ về tuyên phát túc giáng. Tinh vi của thủy cốc đưa lên Phế, từ Phế phân bố ra toàn thân, vả lại Hư lao trước hết phần nhiều do trùng lao xâm lấn Phế mà phát bệnh, tác dụng sinh lý, bệnh lý của nó rất trọng yếu, cho nên được coi là cái gốc để chữa bệnh Hư.

Tỳ là mẹ của bách hài, do Tỳ là cái gốc của hậu thiên, là nguồn của sinh hoá, có tác dụng dinh dưỡng năm tạng sáu phủ, tứ chi bách hài. Chứng Hư lao cái lý chữa Tỳ là cái lý chữa từ gốc bệnh. Thận là rễ của tính mạng là do Thận là gốc của tiên

thiên, bên trong chứa chân âm chân dương, là cái căn bản của năm tạng sáu phủ. Hư lao ở thời kỳ cuối thể tất liên lụy đến tạng Thận, đấy cũng là chữa từ gốc bệnh không còn nghi ngờ gì nữa

**422. Chữa Lao có 3 điều cấm : một, cấm dùng thuốc khô mạnh, hai cầm không được phạt khí, ba cấm dùng thuốc đắng lạnh.**

**Minh - Kỳ Thạch**

*“Lý hư nguyên giám - Tri Cấm”*

Quy nạp những cấm kỵ khi dùng thuốc điều trị bệnh Hư lao, phù hợp với thực tế lâm sàng, đáng để tham khảo. Cái đàm do hư lao là do hư Hỏa nghịch lên nung nấu mà ra, khác hẳn với cái đàm nói chung do Tỳ hư thấp thịnh nung nấu mà có. Cho nên cấm dùng hết thấy các thuốc khô mạnh (táo liệt).

Cái suyễn thở do Hư lao là do Phế khí hư gây nên, khác hẳn với loại suyễn thở do tà thịnh nói chung, cho nên không được phạt khí.

Cái Hỏa của Hư lao là Hỏa do âm hư chứ không phải là thực Hỏa, cho nên cấm dùng thuốc đắng lạnh sợ trở thành hoá táo thương âm.

**423. Mửa mà dùng nhiều thuốc không hiệu quả, phải mượn các loại nặng nề mà kéo xuống. Mửa mà trung khí hư đã lâu, phải nhờ cơm gạo mới hòa được.**

**Minh - Lý Trung Tử**

*“Y tôn tất độc - Ấu thổ uế”*

Danh ngôn này nêu đặc điểm dùng thuốc chữa chứng nôn mửa thuộc hư thuộc thực khác nhau có ý nghĩa chỉ lý.

Chứng nôn mửa nói chung do Vị khí nghịch nên gây nên, giáng nghịch Hỏa Vị là thượng sách chữa gốc bệnh. Nếu đã dùng nhiều thuốc không hiệu quả có thể thêm vào các thuốc trọng trấn nặng nề như Đại giả thạch, vì chất những loại thuốc ấy có tính nặng kéo xuống, sở trường về giáng Vị mạnh, dùng cho chứng nôn mửa nhất là thể Thực chứng, góp công lớn để chữa ngọn của bệnh. Nôn mửa lâu ngày, trung khí tất tổn thương, Vị khí cũng bị hại lúc này phải có cơm gạo mới khôi phục lợi Vị khí, từ tác dụng thuốc bổ có lợi mà phát huy. Cơm gạo tức là mang ý nghĩa Thực liệu thực bổ.



**424. Di tinh dùng thuốc sáp không thể thu công hiệu, tất phải dùng thuốc hoạt để dẫn đạo theo ý đồng khí tương cầu, phép xưa để lại khá nhiều.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Di tinh”*

Câu này nói lên tính tất yếu về dùng thuốc phản tá, thể hiện đặc điểm lập phương điều khiển thuốc của họ Diệp, tuy chỉ là nói điều trị chứng di tinh mà thực ra đối với việc dùng thuốc cho các loại bệnh khác cũng nhờ vào giá trị đó.

Tinh quan đã hoạt, nếu dùng các loại thuốc cố sáp mà chưa công hiệu, có thể nghĩ tới việc tham gia các vị thuốc hoạt lợi như Sa nhân, Phục linh, Dương cốt tuỷ, Trư tích tuỷ làm phản tá phụ trợ, vận dụng theo lời họ Diệp nói đó là “đồng khí tương cầu” thực là dùng thuốc mang cái ý phản tá. Suy rộng ra, lâm sàng dùng thuốc của họ Diệp còn hay dùng chung cả hai phép thông và bổ, hàn và nhiệt cũng dùng, nhuận và táo cũng dùng. Tóm lại linh hoạt vận dụng thủ thuật phản tá được đời sau coi là bậc thầy.

**425. Các chứng đau không được dùng thuốc bổ khí.**

**Nguyễn - Chu Đan Khê**

*“Đan Khê tâm pháp - Tâm Tỳ thống môn”*

Nêu lên những điều cấm kỵ trong điều trị các chứng đau, nhưng cần lý giải đây là chứng đau thuộc Thực chứng, chứ không phải bất cứ chứng đau nào cũng không được bổ khí, đây là điều nên chú ý đó hiểu danh ngôn này. Bởi vì các chứng đau thuộc Thực chứng tất cả đều do tạng phủ, khí huyết kinh lạc lưu thông bị trở ngại gây nên, theo ý nói bất thông tắc thống”, về điều trị, phải lấy hành khí hoạt huyết làm chủ yếu “thông tắc bất thống”, nếu lại áp dụng phương pháp bổ khí, tất phạm vào điều răn “thực thực”, bệnh thuộc Thực lại làm Thực thêm.

Trên lâm sàng, còn loại đau do Hư chứng, đó là do khí huyết bất túc, tạng phủ kinh lạc không được ôn dưỡng gây nên, tức như nói không tươi tốt thì đau”. Gặp trường hợp này nên bổ dưỡng khí huyết làm cho phát huy công năng bình thường. Nếu lại cố chấp điều trị bằng phép thông thì phạm vào điều răn “hư hư” đã Hư lại làm Hư thêm, làm hao thương khí huyết nặng thêm mà đau càng tăng.

Như vậy thì thấy “các bệnh đau không được bổ khí” câu nói này nên phân tích cụ thể. Đau do Thực thì kỵ bổ khí, đau do Hư (do Khí hư gây nên) lại nên bổ khí chứ

không nên bàn bạc cố chấp. Chỉ riêng nói loại đau do Thực câu nói này hoàn toàn chính xác.

**426. Cái lý chữa bên ngoài tức là cái lý chữa bên trong. Thuốc chữa bên ngoài tức là thuốc chữa bên trong. Chỗ khác nhau là ở phép chữa mà thôi.**

**Thanh - Ngô Sư Cơ**

*“Lý thực biện văn - Lược ngôn”*

Câu này nói lên căn cứ lý luận về phép bệnh ở bên trong chữa ở bên ngoài; cả đời Ngô Sư Cơ nghiên cứu phép chữa bên ngoài, là chuyên gia ngoại trị nổi tiếng trong lịch sử Trung y. Ông cho rằng thuốc dùng chữa bên ngoài thông qua kinh lạc mà thông vào trong, cũng như dùng thuốc chữa bên trong vốn không chia đôi ngã.

Chữa bên ngoài cũng là căn cứ vào nguyên nhân cơ chế bệnh mà biện chứng luận trị, cũng giống như dùng thuốc để chữa bệnh bên trong. Chỗ khác nhau chỉ là con đường cấp thuốc có phân biệt mà thôi.

Phương thuốc cao theo phép để chữa bên ngoài, cũng đều lấy phép dùng thuốc sắc thuốc viên chữa bên trong. Thuốc sắc thuốc hoàn đối chiếu với biện chứng luận trị mà đặt ra, phép chữa bằng phương thuốc cao cũng thể hiện tinh thần ấy. Vì vậy phép chữa bên ngoài tức là có hiệu quả chữa từ bên trong. Danh ngôn này nêu ra cho chúng ta cố gắng khai phá phương pháp chữa bên ngoài quý giá của Đông y.

**427. Những bệnh thuộc hình thể nên ngoại trị. Không hiểu rõ phép ngoại trị, uống thuốc tuy trúng bệnh, mới chỉ đạt được một nửa y thuật mà thôi.**

**Thanh - Diệp Thiên Sĩ**

*“Lâm chứng chỉ nam y án - Tý”*

lời bình của Từ Linh Thai

Nói bệnh ở hình thể là chỉ bệnh biến phát sinh ở các bộ vị chân tay, mình mẩy, cơ nhục ở thể biểu. Những bệnh thuộc hình thể bộc lộ ra bên ngoài phép ngoại trị có thể khiến cho vị thuốc trực tiếp đến bộ vị mắc bệnh, tự nhiên dễ thu được hiệu quả. Vì thế có thể là một phép giá trị. Nếu chỉ toàn dựa vào thuốc nội trị để chữa bệnh, “uống thuốc tuy trúng bệnh, mới chỉ đạt một nửa y thuật mà thôi”. Câu nói này của họ Từ nói lên phép ngoại trị đối với điều trị bệnh ở hình thể có tính trọng yếu.

**428. Sáu chữ bí quyết khi dùng thuốc chữa cho trẻ em: khinh - sảo - giản - hoạt - liêm - hiệu.**

**Đương đại - Đồng Đình Giao**

*“Ấu khoa xô ngôn”*

Đây là tổng kết kinh nghiệm dùng thuốc chữa bệnh cho tiểu nhi của danh y đương đại Đồng Đình Giao, có thể nói là tinh vi xác đáng rất thấm thía.

- **Khinh:** có hai ý, một là sử phương dùng thuốc nhẹ nhàng với ngụ ý “khinh có thể khử thực” hai là liều lượng nên ít, trẻ em Trường vị non yếu, lượng thuốc quá nhiều dễ thương Vị khí.

- **Sảo:** khéo léo, người thợ giỏi chỉ dùng một loại dụng cụ gọi là sảo, đó là nói theo tương đối kiểu cố chấp nguyên dạng. Trường hợp đã dùng phương pháp bình thường mà không thu được hiệu quả, cần phải suy nghĩ sáng suốt, hoặc tìm ra đường đi nhanh, hoặc thay đổi phép bình thường, đem bất ngờ thu thắng lợi.

- **Giản:** sử phương phải đơn giản, chọn thuốc cần tinh vi tránh sự pha tạp phòng ngừa sức thuốc phân tán, ảnh hưởng đến hiệu quả.

- **Hoạt:** phải biết lúc thường hiểu lúc biến, thấy nhỏ biết rõ, bệnh biến thuốc cũng biến, kiêng tránh thấy bệnh thì chữa bệnh, không biết sự biến hoá mà tay trong bị, thậm chí theo tranh tìm ngựa, nghe còi vào chỗ.

- **Liêm:** dùng thuốc chỉ cần hiệu quả, quyết không lạm dụng những thứ quý hiếm đắt đỏ.

- **Hiệu:** chữa bệnh lấy hiệu quả làm nguyên tắc, làm gấp cái gấp của bệnh nhân, đau cái đau của bệnh nhân, đối với bệnh nhân phải có trách nhiệm cao.

Thật ra sáu chữ bí quyết dùng thuốc của họ Đồng không chỉ thích hợp với tật bệnh của trẻ em, đối với việc chữa bệnh cho người lớn cũng có ý nghĩa chỉ đạo.

**429. Dùng thuốc cho trẻ em không được quá mạnh, công mạnh bổ mạnh, mang cái lụy vì dùng thuốc, đó là yếu quyết của Ấu khoa.**

**Thanh - Lục Dĩ Khoát**

*“Lãnh lô y thoại - Chẩn pháp”*

Câu này nêu lên nguyên tắc cơ bản dùng thuốc cho trẻ em, có thể nói là “Ấu khoa yếu quyết”.

Tiểu nhi tạng phủ non yếu, dễ hàn dễ nhiệt, dễ hư dễ thực, truyền biến nhanh chóng, thuốc dùng quá tay tý chút là sinh biến hoá ngay. Vả lại tiểu nhi tạng khí nhạy bén, ứng phó rất nhanh, chỉ cần thuốc nhẹ nhàng là có thể khỏi bệnh. Công mạnh bổ mạnh lại mang cái lụy vì dùng thuốc, nên nêu ra để làm răn.